**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

**Quyển 55/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Mục Lục

[Tập 541 2](#_Toc421019924)

[Tập 542 18](#_Toc421019925)

[Tập 543 37](#_Toc421019926)

[Tập 544 55](#_Toc421019927)

[Tập 545 77](#_Toc421019928)

[Tập 546 100](#_Toc421019929)

[Tập 547 120](#_Toc421019930)

[Tập 548 142](#_Toc421019931)

[Tập 549 163](#_Toc421019932)

[Tập 550 182](#_Toc421019933)

# 

# Tập 541

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian:15.08.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 695, bắt đầu xem từ hàng thứ nhất.

“Sở tác như phạm, chí tẩy tâm dị hành”, đều khuyên phụng trì kinh giới, mấy câu này trong kinh văn. Sở tác như phạm, tắc tự hối quá, khứ ác tựu thiện, triêu văn tịch cải, phụng trì kinh giới, như bận đắc bảo, tẩy tâm dị hành”. Mấy câu này đều khuyên chúng ta phải phụng trì giới kinh.

Tựa đề của phẩm này là Như Bần Đắc Bảo, hoàn toàn là từ trên ví dụ đặt tên. Nên biết phụng trì giới kinh, như nghèo được của báu, là nòng cốt của phẩm này. Đức Thế Tôn rủ lòng từ bi lớn khai thị, người nghèo được trân bảo, tức dập tắt mọi đau khổ, từ đây an vui không ưu tư. Ở đây là lấy báu ví với diệu dụng của kinh giới. Hơn nữa, người nghèo được trân bảo, tức là mạng căn trói buộc, tự nhiên toàn lực hộ trì, không thể đánh mất. Ở đây khuyên người tu hành phải thọ trì giới kinh, nên phải tự phụng trì, như giữ đầu con mắt. Nếu có sai phạm, nhanh chóng sám hối, thề không tái phạm.

Ý này đã nói rất rõ ràng, phẩm này lấy ví dụ một người nghèo đạt được trân bảo. Đức Thế Tôn lấy ví dụ này khuyên chúng ta ngay trong đời này, gặp pháp môn này, gặp bộ kinh này, tâm tình giống như nghèo khó được của báu vậy. Đây là Đức Phật từ bi vô tận khai thị cho chúng ta. Báu chính là ví cho bộ kinh này, ví như trong kinh nói về giới tướng.

Phẩm trước nói cho chúng ta về ngũ giới thập thiện. Học Phật có tám vạn bốn ngàn pháp môn, Tịnh độ không ngoại lệ, cần phải biết đều kiến lập trên nền tảng của ngũ giới thập thiện. Nếu lãng quên ngũ giới thập thiện, thì đời này nhất định trôi qua lãng phí. Như trước đây thầy Lý thường nói: Người niệm Phật nhiều, người vãng sanh ít, thậm chí ông đem đồng tu ở Liên xã ra làm ví dụ. Ông thành lập Liên xã ở Đài Trung, lãnh đạo mọi người cùng nhau tu niệm Phật được 10 năm, tôi mới quen ông. 10 năm này đồng tu của Liên xã có khoảng 20 vạn người, ông vô cùng vất vả. Khi tôi quen, ông đã 70 tuổi. Tôi ở Đài Trung 10 năm, khi tôi ra đi ông 80 tuổi. Quý vị thử nghĩ xem Liên xã có hơn 20 vạn người tu, mỗi người này mỗi tháng hy vọng gặp ông một lần, nên ông tổ chức liên hữu thành khóa niệm Phật, tất cả có 48 khóa. Quý vị nên biết, hơn 20 vạn người 48 khóa, nhân số của mỗi khóa chúng ta cũng đã biết. Đương nhiên không phải mỗi người đều có thời gian, đều có cơ hội gặp ông. Trong khóa này người rãnh rỗi hy vọng được gặp thầy, mỗi tuần một lần. Bởi thế công việc của ông, tận mắt chúng tôi chứng kiến, đại khai là lượng công việc của năm người bình thường. Chỉ tiếp khách thôi cũng cần rất nhiều thời gian, gặp khách nhất định nói Phật pháp cho họ nghe, khuyên mọi người niệm Phật, thời gian khoảng hai tiếng. Việc này mỗi ngày đều có, các lớp khác nhau. Mỗi ngày nhất định dành hai tiếng để tiếp kiến đại chúng.

Ngoài việc này ra, ông còn là bí thư chủ nhiệm ở phụng thị quan phủ, đây là công việc chủ yếu của ông, phải xử lý công vụ. Vì công việc quá nhiều, cho nên mỗi buổi sáng đều đến Phụng thị quan phủ xem một lát. Còn là giáo thọ của hai trường, thứ nhất là đại học y khoa, một trường khác nữa hình như là đại học Phùng Giáp, giáo thọ của hai trường. Làm giáo thọ tốt hơn một chút, một tuần chỉ đi dạy một lần, không phải ngày nào cũng dạy. Ngoài ra chính là giảng kinh dạy học, dạy những học sinh như chúng tôi, dạy chúng tôi một tuần một lần ba tiếng đồng hồ, mỗi tuần một lần. Giảng kinh tuần một lần vào thứ tư, dạy cổ văn tuần một lần vào tối thứ sáu, thời gian của ông sắp dày đặc. Nếu như muốn gặp ông, phải hẹn thời gian trước một tuần, trong vòng một tuần là không thể, quả thật ông không có thời gian. Lúc đó chúng tôi thấy, một người 70 tuổi, mười năm giống một ngày. 10 sau vẫn như vậy, ông rất mạnh khỏe, 97 tuổi ông ra đi.

Học trò chúng tôi dự đoán ít nhất ông có thể sống đến 120 đến 130 tuổi, căn cứ thể lực và trạng thái tinh thần của ông, vì sao ông ra đi trước như vậy? Đây là do thiếu người chăm sóc, mà bản thân ông là bác sĩ, là thầy thuốc bắc rất giỏi. Chư vị đồng tu trong Liên xã vô cùng thương yêu tôn kính ông. Ông đến Liên xã, đến thư viện, đều có đồng tu làm điểm tâm mời ông dùng, mà ông tuyệt đối không cự tuyệt. Mà khi quý vị đưa cho ông, ông ở trước mặt quý vị ăn hết trả bát lại, khiến quý vị sanh tâm hoan hỷ, từ bi đến như thế!

Lần này làm mì là mì sợi, chắc là để hơi lâu, vì mì sợi cứng là từng bó từng bó, đều có chất chống ẩm, không có chất chống ẩm không thể để lâu được. Khi ông ăn xong biết mì này không bình thường, trở về dùng thuốc giải để hóa giải. Lần thứ nhất ăn không sao, đến nữa năm sau gặp một lại lần nữa, ông vẫn ăn bình thường, khi trở về dùng thuốc giải thì không còn kịp, độc này đã lan rộng. Bởi thế lần này bị thiệt thòi, đổ bệnh hơn ba tháng.

Tôi đến thăm ông nhiều lần, mỗi lần đều dặn dò tôi: Đừng đến quán ăn thức ăn, ăn gì cũng phải cẩn thận, ngửi thấy mùi vị khác thường lập tức vứt bỏ. Ông nói rất nhiều lần, nên tôi có ấn tượng rất sâu. Cho nên ông bị trúng độc thực vật, tổn thương nội tạng, nên đã ra đi sớm hơn. Nếu không tôi tin rằng ông sống đến 120 tuổi thì quá nhiều, nhưng ít nhất phải hơn 100 tuổi.

Ngày nay đối với việc ăn uống, người ta làm không đáng tin cậy, nhất định bản thân phải có thường thức, bản thân có tính cảnh giác cao độ. Tốt hơn là nên ăn ít, đừng tham ăn quá, điều này tổn thương nghiêm trọng cho chính mình.

Vì sao không hành trì được ngũ giới thập thiện? Chúng ta cần phải biết, ngũ giới thập thiện trong tam phước nó đứng ở vị trí nào? Thứ nhất là: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”, thứ hai: “Từ tâm bất sát”, thứ ba: “Tu thập thiện nghiệp”, ngũ giới đặt ở điều thứ hai. “Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới”, trong này bao hàm ngũ giới. Ngũ giới cao hơn thập thiện, thập thiện cao hơn hiếu thân tôn sư, từ tâm bất sát. Chúng sẽ biết, vì sao ngày nay không thực hành được ngũ giới, không thực hành được thập thiện? Vì quý vị không có nền tảng của hiếu thân tôn sư.

Hiếu thân tôn sư là gì? Là Đệ Tử Quy. Bởi vậy tôi không có chút nghi hoặc lo lắng, nói rõ ràng chắc chắn với quý vị đồng tu: Không học Đệ Tử Quy, quý vị không học Phật được, chắc chắn không có thành tựu trong Phật pháp, thật sự có thành tựu đó là học giả. Quý vị có thành tựu về Phật học, nhưng không có thành tựu về phương diện học Phật. Đây là tâm đắc suốt 60 năm học Phật của tôi, tôi tìm ra nguyên nhân này.

Cổ nhân có thành tựu là vì từ nhỏ họ đặt vững nền móng này. Bản thân tôi ngay trong đời này, có được chút thành tựu này, chính là lúc nhỏ có tiếp thu được một ít truyền thống văn hóa, lúc nào? Trước 10 tuổi. Em tôi nhỏ hơn tôi 6 tuổi, nhưng hoàn toàn không tiếp thu được nền truyền thống này, quý vị hỏi em tôi nó không biết gì.

Đặt nền tảng giáo dục là then chốt của sự thành bại, quả thật như xây nhà lầu vậy. Hiếu kính là nền tảng, tự cho rằng hiếu kính không tệ, nhưng nếu so với tiêu chuẩn của cổ nhân thì thua xa. Hiện nay có ai học theo cổ nhân chăng? Không còn ai, bởi vậy Phật pháp có thể kéo dài chăng, trong lòng chúng ta vô cùng bi quan, nhưng có một tí hy vọng, tí hy vọng đó là gì? Chúng sanh có phước, Phật Bồ Tát sẽ thừa nguyện tái sanh để cứu độ chúng sanh. Ngoài điều này ra, nếu muốn vô biên chúng sanh này, khiến họ quay đầu, nổ lực học tập từ nền tảng căn bản này, hầu như là không thể. Đương nhiên Chư Phật Bồ Tát từ bi cùng cực, chúng sanh có tâm học thiện, chúng ta tin tưởng sâu sắc họ sẽ tái lai. Giáo huấn trong kinh điển này, đích thực từng câu từng chữ đều không được lơ là.

“Người nghèo được của báu”, như vậy là đã phát tài, không lo lắng về cuộc sống vậy chất, nên an vui vô ưu. Đây là dùng trân bảo để ví với giới kinh, giới kinh chính là trân bảo, chúng ta đạt được cũng là không ưu sầu. Đặc biệt là khi thiên tai xuất hiện, sẽ không bị sự lo lắng xâm chiếm. Thiên tai đến, có hai tình huống, một loại là có cộng nghiệp với thiên tai này, có cộng nghiệp nhất định qua đời trong thiên tai. Qua đời đi đến nơi tốt lành, đến thế giới Cực Lạc. Đây không phải chuyện xấu, là việc tốt, vô lượng hoan hỷ!

Đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay, luôn hướng đến thế giới tây phương Cực Lạc, cuối cùng đã đạt được. Ngày ngày muốn thân cận Phật A Di Đà, rốt cuộc cũng mãn nguyện, điều này hoan hỷ biết bao. Nếu bản thân chúng ta không ở trong cộng nghiệp này, đó là người nào? Đó là người gánh vác trách nhiệm sau thiên tai, có sứ mạng tái lập trái đất. Những người này không phải người bình thường, họ là đại từ đại bi, là bậc đại nhân đại hiếu đại nghĩa. Họ gánh vác công việc cải thiện sau thiên tai, phải dạy tốt nhân dân, phải dẫn dắt địa cầu đến cảnh giới tốt đẹp hơn, hưng thịnh hơn. Như vậy chúng ta sẽ biết, việc lớn lao này đương nhiên là Phật Bồ Tát sắp đặt. Tùy thuận giáo dục Phật giáo, chính là tùy thuận quy luật đại tự nhiên.

Bộ kinh này, pháp môn này, một câu sáu chữ hồng danh này là trân bảo vô thượng, là của báu trong các của báu! Diệu dụng chính là suốt ngày không rời danh hiệu Di Đà.

Đây là khuyên người tu hành phải thọ trì kinh giới, tiếp thu bộ kinh này. Trong kinh, chúng ta chọn phẩm 32 đến phẩm 37, phẩm 37 chính là phẩm này, đây là phẩm sau cùng. Sáu phẩm kinh này là trong Kinh Vô Lượng Thọ nói về giới luật, chúng ta phải “như hộ đầu mục”, nghĩa là giống như giữ đầu, bảo hộ con mắt, chổ quan trọng nhất trên toàn thân. Gặp thiên tai, phải giữ gìn tốt hai chỗ này, những chỗ khác bị thương dể trị.

“Nếu có thiếu sót phạm phải, cần nhanh chóng sám hối, thề không tái phạm”. Nếu có trái phạm, lập tức sám hối, sám hối là sao? Về sau không phạm là chân thật sám hối. Điều này khi mới học Phật đại sư Chương Gia đại sư dạy tôi: Phật pháp trọng thực chất không trọng hình thức. Thực chất là gì? Thực chất là về sau không tái phạm. Hôm nay sám hối ngày ma tái phạm, như vậy không phải sám hối, đó chỉ là hình thức.

“Bỏ ác tu thiện, sửa đổi sai lầm tu tỉnh tương lai”. Hai câu này chính là từ bỏ hành vi ác sai trái trong quá khứ, quá khứ tạo ra những ác hành không như pháp, trái với những điều nói trong giới kinh, chính là thị phi, chính là hành vi ác. Phải vứt bỏ, phải xả bỏ điều này.

“Ngày nay chỉ tu các thiện nghiệp”, bây giờ làm đúng, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều tương ưng với giới kinh, gọi là thiện nghiệp. “Sáng nghe chiều sửa đổi, gọi là theo điều thiện như dòng nước, biết sai lập tức sửa đổi”. Người thế gian đọc sách thánh hiền, họ đều có thể nghe xong hoan hỷ. Người khác nói lỗi lầm của họ, cung kính tiếp thu, cảm ơn người đó. Nếu như hiểu lầm, họ ngộ nhận nên phê bình mình, ta không có lỗi lầm đó, vậy mà họ lại phê bình, nên dùng thái độ như thế nào? Vẫn cung kính tiếp nhận, cám ơn họ chỉ giáo.

Đường Thái Tông đã gặp phải, người ta phê bình ông, nói ông sai trái, Đường Thái Tông chỉ cười, rất cám ơn họ. Khi người đó đi rồi, những người bên cạnh nói: Hoàng thượng, ngài không có, là ông ấy sai, ông ấy hiểu lầm, nói sai hoàn toàn. Ông nói, là đúng, nếu ta không chân tâm thành tâm tiếp nhận ông ấy, sau này không có ai giám nói lỗi của ta, như vậy ta mãi mãi không nghe được.

Thành tựu chính trị một đời của Thái Tông, là nhờ khiêm tốn, hiếu học, có thể bao dung người khác. Cho dù là ngộ nhận cũng cảm kích, vì họ có tâm tốt, giúp ta sửa đổi chính mình. Người nghe, “có cần sửa đổi, nếu không thì cố gắng thêm”. Mình không có cần phải chú ý, về sau đừng để phạm sai lầm đó, luôn luôn khiêm tốn, cảm ân, nên họ có thành tựu.

“Làm thiện như dòng nước chảy, biết sai lập tức thay đổi”, người này tu hành mới có thành tựu, niệm Phật chắc chắn vãng sanh. Thế giới tây phương Cực Lạc hoan nghênh chúng sanh có tâm thái này.

“Tẩy tâm dị hành”, gột rửa có nghĩa là tẩy rửa, “gột rửa tâm tức là tẩy trừ tâm ô nhiễm”, tâm ô nhiễm là gì? Tư tưởng sai lầm, kiến giải sai lầm, đây là tâm ô nhiễm. “Dị hành”, hành là hành vi. Chúng ta nghĩ sai, thấy sai, tự nhiên nói cũng sai, làm cũng sai. Khi sửa đổi tư tưởng và cách nhìn nhận, sai lầm của ngôn ngữ và hành vi đương nhiên cũng thay đổi theo.

Dị là chỉ biến dị, là bỏ ác hướng thiện, bỏ tà theo chánh, tránh cái nhỏ hướng đến cái lớn, bỏ ngụy giữ chân, tất cả những điều này đều gọi là dị hành. Ác là trái với ngũ giới thập thiện, sát đạo dâm vọng tửu là ác; Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu là thiện. Đối với giáo huấn của thánh hiền, đây là chánh, chánh thuyết. Trái với giáo huấn của thánh hiền là tà thuyết, tà tri tà kiến.

Thánh nhân của phương đông\_Đức Phật nói: “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”, đây là chánh tri chánh kiến. Cổ nhân nói: “Tánh người vốn thiện”, đây là chánh kiến. Người phương tây không thừa nhận người là thiện, họ khởi xướng con người đều là ác, con người đều là tự tư. Nếu ai đó khởi ý niệm giúp người khác, nhất định người này có dụng ý riêng, họ có ý đồ, hoàn toàn trái với người phương đông. Lúc này, chúng ta nên học theo cổ nhân, hay là học theo người phương tây? Người bây giờ sùng bái tây học, phủ nhận tổ tông, không tin thế gian có thánh nhân. Những gì thánh hiền dạy, trong mắt họ cho rằng những kẻ thông minh này tìm cách hãm hại nhân dân, để duy trì thế lực phong kiến của họ, họ có tư duy như thế.

Ai sai ai đúng? Ai chánh ai tà? Ngày nay xã hội động loạn, địa cầu xuất hiện thiên tai. Đây là nghiệp nhân, chiêu cảm quả báo ngay trước mắt. Nhân của thiên tai là gì? Chúng ta nên dùng tâm thái nào để ứng phó? Tây học không có cách. Hiện nay họ nôn nóng đến phương đông tìm, đến Ấn độ tìm, hy vọng có thể tìm ra phương pháp hóa giải kiếp nạn. Cho dù có tìm ra, họ có thể tin chăng? Có thể như đại sư Ấn quang nói, dùng tâm chân thành để đối đãi chăng? Một phần thành kính được một phần lợi ích. Nếu như không có tâm thành kính, họ mang tâm lý gì? Tâm hoài nghi, thử xem coi có hiệu quả hay không, như vậy sẽ rất khó khăn!

Thời đại nhà Đường, đại sư Huệ Năng khai ngộ, do nguyên nhân gì? Sư Thần Tú đi theo Ngũ tổ ít nhất cũng có hai ba mươi năm. Mọi người đều biết, sư là đại đệ tử của Ngũ tổ, là trợ giáo của Ngũ tổ. Khi tiếp đại chúng, thường thay Ngũ tổ thuyết pháp, nhưng không được truyền y bát, mà lại truyền cho ngài Huệ Năng. Trong mắt mọi người, ngài Huệ Năng không có chút sở trường nào, người nông thôn rất quê mùa, ngài có thể hiểu được gì? Thật sự nhận ra ngài chỉ có mình Ngũ tổ, không ai nhận ra ngài, nguyên nhân gì lại truyền y bát cho ngài?

Tôi từng nói, tâm thái học tập của sư Thần Tú, tổ Ấn Quang nói thành kính, sư Thần Tú có 100 phần thành kính, nên đạt được 100 phần lợi ích. Nhưng ngài Huệ Năng có vạn phần thành kính, nên đạt được vạn phần lợi ích, không giống nhau. Không liên quan đến thời gian học tập dài hay ngắn, không liên quan đến việc biết chữ hay không, và có nghe giảng kinh hay không, then chốt ở chỗ thành kính.

Người hiện nay đều không có thành kính, không nói đến thành kính. Cho rằng thành kính là thứ của thời phong kiến, thời đại ngày xưa, là những bậc đế vương thông minh, dùng nó để lừa gạt trăm họ. Con người bây giờ dùng tâm thái gì? Điều phải hoài nghi, đặt dấu hỏi. Nếu nói tốt, hãy đem chứng cứ ra chứng minh quý vị là người tốt, tâm thái đó không thể học được đạo thánh hiền.

Cửa ải của họ quá chật, đối với cổ nhân cũng hoài nghi, nên họ vĩnh viễn không khai ngộ, vĩnh viễn không học được gì. Dù nổ lực, dù siêng năng chỉ có thể học được vỏ bọc bên ngoài, học được chút thường thức, ngày nay gọi là Phật học, học Phật là điều họ không làm được. Học Phật phải bắt đầu từ hiếu thân tôn sư, phải bắt đầu từ chân thành, từ cung kính.

Không phải Phật không từ bi, không phải Phật Bồ Tát keo kiệt, keo pháp, không phải. Nói thật Phật Bồ Tát không có gì cho người, tất cả những gì Phật Bồ Tát nói ra đều là tự tánh quý vị vốn có. Trong tự tánh chúng ta, vậy tại sao không thể hiển lộ? Chính là vì cống cao ngã mạn, không có tâm thành kính, khiến cửa của quý vị bị bế tắc. Tự tánh chúng ta có vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, tất cả đều không hiển lộ được. Nếu mở được cánh cửa này, không phải liền hiển lộ ra ư, không có gì khác với chư Phật Như Lai! Vì sao ta không buông bỏ những chướng ngại đó? Vấn đề là ở đây, ta không thể không biết.

Lòng từ bi mà chư Phật Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh, tâm thái của chúng ta không cảm nhận được. Đích thực từ bi đã cho quý vị, với cho chư Phật Bồ Tát không có gì khác, nhưng chư Phật Bồ Tát có thể tiếp thu, có thể được lợi ích. Còn quý vị bài xích, không tiếp thu, nên không đạt được lợi ích.

Trong kinh Đức Phật nói rất nhiều, bản thân chúng ta cũng nói được: “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Tâm tưởng ta không thành không kính, không nhân không nghĩa, nên đối với chúng ta Phật Bồ Tát cũng hết cách, chỉ đành đứng nhìn xem quý vị đến lúc nào quay đầu. Chỉ cần vừa quay đầu, tâm thành kính liền sanh khởi ngay, cần học thành kính chăng? Không cần học.

Trước đây khi tôi ở Đài Loan, có một người vô cùng bình thường, nhìn thấy Tưởng Giới Thạch, thái độ cung kính hình như tự nhiên hiển lộ ra, đâu có ai dạy ông ấy. Hạ thấp âm thanh khi nói, bước chân chậm lại, hành động nhẹ nhàng, tâm cung kính đó của họ tự nhiên xuất hiện, đích thực không có ai dạy ông cả, đều là từ nội tâm. Nên thành kính bên trong mà thể hiện ra bên ngoài, quả không sai chút nào!

Bởi thế bỏ ác hướng thiện, bỏ tà theo chánh, tránh nhỏ hướng lớn, bỏ ngụy giữ chân, phải hành trì, phải thật hiểu. Như vậy tức là tự nhiên hàng phục, nhất định đạt được sở nguyện. Nếu thật sự y giáo phụng hành, sẽ tự nhiên cảm ứng, Phật lực âm thầm gia hộ, Tam bảo âm thầm gia hộ chúng ta, phàm nguyện cầu những gì đều được viên mãn. Do đây có thể thấy, có câu: đệ tử nhà Phật, có cầu tất ứng, chúng ta đã xóa bỏ đệ tử Phật môn, đổi thành pháp thế xuất thế, có cầu tất ứng, cầu với ai? Cầu trong ý niệm, nghĩ điều gì nó liền hiện điều đó. Chúng ta nghĩ thiện, cảnh giới thiện hiện ra; chúng ta nghĩ ác, cảnh giới bất thiện hiện tiền. Chẳng có một pháp nào không phải tâm hiện thức biến. Cho nên tự được cảm ứng, tất cả nguyện cầu đều được viên mãn. Nguyện thiện, thiện viên mãn; niệm ác, ác viên mãn. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Nương vào giáo huấn của kinh giới, đó là thiện nguyện, đó là thiện viên mãn. Trái với kinh giới, đó là nguyện ác, ác viên mãn, đại thiên tai là ác viên mãn. Hiểu rõ ràng minh bạch đạo lý, mới biết được trong Phật giáo không có mê tín, không có vọng ngữ.

Chúng ta xem tiếp đoạn kinh văn bên dưới, đoạn kinh văn này là: “Phật hóa chánh giáo, đại đồng chi trị”, nói còn hay hơn, hoàn bị hơn so với chương Lễ Vận Đại Đồng trong Lễ Ký. Nói như người bây giờ\_trong chương kinh văn này có hai hàng rưỡi, là lý tưởng xã hội đại đồng trong Phật pháp.

“Phật sở hành xứ, quốc ấp khâu tụ, mĩ bất mông hóa, thiên hạ hòa thuận, nhật nguyệt thanh minh, phong vũ dĩ thời, tai lợi bất khởi, quốc phong dân an, binh qua vô dụng. Sùng đức hưng nhân, vụ tu lễ nhường, quốc vô đạo tặc, vô hữu oan uổng. Cường bất lăng nhược, các đắc kỳ sở”.

Tất cả có 15 câu, một câu bốn chữ, hết thảy có 60 chữ, là thế giới đại đồng trong lý tưởng Phật pháp. Thế giới đại đồng có thể xuất hiện chăng? Xem quý vị có làm được hay không. Nếu thực hành hết 15 câu này, thế giới đại đồng sẽ hiện tiền.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. Đoạn kinh văn này tượng trưng từ đức vô lượng của Đức Phật, đức lớn của lòng từ bi.

“Phật sở hành xứ”, chỉ nơi Phật hành hóa, tức là nơi Phật đến, lại kiêm chỉ nơi lưu hành Phật pháp trong đời sau. Câu sau cùng này nói rất hay, thông thường khi chúng ta giảng kinh, câu này nói rất rõ ràng. “Phật sở hành xứ”, là nơi phổ biến giáo dục của Phật. Ở đây Hoàng Niệm Tổ nói: “nơi Phật pháp lưu hành”, vẫn dễ bị người ngộ nhận, nên chúng ta trực tiếp nói là giáo dục của Phật. Giáo dục Phật giáo chính là giảng kinh thuyết pháp, khu vực giảng kinh dạy học gọi là Phật sở hành xứ.

“Quốc” là quốc gia, “ấp” ở đây gọi là thôn làng, ấp cũng có thể nói là thành thị. “Khưu” có hai nghĩa, một là “gò núi”, hai gọi là “tứ ấp”, nghĩa là khưu, gọi là nhất khưu, “khưu” là nơi ở tập trung. “Tụ” là tụ lạc, thôn lạc. Vọng Tây nói: “một thôn nhỏ gọi là tụ”. Dùng cách nói như bây giờ, quốc là quốc gia, ngày trước quốc đại khái chính là thành thị, đô thị. Ấp ngày nay chúng ta gọi là trấn, khưu chính là làng, tụ là thôn, một thôn, ý nghĩa chính là như vậy. Bất luận là đô hội, hay là một thị trấn, một khu, nhỏ như một thôn, từ nhỏ đến lớn, nơi chúng sanh cứ trú, những nơi này có giáo dục của Phật. Nên ngày xưa, từ viện am đường đều là cơ cấu thúc đẩy giáo dục Phật giáo, giống như trường học vậy.

Người xuất gia, sau khi xuất gia, mục đích của họ là gì? Là hiến thân cho công tác giáo dục Phật giáo, giống như các bạn trẻ chọn học trường sư phạm, tốt nghiệp xong làm gì? Làm thầy giáo, suốt đời làm công tác giáo dục. Xuất gia, chúng ta suốt đời phụng sự công tác giáo dục Phật giáo, là vì mục đích này mà xuất gia.

Từ dạy học, dạy học là tuyến đầu tiên, trực tiếp tiếp xúc với học sinh, với quần chúng. Tuổi tác lớn, nghỉ hưu\_điều này khi tôi mới học Phật, mới xuất gia thường nói, tôi có suy nghĩ, nhận xét như vậy: Trước 40 tuổi, nhất định phải thành tựu đức hạnh và học vấn của mình, nổ lực học tập. 20 năm từ 40 đến 60 tuổi, phải theo công tác dạy học, làm giáo viên. Sau 60 tuổi nghỉ hưu, tuổi tác đã lớn. Dạy học suốt 20 năm, khi về hưu làm công tác hộ trì, hộ trì nghĩa là công tác hành chánh trong trường. Làm hiệu trưởng, làm chủ nhiệm giáo vụ, làm chủ nhiệm huấn đạo, ở vị trí nội hộ. Ngoại hộ của Phật giáo là học sinh tại gia, nội ngoại hộ trì. Chánh pháp vĩnh viễn trú thế gian, đó gọi là chánh pháp thường trú, chánh pháp cửu trú mới có thể đạt được.

Hiện nay vấn đề đã phát sanh, không có hộ trì. Thông thường làm trú trì, làm quản lý không biết đào tạo đời sau, nên Phật pháp suy yếu. Không những suy, mà dần dần, giống như Thiên chúa giáo nói: Có thể hai ba mươi năm sau, Tôn giáo sẽ biến mất khỏi địa cầu.

Tánh đặc biệt của Phật pháp, đích thực là lấy học vấn làm chủ thể, nói một cách nghiêm khắc Phật giáo không phải Tôn giáo. Nên tương lai Tôn giáo biến mất khỏi thế giới, Phật pháp không như vậy, Phật pháp thay đổi, biến thành khoa học, biến thành triết học, nên Phật giáo ở thế gian không phải lấy thân phận Tôn giáo.

Như thầy Phương Đông Mỹ nói, Phật giáo là khoa học cao cấp, triết học cao cấp, như vậy tốt chăng? Không tốt, vì sao vậy? Vì đã mất đi tác dụng chân thật của Phật pháp, tác dụng thật sự của Phật pháp là giúp chúng ta liễu sanh tử xuất tam giới, giúp chúng ta thành Phật, giúp chúng ta minh tâm kiến tánh. Nó biến thành khoa học, biến thành triết học, sẽ không đạt được những ưu điểm những lợi ích này, Phật pháp vẫn là tiêu diệt khỏi thế gian. Nó biến chất, mùi vị hoàn toàn thay đổi, không đạt được lợi ích chân thật. Cũng chính là giải hành của Phật pháp nhận được sự yêu thích của đại chúng trong xã hội, nhưng tu chứng của Phật pháp không còn, không còn chứng quả, quả phải chứng như thế nào? Phải buông bỏ. Trong kinh nói rất rõ ràng: Buông bỏ sự chấp trước đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, không còn chấp trước, liền khôi phục tâm thanh tịnh trở lại, chứng quả A la hán. Nếu buông bỏ luôn tập khí chấp trước, đó chính là Bích Chi Phật, cao hơn một bậc so với A la hán. Chẳng những buông bỏ chấp trước, mà phân biệt cũng không còn, như vậy là chứng được quả vị Bồ Tát. Không khởi tâm không động niệm đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, xin chúc mừng, quý vị đã thành Phật, quý vị đã chứng Phật quả. Chứng quả, lợi ích thù thắng này, khoa học và triết học không làm được. Không phải nói họ không làm được, họ không chịu buông bỏ, khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đều không chịu buông bỏ, nên không thể chứng quả, nên không đạt được lợi ích chân thật của Phật pháp. Nếu muốn chứng quả, nhất định phải bắt đầu từ buông bỏ, hiện nay có cần chăng? Cần, đặc biệt là khi thiên tai ập đến. Ta buông bỏ chấp trước tất cả pháp của thế xuất thế gian, nhất định được sanh Tịnh độ. Buông bỏ rồi, sanh vào cõi phương tiện hữu dư; buông bỏ rồi, những vẫn chưa sạch hết, sanh vào cõi phàm thánh đồng cư, thật sự buông bỏ, nhưng chưa sạch hết. Hay nói cách khác chưa buông bỏ triệt để, buông bỏ một phần, còn lưu lại một phần; buông bỏ một phần lớn, còn có một phần nhỏ, đây là chưa sạch hết. Thật sự buông bỏ là cõi phương tiện hữu dư. Nếu có thể buông bỏ phân biệt, buông bỏ khởi tâm động niệm, quý vị vãng sanh là cõi thật báo trang nghiêm. Nên phẩm vị tứ độ tam bối cửu phẩm của thế giới Cực Lạc, là từ đâu mà có? Từ chỗ ta buông bỏ được bao nhiêu để nói. Những phẩm vị này phải chăng là có thật? Nói với quý vị là không có, vì sao vậy? Vì thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng, chắc chắn không có. Vì sao phải nói tứ độ tam bối cửu phẩm? Là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta. Quý vị buông bỏ bao nhiêu, còn lại bao nhiêu, từ điểm này mà sinh ra, nhất định phải hiểu đạo lý này.

Vì vậy tứ độ tam bối cửu phẩm, không thể nói nó có, cũng không thể nói là không. Nếu nói nó có, nó không phải có thật, nếu nói là không, nó không phải thật không. Nhất định phải hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng sự thật, chúng ta mới có thể đạt được thọ dụng chân thật.

Nơi mà đức Phật giáo hóa, không có phân biệt, hoàn toàn là bình đẳng. Xem khu vực này mọi người có vui vẻ đón nhận chăng, có bằng lòng tiếp thu chăng. Phật độ người có duyên, duyên này không phải ở nơi Phật, duyên ở nơi Phật vĩnh viễn không thiếu. Phật là từ bi bình đẳng, không có nặng nhẹ. Sự yêu thích của chúng ta đối với Phật pháp, Phật liền đến; chúng ta bài xích đối với Phật pháp, Phật cũng không ra đi, sao lại nói không đi? Ngài đang đợi, ở bên cạnh chờ đợi. Khi nào quý vị quay đầu, cần ngài, ngài liền đến dạy quý vị, từ bi đến tột cùng!

Tình yêu của cha mẹ đối với con cái, không thể sánh với tình yêu của Phật đối với chúng sanh. Phật đối với chúng sanh yêu thương vạn phần, cha mẹ yêu con cái chỉ có một phần, đời đời kiếp kiếp không từ bỏ rời xa, đây là Phật Bồ Tát đối với chúng sanh. Bất luận quý vị luân lạc vào đường nào, vẫn luôn quan hoài chắm sóc quý vị. Bản thân ta có thể tin có thể hiểu liền hiện cảm ứng, cảm ứng hiển hiện rõ ràng. Nếu là bài xích, không tiếp thu, cảm ứng này chúng ta không cảm nhận được, gọi là cảm ứng âm thầm. Phật Bồ Tát vĩnh viễn không rời chúng ta, lời này là thật, nên thật sự có thể tiếp nhận.

Có người nhiệt tâm đến dạy học, người ở đây có phước, không gặp chướng ngại. Phật pháp thịnh hành ở khu vực này, đó đều là nhờ tiếp thọ giáo hóa của Phật, cho nên nói “mị bất mông hóa”, không ai không nhờ Phật giáo hóa. Đã được Phật giáo hóa, tức đều hàng phục kiết tường, ý của câu này là cảm động Phật Bồ Tát, cảm động thiên thần, cảm động địa thần, đều ở nơi khu vực này, gia hộ nơi đây được kiết tường, vĩnh viễn không có tai họa, vĩnh viễn không có thiên tai.

Nói tóm lại thiên hạ hòa thuận, mỗi người đều đạt được sở nguyện của mình. Trên đoạn kinh văn này nói: “Thiên hạ hòa thuận”, chính là thế giới đại đồng.“Thế giới hòa bình, vạn bang hòa thuận”, bang là quốc gia, rất nhiều quốc gia trên thế giới đều sống hòa thuận, đối đãi bình đẳng, thiên hạ như một nhà. Đầu tiên nói về nhân sự, vì sao vậy? Nhân tâm tốt, hành vi của con người tốt, thì hoàn cảnh cư trú sẽ tốt, vì cảnh tùy tâm chuyển.

“Nhật nguyệt thanh minh, gió mưa đúng thời”, đây chính là người xưa thường nói: “mưa thuận gió hòa”, không có hạn tai, hạn là hạn hán, ngập úng là thủy tai, không có lũ lụt, không có gió bảo. Sấm sét cũng tạo thành tai họa. Trong phần tin tức chúng ta thấy, một lần sấm sét lớn, hơn 30 người bị sét đánh chết, điều này trước đây chúng ta chưa từng nghe. Tôi sống đến 85 tuổi, đây là lần đầu tiên nghe đến. Nói ngẫu nhiên, tôi chỉ nghe nói sét đánh chết một hai người, còn chưa từng nghe nói sét đánh một lần chết hai ba mươi người, sao lại có hiện tượng này? Những vấn đề này hiện nay gọi là tai họa tự nhiên, không có.

“Tai lợi bất khởi”, tai là nói tai họa, lợi là nói đến ôn dịch, không có núi lở đất sụp, hiện nay có. Núi lở đất chìm, đất đột nhiên chìm xuống. “Các thảm họa như động đất, sống thần, đại địa sụp đổ”, đại địa sụp đổ chính là hiện nay nói hố tử thần, đất lún xuống. Lũ lụt, hỏa hoạn\_đao binh là chiến tranh, những tai họa này đều không. “Lại không có bệnh ôn dịch lan tràn”, không có những thiên tai nhân họa này. Phật pháp giáo hóa nơi này, người nơi đây đều có thể tiếp nhận Phật giáo hóa, y giáo phụng hành, thiên tai hoàn toàn không có.

Hiện nay chúng ta quan sát tường tận, phàm là nơi có những thiên tai này, không có thánh hiền giáo hóa, cũng không có Đức Phật giáo hóa. Nơi nào có thánh hiền giáo hóa, có Phật giáo hóa, nơi này sẽ thái bình, an nhiên vô sự. Chúng ta bình tĩnh, quan sát kỹ càng, quả đúng là như vậy, rất rõ ràng. Khi thấy rõ ràng minh bạch, mới biết đây là điều hay, không thể không cần đến. Nếu không cần, vậy thì phải chịu khổ chịu nạn, vì sao vậy? Giống như ở đây nói, lũ lụt do tâm tham chiêu cảm nên, Đức Phật dạy chúng ta không tham.

Con người không xa rời ngũ dục, ngũ dục là tài sắc danh thực thùy, đối với điều này Đức Phật không cấm. Ngài dạy chúng ta phải biết tri túc, phải có tiết chế đối với những dục vọng này, không được quá độ. Quá độ thiên tai lập tức hiện tiền, có tiết chế sẽ không bị. Giới luật chính là tiết chế, lễ của Nho giáo chính là tiết chế, mỗi Tôn giáo đều có tiết chế. Chỉ có số ít người tu đạo, họ biết nhìn xa, nhìn thấy quá khứ vị lai. Hy vọng ngay trong đời này ra khỏi lục đạo, ra khởi mười pháp giới, thì phải hoàn toàn buông bỏ ngũ dục. Vì sao vậy? Vì luân hồi lục đạo là cái bóng của ngũ dục, cũng là nguyên nhân thật sự đầu tiên của luân hồi lục đạo. Buông bỏ ngũ dục là không còn nữa, lục đạo không còn, ta tỉnh ngộ từ trong lục đạo, sau đó mới biết đây là một ác mộng, rốt cuộc cũng tỉnh ngộ. Tỉnh ngộ là cảnh giới gì? Là tứ thánh pháp giới: Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, là cảnh giới này. Thế giới thanh tịnh, thế giới này không có ô nhiễm, thế giới này không có thiên tai, thiên tai đích thực là do ngũ dục dẫn khởi, ngũ dục là tham sân si mạn nghi.

Động đất là ngạo mạn\_ở đây nói như vậy, sóng thần là tham lam, hoài nghi chiêu cảm nên hố tử thần và đất núi sụp lở. Lũ lụt là tham tâm, hỏa hoạn là sân nhuế, đao binh là chiến tranh, chiến tranh hưng khởi như thế nào? Đầy đủ năm độc. Ôn dịch cũng là ác nghiệp chiêu cảm. Chỉ cần chúng ta có thể làm nhạt tham sân si mạn nghi từ trong nội tâm, sát đạo dâm vọng nhất định phải có tiết chế, tuyệt đối không được tùy tiện.

Trên mặt tình cảm phải khống chế oán hận não nộ phiền, không khống chế là tạo ác nghiệp; khống chế được, có thể không tạo ác nghiệp. Thiên tai nhân họa đều tự làm tự chịu, bản thân tâm hành bất thiện chiêu cảm nên, không phải tự nhiên. Tự nhiên là thiện nhất, là đẹp nhất, tự nhiên sao có thiên tai được! Không tự nhiên, thiên tai mới xuất hiện.

Chúng ta gọi đây là tai họa tự nhiên, là hàm oan cho tự nhiên, như vậy là tạo tội nghiệp. Đẩy thiên tai cho người khác, không biết đây là tự mình làm, tự làm tự chịu. Đây đều là quan niệm tạo nên sai lầm, chúng ta phải triệt để thay đổi sai lầm trước đây. Về mặt lý Phật pháp nói vô cùng thấu triệt, học rồi không thể không phục. Đặc biệt là hiện nay, học Phật có thể đem những phát hiện gần đây của khoa học và triết học để đối chiếu, quý vị không thể không phục.

Người thật sự y giáo tu hành, ở nơi này “nước giàu dân an”, quốc gia giàu mạnh, sản xuất được mùa, nhân dân an lạc. “Không có binh biến can qua”, nghĩa là không có chiến tranh, binh biến can qua là ví với chiến tranh. “Bên trong không có đạo phỉ phản nghịch, bên ngoài không có nước khác xâm lăng, nên có thể bỏ việc võ lo việc văn, dừng can qua không dùng đến”. Điều này phải dựa vào đâu? Phải dựa vào giáo dục Phật giáo. Mọi người đều hiểu rõ ràng minh bạch, chúng ta phải tiêu diệt ý niệm về thủ đoạn chiến tranh, vĩnh viễn không có chiến tranh. Không có chiến tranh, có thể lấy được chính quyền chăng? Không dùng chiến tranh có thể dựng nên một quốc gia chăng? Có thể. Trung quốc ngày xưa có trường hợp này, không phải là giả. Trước thời Tam đại của Trung quốc, tam đại là Hạ Thương Chu đều không dùng chiến tranh, họ dùng gì? Dùng nhân nghĩa, dùng đạo đức, dùng giáo hóa đạt được chính quyền, được các nước khen ngợi, tôn trọng, tuyển cử quý vị làm thiên tử. Vì đạo đức thành tích chính trị làm cảm động, khiến họ tự nguyện xưng thần với quý vị, đến thỉnh giáo quý vị, phục tùng dưới sự lãnh đạo của quý vị. Không dùng chiến tranh, chỉ dùng giáo hóa, dùng dạy học. Hiện nay nói dùng văn hóa, không dùng vũ lực. Đến cuối thời nhà Chu, lơ là đối với việc giáo dục, lơ là việc giáo dục thì điều gì khởi lên? Đấu tranh khởi lên, xã hội động loạn, biến thành Xuân thu chiến quốc. Động loạn này trước sau khoảng gần 500 năm, 500 năm nhà Hán thống nhất.

Đất nước lớn như vậy, thống nhất trên mặt hành chính làm sao trị lý? Đất nước lớn như vậy, nhiều dân tộc như vậy, làm sao duy trì sự an định cho xã hội này? Hán Võ Đế thông minh, tôi tin rằng ông đạt được bí quyết từ cổ thánh hiền: “Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”. Ông hiểu và thấu triệt câu nói này, nên triệu tập các đại thần nghiên cứu nên dạy học như thế nào.

Thời chiến quốc, Xuân thu chiến quốc, chư tử bách gia, tư tưởng học thuật rất hổn loạn, mỗi người nói đều có đạo lý, không thể đều dùng, vì sao vậy? Những chư tử bách gia này đều tự cho rằng mình là đệ nhất, họ không phục người khác, nên chọn nhà nào mới tốt? Như vậy là sao? Đại đa số người trong đại chúng xã hội đều có thể tôn trọng, đều tôn kính, đều khâm phục. Đổng Trọng Thư giới thiệu đạo của Khổng tử, Hán Võ Đế đã tiếp thu, đây mới thật sự khiến Nho giáo trở thành phương châm giáo dục của Trung quốc, phổ biến trên toàn quốc. Khổng tử, trước lúc này Khổng tử không có địa vị, sau khi được tuyển hoàng đế rất tôn sùng ông, địa vị của Khổng tử được nâng cao, cao trên chư tử. Từ nhà Hán đến nhà Thanh, hơn 2000 năm đều phụng hành đạo của Khổng Mạnh. Là dùng giáo dục, không dùng vũ lực.

Đường Thái Tông thông minh dùng vũ lực đoạt được chính quyền. Ông biết vũ lực có thể đoạt được chính quyền, nhưng không thể trị quốc, trị quốc cần văn hóa. 16 tuổi ông khuyên cha mình khởi dậy tạo phản, làm cuộc cách mạng, lúc 16 tuổi. Sau khi bình định động loạn xã hội đương thời, họ đạt được chính quyền kiến lập nên thời nhà Đường. 28 tuổi ông làm hoàng đế, còn rất trẻ, đọc sách không nhiều. Trị nước phải có trí tuệ, phải có phương pháp, phải có kinh nghiệm, thật sự phải có học vấn.

Từ Khổng tử, ông ta từ Tam hoàng ngũ đế đến trước thời đại này là thời nhà Tấn, khoảng 2500 năm. 2500 năm, tổ tông lưu lại điển tịch rất lớn, lúc đó có hơn mười ngàn loại, hình như có khoảng hơn mười tám ngàn loại. Những điển tịch này, phải tìm trong này trí tuệ trị nước, phương pháp trị nước, kinh nghiệm trị nước, hiệu quả trị nước. Ông hạ lệnh cho Ngụy Trừng, như người bây giờ nói thành lập một tổ chức, tìm của báu trong cổ tịch. Từ trong hơn mười ngàn điển tịch, rút gọn lại thành hơn 1000 loại. Tiếp tục chọn từ trong hơn 1000 loại đó, sau cùng chọn ra 65 loại. 65 loại cũng không phải ông ta có thể đọc hết, ông ta làm gì có nhiều thời gian đến thế! Nên ông ta đã nghĩ ra một chủ ý. Trong 65 loại này, phàm những gì liên quan đến tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Những lý luận này, lý luận là trí tuệ, phương pháp, kinh nghiệm, cho đến hiệu quả, ghi chép những văn tự này lại để ông xem. Đây chính là Quần Thư Trị Yếu, nguồn gốc Quần Thư Trị Yếu là như vậy, là những gì Đường Thái Tông muốn đọc, dùng thời gian bốn năm năm hoàn thành nó. Ông có được bộ sách này, không khi nào rời khỏi tay, những vương công đại thần, cán bộ quan trọng đều tặng cho họ người một cuốn. Lúc đó chưa có thuật in ấn, đều là viết tay, chép tay, nên phân lượng không nhiều. Tất cả đều y theo bộ sách này làm phương châm và nguyên tắc trị nước xử sự, nên thành tích chính trị của ông rất khả quan\_Khai nguyên. Trinh quán thời nhà Đường, trở thành triều đại có nền chính trị tốt nhất trong lịch sử, hiểu được điều gì? “Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”, hiểu được đạo lý này, là thạnh thế trong lịch sử Trung quốc. Văn Cảnh thời nhà Hán; Khai Nguyên Trinh quán thời nhà Đường; Khang Hy Càn long thời nhà Thanh, đây là những thời đại nỗi tiếng hưng thịnh trong lịch sử Trung quốc, toàn là dựa vào giáo dục.

Phật giáo truyền đến Trung quốc, tất cả những tự viện am đường, xuất gia tại gia học tập Phật giáo đều dạy học ở đó, không có ngày nào gián đoạn. Bình thời đào tạo nhân tài, đạo tạo tư cách người thầy. Đối với đại chúng dạy học chính là kỳ nghỉ, đặc biệt là nghỉ tết, vì thời gian nghỉ tết dài nhất. Từ ngày 8 tháng chạp nghỉ đến khi nào? Ngày 2 tháng 2 lễ tế thổ thần, nghỉ được hai tháng. Hai tháng nghỉ tết này, mỗi chùa đều giảng kinh, giảng được một bộ kinh từ đầu đến cuối.

Người thích nghe kinh, thích nghe kinh gì thì đến đó học, đến đó có thể ở lại, gọi là thảo kinh đơn, nghe xong mới ra về. Đến chùa, nguyên tắc của chùa là không nhận cúng dường, nhưng mỗi người đều đem theo ít tiền, đem theo ít gạo để cúng dường, cúng và ở đó hai tháng nghe hết một bộ kinh. Kỳ nghỉ ngắn, có lớp ngắn ngày, một tuần, nửa tháng. Thường tổ chức, tổ chức lớp dạy học. Tam giáo Nho Thích Đạo cống hiến lớn lao cho xã hội, dạy mọi người đều trở thành người tốt. Bởi thế xã hội an định, nhân dân hòa thuận, không có làm loạn.

Cho nên đất nước giàu mạnh, sản xuất được mùa, nhân dân an lạc, không có can qua binh biến. Không có can qua binh biến, đối nội chính là không có đạo tặc phản nghịch, đối ngoại không phát sanh chiến tranh với các quốc gia khác. Ngừng chiến tranh, chăm lo văn hóa giáo dục, không còn can qua. Đường Thái Tông lên làm hoàng đế là đi theo đường lối này, không còn sử dụng vũ lực.

“Sùng đức hưng nhân”, tôn sùng đạo đức, gọi là sùng đức, hưng khởi thi hành chính sách nhân từ, gọi là hưng nhân, chính sách nhân từ là gì? Dùng Phật pháp để nói, giúp nhân dân lìa khổ được vui, là mục tiêu hàng đầu của việc thi hành chính sách quốc gia, đây gọi là chính sách nhân từ. Tư tưởng của các bậc thánh hiền hầu như đều tương đồng, nên Mạnh tử nói: “Dân vi quý, quân vi khinh”. Tư tưởng này đưa ra từ 2500 năm trước, vị đế vương nào hiểu được câu nói này, khi họ làm hoàng đế đều rất coi trọng nhân dân, thời đại của họ nhất định hưng thịnh. Thời đại họ đang tại vị, nhất định là an định hòa bình, được nhân dân ủng hộ, đặt hạnh phúc của trăm họ lên hàng đầu, quốc thái dân an. Nếu không chăm lo lợi ích cho trăm họ, chỉ quan tâm hưởng thụ ăn uống chơi bời cho riêng mình. Hoàng đế này sẽ bị người lật đổ, họ sẽ bị mất nước. Quý vị xem, mỗi triều đại, hoàng đế cuối cùng của mỗi triều đại đều như vậy, bị người lật đổ, không chăm lo cho trăm họ.

Nói thật, thời đại nhà Thanh, mỗi vị đế vương học hành đều không tệ, đều hiểu được đạo lý này. Đến vị hoàng đế sau cùng là Quang Tự, đều vô cùng nhân từ, nhưng ông không có quyền, thái hậu Từ Hy nắm quyền. Từ Hy chỉ lo hưởng thụ bản thân, không quan tâm sống chết của nhân dân, nên nhà Thanh mất nước trong tay bà ta. Có người nói là bà đến để trả thù, bà là người của Mãn tộc, lúc nhà Thanh khai quốc đã tiêu diệt dân tộc nhỏ này.Tộc trưởng của tộc này phát thệ với trời, trong dân tộc tôi còn một người nữ cũng phải báo thù, đây là thâm cừu đại hận. Nên khi nhà Thanh nhập quan thống trị Trung quốc, trong cung đình không cho phép người của Mãn tộc tiến nhập, có lệnh cấm. Đến Hàm Phong\_200 năm qua đi không xảy ra chuyện gì, Hoàng đế Hàm Phong biết Từ Hy là người Mãn tộc, cho phép bà nhập cung. Không tuân thủ giáo huấn của tổ tông, nên bị diệt vong. Vấn đề này quả thật đã ứng với lời của tộc trưởng khi Mãn tộc bị tiêu diệt: Trong tộc chỉ còn một người con gái cũng phải báo thù. Từ Hy đích thực là đầu mối của thiên tai ngày hôm nay, bà coi thường văn hóa truyền thống, bà cũng coi thường Phật pháp, tự xưng là Lão Phật gia. Hay nói cách khác, Chư Phật Như Lai ngồi bên cạnh bà, bà ngồi ở giữa, là lão Phật gia, khác với ngày xưa. Ngày xưa liệt tổ liệt tông của bà, hoàng đế nhà Thanh đều là đệ tử kiền thành của Phật, quy y thượng sư, tự xưng là đệ tử Phật. Sự cung kính đối với cổ thánh tiên hiền, chư Phật Bồ Tát, đến Từ hy thì không còn nữa. Sự dẫn đầu không tốt đẹp, trên làm sao dưới làm vậy, nên người bên dưới cũng không tôn kính truyền thống, không tôn kính Phật pháp, Phật pháp suy yếu dần từ đây. Từ Hy ảnh hưởng 100 năm, đến sau khi nhà Thanh mất, Nho Thích Đạo hoàn toàn suy thoái.

Đầu năm dân quốc còn có người nói, nhưng không có người hành. 50 năm gần đây đến người nói cũng không có, cho nên thiên tai khởi dậy, đạo lý này không thể không biết.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 541

# Tập 542

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian:16.08.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 695, hàng thứ ba từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ kinh văn:

“Phật sở hành xứ, quốc ấp khưu tụ, mị bất mông hóa, thiên hạ hòa thuận, nhật nguyệt thanh minh, phong vũ dĩ thời, tai lợi bất khởi, quốc phong dân an, binh qua vô dụng, sùng đức hưng nhân, vụ tu lễ nhường, quốc vô đạo tặc, vô hữu oan uổng, cường bất lăng nhược, các đắc kỳ sở”. Đoạn này ở trước chúng ta đã học, hôm nay bắt đầu học từ đây, ý nghĩa đoạn này rất đặc biệt.

15 câu kinh văn này là Phật hóa chính trị giáo dục đại đồng chi trị, là chư Phật Như Lai từ bi vô lượng thị hiện, nên chúng ta nổ lực học tập nó.

“Phật sở hành xứ”, là khu vực phát triển giáo dục Phật giáo có hiệu quả, bất luận là lớn hay nhỏ đều hiển thị ra cách trị đại đồng của Phật giáo, điểm này chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Là đệ tử Phật, chúng ta phải thực hành đoạn kinh văn này nơi tự thân, thực hành trong gia đình. Đích thực có thể hưởng thụ được công đức lợi ích thù thắng trong việc giáo hóa của Phật Bồ Tát. Thực hành trên thân, thân tâm mạnh khỏe, hạnh phúc an vui. Như trước đây thầy Phương Đông Mỹ nói: “hưởng thụ cao nhất của đời người”.

“Quốc ấp khưu tụ”, là nơi giáo hóa của Đức Phật. Bộ kinh này là Đức Phật nói vào 3000 năm trước, lúc đó nói “quốc”, bất luận là ở Trung quốc hay Ấn độ, đều là thời đại bộ lạc nguyên thủy, nhất định phải biết điều này. Lúc đó nước không lớn, quý vị xem ở Trung quốc, vuông vức 100 dặm là nước lớn, nước nhỏ là 20 dặm, 30 dặm. Bây giờ chính là một thôn, một thị trấn, ngày xưa là nước nhỏ.

Lúc Đức Phật ra đời, tương đương với thời nhà Chu Trung quốc. Mở bản đồ của chúng ta hiện nay, từ lưu vực Hoàng hà đến lưu vực Trường giang, bên dưới kéo dài đến lưu vực Châu giang. Châu giang chính là nơi man di, nghĩa là trình độ văn hóa rất thấp. Hiện nay xem trên địa đồ, đại khái chỉ có ¼, ¼ có bao nhiêu nước? 800 chư hầu, đó là nước. Về sau thống nhất tất cả, sau khi nhà Tần thống nhất đều cắt những nước này thành huyện, cũng tức là một huyện là một nước, thậm chí trong một huyện có hai ba nước, nước rất nhỏ.

Khổng phu tử chu du liệt quốc, đại khái phạm vi ông đi cũng chỉ là một tỉnh, đó chính là chu du các nước. Nên một nước hiện nay gọi là một thành phố, một thành, ngày xưa chắn một bức tường, đó chính là một nước.

“Ấp” chính là như trấn, thôn trấn bây giờ vậy. “Khưu” và ấp ý nghĩa gần như nhau, có chút khác nhau. Có khi khưu lớn hơn ấp, có khi ấp lớn hơn khưu. “Tụ” đây chính là thôn trấn, thôn nhỏ, hiện nay chúng ta nói là huyện, trấn, hương, thôn. Chúng ta ở nơi thôn nhỏ, có thôn trưởng, khưu tụ chính là thôn. Ở đây có giáo dục Phật giáo, có thầy ở đây giảng kinh giáo hóa, nên đạt được giáo hóa của nhà Phật. Người người đều có thể tin, có thể hiểu, có thể hành trì, y giáo phụng hành.

Trong kinh điển Đức Phật thường dạy chúng ta, khuyến khích chúng ta: “tín thọ phụng hành”. Đối với giáo huấn của Phật Bồ Tát Thánh hiền nhân phải tin, phải tiếp thọ, phải tinh tấn thực hành nó. Trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường nói: Tín thọ phụng hành, ở sau còn có một câu, “vì người diễn thuyết”, diễn là sao? Bản thân chúng ta phụng trì, biểu hiện trong hành vi cuộc sống của chúng ta, triển hiện cho mọi người thấy. Cũng chính là hiện nay nói, làm tấm gương tốt cho xã hội đại chúng noi theo, người ta nhìn thấy hoan hỷ, hâm mộ, cảm động, muốn học tập với quý vị. Đây là đệ tử Đức Phật, là truyền nhân của thánh hiền, cũng là biểu diễn, vì người diễn nói.

Diễn là thân giáo, thuyết là ngôn giáo, từng giờ từng phút phải giữ tâm giúp chánh pháp cửu trú, chánh pháp ở đâu? Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của chúng ta chính là chánh pháp, chánh pháp không ở bên ngoài, ngay tại bản thân. Bản thân phụng trì, chánh pháp cửu trú đều ở trên thân ta. Thân này của ta không thể thường trú, thân có sanh diệt, ta phải truyền cho người khác, truyền từ đời này qua đời khác, chánh pháp sẽ không bị diệt. Người truyền càng nhiều càng tốt, diện tích truyền càng rộng càng hay, đây là gì? Đây gọi là báo ân Phật, là hiếu đạo.

Bản thân chúng ta làm tốt đến đâu, nếu không truyền, vậy thì đến đây là dừng, truyền nhân quan trọng nhất. Cổ nhân xưa có câu: “bất hiếu có ba, vô hậu lớn nhất”, hậu là gì? Không có truyền nhân, đến chúng ta đây là kết thúc. Như vậy là có lỗi với tổ tông, có lỗi thầy tổ, có lỗi với Phật Bồ Tát, có lỗi với tổ sư đại đức. Truyền đời này qua đời khác, ta tiếp thu được, hưởng thụ được, có thể không truyền ư?

Thế nào là báo ân? Truyền pháp là báo ân. Thật sự đầy đủ điều kiện truyền pháp cũng không phải là chuyện dễ, điều này trước đây thầy hay nói có thể gặp không thể cầu. Thầy Lý thường nói, học trò tìm được người thầy không dễ, đến đâu để tìm thầy giáo giỏi? Thầy muốn tìm một đệ tử truyền pháp càng không dễ. Thật sự gặp được, vô lượng hoan hỷ, đời này không uổng phí. Giống như thi chạy tiếp vậy, tôi nhận được cây gậy này, bên dưới có người, tôi có thể giao lại, tôi có thể tiếp tục truyền. Nếu như tôi không trao gậy tiếp tục, đến đây là kết thúc, vậy ta là tội nhân. Một người thầy giỏi, ngay trong đời có thể gặp được chăng? Chưa chắc, có rất nhiều người suốt cả đời không gặp được truyền nhân, phải làm sao? Trước tác lập thuyết, viết thành văn tự truyền cho đời sau, hy vọng người đời sau xem bộ sách này hiểu được, siêng năng học tập, y giáo phụng hành, và tiếp tục truyền thừa tư tưởng của họ, dùng phương pháp này.

Khổng tử và Mạnh tử chưa từng gặp nhau, nhưng Mạnh tử là truyền nhân của Khổng tử, điều này mọi người đều thừa nhận, chưa từng gặp. Khổng tử qua đời, sách của ông viết thành văn tự lưu lại thế gian, Mạnh tử đạt được vô cùng hoan hỷ, y giáo phụng hành. Đọc sách Khổng tử, học cách làm người của Khổng tử, có chỗ nào nghi hoặc, đến thỉnh giáo đệ tử của Phu tử. Trong thời đại Mạnh tử, để tử của Phu tử vẫn còn được vài người tại thế, đến thỉnh giáo họ. Ông học rất giống, nên hậu nhân tôn Khổng tử là chí thánh, tôn Mạnh tử là Á thánh. Quý vị xem, lúc đó đi theo Khổng tử cùng học tập, không có ai có thể sánh bằng Mạnh tử. Trong lịch sử Trung quốc, mở con đường đệ tử tư thục. Thầy của tôi không còn tại thế, nhưng trước tác của ông còn ở thế gian, tôi nương vào đây để học tập, thật là đệ tử của ông, là truyền nhân của ông. Trong nhà Phật cũng có một trường hợp rất rõ ràng, đại sư Ngẫu Ích, ngài ở nhà học theo đại sư Liên Trì. Đại sư Liên Trì vãng sanh, chưa từng gặp mặt, nhưng trước tác của đại sư lưu lại thế gian ngài đã học được, hoan hỷ, đọc tụng, y giáo phụng hành. Học rất giống, rất giống đại sư Liên Trì. Đại sư Liên Trì là tổ sư đời thứ tám của Tịnh độ tông, đại sư Ngẫu Ích đời thứ chín.

Nên thật sự phát tâm chịu học, thầy không ở bên cạnh cũng không sao, trước thuật của Khổng tử lưu truyền đến nay vẫn còn. Trong 2000 năm này, không có xuất hiện thêm một Mạnh tử nào, nguyên nhân là gì? Không phải không thể, mà là không muốn. Thật sự muốn học, trực tiếp kế thừa Khổng tử, giống như Mạnh tử vậy, là làm được, không phải không làm được.

Mạnh tử thực hành rốt ráo giáo huấn của Khổng tử, chính là bốn chữ: Y giáo phụng hành, không theo ý mình. Hậu nhân, trong y giáo phụng hành có ý mình trong đó, sẽ phá hoại, khiến thành tích học tập đi xuống, đây chính là Ấn Quang đại sư nói đến thành kính. Mạnh tử đối với Khổng tử có vạn phần thành kính, ông đạt được lợi ích viên mãn, vạn phần lợi ích. Hậu nhân đối với Khổng Tử, có trăm phần thành kính, có 10 phần thành kính. Mười phần thành kính là quân tử, trăm phần thành kính là hiền nhân, vạn phần thành kính mới đến thánh nhân.

Vì sao tôi nói mọi người đều làm được? Đức Phật nói rất rỏ ràng: “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”, Khổng tử vốn là Phật, quý vị cũng vốn là Phật, sao quý vị lại không làm được? Quý vị có thể làm được. Chỉ cần buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, thì quý vị vốn là Phật. Mạnh tử buông bỏ, mà còn buông bỏ từ lâu. Ông lãnh hội được, ông nói: Đạo của học vấn không có gì khác, chỉ cầu được buông tâm mà thôi. Tâm này là sao? Tâm ở đây chính là vọng tưởng, quý vị buông bỏ vọng tưởng là được.

Ngài Huệ Năng đã buông bỏ, cảnh giới không có gì khác với Đức Như Lai. Chư vị Bồ Tát, A la hán cũng đều buông bỏ, nhưng chưa buông hết, chưa buông triệt để, điều này rất khó. Nói thì dễ nhưng khi làm không dễ chút nào.

Mỗi người sau khi đọc kinh, nghe Phật pháp, đều biết Phật pháp hay, điều rất hâm mộ, vì sao không làm được? Không buông được, cho rằng buông bỏ quá khổ. Thế gian này mọi người đều cho rằng, tài sắc danh thực thùy, ngũ dục thất tình là hưởng thụ, hưởng thụ nên không đành buông bỏ. Người thật sự giác ngộ, họ biết rằng đây không phải là hưởng thụ, đây là gì? Ngạn ngữ có câu: Vui trong đau khổ, không phải thật sự hưởng thụ, là vui trong đau khổ, niềm vui qua đi vẫn là khổ. Chỉ người có trí tuệ chân thật họ thấy được, hiểu được nên họ buông bỏ. Chưa buông bỏ, chưa lãnh hội được, họ không chịu buông bỏ. Hay nói cách khác, người chưa nhìn thấu, chưa buông bỏ, mặc dù tu hành trong Phật pháp, tu hình như không tệ, cảnh giới ngũ dục lục trần hiện tiền, vẫn không giữ được, lập tức liền bị thu hút ngay, liền bị đọa lạc. Có nhiều người biết mình đọa lạc, nhưng không quay đầu được, thứ nhất là tham niệm, thêm nữa là vấn đề sĩ diện, như vậy thì sao? Đã sai lại càng sai hơn, đây là sai đến địa ngục a tỳ, đến khi quay đầu không biết đời nào kiếp nào. Giác ngộ phải nhanh, phải duy trì sự giác ngộ, phương pháp duy trì chính là kinh giáo.

Ở đây chúng ta thể hội một cách sâu sắc, vì sao Đức Thế Tôn suốt đời giảng kinh dạy học, trong kinh điển không có ghi chép, có ngày nào Đức Phật nghỉ ngơi, chưa từng nghỉ. Ngày ngày giảng kinh dạy học, suốt 49 năm chưa hề gián đoạn, đây là làm tấm gương tốt cho đệ tử trong tương lai. Học Phật phải học như vậy, xuất gia là làm điều này. Dạy học, dạy suốt cả đời, quý vị sẽ thưởng thức được mùi vị, có niềm vui trong việc dạy học. Thầy Phương Đông Mỹ biết, đây là hưởng thụ cao nhất của đời người, cuộc sống này rất tự tại, buông bỏ hết tất cả.

Hiện nay chúng ta xem được một số báo cáo, trên bàn tôi có một phần tư liệu do các đồng học thu thập, đều là tiêu đề tin tức liên quan đến thiên tai trong mỗi tháng. Tháng 3 có 82 lần, tháng 4 có 59 lần, tháng 5 có 67 lần, tháng 6 có 155 lần, tháng bảy có 196 lần. Hiện nay là tháng 8, tôi dự đoán tháng 8 chắc phải hơn 200 lần. Xưa nay chưa tùng nghe qua thiên tai lại nhiều đến thế, mà tháng này nghiêm trọng hơn tháng trước.

Bởi vậy chúng ta nghĩ đến điều này, đoạn kinh văn này vô cùng quan trọng, chúng ta thực hành Phật pháp trên tự thân, thân tâm an lạc, mạnh khỏe an vui, hạnh phúc mỹ mãn, vì sao vậy? Vì nhận thức đầu tiên trong việc học Phật của chúng ta là con người không chết, chúng ta khẳng định được điều này thì tâm sẽ định. Sanh mạng là vĩnh hằng, tất cả chúng sanh bất sanh bất diệt, đây là thật. Nếu như chết thật, chết là hết tất cả, vậy là không có luân hồi, làm sao có luân hồi? Luân hồi chứng tỏ quý vị không chết, thân thể này mất đi, lại tìm một thân thể khác, chính là như vậy, bởi vậy chết rồi lại sanh.

Các bậc thánh nhân ngày xưa hiểu được đạo lý này, cổ nhân gọi là “chung thỉ”, không phải gọi là thỉ chung. Quý vị xem một năm, ngày 30 tháng chạp là ngày cuối năm, ngày thứ hai đã bắt đầu, ngày mồng một, chung thỉ, chung thỉ là vĩnh hằng không gián đoạn. Con người chúng ta cũng vậy, tử sanh, thân này chết đi thì thân thể khác sanh ra. Mối quan hệ đó, chúng ta càng sanh càng tốt, đời này tốt hơn đời kia, đây là đại kiết đại lợi. Nếu như đời này không bằng đời kia, như vậy là sai, làm sao để giữ cho chúng ta đời sau tốt hơn đời này? Hiện nay chúng ta hiểu, trong lục đạo này xả thân và thọ thân ai chủ tể? Không phải Diêm vương, không phải Thượng đế, không phải Phật Bồ Tát, mà là tâm hành của mình chi phối mình. Tư tưởng ta thuần chánh, kiến giải thuần chánh, ngôn hành đều có thể làm gương cho đại chúng xã hội, chắc chắn đời sau thù thắng hơn đời này. Nếu phước báo lớn, nhân gian không có, quý vị sẽ lên cõi trời.

Trời có 28 tầng, đó là nơi quý vị tu thiện tích đức mà vãng sanh về. Nếu hiện nay đã biết, giữa vũ trụ này có thế giới Cực lạc, có một vị Phật A Di Đà, ở đó không tệ, tôi muốn đến đó. Vãng sanh đến quốc độ chư Phật của tha phương thế giới phải tu tích công đức. Phước đức không được. Phước đức không ra khỏi được luân hồi lục đạo, công đức mới vượt ra được, công đức tu như thế nào?

Trên hình thức công đức và phước đức không có gì khác nhau, đều là đoạn ác tu thiện nhưng dùng tâm không giống nhau. Công đức là quên cái ta, như Kinh Kim Cang nói: Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, những gì ta tu được đều là công đức. Nếu có tự tư tự lợi, có danh văn lợi dưỡng, có cái ta trong đó sẽ biến thành phước đức, khác nhau ở chỗ này. Phàm phu lục đạo tu toàn nghiêng về phước đức, vì sao vậy? Vì họ không bỏ cái ta. Họ chấp trước thân thể này là ta, như vậy là sai.

Phật pháp từ tiểu thừa sơ quả, đại thừa Bồ Tát sơ tín vị trong thập tín vị đã buông bỏ cái ta. Không còn chấp trước thân này là ta, thân thật sự không phải ta. Thân có sanh tử, ta không có sanh tử. Cái ta khi mê gọi là linh hồn, giác ngộ gọi là linh tánh. Không gian hoạt động của linh hồn không ra khỏi luân hồi lục đạo, linh tánh lại rất lớn, biến pháp giới hư không giới đều là không gian hoạt động của nó. Chúng ta tu hành không có mục đích gì khác, chính là nâng cao linh tánh của mình.

Công phu bước thứ nhất, là buông bỏ tất cả ác niệm, ý niệm bất thiện. Đầu tiên là tu thiện, mười thiện nghiệp của đạo Phật chúng ta đã thực hành chăng? Chưa làm được, nguyên nhân chưa làm được là chúng ta không có nền tảng giáo dục vững chắc.

Thời cổ đại, nền tảng giáo dục bắt đầu từ thai giáo, người mẹ dạy con khi mới mang thai. Tư tưởng người mẹ thuần chánh, không có tà niệm, không có ác niệm, tâm tình tốt, nhất cử nhất động đều rất ổn định, không nông nổi. Đứa trẻ này ở trong bào thai cũng được thuần chánh. Sau khi nó ra đời, biểu hiện của cha mẹ trước mặt con cái như lí như pháp, chúng đều học hết. Cho nên Đệ Tử Quy, không phải dạy các em nhỏ đọc, không phải dạy chúng học thuộc, cũng không phải nói cho chung nghe, mà là cha mẹ thực hành nó khi sanh chúng ra, làm cho chúng thấy. Cha mẹ vẫn còn trẻ, cha mẹ họ vẫn còn, họ đối đãi với cha mẹ như thế nào, bọn trẻ đều nhìn thấy. Tuy không biết nói, cũng chưa biết đi, nhưng chúng nghe được, thấy được, chúng đều cảm xúc được, đều đang học theo. Từ mới sinh ra học đến ba tuổi, một ngàn ngày, nền tảng này thâm căn cố đế. Ngạn ngữ xưa có câu: “ba tuổi xem 80 mươi”, nghĩa là nói từ mới sinh cho đến ba tuổi, tiếp xúc được nền giáo dục tốt đẹp như thế, đến 80 tuổi cũng không thay đổi, đây là nền tảng của giáo dục. Cho nên Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp là cha mẹ thực hành cho con cái noi theo, là dạy bằng cách đó.

Trẻ con ngày xưa bảy tám tuổi đi học, khi đi học thầy giáo đem những đạo lý hằng ngày ta học được giảng cho chúng nghe. Vì sao phải hiếu thuận cha mẹ, vì sao phải tin vào nhân quả. Thầy giáo giảng bài giống như kể chuyện cho các em nghe vậy, đồng thời dạy các em học thuộc lòng. Học thuộc lòng nghĩa là gì? Tu căn bản trí, căn bản trí là gì? Căn bản trí là vô tri: “Bát nhã vô tri, vô sở bất tri”. Vô tri là gì? Tâm thanh tịnh. Dạy chúng học thuộc, tâm chúng liền thanh tinh, sẽ không suy nghĩ bậy bạ. Nếu không để cho các em học thuộc lòng, chúng sẽ suy nghĩ bậy bạ. Nên căn bản trí mọi người không dễ hiểu, nói cách khác quý vị sẽ dễ hiểu- Tâm thanh tịnh.

Làm sao để duy trì tâm thanh tịnh cho các em nhỏ? Đọc sách thánh hiền là biện pháp tốt nhất. Mỗi ngày chỉ dạy chúng đọc một đoạn, không cần quá nhiều, phải lặp đi lặp lại đoạn này 100 lần, 200 lần, 300 lần, phải để chúng lặp lại nhiều lần. Mục đích chính là không cho phép chúng suy nghĩ bậy bạ, cũng không cho phép chúng đưa ra câu hỏi, chỉ đọc thôi. Hỏi gì! Lớn lên tự nhiên sẽ hiểu. Đây là thật, không phải gạt chúng, gọi là căn bản trí.

Điển tịch của Thánh hiền, từ nhỏ, khoảng trước mười tuổi, hầu như đều thuộc, suốt đời không quên. Khi cần dùng, trích dẫn kinh điển, liền trích dẫn ngay, vì họ đều ghi nhớ.

Thói quen tốt đều từ nhỏ dưỡng thành, không sát sanh, nuôi dưỡng điều gì cho họ? Tâm từ bi, tâm từ bi cần phải dưỡng thành không ăn thịt chúng sanh, vì sao vậy? Không nhẫn tâm. Ở đây không nói nhân quả, chỉ đơn thuần nói đến tâm từ bi. Nếu con người hiểu nhân quả, không dám ăn thịt chúng sanh. Con người có tâm từ bi, không nhẫn tâm ăn thịt chúng sanh. Nếu con người có tâm từ bi, không nhẫn tâm hại người, tổn hại người khác, vì sao vậy? Không đạo đức. Nếu hiểu được nhân quả, không dám ăn thịt chúng sanh, không dám tổn thương người khác, vì sao vậy? Vì có báo ứng. Thiện tâm hiện hành có báo ứng thiện, ác niệm ác hành có ác báo, nhân quả báo ứng không sai chút nào. Phẩm trước chúng ta học rất nhiều, phẩm trước chuyên nói về báo ứng thiện, hoàn toàn đúng như vậy.

Tôi học Phật được nửa năm là ăn chay trường, vì sao vậy? Lý thì tôi hiểu không nhiều, nhưng tôi sợ quả báo, tôi tận mắt chứng kiến quả báo này, tôi thấy quả báo của ba tôi khi chết. Ba tôi là một người tốt, nhưng ông tạo nghiệp rất nặng, tội gì vậy? Thích đi săn. Thời kháng chiến ông là quân nhân, quản quân giới, quản lý những gì? Vũ khí, nên súng và đạn dược rất dễ dàng. Tôi nhớ lúc đó tôi khoảng 15, 16 tuổi, trong nhà súng dài súng ngắn có tám cây, vì ông quản vũ khí. Còn đạn thì mang về nhà từng thùng từng thùng, dùng để săn bắn. Mỗi ngày thức dậy thật sớm, trời còn chưa sáng liền gọi tôi và em trai dậy đi săn với ông. Em tôi còn rất nhỏ, nên không dám bắn súng, còn tôi mười lăm mười sáu tuổi nên làm được, tôi đi theo ba săn bắn, đi săn suốt ba năm. Mỗi ngày ít nhất bắn mười viên đạn, nên luyện được cách bắn súng, có cần nhắm chuẩn chăng? Không cần, hầu như là bách phát bách trúng, tôi cũng luyện được bản lĩnh này. Ngày nào cũng luyện, ngày nào cũng săn bắn.

Sau khi học Phật nghĩ lại, khi ba tôi chết hoàn toàn giống như trong Kinh Địa Tạng nói. Nhìn thấy núi là chạy về hướng núi, con người ốm như que củi, nhưng rất có sức, mấy người không bắt được ông. Nhìn thấy nước là lặn xuống, vô cùng đáng thương, đó là gì? Quả báo của việc sát sanh, săn bắn trên núi, bắt cá trong hồ, bắt cá bằng cách nào? Dùng thuốc nổ, ném một quả mìn xuống hồ, sẽ bắt được rất nhiều cá. Sau khi ném một quả mìn, phải có mấy ngàn con cá chết, lúc đó không hề hay biết. Nên cuộc sống trong những năm tháng chiến tranh vô cùng gian khổ, trong nhà tôi ngày nào cũng có thịt thú rừng ăn. Nhưng sau khi thắng lợi cũng chỉ được năm năm, ba tôi gặp phải nỗi thống khổ này, và ra đi như vậy.

Khi tôi học Phật, vừa xem Kinh Địa Tạng đã giật mình, nói rất giống với trường hợp của ba tôi, nên không giám ăn thịt nữa. Vì vậy đại sư Chương Gia dạy tôi tu bố thí, điều đầu tiên là tôi học phóng sanh. Bản thân không có điều kiện này, nên khi đại chúng phóng sanh tôi hoan hỷ bỏ tiền bỏ sức, cùng đi phóng sanh với họ.

Tạo tội nghiệp này quá nặng, trong Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “Người chết làm dê, dê chết làm người”, quý vị ăn nó nửa ký, đời sau phải trả nó tám lạng, đây là nói nghiệp nhân quả báo. Nợ mạng phải đền mạng, nợ tiền phải trả tiền.

Những năm lại đây, hình như toàn thể vũ trụ, toàn bộ thế giới đã làm một cuộc tổng thanh toán. Rất nhiều người học Phật, tại gia hay xuất gia đều có, oán thân trai chủ đến đòi mạng, đến đòi nợ, điều này từng xảy ra. Điều này không phải mê tín, không phải giả.

Gần đây khoảng ba tháng trước, có một người tại gia học Phật, ông bị bệnh suyễn đã nhiều năm, nhưng không chữa được. Ông bế quan niệm Phật một tháng, phát hiện bệnh suyễn là do một oán thân trái chủ ở trên thân ông, khiến ông chịu tội này, đã phát hiện được. Khi phát hiện ông chân thành sám hối, ông nói: Bồ Tát suyễn\_gọi vị trái chủ này, yêu cầu họ đừng làm khó ông, để cho ông có thể đọc kinh tốt, có thể niệm Phật thật tốt, hy vọng oán thân trái chủ này cùng tu hành với ông. Ông đem công đức mình tu hành hồi hướng cho họ, cầu sanh Tịnh độ. Tâm này vừa phát khởi, bệnh suyễn quả nhiên không còn. Bệnh suyễn này có còn chăng? Còn, ở bên cạnh ông, một tháng sau, trái chủ nói với ông rằng: Phật A Di Đà đã tiếp dẫn họ về thế giới Cực lạc, bệnh suyễn của ông không còn, không cần trị cũng lành. Sau này ông nghĩ đến, sắc mặt ông rất khó coi, ông liền nghĩ: Phải chăng lại là một oán thân trai chủ đến tìm? Quả nhiên không sai, là oán thân trai chủ. Khuôn mặt ông quả thật rất khó coi, giống như say rượu vậy, ông gọi đây là người say rượu. Cũng dùng phương pháp này cầu Phật A Di Đà, Phật A Di Đà quả là từ bi, tiếp dẫn ông về thế giới Cực Lạc. Hai bệnh này ông đã mắc từ nhiều năm trước, đều không trị được, vô cùng thống khổ, bây giờ vấn đề đã được giải quyết.

Cho nên khiến chúng ta hồi tưởng, thân thể chúng ta chỗ này đau đớn, chỗ kia bệnh hoạn, nhất định đều là oán thân trai chủ ở trên thân làm phiền. Người không học Phật không biết, phải chịu hành hạ, phải thọ báo ứng. Người học Phật hiểu được, hồi hướng cho họ, thờ cúng họ, siêu độ cho họ. Họ hoan hỷ, ra đi, bệnh liền lành. Cho nên tự thân và gia đình đều được lợi ích.

“Nhờ ơn giáo hóa”, từ trên câu này để xem. Phật sở hành xứ chính là dạy học, chính là tổ chức lớp dạy học. Không có nhân duyên như vậy, một người cũng phải dạy, cũng phải nói, hai người cũng phải nói.

Trước đây chúng tôi học giảng sư, thầy Lý dạy phương pháp cho chúng tôi, đi đâu để giảng? Đến nhà các đồng tu giảng, thứ hai ở nhà họ Trương, thứ ba ở nhà họ Lý, một tuần một lần. Như vậy quý vị tìm năm sáu nhà sẽ rất náo nhiệt, ngày ngày đều phải giảng, thính chúng hai người, ba người, bốn người, năm người. Chỉ cần thật sự phát tâm, ngày ngày giảng, không được nghỉ, nghỉ sẽ lơ là. Nếu ba tháng không giảng kinh sẽ quên, sáu tháng không giảng kinh là quên hết, trả lại tất cả cho thầy. Nên lúc đó thầy quy định những cho đồng học chúng tôi, mỗi tuần ít nhất phải giảng một lần, không thể thiếu, đương nhiên là càng nhiều càng tốt.

Lúc tôi rời Đại Trung đến Đài Bắc, lúc đó một tuần giảng năm ngày, mỗi ngày đều giảng khoảng ba tiếng. Tin này truyền đến Đài Trung, thầy vổ bàn nói: Quá tốt! Một tuần giảng mười mấy tiếng. Tiêu chuẩn của thầy tuần giảng một tiếng là quá tốt rồi, không thể không giảng, càng giảng càng nhiều. Tôi giảng đến nhiều nhất là mỗi ngày giảng 9 tiếng: Buổi sáng ba tiếng, chiều ba tiếng, tối ba tiếng. Mỗi ngày ít nhất cũng trên một tiếng rưỡi, hiện nay đều là hai tiếng, trước đây mỗi lần là một tiếng rưỡi, không thể dừng. Không được ngừng giảng, không được ngừng học, ngừng là xảy ra phiền phức, tất cả đều nhờ ơn hóa độ.

“Thiên hạ hòa thuận”, đây là xã hội được hiệu quả, xã hội an định hòa thuận. Phật pháp gọi là chánh báo, đã được lợi ích. Bên dưới là y báo: “Nhật nguyệt sáng sủa, gió mưa thuận hòa, thiên tai không khởi lên”, ba câu này là hoàn cảnh vật chất. Cái gọi là tai họa tự nhiên đều được hóa giải hết. “Dân giàu nước mạnh”, nơi này vật sản phong phú, nhân dân an lạc. “Không có binh biến can qua”, không có chiến tranh, cũng không có đạo tặc, thái bình thạnh thế. “Sùng đức hưng nhân”, tôn sùng đạo đức, đây là dạy mà được. “Nhân từ bác ái, luôn tu lễ nhường”. Chắc chắn không được thiếu lễ, giữa người với người phải nhường nhịn lẫn nhau, không được tranh. Vì sao thế giới ngày nay lại biến thành như vậy? Chính là lý niệm trong giáo dục sai lầm, dạy tranh dành, đây là giáo dục phương tây, khác với giáo dục phương đông. Giáo dục phương tây từ nhỏ, từ mẫu giáo đã dạy cạnh tranh, lý niệm của người phương tây không thừa nhận con người là người tốt. Cho rằng bản chất con người rất xấu xa, là ác, không phải thiện, không tin thế gian có người tốt. Đây là nhân sinh quan của người phương tây, không giống với người phương đông. Tổ tông ngàn vạn năm truyền lại: “Tánh người vốn thiện”. Đức Thế Tôn truyền lại: “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”, không giống nhau. Ngày nay phương tây đã đi đến đường cùng, hết đường đi. Xã hội động loạn, thiên tai trên địa cầu, họ hoảng sợ.

Tháng ba năm nay tôi ở Úc châu, bạn bè ở Úc châu, mấy người này làm chính trị, đều rất có địa vị, đến Đồ Văn Ba thăm tôi, hỏi tôi một câu hỏi: Xã hội hiện nay\_Họ là hỏi toàn bộ thế giới, có thể khôi phục lại được nền an định hòa định chăng? Tôi nói với họ, tôi nói: được. Tiến sĩ Townenbe người Anh từng nói: Muốn giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21, chỉ có học thuyết của Khổng Mạnh và Phật pháp đại thừa. Học thuyết Khổng Mạnh là gì? “Khổng tử nói thành nhân, Mạnh tử nói thủ nghĩa”, nhân nghĩa là nòng cốt của học thuyết Khổng Mạnh. Nhân là thương người, người hiện nay không thương người, người bây giờ tổn thương người khác, nên thế giới mới biến thành như vậy. Nếu như người người đều có thể thương người, họ sẽ không làm hại người khác, không phá hoại đại tự nhiên, xã hội sẽ được cứu. Nên phải đề xướng nhân. Nghĩa là gì? Hợp tình, hợp lý, hợp pháp gọi là nghĩa, cũng chính cái gọi là thiên lý lương tâm. Xử sự đối nhân tiếp vật phải có lương tâm, lợi ích chúng sanh, không được tổn thương chúng sanh.

Tôi nói kỹ xảo của Khổng Mạnh nhu hòa, Luận ngữ nói: Đạo của Phu tử, chính là trung thứ. Trung là nói về tâm, không có thiên tâm, không có tà tâm, không có tà niệm, tâm không thiên lệch, gọi là trung. Thứ là gì? Phải tha thứ cho người khác. Xã hội ngày nay, toàn thế giới, ai chưa từng phạm sai lầm? Ai chưa tạo tội nghiệp? Cho nên không nên dùng pháp luật để khống chế, nếu dùng pháp luật, họ sẽ phản ứng, lại tạo thành xã hội động loạn. Không những không giải quyết được vấn đề, mà càng khiến cho xã hội động loạn thêm, phải làm sao? Phải tha thứ. Nếu quý vị hỏi tôi, vì sao phải tha thứ? Quý vị phải thương xót họ, vì sao họ làm sai việc? Họ chưa từng tiếp thu giáo dục, nên không hiểu. Ngày nay vấn đề trên toàn xã hội, quý vị truy cứu căn nguyên, là giáo dục xảy ra vấn đề, chứ không phải gì khác. Trong Tam Tự Kinh nói rất hay: “Cẩu bất giáo, tánh nãi khiên”, nếu không dạy dỗ thật tốt, họ sẽ học hư, học sai hoàn toàn, dạy sai hoàn toàn. Từ mẫu giáo đã dạy cạnh tranh, như vậy thì thành cái gì? Trung quốc ngày xưa dạy điều gì? Dạy nhường, không dạy tranh, các em nhỏ sống với nhau phải nhẫn nhường; khi lớn lên hiểu chuyện là khiêm nhường; trưởng thành đi vào xã hội là lễ nhường, nhường đến cùng. Mọi người đều nhường nhau, thế giới này sẽ hòa bình.

Quý vị nói tham ô, ngày nay có vị quan nào không tham ô? Nếu tham ô đều trị tội, thì quan viên của cả nước đều phải trị tội, như vậy thì thành thể thống gì? Không thể làm như vậy. Bất luận là họ tham bao nhiêu, bỏ qua tất cả, quý vị tham bao nhiêu là của quý vị, không hỏi những tội đó, về sau không tham là được. Có thể làm thống kê điều tra tài sản, thừa nhận quý vị, quý vị có bao nhiêu tài sản. Bởi thế không được trừng phạt, phải có lòng thương xót, khiến họ thật sự được an định, quốc gia không xử quý vị. Những lỗi lầm trước đây cho qua, bắt đầu từ hôm nay cố gắng học tập truyền thống văn hóa của thánh hiền, như vậy là tốt. Sau khi học quý vị sẽ hiểu, sẽ thấy xấu hổ không làm việc xấu nữa. Thế nên tâm lượng nhất định phải lớn, nhất định phải bao dung. Nhất định phải cầu cho xã hội an định trước, trong an định làm tốt việc giáo dục, vấn đề có thể giải quyết. Họ nghe xong rất đồng ý nhận xét của tôi.

Một người khác cũng đưa ra vấn đề này, cũng là rất sắc bén, điều này trước đây tôi chưa từng nghe. Hiện nay người tây phương bắt đầu chất vấn nghi ngờ, chế độ dân chủ phải chăng là chế độ tốt nhất? Đã hỏi tôi một câu như vậy. Tôi nói với họ, đại khái một chế độ, đều là do thời đại sanh ra. Thích ứng thời đại này, là những gì cần thiết cho thời đại này, họ dùng một loại chế độ nào đó. Nên chế độ không phải là vĩnh hằng bất biến, nhưng chế độ không quan trọng, quan trọng nhất là giáo dục, vì sao vậy? Vấn đề ngày nay là nhân tâm băng hoại. Chế độ nào trong tay họ, họ cũng lợi dụng nó, mưu cầu danh văn lợi dưỡng cho bản thân. Nếu con người là người tốt, cho dù chế độ không tốt, họ cũng có thể làm được việc tốt. Còn như là người xấu, chế độ tốt đến mấy, họ vẫn làm việc xấu mà thôi.

Nếu quý vị lại hỏi tôi\_tôi liền nghĩ đến một vấn đề, làm sao để đem ưu điểm của chế độ dân chủ này, và những ưu điểm, những điều tốt của thời đại đế vương Trung quốc tập hợp lại, như vậy sẽ trở thành rất viên mãn. Một biện pháp, có thể làm được chăng? Có thể làm được. Trong xã hội cũ của Trung quốc thường nói đến Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức là những luân lý hay, tập hợp ở ngày nay là chính đảng chính trị. Chính đảng chính trị bồi dưỡng người lãnh đạo các tầng lớp của quốc gia, yêu cầu họ thực hành những đạo đức này. Con người đều trở thành người tốt, họ đều làm được việc tốt. Nếu thật sự hiểu được, không ai không chịu làm. Ông Đạo Thạnh Hòa Phu người Nhật hiểu được, ông học được tất cả những gì tốt đẹp của người xưa. Cá nhân ông, người Nhật bản gọi ông là thánh nhân, cá nhân tu dưỡng thành công, đi ra thế giới, không ai không kính phục ông, không tôn kính ông. Ông có điều gì? Ông làm theo những gì cổ thánh tiên hiền dạy, ông thực hành “nhân” của Khổng tử, làm được “nghĩa” của Mạnh tử. Bản thân mở hai công ty, đều đứng vào trong 500 công ty lớn mạnh của thế giới, kinh doanh suốt 50 năm, không có năm nào tổn thất, năm nào cũng kiếm được tiền. Ngành kinh tế gặp khó khăn như thế nào cũng không liên quan đến ông. Quý vị hỏi ông ta kinh doanh như thế nào? Dùng luân lý đạo đức truyền thống để kinh doanh. Các bậc tổ tông là lý niệm đệ nhất trên mặt chính trị, Mạnh tử nói: “Dân vi quý, quân vi khinh”, Đạo Thạnh đã học được điều đó. Cho nên vì sao công ty của ông vĩnh viễn hưng thịnh như vậy? Ông đã học được quan niệm này, nhân viên trong công ty mới quý, ông chủ là nhẹ. Lợi ích của công ty, người đầu tiên là nhân viên, lợi ích thứ hai là khách hàng, lợi ích sau cùng là công ty. Kinh tế này hoàn toàn tương phản với tây phương. Nên nhân viên đều rất vui, mỗi người đều siêng năng làm việc, vì sao vậy? Vì người hưởng lợi ích đầu tiên là họ. Nếu quý vị kinh doanh một quốc gia, quý vị là người lãnh đạo của quốc gia, lợi ích là trăm họ trên cả nước, đất nước này nhất định giàu mạnh. Ông đã thực hiện được những đạo lý này, ông thật sự đã thực hành, nên ảnh hưởng của ông rất lớn.

Hiện nay tuổi tác đã lớn, hình như năm nay là 80 tuổi, đi ra dạy học khắp nơi, truyền bá lý niệm của mình. Cho nên “sùng đức nhân hưng, vụ tu lễ nhường”, vô cùng quan trọng. Câu sau “nước không có đạo tặc, không có oan uổng, mạnh không hiếp yếu, ai cũng được lợi ích”. Đây là Phật hóa chính giáo đại đồng chi trị trong kinh điển.

Tiếp theo là giải thích của Hoàng Niệm Tổ, chúng ta đọc qua một lượt: “Phật sở hành xứ, là chỉ những nơi Phật du hành, tức nơi Phật đến. Lại kiêm chỉ nơi lưu hành Phật pháp của đời sau”. Chúng ta tổng kết điều này, là nơi phổ biến nền giáo dục của Đức Phật. Ngày xưa tự viện am đường đều là trường học, không phải tôn giáo, điều này cần phải biết. Quý vị xem cương lĩnh chấp sự trong chùa, hoàn toàn giống như trường học hiện nay. Phương trượng trú trì là hiệu trưởng; hòa thượng thủ tọa là giáo vụ, là trưởng giáo vụ trong trường; duy na là trưởng huấn đạo; giám viện là tổng vụ trưởng, phân công rất giống với trường học hiện nay.

Ông Phương Đông Mỹ thường nói điều này với tôi, muốn phục hưng Phật giáo, nhất định phải phục hưng chế độ tùng lâm, chế độ tùng lâm là gì? Đại học, tùng lâm của thời cổ đại chính là trường đại học ngày nay, khôi phục việc dạy học. Tùng lâm là trường học, trong đó có rất nhiều khoa, chính là các tông phái khác nhau. Quý vị muốn học điển tịch của Tông phái nào, có thầy giáo chuyên môn dạy môn đó, nên gọi là phân toà giảng kinh, nghĩa là sao? Mỗi lớp học đều có môn học khác nhau, nên nó đích thực là trường học, chúng ta phải biết điều này. Nhất định phải trở lại việc dạy học, trở lại trường học, Phật giáo mới có thể thường trú ở thế gian, các Tôn giáo khác cũng vậy.

Năm nay Vatican có hoạt động, năm ngoái tôi từng đi phỏng vấn, thảo luận đến những vấn đề này. Hoạt động năm nay, tôi vẫn muốn nhấn mạnh vấn đề này: Tôn giáo nhất định phải trở lại nền giáo dục, nó đối với xã hội mới thật sự có cống hiến, tôn giáo mới có thể truyền tiếp ở thế gian này. Nếu như không trở lại giáo dục, rất có thể là bị đào thải, như vậy thì quả là đáng tiếc.

“Quốc’ là quốc gia, ấp là thôn làng, “khưu” có hai nghĩa: Trong Hộ Sớ gọi là “gò núi”, thứ hai trong Chu Lễ gọi “bốn ấp là khưu”, ấp giống như là làng hay trấn vậy. Tu là tụ lạc, chính là thôn lạc, thôn trang. Đại sư Vọng Tây nói: “Quốc ấp khưu tụ tượng trưng nơi Phật đến”, ở đây có trường học Phật giáo, tự viện am đường là trường học, ở đây có kinh điển dạy học. Cho nên “không ai không tiếp thọ giáo hóa của Phật”, câu này rất quan trọng, “nên nói không ai không được giáo hóa”. Đã nhận được sự giáo hóa của Phật, “tức nhận được sự kiết tường, nên được thiên hạ thái bình, cho đến mỗi người đều đạt được lợi ích”, đây chính là những gì đoạn văn này thuật lại.

“Thiên hạ hòa thuận” chính là thế giới đại đồng. “Vạn bang hòa thuận” chính là thiên hạ một nhà. “Nhật nguyệt thanh minh, mưa hòa gió thuận”, là chỉ phong điều vũ thuận, không có hạn hán, không có lũ lụt, không có gió bão, không có mưa đá, không có những thiên tai tự nhiên này. “Tai lợi bất khởi”, tai là chỉ tai họa, lợi là ôn dịch. “Không có những thảm họa như núi lở, động đất, sóng thần, đại địa chìm vân vân, nhưng tai nạn như nước lửa đao binh, lại không có lan truyền những bệnh ôn dịch”, xã hội này bình an biết bao. Nguồn cơn của những thảm họa này, trong kinh Đức Phật nói rất rõ ràng, và hiện nay cũng được các nhà khoa học chứng minh. Họ phát hiện được một vấn đề, ý niệm của con người có thể thay đổi hiện tượng vật chất bên ngoài. Nên trong kinh Đức Phật dạy: Động đất là do ngạo mạn chiêu cảm ra, người ở vùng đó ngạo mạn, thì nơi đó rất nhiều động đất, ngạo mạn chiêu cảm động đất. Sóng thần là tham lam, tham tâm chiêu cảm lấy lũ lụt. Đất sụp, hiện nay nói là hố tử thần, đây thuộc về hoài nghi. Hoài nghi đối với bản thân, hoài nghi cha mẹ, hoài nghi tổ tông, hoài nghi thánh hiền, hoài nghi Phật Bồ Tát, sẽ gây ra hố tử thần.

“Nước lửa đao binh”, nước là tham, lửa là sân, đao binh là chiến tranh. “Ngũ độc đầy đủ”, năm độc là tham sân si mạn nghi đều đầy đủ, thiên tai liền khởi lên. “Ôn dịch lưu hành”, đây là tất cả các ác nghiệp chiêu cảm. Trong ác nghiệp quan trọng nhất là nghiệp sát sanh, trong nghiệp sát sanh là tham ăn. Thử nghĩ lại xem, mỗi ngày giết hại và ăn thịt hết bao nhiêu chúng sanh! Và còn giết người, giết người ở đâu? Phá thai là giết người, mỗi ngày ở nơi thành phố này có bao nhiêu người nạo phá thai? Tôi nghe có người nói: Trên toàn thế giới, mỗi năm phá thai hơn 5000 vạn, hai năm hơn một ức. Một năm hơn 5000 vạn, hai năm là 1 ức, đây là giết người. Những đứa bé này đến thế gian này, Đức Phật nói do bốn nhân duyên, không phải bốn nhân duyên này không đầu thai vào gia đình quý vị. Họ đến báo ân, nhưng quý vị giết họ thì ân biến thành oán. Họ đến báo thù, báo oán, quý vị giết chết họ thì oán lại càng thêm oán. Họ đến trả nợ, quý vị giết chết họ, nợ bây giờ lại nợ thêm mạng sống, điều này phiền phức rất lớn. Đời này đời sau oan oan tương báo không bao giờ dứt, quý vị làm sao sống tốt được? Khi vận khí quý vị đang thịnh, họ chỉ đứng một bên nhìn, không dám gây phiền quý vị. Khi vận khí quý vị suy yếu, họ sẽ nhập vào trên thân quý vị để gây phức, nên phiền phức rất lớn. Thật sự hiểu rõ ràng minh bạch những chân tướng sự thật này, chúng ta tự nhiên rất cẩn thận trong khởi tâm động niệm, không thể có ác niệm. Nhất định không được làm những việc sát đạo dâm vọng, đây là ác nghiệp, chắc chắn có ác quả. Tham sân si mạn nghi là gốc của phiền não, căn bản của tất cả ác nghiệp. Chúng ta không cách nào đoạn được, nhưng ít nhất phải khống chế nó, hạ thấp nó, nhất định phải buông bỏ dục vọng, dục vọng là duyên. Nếu không buông bỏ dục vọng, năm độc tham sân si mạn nghi liền hiện tiền. Năm độc hiện tiền sẽ tạo sát đạo dâm vọng, tức tạo nghiệp, hữu ý hay vô ý điều đang tạo.

Ngày nay thiên tai hiện tiền, chẳng phải không có nguyên nhân, chúng ta nhất định phải cẩn thận, phải siêng năng nổ lực niệm Phật. Nói thật, ngày nay ngoài niệm Phật ra, không có con đường thứ hai để đi, thiên tai thật sự đang ở trước mắt.

Đức Phật nói rất rõ ràng, chúng ta ở trên địa cầu này, là có cộng nghiệp, có biệt nghiệp với mọi người. Có thể tránh được chăng? Tôi cảm thấy đó không phải là điều quan trọng, điều quan trọng là phải giác ngộ, là phải hiểu. Nhất định phải buông bỏ ý niệm bất thiện, ngôn ngữ bất thiện, hành vi bất thiện. Đại sư Ấn Quang dạy chúng ta, phải thường nghĩ đến “chết”. Những năm về già ngài thường bế quan. Tôi có đến xem nơi ngài bế quan, Chùa Linh Nhạc Sơn ở Tô Châu. Tôi tin có rất nhiều người đến xem, gian phòng bế quan rất nhỏ, nơi ngài lạy Phật là một gian phòng rất nhỏ. Trong đó có một cái bàn, đặt một tượng Phật A Di Đà, rất đơn giản. Ở sau Phật A Di Đà treo một chữ lớn, là chữ “tử” do chính tay ngài viết, dán ở sau tượng Phật. Trên bàn chỉ có một cặp đèn sáp, một ly nước cúng, một lư hương, một cái khánh, một cái mỏ nhỏ, ngoài ra không còn gì nữa. Đó là nơi tổ sư sống và tu hành, là tấm gương tốt nhất cho người tu hành chúng ta, thật sự buông bỏ.

Tâm hành bất chánh, lần thiên tai này chắc không tránh khỏi. Không thể tránh được cũng đừng sợ hãi, niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là được, nên đây là việc tốt. Thân thể chúng ta không giữ được, thân có sanh tử, chúng ta không có sanh tử, nhất định phải hiểu điều này. Sau khi chết, sẽ đi tìm một thân thể khác, gọi là luân hồi, nên thân không phải là ta. Khi mê gọi là linh hồn, linh hồn không ra khỏi lục đạo. Khi giác ngộ gọi là linh tánh, linh tánh vượt ra khỏi lục đạo. Thế nào mới giác ngộ? Buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, như vậy là giác ngộ. Sau khi giác ngộ, không gian hoạt động của linh tánh là biến pháp giới hư không giới, ở đâu cũng đến được, không có chút chướng ngại nào. Thân thể rất phiền phức, ăn mặc ở đi, chịu rất nhiều phiền toái.

Thiên tai đến, có người cung cấp một phương pháp hay: Đừng ăn cơm, đừng uống nước, cũng có thể sống ở nhân gian, sống có ý nghĩa gì? Con người không ăn không uống, không tệ lắm, nhưng niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, như vậy mới đúng, vì sao vậy? Không ăn không uống, năng lượng yếu, công việc nặng một chút là làm không nổi, vì ta không có thể lực, nên sống ở thế gian ý nghĩa không lớn. Nhưng phương pháp này, khi thiên tai ập đến, giúp chúng ta kéo dài thọ mạng thêm mấy ngày, cố gắng niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, công đức này rất lớn.

Chúng ta mãi mãi ghi nhớ giáo huấn của pháp sư Doanh Kha, ba ngày ba đêm có thể niệm Phật A Di Đà đến, và ông đã ra đi theo Phật. Điều này đối với chúng ta mà nói, đây là tin tức tốt nhất, khiến chúng ta thật sự xa rời tất cả ưu tư sợ hãi, thân tâm an ổn, Cần phải buông bỏ vạn duyên, nhất tâm cầu sanh Tịnh độ, như vậy mới thật sự được sanh.

“Nước giàu dân an”, ở đây nói rất hay, quốc gia giàu mạnh, sanh sản được mùa, nhân dân an lạc, là việc tốt. “Không có binh can”, binh là binh đao, lấy kim thuộc làm thành quân khí sắc bén, qua là vũ khí trên đầu bằng. Những thứ này là của ngày xưa, bây giờ không còn. Hiện nay chỉ có vũ khí phát triển, vũ khí có sức sát thương lớn, người ngày xưa khó mà tưởng tượng được. Đây là ví dụ về chiến tranh.

Gọi là bên trong không có đạo phỉ phản nghịch, bên ngoài không có các nước xâm lăng, có thể chăm lo văn hóa giáo dục, vì không còn dùng đến binh qua. Đây là nói xã hội an định hòa thuận, không có đạo tặc, quả thật là đêm không cần đóng cửa, trên đường không lượm của rơi. Trong xã hội hiện nay vẫn còn.

Lần này tôi đến Nhật giảng kinh, ở đó nửa tháng, nơi một vùng nông thôn, vùng nông thôn đó đích thực giữ được cảnh tượng này. Tôi thấy bên đường có bán rau, họ làm một chòi nhỏ. Trên rau để giá tiền, chỉ để đó không có người trông coi, nếu quý vị muốn lấy rau, thì để tiền vào trong hộp. Đây là chỗ thu tiền, quý vị để vào đó, không có ai bán. Đại khái người ta từ sáng sớm đã để rau ở đó, tối đến mơi đi lấy về, thật hiếm thấy! Mỗi người đều thành thật như vậy, hòa thuận như vậy. Tôi thấy vậy vô cùng hoan hỷ, con người không có tham tâm, không có ý niệm chiếm đoạt của người khác. Nên có người nói với tôi, nhân dân đều là người tốt, nhân dân rất dễ dạy, muốn học tập truyền thống văn hóa thì không khó chút nào.

“Sùng đức hưng nhân”, tôn sùng đạo đức, đây là “sùng đức”. Hưng Thí Nhân Chánh gọi là hưng nhân, “vụ tu lễ nhường”, ở trước tôi nói rất nhiều về điều này. Hội Sớ nói: “Có thứ tự tôn ti là lễ, người có trước có sau là nhường. Mọi việc phải nghĩ cho người khác trước, bản thân luôn đứng ở phía sau”, đây là tích đức, đây là tu phước. “Nhường là thoái nhường, đẩy điều tốt cho người khác, tự mình không hưởng nó”, việc tốt tuyệt đối nhường cho người khác, chúng ta có thể nhận lãnh sai lầm. Làm như vậy, chính là công đức chân thật. Quý vị muốn hỏi vì sao? Vì quý vị làm gương tốt cho xã hội. Hiện nay người trên xã hội đều là cạnh tranh, khởi tâm động niệm đều tổn người lợi mình. Chúng ta làm tấm gương tốt cho mọi người noi theo.

Ông Đạo Thạnh Hòa Phu là một thương nhân người Nhật bản, hoàn toàn dùng nhân nghĩa, dùng đạo đức để kinh doanh, ông kinh doanh thành công. Điều này đem đến cho những nhà xí nghiệp, buôn bán, làm ra tấm gương tốt nhất, là thánh nhân trong các thương nhân. Quả là đáng quý, chính là ông không tranh, ông nhường, nhường vẫn kiếm tiền, kiếm được càng nhiều, đây là điều kỳ lạ, nên hiện nay rất nhiều người muốn học theo ông.

“Nước không có đạo tặc”, nhân dân đều làm theo việc công giữ pháp, nên không có trộm cắp, không ai muốn làm tổn thương người khác. “Không có oan uổng”, người lãnh đạo công chính liêm minh, không mảy may tơ hào, nên không có án sai. Những người lãnh đạo này, nhân viên công vụ, liêm là liêm khiết không tham ô, minh là có trí tuệ. Họ xử lý sự việc rất công chánh, xem rõ ràng, nên không hàm oan người khác, không làm sai điều gì.

Mạnh không hiếp yếu, mỗi người đều được lợi ích, ỷ mạnh hiếp yếu thật là nguồn gốc tai họa của thế gian. Câu này nói rất chính xác, dựa vào oai thế của cải của mình để áp bức nhân dân, hoặc là áp bức đối phương, khiến người ta không phục, như vậy là kết oán thù. Sau khi kết oán thù, đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo không bao giờ dứt, khổ không sao nói hết.

Bá chủ đất nước mà mượn quân lực của mình để hiếp đáp kẻ yếu, dùng vũ lực lớn mạnh hiếp đáp người khác. Người giàu dựa vào của cải của mình mà bốc lột người nghèo. Người chấp quyền, đương quyền, dựa vào quyền thế, ức hiếp nhân dân. Người làm sai, kết thành đảng phỉ, bức hại lương thiện. Lấy nhiều chọi ít, ỷ thế hiếp người, hút mồ hôi nước mắt của người, no mình đau lòng người khác. Họa nước tai ương cho dân, không ngoài những điều này. Những hiện tượng này trong xã hội này hầu như đến đâu cũng đều nhìn thấy, nên xã hội động loạn đều do đây mà có. Thảm họa của địa cầu không phải không có nguyên nhân, do cộng nghiệp của nhân dân trên địa cầu chiêu cảm nên. Chúng ta không thể không biết. Chư vị học Phật cần phải đề cao cảnh giác. Cổ nhân có câu: “Trước cửa địa ngục tăng đạo nhiều”, vì sao nói câu này? Nói câu này là ý gì? Tăng và đạo là người tu đạo, phẩm cách cao sang, có học vấn có đức hạnh. Nếu không thật sự tu dưỡng đạo đức, thành tựu học vấn, vì chánh pháp cửu trú. Học Phật là vì chánh pháp cửu trú, học đạo là vì đạo pháp cửu trú. Cửu trú nhất định phải có truyền nhân, truyền nhân chính là những trưởng giả thật sự có đạo đức, có học vấn. Tiếp nhận mười phương cúng dường, không thể nâng cao linh tánh của bản thân, thành tựu đạo đức học vấn của mình, như vậy quý vị sẽ tạo tội nghiệp. Đó chính là một câu khác nói, đều là nói đến người này: “đời này không ngộ đạo, mang long đội sừng trả”, nên biết mang long đội sừng để trả là nửa đoạn sau. Nửa đoạn trước họ phải đọa địa ngục chịu tội, chịu tội địa ngục hết rồi, đọa vào súc sanh để trả nợ, trường hợp này rất nhiều.

Trước đây giảng kinh tôi thường nói, bát cơm của người xuất gia rất khó ăn. Trong xã hội, có 360 nghề, nhưng bát cơm này khó nuốt nhất. Ngày xưa một bát cơm ngàn nhà, ngày nay chúng ta ăn bát cơm này, vẫn là ngàn nhà, quý vị nói có bao nhiêu người cúng dường, người ta cúng dường là vì điều gì? Là vì tu phước. Tâm hành của chúng ta có phước báo gì có thể cho người ta? Người ta cúng dường mình, nhưng họ không đạt được phước báo này, như vậy thì phải trả nợ, nợ này trả không hết. Bởi vậy một số người không biết cái lợi và hại của người xuất gia, họ có gan mới dám xuất gia. Ngày nay Nho Thích Đạo đều suy yếu, nguyên nhân suy yếu không có gì khác, không có người là suy yếu: “Người có thể hoằng đạo, không phải đạo hoằng người”. Trong Phật giáo có nhân tài xuất hiện sẽ hưng khởi, không có nhân tài thì suy yếu, người như thế nào? Giảng kinh dạy học. Đức Thế Tôn suốt đời giảng kinh, từ khai ngộ, 30 tuổi khai ngộ, 79 tuổi viên tịch, không nghỉ ngày nào, một ngày giảng bao lâu? Hầu như không ngừng nghỉ, từ sáng đến tối, khi không giảng kinh, thân giáo. Đây là vì người diễn thuyết, biểu diễn cho chúng ta noi theo, ngài hành trì tất cả những gì đã nói ra. Biểu hiện trong cuộc sống, biểu hiện trong công việc, biểu hiện trong xử sự đối nhân tiếp vật, không có một pháp nào không phải Phật pháp. Chúng ta phải hiểu, không thể không đọc kinh, không thể không giảng kinh. Ngày ngày giảng, đem lại lợi ích cho bản thân, giảng cho ai nghe? Giảng cho bản thân nghe, bản thân đích thực không sót buổi học nào. Người khác muốn nghe viên mãn bộ kinh này, cơ hội không nhiều, nhưng bản thân thật sự viên mãn từ đầu đến cuối.

Giảng kinh được lợi ích lớn nhất là ai? Là bản thân, mới thật sự đồng hạnh đồng đức với chư Phật Bồ Tát. Suốt đời không cần thọ trì nhiều, một bộ kinh là đủ, một kinh thông thì tất cả kinh đều thông. Bản thân thông suốt được một bộ rồi, người khác mời ta giảng kinh, thỉnh kinh gì đều giảng được hết, đều không có chướng ngại, vì sao vậy? Đã ngộ, khai ngộ. Giữ quy củ, đây là được định, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ. Trí tuệ khai, đã quán thông, pháp thế xuất thế gian đều không có chướng ngại. Đây gọi là pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ.

Phật giáo, nếu không trở về việc giáo dục, như mục sư Đào Nhiên của Thiên Chúa Giáo nói: Hai ba mươi năm sau, có thể Tôn giáo sẽ biến mất khỏi thế gian, không còn nữa. Bởi thế Tôn giáo toàn là giáo dục cao cấp của xã hội, chúng ta nhất định phải khôi phục lại. Một người học một bộ kinh, mười năm chắc chắn thành tựu, mười năm không phải là thời gian quá dài, mỗi người đều có thể thành tựu, vì sao không làm?

Câu sau cùng: “mỗi người đều đạt được lợi ích”, người người đều được lợi ích của mình. Hai bên sống an ổn với nhau, không có gì không tương thông, cùng sống hòa mình, không phân biệt hơn thua, đối nhân xử thế phải nhân hậu, cho người khác những điều tốt đẹp, bản thân khổ một chút cũng không sao. Nguyện thế gian đạt đến đại đồng, những nơi Phật đến đều được lợi ích, đây là ở trên nói đến những lợi ích. Hiển lộ từ bi không thể nghĩ bàn của Đức Phật.

Đoạn kinh văn này, là thế giới đại đồng mà trong kinh Đức Phật nói, là lý tưởng đại đồng chi trị của người xưa. Đại đồng chi trị không phải hoàn toàn lý tưởng, người xưa đã từng thực hiện. Thời đại của Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Ngu chính là thế giới đại đồng, đến Hạ Thương Chu mới suy yếu, chỉ ở mức độ trung bình. Từ nhà Hán đến Mãn Thanh hoàn toàn dựa vào lễ, dùng lễ trị nước. Sau khi nhà Thanh mất, lễ không còn, xã hội động loạn. Làm sao để giúp xã hội này khôi phục lại nền xã hội an định hòa thuận? Nhất định phải khôi phục truyền thống giáo dục, khôi phục truyền thống dạy học của ba nhà Nho Thích Đạo, xã hội mới khôi phục bình thường, mới hóa giải được thảm họa trên địa cầu.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 542

# Tập 543

Chuyển ngữ: Nguyên Liên

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian:16.08.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống.

Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 697, hàng thứ 7, bắt đầu xem từ kinh văn:

*“Ngã ai nhữ đẳng, thậm ư phụ mẫu niệm tử, ngã ư thử thế tác Phật, dĩ thiện công ác, bạt sanh tử chi khổ, linh hoạch ngũ đức, thăng vô vi chi an, ngô bát nê hoàn, kinh đạo tiệm diệt, nhân dân diễm ngụy, phục vi chúng ác, ngũ thiêu ngũ thống, cửu hậu chuyển kịch, nhữ đẳng chuyển tương giáo giới, như Phật kinh pháp, vô đắc phạm dã.”*

Chúng ta xem phần chú giải của Hoàng Niệm Tổ: “Hữu” chính là đoạn kinh văn vừa đọc. *“Khi kinh pháp dần diệt, thiêu thống lịch liệt, nên lại khuyên cáo, bỏ ác tu thiện, phụng trì kinh pháp”.* Thật ra Phật biết hết tình cảnh sau khi Phật nhập diệt, không có gì là không rõ. Đọc đoạn kinh văn, sẽ nghĩ đến lòng từ bi cực độ của Thế Tôn khi còn tại thế. Ngài dặn dò, nhắc nhở, khuyên dặn chúng ta phải biết bỏ ác tu thiện, Đức Phật đã dạy dỗ như thế.

Chúng ta thấy hầu như thánh hiền của mọi dân tộc, giáo chủ sáng lập mọi tôn giáo, đều từ bi như nhau. Cũng với cách nói năng, nhắc nhở, dặn dò lớp hậu sinh chúng ta như thế. Trước đây 200 năm, người Trung Quốc phần lớn có thể tiếp thu lời dạy đó, và y giáo phụng hành, cho nên xã hội cũng được ổn định, hài hòa.

Hoàn cảnh sinh sống quả thật y như trong đoạn kinh nói: Mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an. Nhưng về sau người ta càng lúc càng thờ ơ với lời dạy của thánh hiền, tín tâm suy thoái, không phải không có, nhưng trong đó thật sự đã nảy sinh hoài nghi. Nhất là sau cuộc cách mạng công nghiệp của phương tây, đã đem khoa học cận đại vào Trung Quốc. Tinh thần chủ yếu của khoa học là hoài nghi. Thế là chúng ta bắt đầu nghi ngờ văn hóa truyền thống, bắt đầu nghi ngờ tổ tiên, bắt đầu nghi ngờ Nho Thích Đạo. Nhưng lúc đó vẫn còn những người thuộc phe thủ cựu, vẫn chịu học. Rồi dần dần lớp kế thừa càng lúc càng ít, xu hướng nghiêng về khoa học kỹ thuật càng lúc càng đông. Cho đến nay người thủ cựu hầu như không còn, mà có thì cũng lực bất tòng tâm.

Đúng như lời đức Phật nói ở đây: *“Kinh đạo dần diệt, nhân tâm dối trá, lại vì các điều ác, ngũ thiêu ngũ thống, ngày càng sâu nặng”.* Nghĩa là Phật đã nêu hết tình trạng xã hội hiện nay của chúng ta. Thế nhưng thiên tai dồn dập, xã hội cực kỳ loạn động, cuộc sống thiếu cảm giác an toàn, nói gì đến mưu cầu hạnh phúc.

Cho nên mỗi ngày chúng ta xem những thông tin về các vụ tự tử, ta hiểu được vì sao họ phải tự sát. Lạ là độ tuổi của người tự tử đã tụt xuống còn cỡ học sinh cấp 1. Trẻ vị thành niên mười mấy tuổi sao phải tự sát? Đấy đều là những vấn đề nghiêm trọng của xã hội.

Từ trong kinh văn, Đức Phật dạy chúng ta: *“Chuyển tướng giáo giới”*. Câu này chính là biện pháp duy nhất cứu thoát khổ nạn, điều thánh hiền để lại phải được đem ra giáo hóa. Nếu trên đời có mười mấy hai mươi người đi giảng, tôi tin con người sẽ biết quay đầu. Giờ có thể sử dụng những công cụ này: Truyền hình vệ tinh, mạng truyền thông. Hiện nay kỹ thuật in ấn tiến bộ, giá thành in sách giảm nhiều nên có thế in và phát hành lượng lớn sách vở. Nhưng nhất định phải có người thực hiện, phải có người đứng ra giảng dạy thì mới giải quyết được vấn đề này.

Người dạy tâm phải như tâm của Phật. Tâm Phật là tâm như thế nào? Là lòng yêu thương chân thành.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ: “*Thậm chí đối với cha mẹ thương con*”. Hội sớ viết: “*Cha mẹ chỉ giới hạn trong một đời*”. Tình yêu thương của cha mẹ đối với con cái kỳ hạn trong một đời, hết đời đó rồi thì không còn, không tìm thấy nữa. Thế nhưng Phật từ vô lượng kiếp, tình yêu thương che chở của Đức Phật đối với chúng sanh, thể hiện trên bất kỳ nẻo đường nào của lục đạo luân hồi. Phật che chắn cho ta đời đời kiếp kiếp, chỉ cần chúng ta chịu tiếp nhận, không bài xích thì chắc chắn gặp nhân duyên đó. Đức Phật và Bồ Tát sẽ sắp xếp cho ta.

*“Cha mẹ không bình đẳng, Phật thường bình đẳng*”. Tình yêu thương che chở của Phật bình đẳng với tất cả chúng sanh, bởi vì Phật không phân biệt, không hề chấp trước. Cha mẹ thì có phân biệt chấp trước. *“Cha mẹ không thương con bất hiếu, Phật thương xót kẻ phản nghịch*”, rất khác nhau. Con cái bất hiếu, tại sao lại thế? Đứa con đến báo oán, đến để đòi nợ, thì chắc chắn sẽ bất hiếu. Cha mẹ ghét những đứa con bất hiếu như thế, nhưng Phật lại khác.

Chúng sinh phạm tội ngũ nghịch, thập ác, nhưng Phật và Bồ Tát chẳng trách giận. Quí vị thắc mắc tại sao ư? Vì Phật không hề phân biệt chấp trước, ngài biết nguyên nhân gì khiến những kẻ đó tạo ác nghiệp. Đoạn trên chúng ta đã đọc rồi, vì chẳng ai dạy họ. Phật hết sức thương xót những chúng sanh gây tội lỗi này, bảo rằng: *“Tiên nhân vô tri, không biết đạo đức, không thường dạy dổ*”, nghĩa là không có người nói. Cho nên giáo dục, gốc rễ của giáo dục ở gia đình.

Trung Quốc 5000 năm qua, xã hội có thể nói được ổn định lâu dài, thời gian động loạn không dài. Thời Xuân Thu Chiến Quốc do nhiều nước chư hầu chưa thống nhất. Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc xong thì 15 năm sau mất nước. Tại sao lại mất nước? Vì ông dùng phương pháp sai lầm: Dùng pháp luật, dùng vũ lực. Vũ lực có thể giúp đoạt chính quyền, nhưng không thể dùng để trị quốc được. Chỉ 15 năm sau là mất nước và nhà Hán lên thay thế.

Hán Võ Đế khôn ngoan hơn, nghĩ ra cách trị quốc, ông biết: *“Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên*”, ông hiểu được đạo lý này, dạy những gì? Lúc đó là bách gia chư tử, nhiều học thuyết mà phức tạp. Mỗi trường phái đều có đạo lý, kiến thức, quan điểm riêng. Theo nhà nào để giáo dục quốc dân đây? Lúc đó mọi người thảo luận về vấn đề này. Cuối cùng Võ Đế theo kiến nghị của Đổng Trọng Thư, áp dụng học thuyết Khổng Mạnh.

Đương thời vị trí của Khổng Mạnh cũng chỉ ngang với bách gia chư tử, không vượt trội hơn. Nhưng quyết định này của Hán Võ Đế đã nâng cao địa vị của Khổng Mạnh lên rất nhiều, đứng đầu bách gia chư tử. Việc này Khổng tử và Mạnh tử chẳng hề ngờ nổi, lúc còn sống không thành công, không ngờ hậu sinh lại áp dụng học thuyết của các ông, để làm nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong việc trị quốc. Quyết định này đã tác động đến Trung Quốc suốt 2000 năm, cho đến tận cuối nhà Thanh.

Trong 2000 năm này, biết bao triều đại thay nhau, nhưng chính sách đó cứ lưu truyền không hề đổi khác. Chỉ đến năm dân quốc không cần Khổng Mạnh nữa, sự thờ ơ này đã dẫn đến hoạn nạn hơn trăm năm qua. Nên hiện giờ không ít kẻ nghĩ đến những gì của thánh hiền xưa, ngọn lửa thiêng của thánh hiền vẫn chưa tắt hẳn.

Trong nhà Phật thời cận đại có Ấn Quang đại sư cực lực đề xướng việc đó, cho thấy trong nhà Phật có những người thủ cựu đã nối tiếp ngọn lửa này. Thầy Lý thủ cựu vô cùng, cả đời dốc tâm dốc sức vào công việc trên. Cứ luôn canh cánh muốn tìm truyền nhân, nhưng suốt đời không gặp được. Mấy người chúng ta so với thầy Lý thì còn kém xa.

Lúc trẻ không có môi trường học hỏi, cho nên thời gian học chẳng dài. Phải lo sinh kế, không ai chỉ bảo, nên việc học vô cùng khó khăn. Trong Phật pháp thường nói: “*Tâm an thì đạo mới hưng long*”. Quảng thời gian đó tâm khó mà an được, đây là sau chiến loạn đất nước chưa thống nhất. Kể cả hiện giờ, mấy người có thể an tâm để tập trung học hỏi?

Thông tin về những chuyện xảy ra mỗi ngày trên thế giới, khiến lòng người hoang mang lo lắng. Hoàn cảnh chung khiến chúng ta không thể yên tâm. Trong hoàn cảnh riêng thì phải vì sự nghiệp, vất vả bôn ba lo nuôi sống gia đình. Người xuất gia không có đạo tràng, cũng hết sức vất vả. Nhớ lúc xưa người tu ở trên núi cao, mấy chục năm cũng chẳng rời núi, làm ta vô cùng ngưỡng mộ, họ có phước báo. Trong đạo tràng này có đạo, đạo tràng ươm mầm nuôi dưỡng nhân tài. Phật giáo và Đạo giáo đều tự chùa, có đạo tràng, Nho giáo thì có thư viện, đều là những nơi nuôi dưỡng tài năng. Đến thời dân quốc đâu còn nữa, dân quốc thường xuyên động loạn. Chúng ta đã nêu ra nguyên nhân bên ngoài khiến chúng ta suy thoái. Nguyên nhân bên trong thì do căn tính của ta kém xa người xưa, người kế thừa của Nho Thích Đạo không bằng được lớp trước.

Đầu năm dân quốc có người nghĩ đến, nhưng do quân phiệt cắt cứ, xã hội loạn lạc, Âu Dương Cánh Vô đã mở nội học viện, cũng chỉ mở được 2, 3 năm. Do chiến loạn, không thể không đóng cửa. Nên Ứng Từ pháp sư mở đại học Hoa Nghiêm cũng chỉ hơn 1 năm. Thái Hư đại sư mở Phật học viện Mân Nam ở Hạ Môn, lúc chiến tranh Trung Nhật nổ ra phải dời về Tứ Xuyên. Bao nhiêu là khó khăn gian nan.

Tư chất người thầy không bằng xưa, trò cũng chẳng như xưa. Đấy là nguyên nhân suy thoái. Người thực sự phát tâm, nhận thấy sứ mạng, không ngại gian khổ ít quá. Phật nêu 2 điều kiện của người kế truyền Phật pháp: Thứ nhất là xem giới luật như thầy, thứ hai là xem gian khổ như thầy. Không giữ giới được, không chịu nổi khổ thì không thể gánh vác trách nhiệm này. Phải giữ được giới, phải chịu được khổ. Nhiều năm đến giờ chúng ta phải nhẫn nhịn mọi chuyện, không nhẫn được sẽ không thể thành tựu.

Nếu thật sự học tốt, thì người hiện nay không khen ngợi mà còn phỉ báng. Quí vị còn tiếp tục làm chăng? Phải có thành tích mấy chục năm, người ta mới cho quí vị là khá. Họ có chịu giúp? Khó lắm, không dễ chút nào. Cho nên đây là một sự nghiệp văn hóa xửa vô cùng gian nan, vì thế mà người trẻ không chịu học. Quá khổ, quá khó, lại chẳng ai giúp.

Chúng ta xem tiếp đoạn kế: “*Cha mẹ nuôi sắc thân, Phật nuôi nội tâm*”. Phật nuôi dưỡng pháp thân huệ mạng của ta, *“cho nên nói là thậm chí*”. Đấy chính là ân đức của Đức Phật đối với ta vượt hơn cha mẹ. Quí vị phải hiểu mới được, nếu không thì sẽ không biết ơn, không biết ơn sẽ không nghĩ đến đền ơn.

*“Ý nói Phật dùng lòng đại từ bình đẳng vô lượng kiếp nuôi huệ mạng của ta. Điều này cha mẹ chẳng thể bì được nên bảo là vượt hơn cha mẹ*”. Thật đấy, ngày nay chúng ta học Phật không phải nhờ duyên đời này, mà quá khứ đời đời kiếp kiếp đã từng học hỏi. Không thể nào trong một đời gặp Phật pháp mà được thành tựu, không thể. Nên mỗi người tu học không phải ngẫu nhiên tình cờ, những đời quá khứ đã có nhiều kiếp học Phật. Nên khi gặp pháp môn này quí vị mới tin, mới chịu đón nhận. Chịu tu, khởi ý niệm muốn phát tâm cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Đấy không phải là việc nhỏ, không phải là việc tình cờ ngẫu nhiên. Do đó ơn đức của Phật quả thật vượt hơn cha mẹ.

*“Đời này*”, là chỉ ngũ trược ác thế hiện nay của ta. Thế giới hiện nay của chúng ta, sống trong thế giới này vô cùng khổ sở. Chúng ta có phiền não lo âu, trên đời này hỏi ai không phiền não? Phật đã nhìn rõ thấu, và nói rõ hoàn cảnh hiện nay của ta. Sinh ra vào thời này chẳng tốt vì là kiếp trược, thế giới đầy chiến tranh loạn lạc. Nhưng suy nghĩ tường tận, thời đại khoa học tiên tiến này cũng là trược thế. Hiện giờ điều này hết sức rõ rệt, vì sao? Vì khoa học đưa đến ô nhiễm. Ô nhiễm tâm lý, ô nhiễm tinh thần. Hiện này hoàn cảnh vật chất bị ô nhiễm, chính là ác trược! Việc tu hành rất khó khăn.

“*Lấy điều thiện để phản đối điều ác*”. Suy nghĩ bất thiện trong lòng ta, kiến giải bất thiện, ngôn ngữ hành vi bất thiện. Trong kinh nói là tham, sân, si mạn nghi. Trong văn hoá truyền thống gọi là oán hận não nộ phiền. Đạo gia cũng nói như thế, Nho gia cũng nói như thế. Chúng ta đều có đủ tất cả những thứ đó.

Hiện nay còn mang đến những thiên tai do khoa học kỹ thuật dẫn đến, trong kinh đức Phật nói là: “*Uống khổ ăn độc*”, đấy là ô nhiễm mà nền văn minh khoa học kỹ thuật đem đến cho trái đất. Con người đánh mất sự cân bằng của môi trường sinh thái, môi trường thiên nhiên không còn nữa. Tự nhiên là tốt đẹp nhất, nó đã bị hủy hoại, nhất là lĩnh vực canh nông.

Xưa kia người ta trồng trọt bằng sức người, việc đó hết sức tự nhiên. Bây giờ dùng máy móc, thuốc trừ sâu, phân hóa học, chẳng hề tự nhiên chút nào. Những gì chúng ta ăn vào, thực tế mà nói, những thứ chúng ta trồng, mùi vị khác hẳn so với 50 năm trước. Nguyên nhân vì sao? Do đất đai đã bị hư hại, đất đai đã bị nhiễm độc. Rau quả đều có vị khác xưa, hình dáng vẫn tương tự, hoặc có thể đẹp hơn to hơn, nhưng nhai vào miệng chẳng ngon lành gì, dưỡng chất lại khỏi cần nói đến.

Đoạn văn dưới nói: “*Phật nói thiện pháp hàng phục giáo hóa hoá điều ác của chúng sanh, để tiêu trừ ngũ thống, diệt tận ngũ thiêu*. *Ác tức chỉ 5 điều ác*”, năm điều ác nghĩa là: Sát đạo dâm vọng tửu. Có thể hàng phục giáo hóa các điều ác của chúng sanh. Nếu thật sự theo lời Phật dạy thì quí vị sẽ chẳng dám sát sanh, không dám trộm cướp. Vì sao vậy? Vì giết chóc, cướp bóc, tà dâm, nói láo chắc chắn sẽ chẳng ích lợi gì cho quí vị, mà là đang tạo ác đó. Quả báo của quí vị là ngũ thống, thống là thống khổ.

Đấy mới là hoa báo ở hiện đời, quả báo tương lai chắc chắn rơi vào tam đồ. Vì sao vậy? Vì nhân là đường lành, đường lành trong lục đạo, nhân thiên là đường lành. Thiện tương ưng với thiện quí vị mới giữ được thân người. Phật không nói ra thì ta sẽ lơ là bỏ qua, chẳng hiểu được chân tướng sự thật. Kiếp này ta được thân người vì đời trước đã tu ngũ thiện, ngũ thiện là những gì? Ngũ giới thập thiện.

Kinh nói rất rõ: Thượng phẩm ngũ giới thập thiện, được sanh lên cõi trời, Trời dục giới. Trung phẩm ngũ giới thập thiện, ở cõi người, được thân người. Hạ phẩm ngũ giới thập thiện, là cõi a tu la. Cõi Tu la không tốt, tuy có phước báo nhưng suốt đời tạo rất nhiều tội nghiệp. Tu la chết rồi hầu như đều rơi xuống địa ngục, sẽ đưa thẳng quí vị đến địa ngục, nên đó chẳng là cảnh giới tốt. Thiện đạo thật sự chỉ có nhân và thiên thôi.

Đời này chúng ta phải nghiêm túc không phạm ngũ giới, tuân thủ thập thiện, thì kiếp sau sẽ chẳng mất thân người. Kiếp sau lại đến cõi người và sẽ sung sướng hơn kiếp này. Khẳng định là như thế. Vì cả đời này học Phật, tu thiện, tiến dần dần trên con đường tu học, không đọa lạc.

Cho nên lời dạy của Phật có thể giúp ta hoá giải 5 thứ ác, hoá giải tham sân si mạn nghi bên trong. Tuy chưa thể dứt hết tham sân si mạn nghi, nhưng chẳng dấy lên nhiều. Nếu dứt được tham sân si mạn nghi, thì chắc chắn quí vị sẽ đến cõi trời, sẽ chẳng ở cõi người nữa. Thiên nhân có phước báo lớn. Ta nói về Tứ Vương thiên, phước báo của Tứ Vương thiên ta không thể tưởng tượng được. Đức Phật dạy: Một ngày của Tứ Thiên Vương bằng 50 năm ở cõi người. Nhân gian sống trăm tuổi chỉ bằng 2 ngày ở cõi trời này.

Thọ mạng Tứ Vương thiên là 500 năm, 500 năm này của cõi trời, chứ không phải ở trái đất chúng ta. 500 năm chúng ta thì chỉ bằng 10 ngày nơi đó. Một ngày ở cõi đó bằng 50 năm ở nhân gian, chẳng phải 10 ngày ở đó bằng 500 trăm chỗ chúng ta sao? Càng lên cao thì phước báo càng lớn. Một ngày ở cung trời Đao Lợi bằng trăm năm cõi người. Người ở đó có thọ mạng 1000 tuổi. Nội nghĩ điểm này cũng đủ biết phước báo lớn biết bao. Cho nên con người đều mong được sanh lên trời. Thượng phẩm ngũ giới thập thiện thì được sanh lên trời, cao nhất là sanh vào cung trời Đao Lợi.

Xưa kia có người bảo tôi Khổng Tử ở cung trời Đao Lợi. Lão Tử cao hơn, có lẽ Lão tử ở trời Tứ Thiền. Nếu theo kỳ vọng của Lão Tử thì ông không muốn tấm thân người, ông bảo: *“Tôi có nạn lớn, vì tôi có thân*”. Nếu không muốn thân này thì ông sẽ đến cõi trời Vô Sắc Giới. Ở Trời Sắc Giới có thân nhưng trời Vô Sắc Giới thì không có than, điều này cần có định lực. Chúng ta tin ông có. Đạo gia ngồi thiền, thích thanh tịnh vô vi, cho nên ông sẽ vượt qua Dục Giới. Đương nhiên có thể tiêu ngũ thống, diệt ngũ thiêu.

Quả thật đức Phật có thể giúp ta việc nhỏ này, Phật dạy chúng ta: *“Thực hành ngũ thiện, từ bỏ ngũ ác*”. Phẩm trước giảng rất nhiều, Thập ác ngũ ác nhất định phải dứt, quyết bỏ không làm. Khó nhất là khẩu nghiệp, vọng ngữ.

Tôi gặp rất nhiều đồng tu làm nghề kinh doanh. Đã buôn bán thì không thể không nói dối, không nói dối chẳng thể có lời. Điều này khó mà không phạm được, họ hỏi tôi phải làm sao? Thật ra con người không biết, kiếm tiền được hay không, nhiều hay ít là do số phận. Số không giàu thì làm thế nào cũng chẳng thể giàu. Hiểu rõ nguyên lý này rồi quí vị sẽ chẳng nói dối, chẳng lừa ai nữa, quí vị sẽ chỉ nói thật. Không dối trá, không nói 2 lưỡi, không nói ác khẩu, không nói lời thêu dệt, hoa mỹ, nhất định sẽ có ích cho quí vị. Tài sản trong đời quí vị sẽ tăng trưởng, không tổn thất, vì sao quí vị laị không làm?

Nếu nói dối, nói 2 lưỡi, dùng những thủ đoạn bất chính để kiếm tiền, thì tài sản trong số mạng của quí vị đã bị khấu trừ rồi. Rất nhiều người không hiểu điều này.

Gần đây tôi xem VCD của một người Nhật, tên là Đạo Thạnh Hòa Phu, hết sức cảm động. Ông ấy biết rõ nguyên lý trên nên suốt đời sống chân thành, không dối gạt một ai. Và còn thế nào nữa? Ông nhất định không dùng của bất nghĩa. Như chẳng bao giờ tham gia buôn bán đầu cơ, ông giải thích thế nào? Đó là của cải chẳng nhọc công mà có. Ông luôn quả quyết tôi yên tâm khi kiếm tiền một cách nhọc nhằn. Đo đó cả đời kinh doanh mà chẳng bao giờ lỗ, năm nào cũng lãi.

Rất nhiều doanh nghiệp vô cùng ngạc nhiên vì khi kinh doanh thì phải có lời có lỗ. Tại sao riêng ông ấy không bao giờ lỗ? Ông đã nói một câu rất thuyết phục: Làm theo lương tâm, không để đánh mất lương tri. Lương tâm là những gì? Ngũ giới thập thiện chính là lương tâm, quyết không lừa dối một ai. Công ty của ông sản xuất đúng giá đúng chất lượng, không tham lãi nhiều, để giá thấp hơn, tiện lợi cho khách hàng. Sản phẩm tốt mà ai cũng mua dễ dàng vì giá rẻ, hợp tình hợp lý. Cổ nhân thường nói: Buôn bán lời được ba phân là khá lắm rồi. Chẳng ham lãi nhiều thì cả đời yên ổn, có cuộc sống thật sự viên mãn, hạnh phúc.

Đặt lợi nhuận của nhân viên lên hàng đầu, cho nên nhân viên công ty ông đều gắn bó đến già, thậm chí con trai họ cũng tham gia vào công ty. Gặp lúc khó khăn, đơn đặt hàng đột ngột ít đi, bão táp ngành kinh tế ập đến, mà công ty không cắt giảm bớt người, dù là lao công vặt, cho nên công nhân được bảo đảm quyền lợi. Đơn đặt hàng ít thì công việc ít đi, họ xoay sang cách khác: Đi nghiên cứu, đi học. Nghiên cứu cải thiện sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, không để công nhân ngồi không. Ông cho họ nghiên cứu, học hỏi, nên việc kinh doanh của ông không bao giờ thất bại.

Nếu chúng ta theo lời Phật dạy thì lẽ gì không gặp điều tốt lành? Lẽ nào không hạnh phúc? Nếu quí vị không tin thì đành chịu, nếu quí vị tin thì hãy thực hiện. Trong số phận mỗi người có, là do ta tu từ kiếp quá khứ. Kiếp này tu nữa thì số phận càng tốt hơn, càng không ngừng tăng trưởng, phước báo về sau không dứt. Thế nên con người chẳng nên làm việc xấu, chẳng thể lừa gạt kẻ khác. Đấy là chân lý phải nắm rõ.

Cho nên: *“Hành ngũ thiện, trừ ngũ ác, quay lưng với bụi trần để đi đến giác ngộ*”, trần là gì? Trần là ô nhiễm, là mê mờ, tượng trưng cho ý này. Chúng ta phải xa lánh nó, phải hợp tác với giác, giác là gì? Giác là trí huệ, như vậy sẽ nâng cao lên rất nhanh. “*Bạt trừ nguồn gốc khổ sanh tử của hữu tình*”, điều này pháp thế gian không làm nổi. Gốc khổ của hữu tình sanh tử chính là lục đạo. “*Lại được vô vi thường lạc*”. Chỉ có trong Phật giáo, nhất là Đại thừa có thể đem đến cho ta, có thể giúp ta, chính là cần phải tu thật, hành thật.

“*Ngô bát nê hoàn, kinh đạo dần diệt*”, Bát nê hoàn ở đây nghĩa là, Phật Thích Ca Mâu Ni rời xa cõi người chúng ta, nhập diệt, viên tịch. Trong kinh quen thêm danh từ vô dư niết bàn, đấy chính là nhập diệt. Nếu có hữu dư y niết bàn thì họ ở thế gian, nhưng họ đã chứng Đại Niết Bàn, đã thành Phật. Hữu dư là gì? Có tấm thân này, thân không rời thế gian này gọi là hữu dư. Còn diệt là gì? Diệt là diệt phiền não, diệt sanh tử. Phiền não sanh tử đều đã diệt hết cũng có nghĩa ngài đã chứng bất sanh bất diệt, thân còn ở thế gian. Nên Niết Bàn chứng được khi còn sống, không phải chết rồi mới gọi Niết Bàn.

Trước đây thầy Lý nói với chúng tôi: Nếu chết rồi gọi là Niết Bàn thì cuối cùng ai cũng nhập Niết Bàn hết. Có gì quý báu đâu? Niết Bàn chứng được khi còn sống, viên tịch chứng được khi còn sống. Viên là viên mãn, tịch là thanh tịnh tịch diệt. Cũng có nghĩa là thật sự buông bỏ hết khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước, đấy gọi là tịch diệt. Diệt những gì? Diệt vọng tưởng phân biệt chấp trước. Diệt sạch hết tất cả những thứ đó rồi thì sẽ thành Phật.

Nếu trong ba chỉ diệt được một, chẳng còn chấp trước, chấp trước là kiến tư phiền não. Khi chẳng còn chấp trước tất cả pháp thì chứng đắc A La Hán. Tất cả pháp đều không phân biệt thì là Bồ Tát. Không khởi tâm không động niệm thì là Phật. Đều gọi là nhập diệt, là viên tịch, là Bát Niết Bàn. Chúng ta phải làm rõ ý nghĩa.

Niết bàn không phải là chết, niết bàn chỉ người đó đã minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Minh tâm kiến tánh mới viên mãn. Chẳng còn bất kỳ phiền não nào, chẳng còn sanh tử nữa thì gọi là tịch. Trí huệ đức năng viên mãn, phiền não sanh tử đều chẳng còn, chính là ý nghĩa của viên tịch, chính là ý này.

Ở đây đức Phật nói ngài đạt được Bát Niết Bàn, có nghĩa vô dư Niết Bàn. Chẳng cần thân người, rời thế giới này. Vì sao vậy? Vì Phật đến thế gian này không phải do nghiệp báo của Ngài, chúng ta thì khác, chúng ta đến do nghiệp báo không muốn cũng chẳng được. Quí vị đã tạo nghiệp này thì phải thọ báo này, thọ báo xong rồi không đi cũng phải đi. Cho nên thân này gọi là nghiệp báo thân. Thọ mạng có hạn, nhưng dài ngắn ta có thể tác thao túng. Phật pháp nói có túc mạng nhưng không phải định luận. Nếu như ta dứt ác tu thiện, tích lũy công đức thì thọ mạng của ta sẽ kéo dài.

Chúng ta xem trong Liễu Phàm Tứ Huấn, ông Liễu Phàm đã gặp một người thầy bói là Khổng tiên sinh. Người này bói rất giỏi, tính toán số mệnh của Liễu Phàm không sai chút nào. Năm 15 tuổi, ông lão thầy bói này đã đoán số cho Liễu Phàm, suốt 20 năm chẳng có việc nào là không trúng. Sau 20 năm thì Liễu Phàm tiên sinh đã 35 tuổi, năm đó ông gặp Vân Cốc thiền sư, ngồi suốt 3 ngày 3 đêm tham thiền trong thiền phòng với Vân Cốc thiền sư. Liễu Phàm tiên sinh chẳng khởi một vọng niệm nào, Vân Cốc thiền sư rất thán phục liền hỏi: Anh tu pháp môn nào, công phu khá lắm. 3 ngày 3 đêm mà chẳng hề có một vọng tưởng, người thường không làm nổi.

Liễu Phàm tiên sinh thú thật: Tôi chẳng có công phu gì, chỉ do Khổng tiên sinh đoán mệnh cho tôi sẵn rồi, 20 năm qua chẳng hề sai sót nên tôi chẳng cần nghĩ ngợi gì, có nghĩ cũng vô ích. Số phận đã định sẵn, mỗi người đều có vận mệnh nhất định. Nhưng hiện giờ thầy bói rất khó hành nghề, gặp phải cao nhân nhiều khi đoán không ra. Vì sao thế? Vì ngày nào ta cũng có cộng trừ nhân chia. Khởi một ý nghĩ xấu trong đầu thì ngay lập tức bị giảm phước, có một suy nghĩ thiện thì lại được tăng thêm. Ngày nào cũng có tăng có giảm. Việc thiện nhỏ thì tăng ít, cộng thêm một hai điểm, việc ác nhỏ thì trừ một hai điểm. Việc thiện lớn thì nhân, việc ác lớn thì chia, cho nên ngày nào cũng cộng trừ nhân chia.

Người thời nay suy nghĩ trong đầu lên xuống quá lớn. Đại khái thiện thì khá ít mà ác lại đặc biệt nhiều. Nên người bây giờ phước báo rất lớn, do suy nghĩ bất chính mà bị giảm trừ nhiều. Ví dụ như tiền bạc, số có thể giàu hàng chục tỷ, nhưng bằng phương pháp không chính đáng, còn kinh doanh lừa gạt thì sẽ bị giảm. Cả đời chỉ sở hữu sáu mươi ức, tám mươi ức, là khá lắm rồi, kỳ thật sáu mươi ức này đã mất đi bốn mươi ức rồi. Nếu kiếm được tám mươi ức thì cũng đã thiệt mất hai mươi ức, điều này không sai chút nào.

Ông Liễu Phàm đã biết điều này, cho nên Vân cốc thiền sư dạy ông cách cải tạo số phận: Dứt tất cả điều ác, tu tất cả điều thiện, ngày nào cũng tự soi xét kiểm điểm lỗi lầm, sửa đổi tâm tính. Liễu Phàm làm theo và sự thay đổi đến ngay lập tức. Tâm người khởi lên một niệm thì cảm ứng sẽ hiện tiền. Năm sau Liễu Phàm ứng thí, Khổng tiên sinh đoán ông đỗ thứ ba, nhưng ông lại đỗ đầu. Đó là lần đầu Khổng tiên sinh đoán sai, và sau đó hoàn toàn thay đổi.

Mạng ông chẳng được công danh, nghĩa là không có số đậu cử nhân, tiến sĩ, nhưng ông đã đậu hết. Số ông chẳng có con trai, chỉ sống đến 53 tuổi thì sống đến tận 74 tuổi, thọ hơn 21 năm. Liễu Phàm bảo ông không cầu trường thọ, chỉ cầu công danh, xin thi đậu cử nhân, tiến sĩ, ông cầu điều này, có cầu xin con trai, chứ không cầu trường thọ. Thế nên quí vị thấy tạo ác sẽ bị trừ, tu thiện thì được cộng thêm. Quí vị đã hiểu nguyên lý này, thì khi tu đại thiện sẽ được nhân phước báo, chẳng biết được nhân gấp bao nhiêu lần.

Pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni: Chánh pháp 500 năm, tượng pháp 1000 năm, mạt pháp 10.000 năm. Cũng có kinh nói thời chánh pháp của đức Phật là 1000 năm. Vì sao lại chỉ còn có 500 năm? Vì nữ giới xuất gia nên chánh pháp bị giảm bớt 500 năm, do nguyên nhân đó. Tại sao lại thế? Do nữ giới tình chấp nặng nề, không dễ dứt phiền não.

“*Tất cả đều qua đi, gọi là kinh đạo dần diệt*”. Hiện nay theo sách vở truyền thống của xưa, thì đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ đến nay là 3038 năm. Nghĩa là thời chánh pháp 1000 năm đã qua rồi, thời tượng pháp 1000 năm cũng đã trôi qua, 10.000 năm thời mạt pháp thì đã qua 1000 năm đầu, giờ là năm thứ 38 của ngàn năm thứ hai. Pháp vận càng về sau càng suy thoái, nhưng thời mạt pháp cũng lên xuống bất định, giờ đang suy nhưng tương lai còn có lúc thịnh lại. Lúc thịnh lúc suy rất bất định, đều do ở con người.

Có người giảng dạy thì Phật pháp hưng thịnh, không ai giảng dạy thì Phật pháp suy. Giảng dạy cho người chính mình phải tu thành trước đã. Tự mình không tu lấy gì để dạy người? Nên thật sự gánh vác sự nghiệp của Như Lai, sự nghiệp của Như Lai chính là hoằng pháp lợi sinh, chính là giảng dạy.

Chúng ta thấy rõ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có vai trò là vị thầy chuyên nghiệp, ngài đã giảng dạy cả đời. Một người thầy ưu tú cực kỳ trách nhiệm, chưa từng bỏ lớp bỏ tiết, bậc thầy như vậy biết tìm đâu ra? Đã không thu học phí còn tình nguyện giảng dạy, dạy dỗ nghiêm túc nhiệt tình chu đáo, dạy cho bất kỳ người nào. Nói theo từ ngữ hiện nay, thì Phật là nhân viên giáo dục xã hội đa nguyên. Học trò của ngài có đủ quốc tịch, đủ sắc dân, đủ loại tín ngưỡng, chúng ta đã thấy điều đó trong kinh điển ghi chép. Phật tử quy y với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, có rất nhiều người là thầy truyền giáo của các tôn giáo khác, tín đồ của các tôn giáo khác.

Các vị thấy có Bà La Môn nữ trong Kinh Địa Tạng, đấy là người theo đạo Bà La Môn. Phật không thay đổi tôn giáo tín ngưỡng của cô, bởi vì Phật giáo chẳng phải tôn giáo, chẳng cần thiết phải thay đổi. Phật giáo chính là giáo dục. Như một ngôi trường chiêu sinh, thì học trò ở bất kỳ tôn giáo tín ngưỡng nào đều có thể đến học. Do đó ta thấy trong kinh điển, rất nhiều tín đồ và thầy truyền đạo của các tôn giáo khác đều theo Phật để học hỏi.

Cho nên nói cuối thời mạt pháp thì kinh đạo mới diệt tận. Điều này trong Đại Tạng Kinh có Pháp Diệt Tận Kinh, ghi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo tương lai Phật pháp diệt tận, Kinh Thủ Lăng Nghiêm diệt trước, các kinh khác dần mất theo. Vì sao mà Thủ Lăng Nghiêm lại bị diệt trước?

Tôi theo thầy Lý Bỉnh Nam tu Kinh Thủ Lăng Nghiêm. Tôi đến HongKong, lần đầu giảng kinh cũng giảng Kinh Thủ Lăng Nghiêm đầu tiên. Bộ kinh này nỗi tiếng trong giáo pháp Đại Thừa. Các bậc tổ sư cao tăng xưa từng nói: “*Mở huệ là nhờ Lăng Nghiêm, thành Phật nhờ Pháp Hoa*”. Do đó quí vị thấy Kinh Lăng Nghiêm khai mở trí huệ.

Trong Kinh Lăng Nghiêm có một đoạn giảng về 4 loại thanh tịnh minh hối: Sát đạo dâm vọng. Giảng rất rõ về 4 loại quả báo này. Khi giảng kinh tôi bảo chương đó là kính chiếu yêu. Nếu quí vị hiểu thì những yêu ma quỷ quái không thoát khỏi bàn tay quí vị. Nên kinh đó phải bị diệt trước. Kinh Lăng Nghiêm diệt xong thì sao? Sẽ chẳng nhận ra yêu ma quỷ quái nữa, quí vị sẽ cho chúng là người tốt, sẽ xem chúng như Phật Bồ Tát. Quí vị đã hiểu vì sao yêu ma quỷ quái tìm đủ mọi cách để tiêu hủy bộ kinh này.

Kinh này rất hay, thật sự khai mở trí huệ chúng ta. Phật thảo luận với đại chúng cứ như họp bàn trong hội nghị, toàn những lời đối thoại đầy trí huệ. Trong đó có rất nhiều điều liên quan đến triết học và khoa học hiện nay.

Kinh Phật diệt hết rồi thì lúc này: “*Nhân dân siểm ngụy*”. Siểm là không thật, ngụy là hư ngụy. “*Nhân tâm dâm tà xảo trá, lại tạo ra các điều ác”,* lại không chịu làm việc tốt lành*. “Do đó thiêu thống càng lớn*”. Thống là thống khổ của cuộc sống hiện giờ, dữ dội như lửa thiêu càng lúc càng cháy. Chết rồi đều đọa địa ngục, tên địa ngục là Vô Gián. Nên nói: “*Lâu ngày càng kịch liệt*”. Càng về sau căn tánh chúng sanh càng mỏng, tạo nghiệp càng nặng nề, đọa lạc càng khổ sở hơn. Chỗ này Niệm Lão cho rằng từ chánh pháp, tượng pháp, chuyển sang mạt pháp, thì khổ sở càng lúc càng thảm thiết càng dữ dội.

“*Nên dạy Bồ Tát Di Lặc cùng tất cả chúng hội, nên triển chuyển dạy chúng sanh như thế*”. Nửa phần sau này là do Bồ Tát Di Lặc làm đương cơ, nửa phần trước của bản kinh này A Nan tôn giả làm đương cơ, nửa phần sau Bồ Tát Di Lặc làm đương cơ. Bồ Tát Di Lặc là Phật đương lai hạ sanh, phó chúc cho ngài, chúng ta liền biết được, Bồ tát Di Lặc tương lai sẽ thành Phật để giáo hóa chúnng sanh, chắc chắn sẽ hoằng dương bộ kinh này.

Và ta đã dần dần cảm nhận được, 9000 năm thời mạt pháp chúng sanh khó độ, chỉ có nhờ vào bộ kinh này thôi. Vì sao vậy? Vì dứt phiền não rất khó. Pháp môn này chủ trương đới nghiệp vãng sanh, nên có thể chẳng dứt phiền não, chỉ cần khống chế phiền não là được. Phiền não khống chế dễ nhưng đoạn trừ không dễ.

Hiện giờ chúng ta học theo Phật, không dứt được phiền não, nhưng nhất định phải hạ thấp phiền não, phải làm nhạt bớt đi. Thì việc chúng ta cầu sanh về tịnh độ sẽ dễ hơn, có cơ sở hơn, lúc lâm chung phiền não có thể không nổi lên. Một câu danh hiệu Phật này phải niệm cho tốt. Bất kỳ trong tình cảnh nào, mọi lúc mọi nơi, dù xung quanh có ra sao, đều phải nhớ đến câu Phật hiệu, không để quên mất. Nhất là khi tai nạn bất ngờ, hốt hoảng kinh hoàng sẽ quên câu niệm Phật, thì vô cùng vô cùng nguy hiểm. Nhớ là dù kinh hãi đến đâu vẫn phải một câu A Di Đà Phật.

Cho nên những phim tư liệu về thiên tai ta xem nhiều cũng có lợi. Vì sao vậy? Vì xem nhiều thì sẽ quen, lúc tai họa xảy ra chẳng qua chỉ là những cảnh tượng như vậu thôi sao? Tôi đã từng chứng kiến? Quí vị sẽ rèn luyện được gì? Tâm trạng bạn khi đó sẽ rất bình thường, không kinh hoàng, không khiếp sợ. Theo tôi loại phim đó xuất hiện là ý trời, cho chúng ta chứng kiến trước để có sự chuẩn bị tâm lý, không phải kinh hoàng.

Trong những vụ thiên tai lớn chết rất nhiều người, trên nửa số hoặc thậm chí hai phần ba, ba phần tư thì phần lớn đều chết vì sợ. Những kẻ chết như thế rất đáng thương. Người niệm Phật chết vì sợ hãi sẽ không thể đến được thế giới Cực Lạc, lại phải rơi trong lục đạo luân hồi, chẳng biết lạc vào đường nào. Đây là chuyện rất phiền toái, rắc rối.

Cho nên Thế Tôn răn dạy nhiều lần, để Bồ Tát Di Lặc cùng đại chúng trong hội, đại chúng trong hội gồm cả chúng ta. Chúng ta đọc bộ kinh này là tham gia pháp hội này. Phải làm sao? Phải “*chuyển dạy cho chúng sanh như lời Phật dạy*”. Chúng ta học rồi phải bảo cho người khác biết như: thân thích, bạn bè, bạn học, đồng tu, ai chịu tin, chịu hiểu, chịu tiếp nhận thì phải luôn khuyên nhủ, khích lệ họ. Tất cả cùng khuyến khích lẫn nhau, nếu tạo được một đạo tràng nhỏ thì rất hay.

Ấn Quang đại sư bảo chẳng cần đông, 20 người được rồi, cùng nhau niệm Phật, cùng nhau học hỏi giáo lý. Thật sự chẳng nghi ngờ pháp môn này, hạ quyết tâm nhất định phải cầu sanh về tịnh độ, thì có thể không cần nghe kinh, cũng khỏi phải niệm Phật, một câu Di Đà niệm tới cùng là được. Nếu lòng vẫn còn hoài nghi thì nhất định bạn phải học giáo lý, phải nghe giảng, phải tụng kinh. Tại sao thế? Để giúp quí vị đoạn nghi sanh tín. Giáo lý trong kinh có mục đích này đây. Nếu đã thật hiểu rõ sẽ chuyên tâm niệm Phật đi! Quan trọng nhất chính là câu Phật hiệu này, một câu Phật hiệu cực kỳ khó tin nhưng thiên kinh vạn luận đều hướng về đó. “*Đối với kinh pháp của Phật, tín thọ phụng hành, không được trái phạm*”. Đến cuối cùng là một danh hiệu Phật.

Chúng ta xem đoạn cuối của phẩm này: “*Di Lặc Bồ Tát, hợp chưởng bạch ngôn, thế nhân ác khổ, như thị như thị. Phật giai từ ai, tất độ thoát chi, thọ Phật trọng hối, bất cảm vi thất*”, đấy là lời của Bồ Tát Di Lặc. “*Di Lặc đại sĩ nhận lời giáo huấn của Phật một cách sâu sắc*”. Ngài cảm nhận sâu sắc lời dạy của đức Phật, cho nên: *“Chắp tay cung kính, tán thán Như Lai*”. Ngài nói: “*thế nhân ác khổ*”. Ác là tạo nhân, khổ là quả kết thành. Đã tạo ác thì đương nhiên phải thọ khổ.

“*Thâm sâu như vậy*”, chẳng phải ác nhỏ, không phải khổ ít, tạo ác lớn quả báo ở địa ngục, ngạ quỷ, cho nên chồng chất dẫy đầy như thế. “*Phật từ bi vô lượng*”, lòng từ bi của Phật vô lượng vô biên: *“Nên đối với kẻ cực ác cũng dùng lòng từ bi bình đẳng đó cứu giúp*”, “*đều được độ thoát*”. Phật chẳng hề phân biệt, chấp trước bất kỳ chúng sanh nào, điều này chúng ta phải học theo Phật. Tâm lượng chúng ta nhỏ hẹp, còn phân biệt, còn chấp trước, nên rất khó tiến rất trên đạo Bồ Đề. Nếu mở rộng lòng thì những chướng ngại trên đường đạo sẽ chẳng còn, thông thoáng dễ đi.

*“Di Lặc đại sĩ là đại diện chúng Bồ Tát làm đương cơ ở trong kinh này, A Nan là đương cơ cho chúng Thanh Văn, nên lãnh hội thâm sâu yếu chỉ của kinh này*”, ngài đã nói như vậy: “*Đều được độ thoát*”. Trong dấu ngoặc đơn nói: “*Nghĩa là tức đều được độ thoát*”, có thể độ thoát tất cả chúng sanh, ý là như vậy. Đấy là bí mật, là tôn chỉ sâu xa của bộ kinh này. Có thật thế chăng? Thật đấy, chẳng có chút giả dối nào. 9000 năm thời mạt pháp này toàn dựa vào bộ kinh trên.

Trong kinh phẩm Quyết Chứng Cực Quả viết: *“Nếu có thiện năm tử, thiện nữ nhơn, nếu đã sanh*”*,* là đã sinh đến thế giới Cực Lạc*. “Nếu tương lai sanh”,* tương lai sanh là chưa đến đó, sẽ sinh về đó. *“Tất cả đều trú trong chánh định tụ, nhất định chứng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. “Đều trú trong chánh định tụ*”, câu này rất quan trọng. Tâm định rồi, định ở đâu? Định tại tịnh độ, định chỗ A Di Đà Phật. Định vào câu danh hiệu Phật này thì chắc chắn quí vị sẽ thành tựu, vãng sanh đến thế giới Cực Lạc thì đương nhiên sẽ chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề chính là Vô Thượng Bồ Đề. Quí vị thành Phật rồi, rốt ráo thành Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi là Diệu Giác Như Lai.

*“Là tượng trưng người hiện nay phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, tương lai vãng sanh Tây phương, mà còn hiện tiền đã trụ vào chánh định tụ*”. Đấy là gì? Là đã hiểu kinh giáo, chẳng còn nghi ngờ, tâm đã định, chẳng dao động nữa. Trong giáo pháp Đại Thừa bất luận gặp pháp môn nào cũng không dao động, gọi là chánh định tụ. Sẽ không lúc muốn học pháp môn này, lúc theo pháp môn kia. Nếu quí vị còn muốn học rất nhiều thứ thì chẳng phải chánh định tụ, quả thật không hề khó.

Chúng ta xem nữ cư sĩ Lưu Tố Vân chỉ 10 năm đã có thành tựu, sự thành tựu này không hề bình thường, thành tựu thật sự. Vì sao vậy? Vì lúc nào vãng sanh cũng được, vấn đề đã được giải quyết rồi, bất kỳ khi nào cũng có thể rời đi. Phật A Di Đà chẳng đến đón, để nữ cư sĩ ở lại thêm vài năm, bà cũng chẳng thấy phiền hà, cũng chẳng thay đổi, chẳng có suy nghĩ nào khác. Cả đời chỉ đọc một bộ kinh, niệm một danh hiệu Phật.

Nhập vào cảnh giới rồi, thì chỉ đọc lời kinh không cần xem chú giải, mỗi ngày đọc một lượt kinh. Đọc một lượt có ý nghĩa gì? Nghĩa là quan sát thế giới Tây phương Cực Lạc, để tăng trưởng tín tâm, tăng trưởng thệ nguyện, vĩnh viễn không thoái chuyển, có ý nghĩa như vậy. Đương nhiên trước tiên phải hiểu rõ, tâm chưa kiên định thì nhất định phải nghe giảng, phải đọc kinh, tín tâm kiên định đã quyết tâm rồi, không còn dao động thì chuyên niệm A Di Đà Phật. Thật là nhất hướng chuyên niệm, phát Bồ Đề tâm.

Chúng ta nói đến Bồ Đề tâm, chính là dùng đề tựa của kinh này. Chân thành là thể của Bồ Đề tâm, chính là thật, thật nghĩa là không giả. Thành là không dối, đây là thể của Bồ đề tâm. Nó khởi tác dụng thanh tịnh bình đẳng giác tự thọ dụng. Từ bi là tha thọ dụng. Từ bi ở đâu ra? Trong từ bi có chân thành, có thanh tịnh, có bình đẳng, có giác. Tâm từ bi như thế đối đãi với hết thảy chúng sanh. Bất luận tin hay không tin đều dùng tâm từ bi để đối đãi, không hề phân biệt, chẳng hề chấp trước. Nếu còn phân biệt chấp trước thì sai rồi, chúng ta vẫn chưa ổn, không ổn thì vẫn phải nghe giảng kinh. Đối đãi bình đẳng, hoà thuận với tất cả chúng sanh, chúng ta luôn hồi hướng cho tất cả chúng sanh.

Tịnh Tông còn được gọi là pháp môn bất hồi hướng. Tại sao lại bất hồi hương? Vì mỗi niệm đều hồi hướng cả. Trong một câu danh hiệu Phật A Di Đà có cả tự lợi, có cả lợi tha, tự lợi lợi tha. Tự lợi là cầu Phật đến tiếp dẫn ta, lợi tha là nguyện cho tất cả chúng sanh tương lai đều nhờ câu danh hiệu này mà được độ. Cho nên người hiện giờ phát Bồ Đề tâm chuyên tâm niệm Phật, tương lai sanh về Tây phương Cực Lạc thì đã trụ trong chánh định tụ trước rồi.

Trong Kinh A Di Đà lại nói: “*Nếu có kẻ đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện sinh về cõi Phật A Di Đà. Những người như thế đều được bất thoái chuyển đối với A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”. Câu kinh này: *“Tượng trưng những người hiện giờ phát nguyện vãng sanh, đều không thoái chuyển Bồ Đề, nên gọi là đều được độ thoát”.* Chỉ cần phát nguyện này, đã phát nguyện rồi thì đã thành tựu rồi, hiện tiền phát nguyện thì đời này sẽ thành tựu, tương lai phát nguyên cũng được thành tựu. Chẳng có ai không thành tựu cả.

Ở dưới Di Đà Yếu Giải nói, Ngẫu Ích đại sư nói: *“Bất luận chí tâm hay tán tâm, có tâm hay vô tâm, hiểu hoặc không hiểu, nhưng danh hiệu Phật A Di Đà, hoặc danh hiệu chư Phật ở 6 phương, tên bộ kinh này lọt qua tai. Giả thử đến ngàn vạn kiếp sau cũng sẽ nhân đó mà được độ thoát*”, quý vị xem ý này. Ngẫu Ích đại sư là bậc tái sanh, không phải người thường. Ở sau Di Đà Yếu Giải có một đoạn lời bạt, nói rõ Yếu Giải này chỉ viết trong 9 ngày.

Ấn Quang đại sư hết sức khen ngợi quyển này bảo: “*Cho dù có cổ Phật tái sanh viết chú giải cho Kinh A Di Đà, cũng không thể hay hơn được*”. Lời khen này quá tuyệt vời! Lời tán thán này gần như nói, chính đức A Di Đà đã đích thân viết lời chú giải. Rất nhiều người xem lời khen của Ấn Quang đại sư, thì sinh ra hoài nghi. Tôi cũng đã gặp, là đại hòa thượng, lão hòa thượng từng giảng kinh thuyết pháp, hỏi tôi: Ấn Quang tổ sư nói câu đó có phải hơi quá? Tôi trả lời: chẳng quá chút nào, tổ sư nói vừa đúng, thật chứ không dối, chúng ta phải tin.

Ngài nói bất luận chí tâm hay tán tâm. Chí tâm chính là chuyên tâm không có tạp niệm, tán tâm chính là tạp niệm. Hữu tâm hoặc vô tâm, hữu tâm chính là cầu sinh tịnh độ, vô tâm chính là người ta niệm thì niệm theo. Hoặc là hiểu, hoặc là không hiểu, là hiểu được kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ. Hoặc là kẻ chẳng hề tin Phật, chưa đọc kinh cũng chẳng nghe giảng, thấy người niệm thì niệm theo 1, 2 câu. Nhưng chỉ niệm một danh hiệu A Di Đà, hoặc Nam Mô A Di Đà Phật, bất kể tin hay không tin, hữu tâm hay vô tâm. Hoặc danh hiệu Phật ở 6 phương, hoặc Bổn sư Thích Ca Mâu Ni, Tỳ Lô Giá Na Phật, Lô Xá Na Phật. Bất luận danh hiệu Phật nào, chỉ cần là niệm danh hiệu Phật. Hoặc đọc tên một quyển kinh, Kinh A Di Đà, Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Chỉ cần là tên một quyển kinh Phật, đã qua tai, nghe được rồi, thì giả sử ngàn vạn kiếp sau, hễ gặp duyên sẽ nhờ đó mà được độ thoát.

Vì sao vậy? Đó chính là nhờ thiện căn của người ấy. Đấy là gieo hạt giống Phật vào trong A lại gia thức, hạt giống Tam bảo Phật Pháp Tăng, là Tam bảo. Danh hiệu của Bồ Tát là Tăng bảo. Người đó nghe Quan Âm Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát thì trong A lại gia thức đã có danh hiệu Bồ Tát là Tăng bảo. Hạt giống này vĩnh viễn không mất đi, dù ngàn vạn kiếp sau cũng vẫn tồn tại. Khi có duyên gặp Tăng bảo thì hạt giống này sẽ hiện hành, sẽ khởi tác dụng, người đó sẽ tin, sẽ chịu thâm nhập.

Cho nên việc gieo hạt giống cho hết thảy chúng sanh rất quan trọng. Họ không tin cũng không sao, báng Phật báng pháp cũng chẳng sao. Chỉ cần họ đã nghe lọt vào tai, đã thấy tượng Phật, thấy kinh, dù không hề lật ra xem, nhưng nhìn thấy tựa kinh, đã lọt vào mắt thì sẽ thành hạt giống đạo vĩnh cữu. Việc này phải ta phải biết làm.

Trước kia lúc tôi mới học Phật, giảng dạy ở trường chuyên khoa và đại học. Học sinh tôi dạy, sợ bị cho là mê tín, nên không dám công khai đang học Phật. Tôi bảo các bạn lầm rồi, phải công khai chứ. Vì sao vậy? Nếu người ta chế giễu công kích bạn thì bạn cũng độ người đó, bạn đã gieo hạt giống Phật vào A lại gia thức của người đó rồi. Công đức lớn không tưởng được! Tôi nói thế thì học trò hỏi làm cách nào, tôi bảo tay cầm xâu chuỗi. Trên tay học sinh đều có xâu chuỗi hạt, người khác trông thấy bèn A Di Đà Phật, người đó tự động niệm.

Các bạn học ở trường, trên sách vở thường có đề tên. Tôi bảo đừng viết tên mình lên, mà hãy ghi A Di Đà Phật, đây là sách của Phật A Di Đà. Bạn sẽ thấy bao nhiêu người đọc tên đó, bao nhiêu người nghe danh hiệu đó. Dùng cách này bạn sẽ độ được rất nhiều người. Cách thức thì rất nhiều, chớ sợ người khác nghĩ gì. Chúng ta thể hiện tốt thì sau này mọi người sẽ ngợi khen: Người theo Phật khá lắm, người tin Phật rất thật thà, không nói dối, không lừa gạt. Nội điểm này thôi mọi người đã tán thưởng rồi. Cho nên phải hiểu, không cần tránh né.

Dưới đây là một ví dụ: “*Như văn đồ độc cổ, xa gần đều mất*”. Câu chuyện này được viết trong kinh Phật. Đấy là thời chiến tranh, đại khái như hiện nay dung gas, dùng loại vũ khí này. “*Ăn kim cang dù ít, nhất định không tiêu*”. Kim cương là vật cứng nhất, quí vị nuốt vào dù chỉ một ít cũng không tiêu nổi, dùng việc đó làm ví dụ. “*Cũng chính là chỉ đều được độ thoát*”, nên khẳng định là độ được tất cả chúng sanh.

Cuối cùng Di Lặc đại sĩ nói: “*Nhận lời giáo huấn quan trọng của Phật*”, Phật từ bi cứ hết lần này đến lượt khác dạy bảo dặn dò. “*Không dám trái phạm”, “điều này thay thế tất cả hàm linh hiện tại đương lai mà nói*”. Câu này của Bồ Tát Di Lặc cũng tượng trưng cho chúng ta hiện nay, tượng trưng đại chúng suốt 9000 năm của thời mạt pháp, tương lai có duyên có thể đọc được bản kinh này. Tượng trưng những đại chúng trên cho nên nói là: *“Chúng con*”.

*“Hiện nay chúng ta đúng như lời đại sĩ bảo không dám vi phạm*”, không dám làm trái, không dám quên mất.

*“Bành Tế Thanh lại nói: Tịnh độ là mãnh đất chí thiện*”, chẳng có đâu lành hơn chỗ này. *“Cầu sanh Tịnh độ, là dừng lại ở công phu cực thiện”*. Người xưa đọc sách Đại Học, phần khai tông minh nghĩa của Đại Học có viết: “*Đạo của đại học là ở chổ minh đức, ở chổ thân dân, ở chổ chí thiện*”. Bành Tế Thanh cư sĩ bảo thật sự chí thiện là vãng sanh tịnh độ, người vãng sanh tịnh độ mới đúng là kẻ chí thiện.

*“Không bước vào cánh cửa tịnh độ thì thiện không thể đạt được viên mãn, ác không thể đoạn tận hết*”, hai câu này nói rất hay! Quí vị chẳng tu pháp môn này, tất cả thiện quí vị tu đều không viên mãn được. Tất cả thiện đến tịnh độ sẽ viên mãn, tất cả ác đến tịnh độ sẽ dứt hết.

*“Nên chúng con đều tuân thủ giáo huấn của Phật, tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh độ*”. Hai câu cuối này chính là *“chỉ ư chí thiện*”. Những lời trên chẳng phải người thường có thể nói được: “ *Thiện không đạt được viên mãn, ác không thể đoạn tận*”. Quí vị không vào pháp môn tịnh độ thì sẽ như thế, đây là câu nói của người tái sanh.

Bành Tế Thanh cư sĩ là một người phi thường, là một vị cư sĩ đời Càn Long nhà Thanh. Phụ thân ông là binh bộ thượng thư của vua Càn Long, tương đương với bộ trưởng quốc phòng hiện nay. Nên ông xem như là con em của quan chức cấp cao. Ông cực kỳ thông minh, đậu tiến sĩ khi còn rất trẻ.

Thời xưa khi làm lễ đội mũ năm 20 tuổi là đã thành nhân. Ông đậu tiến sĩ khoảng năm 19, 20. Cả đời không ra làm quan mà tu theo Phật, hoàn cảnh gia đình khá giả, chỉ chuyên học kinh Phật. Trong cửa Phật ông cũng rất khá, thông tông thông giáo, hiển mật viên dung, là hàng đại cư sĩ! Quyển Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận là do ông soạn.

Thôi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**Hết tập 543**

# Tập 544

Chuyển ngữ: Nguyên Liên

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian:17.08.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời.

Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 700, hàng thứ nhất: *“Lễ Phật Hiện Quang thứ 38”.*

Trước phẩm này Niệm Lão đã có giới thiệu: *“Phẩm này hiển rỏ cõi nước của hai bậc đạo sư, từ bi ân đức vô cực, gia bị tất cả hội chúng, khiến tất cả đều thấy được y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc”.* *“Lễ Phật hiện quang”,* trong phẩm kinh này đã thể hiện hết lòng từ bi cực độ của đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni cùng Phật A Di Đà gia trì cho tất cả hội chúng, cũng bao gồm cả đại chúng hiện giờ của chúng ta trong đó. Phổ biến cho chúng ta chính mắt thấy sự trang nghiêm thù thắng của chánh báo, y báo ở thế giới Cực Lạc.

Trong Gia Tường Sơ nói: *“Hiện cõi nước khiến người thích thú hâm mộ”,* để quý vị được tận mắt chứng kiến thế giới Cực Lạc, sẽ sinh lòng ngưỡng mộ, cầu sanh về Tịnh độ. *“Thượng tuy đã nghe nói về sự vi diệu của cõi nước này”.* Thượng là phía trước, ở trước là Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu với ta. Chúng ta nghe được, nghe nói nhưng chưa được thấy. Tai nghe đâu bằng mắt thấy. *“Nên lần này hiện cõi nước, khiến tất cả đều ngưỡng mộ tu hành”.* Thật vậy, trong phẩm kinh này đức Phật Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn đã dùng thần lực của Người, biến hiện thế giới Cực Lạc ngay trước mắt để mọi người đều thấy.

Đại sư Nghĩa Tịch lại nói*: “Ở trên nói rộng về nhân quả của thân, cõi nước của Phật A Di Đà”.* Đoạn trước luôn giới thiệu tường tận y chánh trang nghiêm của Phật A Di Đà. *“Đại chúng đều được nghe”,* người tham dự pháp hội lần này rất may mắn vì được nghe chính Thế Tôn thuyết pháp. *“Hàng thắng trí thượng lưu”,* người căn tánh lanh lợi, trí huệ sâu sắc thì không có vấn đề. Nghe rồi thì sẽ tin và có thể hiểu được.

*“Hàng hạ căn trí tuệ thấp kém, vẫn không thể chắc chắn*”, còn những kẻ căn tính kém cõi, thiện căn hạ phẩm thì sẽ hoài nghi, sẽ thắc mắc Phật có nói thật hay chăng? Liệu có việc đó chăng? Nên họ không thể quyết tâm, và niềm tin của họ cũng chẳng phải là chân tín, nửa tin nửa ngờ. Rất kính trọng Phật, biết Phật chẳng hề vọng ngữ, có thể tin được. Nhưng sự việc này quá sức nghĩ bàn, không trong phạm vi mà kiến thức ta có thể lý giải, nên đương nhiên sẽ ngờ vực. Hạng người này chiếm đa số. Thiểu số là hạng thượng căn lợi trí, những người thuộc số ít này trong Phật Pháp gọi họ là chúng sanh căn tánh thuần thục, căn tánh của họ đã chín muồi.

Phật giảng kinh thuyết pháp chủ yếu là để độ họ, họ sẽ có thể thành tựu. Hạng người trung hạ căn tánh thì Phật giảng để gieo hạt giống Phật Pháp vào trong A Lai Da Thức của họ. Cho nên tất cả đều được lợi ích, chẳng ai mà không được lợi ích.

Vậy hạng người căn tánh trung hạ đến lúc nào căn mới chín muồi? Phải chờ xem nhân duyên của họ. Nếu duyên vô cùng thù thắng thì có thể ở kiếp sau hoặc một kiếp sau nữa thôi. Nếu không có cái duyên này thì có thể ngàn kiếp vạn kiếp sau mới ngộ được Phật pháp. Nhưng có thể nói quả quyết một câu: Người đó vẫn sẽ được sinh về Tịnh độ, vấn đề chỉ ở chỗ cách biệt thời gian.

*“Thị cố”,* đoạn kinh văn dưới đây giới thiệu với ta: *“Hạ gia A di Đà oai thần chi lực, linh thử đại chúng giai đắc nhãn kiến bỉ quốc chi sự, tín thược sở văn, quyết định bất hư”.* Thêm vào dưới đây thật ra là gia trì. Oai thần lực của Phật A Di Đà khiến cho đại chúng đều thấy được y chánh trang nghiệm của thế giới Cực Lạc, và tin ngay những điều Thế Tôn nói trước đó, biết sự việc không hề giả dối.

*“Lại muốn khiến thấy được cõi Tịnh độ trang nghiêm của cõi nước này, mỗi người đều tinh tấn tu hành để vãng sanh”.* Đây là một mục tiêu chủ yếu, hy vọng những người nhìn thấy y chánh trang nghiêm của Phật A Di Đà đều có thể có tín tâm, đại nguyện kiên định, dõng mãnh tinh tiến tu theo pháp môn vãng sanh. Nghiệp là sự nghiệp, xem pháp môn này như sự nghiệp lớn lao quan trọng nhất của cả đời mình, đấy mới là người có trí huệ chân chánh.

Người có thiện căn chín muồi, chắc chắn sẽ làm thế. Vì sao? Vì ngoài pháp môn này ra thì như trước đó Bành Tế Thanh cư sĩ có nói: *“Không vào pháp môn Tịnh độ, thiện bất khả đắc mà viên mãn, thiện bất khả đắc mà tận”.* Hai câu này nói quá hay, chúng ta tu thiện để dứt ác, ác có dứt được hay chăng? Sanh về thế giới Cực Lạc thì ác dứt sạch. Vì sao? Vì vĩnh viễn sẽ không làm ác nữa, thiện sẽ được viên mãn. Quý vị sinh về thế giới Cực Lạc rồi, thì tất cả những ý định của ta dù tự lợi hay lợi tha đều là những thiện hành viên mãn. Chỉ đến thế giới Cực Lạc mới làm được như vậy, không đến thế giới Cực Lạc thì không thực hiện được. Ở thế giới ta bà này thì càng khỏi nói.

*“Kế tiếp, lúc đó hội chúng chính mắt thấy, không những chứng kiến được lợi lạc, mà còn chứng tín được cho kẻ hậu thế khi nghe”.* Chúng ta phải tin kinh này, vì Phật Bồ Tát chẳng có lý do gì để nói dối! Những người trong pháp hội đương thời đã thấy, Phật chia sẻ thông tin đó với chúng ta. Liệu ta có tin được chăng? Không chính mắt chứng kiến, nhưng những người dự pháp hội lúc đó đều trông thấy.

Chúng ta phải tin Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là người nói lời chân thật, nói lời như thật, không giả trá, không nói dối. Ta phải tin Phật, ai có thể sanh lòng tin? Kẻ hay giả trá thì sẽ không tin, chính mình không vọng ngữ thì mới tin Phật không vọng ngữ. Nên người tin như vậy chẳng nhiều.

Hiện nay người tu học kinh Phật, người học cổ thánh tiên, chúng ta từ nguyên lý nguyên tắc trong kinh Phật để làm tiêu chuẩn, sẽ phát hiện câu: *“Nguyện giãi Như Lai chân thực nghĩa*” trong bài kệ khai kinh. Người như thế đúng là khó tìm hiếm có như lông phụng sừng lân. Quý vị thắc mắc tại sao? Ấn Quang đại sư đã trả lời rất đơn giản: Hai chữ *“thành kính”* còn chăng? Anh có một phần thành kính sẽ giải được một phần nghĩa chân thực của Như Lai, có mười phần thành kính sẽ giải được mười phần nghĩa chân thực của Như Lai.

Quý vị có được mấy phần? Nếu một phần cũng chẳng có thì ngày nào cũng nghe giảng, suốt trăm năm như thế cũng chẳng hiểu được nghĩa chân thực của Như Lai. Ta vẫn còn rất nhiều vấn đề với kinh giáo, mấu chốt là ở chổ này. Tại sao thành kính lại quan trọng đến thế? Xin bảo với chư vị, thành kính chính là chân tâm. Thành là chân thực không hư dối, kính là khiêm cung không hề ngạo mạn. Ta thử xem người không thành kính là người như thế nào? Là kẻ giả dối vờ vịt, cống cao ngã mạng. Hạng như thế thì Phật có giảng, Khổng Tử có thuyết cũng vô ích, kẻ đó sẽ không được lợi lạc gì.

Chúng ta đã có kinh nghiệm, tự thân lãnh hội được khi mới học. Nói cách khác, thành kính chỉ có một hai phần, công phu thành kính rất mỏng. Nhưng rồi sao? Đã được nhập môn thì tâm thành kính của ta sẽ tăng trưởng theo năm tháng. Sau khi tu học khoảng ba mươi năm mới có thể nói là tin thật\_chân tín. Tôi giảng kinh đã năm mươi ba năm, ba mươi năm trước lúc giảng kinh tôi vẫn chưa tin lắm. Chẳng phải hoài nghi nhưng tín tâm không kiên định. Trước kia có hoài nghi, có vấn đề, ba mươi năm sau thì chẳng còn hoài nghi. Có thể nói trong Phật pháp tin vào Phật, tin vào Tịnh độ, đã có chữ tin này. Lý giải cũng đã có, không kiên cố.

Bốn mươi năm sau thì kiên định rồi, không dễ để có niềm tin kiên định chẳng dời. Cần một quãng thời gian dài như vậy, chẳng ngày nào rời bản kinh, nếu rời bản kinh là hết.

Chúng ta thấy rất nhiều thầy lúc trẻ học rất giỏi, nhưng cuối cùng biến chất. Nguyên nhân do đâu? Do không đọc tụng kinh sách. Đọc thôi không được, đọc là tu căn bản trí. Nhưng thực sự dùng phương pháp đọc kinh để tu căn bản trí, thì cả đời tôi chưa thấy một ai. Vậy người mỗi ngày đọc kinh cầu phước báu tôi gặp rất nhiều, mỗi ngày cầu gì? Họ cầu thăng quan, phát tài, cầu phúc, hạng người này rất nhiều. Chẳng thấy một ai cầu căn bản trí. mà đọc tụng kinh điển vốn là để cầu căn bản trí, giờ đem cách này ra cầu phước báu nhân thiên, cho nên người ấy không thật. Tập khí ngạo mạn nhiều người chẳng tự nhận biết, có ai dám nói với họ chăng? Không.

Tôi theo Lý lão sư mười năm, học được rất nhiều ở mặt này. Thầy bảo tôi: Người trên bốn mươi tuổi thì đừng giảng nữa, lỡ sai thì để họ sai, đừng phê phán nữa. Vì họ không tiếp thu ý kiến sẽ thành ra oan gia đối đầu nhau, sẽ ôm hận trong long. Tôi tham gia lớp kinh học của thầy Lý, bồi dưỡng đào tạo người giảng kinh, cùng học có hơn hai mươi người. Chúng tôi thấy khoảng bốn, năm người học thật. Thầy rất nghiêm với họ, có lúc đánh mắng.

Trong giờ học có người canh bên ngoài, không cho ai khác đến gần. Thầy đánh mắng học viên không để ai khác trông thấy. Vì học viên đều là những người đã trưởng thành, bị đánh mắng sẽ rất ngượng, do đó lớp học phải đóng chặt cửa, đóng cả cửa sổ, không để ai nhòm ngó. Nhưng có hai, ba học viên thì thầy lại hết sức lịch sự, chưa từng bao giờ phê bình họ.

Lúc đó tôi là người sau cùng vào học lớp của thầy, thật ra tôi học trễ mất một tháng, họ đã đi học được một tháng. Mỗi tuần học một buổi, tôi đã không học khoảng năm buổi. Thiếu năm buổi trước nhưng sau đó thì chẳng vắng buổi nào, một buổi học là 3 giờ. Tôi thấy rất lạ sao thầy lại đối xử bên trọng bên khinh, đối đãi khác biệt với học sinh. Chúng tôi không dám hỏi nhưng thầy nhận ra.

Một hôm thầy gọi tôi vào phòng, bảo tôi: có phải con nghi hoặc khi thấy tình hình lớp học? Tôi trả lời: “*vâng có, thật có băn khoăn”.* Thầy bèn nói: những người thật sự muốn học thì dù có bị đánh bị mắng họ vẫn đầy lòng biết ơn. Chẳng hề oán hận mà tam còn hàm ơn. Nên phải dạy, không dạy thì có lỗi với họ. Còn những người kia thì sao? Thầy không thể nói họ. Nói hơi nặng lời một chút thì mặt sẽ đỏ lên ngay. Thầy không nói tiếp được. Tôi học ngay cách này của thầy.

Ngoài mặt có học viên khách sáo xin mình chỉ dạy, nhưng nói anh ta một câu thì mặt đỏ lên ngay. Vậy thì đổi ngay đề tài, khen ngợi tôn anh ta lên, đừng kết oán thù. Vì sao thế? Anh ta không học thật, học giả chứ không thật. Người muốn học thật sự thì khiêm tốn, cung kính. Khi bị ta phê bình, chỉ trích, người ấy còn biết ơn và cảm ơn bạn. Anh ta cho rằng đã không nhìn thấy lỗi của chính mình, ta đã nhắc nhở anh ta. Đấy là người học thật, người học thật còn được đánh giá qua việc liệu có thật tâm sửa đổi, không sửa đổi thật sự thì là giả. Nếu học thật, nghe xong sẽ sửa ngay. Người như thế là có tâm cầu học thật sự, nhiều hy vọng sẽ thành tựu.

Cho nên những điều này nếu không ở bên thầy lâu ngày thì sẽ không học nổi. Bởi vì bài vở trường lớp không dạy thế, nhưng không thể không biết được. Hiểu rõ chân tướng của những sự việc này, chúng ta sẽ có tâm từ bi, tấm lòng thương xót đối với thế gian như Đức Phật Như Lai.

Nhìn Phật pháp dần mất đi ở cõi đời này, xã hội đại chúng không tin. Ta tu học theo Phật, hoằng dương phật pháp, không có ai hộ trì cho, lúc này phải làm sao? Cho nên nếu ta muốn thực hiện điều này thì sẽ rất vất vả, và chẳng ai thương xót bạn, còn cho ta là ngốc ngếch, sao lại đi làm những việc đó?

Khi tôi thực sự bước vào cửa Phật, xuất gia rồi gặp thầy Phương, chỉ mỗi mình thầy Phương khen ngợi. Còn bạn bè, cấp trên trước kia, bạn học cũ đều hỏi: sao lại đi con đường này? Đều nhìn tôi bằng ánh mắt nghi ngờ, khinh rẻ, chỉ mỗi mình thầy Phương bảo: cậu đã đi đúng đường. Thầy vui mừng hoan hỷ, hoan hỷ điều gì? Hoan hỷ vì tôi chịu làm thật sự. Không sợ khó khăn, gian truân, vất vả. Luôn tin tưởng trời chẳng nỡ tuyệt đường con người, con đường này là đường chính.

Người thật sự làm tôi yên tâm là Chương Gia đại sư, đại sư bảo tôi: phát tâm thật sự, thực hành thật sự, thì cả đời cậu được Phật và Bố Tát sắp xếp cho cậu, cậu chẳng cần phải bận tâm. Nhờ sức mạnh của câu nói đó đã chống đỡ suốt đời tôi, chẳng sợ khổ nữa. Vì sao? Vì khổ là tiêu nghiệp chướng. Từ vô thủy kiếp đến đời này, nghiệp chướng chẳng biết nhiều đến bao nhiêu, khổ nạn thì sẽ tiêu nghiệp chướng.

Người trong xã hội hiện nay lạnh nhạt hủy báng, mỉa mai tôi, tôi toàn xem như là để tiêu nghiệp chướng, chẳng hề oán hận, đầy lòng biết ơn, cảm tạ. Nghiệp chướng đã tiêu dần dần, hình như tôi thấy mình đã bớt khổ, an lạc. Lớp hòa thượng lớn tuổi ở HongKong gần đi hết rồi, tôi đều quen họ. Hình như năm trước có pháp sư Dục Minh ở đường Tất Hàm, vốn từng định tặng tôi đạo trường của ông. Ông đến Tiêm Sa Chủy thăm tôi và cảm thán: Tịnh Không pháp sư có phúc về già, càng già càng nhiều phước báo.

Nói câu này xong chưa đến một năm thì ông đi, hình như khi qua đời ông lớn hơn tôi 1, 2 tuổi. Ông định tặng tôi đạo tràng nhưng chưa tặng được, phúc đức nhân duyên thôi. Ông không có phước báo lớn thế, đạo tràng đó mà tặng cho chúng tôi, tôi sẽ tu phước cho ông, nhưng ông không có phước báo này. Cho nên họa hay phúc đều có những nhân duyên rất sâu xa. Không chỉ đời này mà có cả nhân duyên những đời trước.

Cho nên hội chúng đương thời tận mắt chứng kiến, không chỉ người thấy được lợi lạc, mà còn chứng tín cho người đời sau. Người đời sau là chỉ hậu thế chúng ta, nhưng chúng ta phải tin mới được, không tin thì cũng chẳng ích gì. Cho nên nói đi nói lại vận là hai chữ *“thành kính”* mà Ấn Quang tổ sư giảng. Đấy là khế nhập thánh giáo, là chìa khóa để khế nhập vào Phật pháp, chẳng có thành kính thì chắc chắn bạn không qua nổi cửa này. Thành kính không phải từ bên ngoài mà phải từ trong chân tâm bạn thể hiện ra.

Thế mới biết thế giới Cực Lạc quả là có thực, chẳng phải là nguyện vọng viễn vông, chẳng phải ngụ ngôn của Trang Tử. Utopia là giả thiết, ngụ ngôn của Trang Tử là ví dụ, đều không có thật, thế giới Cực Lạc thì có thật. Ngẫu Ích đại sư lúc già có biệt hiệu là Tây Hữu lão nhân, Tây hữu là tây phương có thật. Ông đã chứng minh với mọi người Tây phương có thật.

“*Từ tín khởi nguyện”,* chân tín phát nguyện. *“Từ nguyện dẫn đến hành”*, nguyện là mục tiêu, là phương hướng. Có mục tiêu, có phương hướng rồi nghiêm túc thực hành chính là chăm chỉ niêm Phật. *“Chí tâm tín nhạo, cầu sanh Cực Lạc, đều được độ thoát, mới có thể lộ rỏ bản hoài cõi nước của hai vị đạo sư”*. Bản hoài chính là những gì nghĩ trong tâm. Phật Thích Ca và Phật A Di Đà chẳng nghĩ gì khác, chỉ mong sao những người hữu duyên này sớm vãng sanh về Tây phương Cực Lạc. Ngoài ý niệm này thì chẳng còn ý niệm nào khác. Đấy là Phật Bồ Tát.

Giờ xin xem kinh văn*: “Phật cáo A Nan, nhược tào dục kiến, vô thượng thanh tịnh bình đẳng giác, cập chư Bồ Tát, A la hán đẳng sở cư quốc độ, ưng khởi tây hướng, đương nhật một xứ, cung kính đãnh lễ, xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật”.*

Đây là Phật khuyên dạy những đại chúng trong pháp hội lúc đó. *“Nhược tào”* là cách gọi thời Hán. Dùng ngôn ngữ bây giờ thì là *“các bạn”.* Nếu mọi người muốn gặp Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, thì đây là một biệt hiệu của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà được gọi là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, nên thanh tịnh bình đẳng giác là danh hiệu của Ngài.

*“Cùng chư Bồ Tát”,* chúng Bồ Tát tu hành ở thế giới Cực Lạc. *“A La Hán”* là chúng La Hán. *“Đẳng”* có chúng thiên nhân trong đó. *“Quốc độ họ ở*”, ngoài Thường Tịch Quang người thường chúng ta không thấy. Quý vị xem cõi đồng cư, A La Hán là cõi phương tiện, chư Bồ Tát là cõi thật báo trang nghiêm, tất cả đều thấy được.

Thấy như thế nào? Phật dạy mọi người hướng về Tây phương: *“ưng khởi tây hướng”,* tất cả đứng dậy hướng về phía tây. *“Hướng mặt trời lặn”* nơi mặt trời lặn. *“Cung kính đảnh lễ xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật”.*

Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão: Vô lượng thanh tịnh bình đẳng giác, Hán Dịch gọi Vô Lượng Thọ Phật là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, hoặc Vô Lượng Thanh Tịnh Giác. Đấy đều là danh hiệu của Phật A Di Đà. *“Hướng tây, lấy thù nguyện độ sanh của đức Phật này, hiện nay ở phương tây*”, chúng ta chớ nên chấp trước. Giờ ta nói phương tây, phương đông, người nghe sẽ thắc mắc: trái đất xoay trong không gian thì hướng nào là hướng tây? Tìm đâu ra hướng tây. Tây phương đây chính là phương hướng, một hướng là có thể tìm ra hai hướng, ba hướng. Không có phương hướng không được, nhất định phải có một phương hướng. Tâm ta định ở một hướng thì hướng đó chính là tây phương.

*“Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”,* quý vị nghĩ đó là tây phương thì hướng đó là hướng tây. Thật ra giờ chúng ta hiểu thế giới Tây phương Cực Lạc ở đâu? Tồn tại mọi lúc mọi nơi. Quý vị xem trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, trong đó ghi chép về những người niệm Phật được vãng sanh. Người già vãng sanh rồi, con cháu trong nhà hỏi thế giới Cực Lạc ra sao? Ông trả lời thế giới Cực Lạc ở ngay kế bên, thế giới Cực Lạc ở trong ngôi nhà. Ở ngôi nhà kế bên là không trông thấy thế giới Cực Lạc.

Trong Hệ Niệm Pháp Sự có nói: *“Ở đây tức là Tịnh độ, Tịnh độ tức là ở đây”,* có thật thế chăng? Là thật vậy. Tâm ta chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tâm ta. Khi ta niệm Phật vãng sanh tịnh độ, thì tịnh độ đó do tâm ta biến hiện ra. Tâm ta và tâm Phật A Di Đà đồng nhất, điều này có thật không hề giả trá. Nhưng do đạo lý này quá sâu sắc nên thường ít ai hiểu nổi.

Người không hiểu liệu có thể thấy Tây phương? Liệu có vãng sanh về Tây phương? Được chứ, chỉ cần tin, chỉ cần ta chẳng hoài nghi. Nếu trong đầu bạn chồng chất kiến thức khoa học thì sẽ quá nhiều nghi vấn, sẽ chẳng thấy, tìm không ra được Tây phương. Quý vị chẳng hoài nghi, không phân biệt, không chấp trước, hoàn toàn tin chắc vào lời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, không có chút thắc mắc nào thì sẽ thấy được.

Cho nên đoạn giới thiệu trước có nói Phật A Di Đà ở đâu? *“ Thù nguyện độ sanh, hiện tại ở tây phương”.* Hiện là thị hiện, thị hiện ở Tây phương. *“Tịnh độ pháp môn, chỉ phương pháp và định chí hướng, kiến đại chúng chuyên nhất”,* đây là nói rõ pháp môn trên xảo diệu ở chỗ này. Chỉ phương lập hướng là chỉ định Tây phương. Cho nên nói chuyên niệm một hướng, một mục tiêu thì tâm bạn mới chuyên nhất được. Nếu không chỉ phương lập hướng thì tâm ta chẳng thể chuyên nhất. Rốt cuộc Phật ở đâu? Tìm khắp 4 phương 8 hướng đều không thấy.

*“Phật này hiện ở tây phương”,* vậy thì chúng ta hướng về tây, *“xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật”. “Người muốn thấy Phật, tức phải niệm Phật, khi thấy được Phật, tức ngay bây giờ ý niệm nhất niệm tâm tánh”.* Nhất niệm tâm tính này là thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật. *“Lại vì Như Lai hai cõi nước gia bị”,* đức Thích Ca Như Lai gia trì cho ta, Đức A Di Đà Như Lai cũng gia trì cho ta. Chúng ta một lòng niệm Phật, xác định phương hướng, có mục tiêu thì sẽ thấy được.

*“Nên cảm ứng đạo giao, thấy được ngay niệm này”,* quý vị niệm thì sẽ thấy thực sự. Người HongKong rất tôn kính Ngài Thánh Nhất, hình như lúc đó Trung Quốc vẫn chưa mở cửa. Có hai người Trung Quốc kết bạn đến núi Phổ Đà Sơn đãnh lễ Bồ Tát Quan Âm, thêm một hòa thượng Trung Quốc đi với họ, tất cả là ba người. Đến động Triều Âm ở núi Phổ Đà Sơn, nơi này tương truyền Bồ Tát từng hiện thân. Cả ba đã đứng trước cửa động vái lạy Bồ Tát. Nửa giờ sau thì Bồ Tát hiện ra, cả ba đều nhìn thấy người và vô cùng mừng rỡ.

Dọc đường về họ hỏi nhau: bạn thấy hình dáng Bồ Tát ra sao? Kết quả cả ba người đều miêu tả khác nhau. Thánh Nhất pháp sư trông thấy Ngài đội mão tì lô, toàn thân vàng óng. Mũ tì lô là thứ mũ giống như mũ Địa Tạng Bồ Tát, toàn thân sắc vàng. Một vị pháp sư khác thì thấy Bạch Y Quan Âm như hình tượng ta hay gặp, tay cầm nhành dương liễu tịnh bình, y phục toàn trắng. Vị pháp sư thứ ba trông thấy một tỳ kheo xuất gia, ngài hiện thân một người tu nam giới. Tất cả những gì họ trông thấy đều là Quan Âm Bồ Tát hết. Mỗi người cảm ứng khác nhau, và hình tượng Thánh Nhất pháp sư thấy thù thắng nhất, thân ửng sắc vàng đội mũ tì lô.

Chúng ta không đến thế giới Tây phương Cực Lạc, y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc từ nơi đây mỗi người cũng thấy khác nhau. Nhưng khi thấy thế giới đó nhất định ta phải tán thán, ngưỡng mộ vô cùng, sẽ cho thế giới đó hết sức tốt lành, đẹp đẽ. Sau khi đến thế giới Cực Lạc rồi thì cái thấy sẽ tương đồng. Vì sao thế? Vì đã được oai thần bản nguyện của Đức Phật A Di Đà Phật gia trì, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng làm Bồ Tát bất thoái chuyển. Đấy là sự khác biệt rất lớn, cần phải hiểu đạo lý này.

Đấy cũng chính là 2 câu nói của cư sĩ Bành Tế Thanh: Nghiệp chướng hoàn toàn tiêu sạch khi đến thế giới Cực Lạc. Thiện căn phúc đức của sẽ viên mãn, vẹn tròn. Tại sao thế? Vì bản được bổn nguyện của Phật A Di Đà đã gia trì, thật là vô cùng hiếm có! Nếu ở quốc độ của các chư Phật khác, ta phải dùng công phu tu hành của chính mình để đoạn dứt nghiệp chướng, dứt một phần phiền não thì thiện căn lớn thêm một phần, là đạo lý như vậy.

Thế đến bao giờ tiêu hết ác nghiệp, thiện căn viên mãn? Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc dựa vào đâu để gia trì cho chúng ta? Dựa vào 48 lời nguyện và 5 kiếp tu hành của ngài. Phát nguyện thì dễ nhưng có thực hiện được chăng? Như ta hiện nay rất dễ phát nguyện thọ giới, nhưng thọ giới xong thì sao? Phật A Di Đà tu hành 5 kiếp, 48 nguyện nguyện nào cũng thực hiện xong một cách viên mãn trọn vẹn, không hề giả trá. Đấy là thiện căn công đức thật sự của Ngài gia trì, ngài thật sự có thiện căn công đức này.

Hiện nay chúng ta nói hồi hướng cho người khác nhưng lấy gì để hồi hướng? Chúng ta không có thiện căn phươc đức nào cả, lấy gì hồi hướng? Chẳng có gì để hồi hướng cả nên hồi hướng dó là giả, không có thật. Nên cần phải thực sự tu trì, không tu trì thì chỉ là nói dối. Chúng ta không thể dùng tham sân si hồi hướng, không thể đem kiêu mạn tật đố ra hồi hướng. Nên hiểu đạo lý này, thì bạn sẽ hiểu đức Phật A Di Đà rất chân thật, không hề giả trá. Chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực tu học mới có thể có chút ít công đức để hồi hướng cho người khác, hồi hướng cho oan gia trái chủ, mới hóa giải được oan kết.

Có kẻ niệm Phật, đọc kinh sớm tối mỗi ngày, đến khi tuổi già trước lúc vãng sanh mà vẫn còn rất nhiều oan gia trái chủ vây quanh người. Nguyên nhân nào lại thế? Ngày nào cũng hồi hướng nhưng chẳng có gì hồi hướng cho người ta. Nếu có công đức thật thì những oan gia trái chủ này đã bỏ đi lâu rồi. Tâm người, lòng người đều cùng một lý luôn muốn làm rõ việc này.

Tôi chỉ thấy trường hợp một người hồi hướng đúng là rất hiệu quả, đó là cư sĩ Lưu Tố Vân. Bà ấy nhờ vào đâu? Nhờ 10 năm chỉ một bộ kinh, một danh hiệu Phật, chỉ công đức đó thôi. Nhờ vào công đức nghiêm túc, nghe lời, thật thà, công đức của sáu chữ này. Hiệu quả thật sự đấy, chẳng giả chút nào.

Chúng ta xem đoạn dưới: “*A Nan tức tùng tọa khởi, diện tây hợp chưởng, đãnh lễ bạch ngôn: Ngã kim nguyện kiến, Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật. Cúng dường phụng sự, chủng chư thiện căn, đãnh lễ chi gian, hốt kiến A Di Đà Phật, dung nhan quảng đại, sắc tướng đoan nghiêm, như hoàng kim sơn, cao xuất nhiết thiết, chư thế giới thượng. Hựu văn thập phương thế giới, Chư Phật Như Lai, xưng dương tán thán, A Di Đà Phật, chủng chủng công đức, vô ngại vô đoạn”*

Đoạn *“cảm Phật ưng hiện”* này, phía trước Phật dạy ta lễ bái, xưng niệm. A Nan lễ bái xưng niệm và đã thấy được thật. Đoạn trước Thế Tôn dạy chúng ta chính là sự gia trì của Thế Tôn. Đoạn này nói Phật Di Đà hiện thân chính là gia trì của Đức Di Đà.

“A nan nghe lời giáo huấn”, chính là phần trước tôn giả A Nan nghe lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, *“do đó được ba nghiệp thanh tịnh, xưng danh hiệu Phật, đảnh lễ phát nguyện”.* Trong câu này quan trọng nhất là thanh tịnh 3 nghiệp. Hiện giờ chúng ta tu hành chẳng phải không dụng công, không phải không cố gắng, quả thật rất muốn học hỏi thật tốt, nhưng học thế nào cũng không tốt hơn được. Vấn đề do đâu? Do 3 nghiệp không thanh tịnh, 3 nghiệp đó là thân, ngữ, ý.

Quan trọng nhất là do tâm chúng ta không thanh tịnh, trong tâm ta còn ích kỷ, tư lợi, còn phân biệt ta và người, thị phi. Còn tham, sân, si, mạn, còn khuynh hướng ưa ghét rất nặng. Cái này tôi thích, cái kia tôi chẳng ưa, vậy là ý nghiệp cũng không thanh tịnh. Do ý chẳng thanh tịnh nên khẩu cũng không thanh tịnh, trong vô thức có ý hay vô ý, vọng ngữ, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời thêu dệt. Tạo tác của than thể, thân là thái độ, cung cách không hiền lành, nhu hòa.

Trong Hoàn Nguyên Quán có nói về tứ đức, thái độ hết sức quan trọng: *“nhu hòa chất trực”.* Nhu hòa là thể hiện bên ngoài, chất trực là bên trong. Chất trực chính là chân thành, dùng trong đối nhân tiếp vật chính là từ bi, chân thành. Thể hiện ra bên ngoài đương nhiên là nhu hòa, hiền lành, đây là điều kiện thứ nhất cho sự cảm ứng.

Xưng Phật danh hiệu, lời xưng tán thốt ra sau khi 3 nghiệp thanh tịnh. *“Xưng Phật danh hiệu, đảnh lễ phát nguyện”*, đảnh lễ là thân nghiệp cung kính, phát nguyện là cầu cảm ứng. *“Nguyện gặp Cực Lạc thế giới, Phật A Di Đà”*, nguyện này và đoạn dưới đây: *“Cúng dường phụng sự, trồng các thiện căn*”.

*“Đột nhiên thấy được”, “trượng trưng cảm ứng thần tốc”* là cảm ứng này quá nhanh, ngay lập tức hiện tiền. *“Đảnh lễ chưa xong lập tức thấy giáo chủ thế giới Cực Lạc và tai nghe Như Lai ở 10 phương tán thán Đức A Di Đà*”, quả thật quá nhanh. Vì sao thế? Do chí thành cung kính. 3 nghiệp thanh tịnh chính là chí thành, Phật lập tức hiện thân ngay.

Hội Sớ nói: *“Cõi này không có tướng cố định, tịnh hay uế đều do tâm”,* câu này hết sức quan trọng. Tịnh độ là gì? Uế độ là gì? Tướng do tâm hiện. 3 nghiệp thanh tịnh thì đương nhiên Tịnh độ sẽ hiện ra, tâm chẳng thanh tịnh thì sẽ chẳng thấy được Tịnh độ. Tịnh hay nhiễm là do tại tâm mình.

Câu ở dưới: *“Ví như Chư Thiên cúng dường vật báu đựng thức ăn”*, là nói tất cả thiên nhân đang cùng ăn, dùng chung bộ đồ ăn. Như bây giờ chúng ta là đĩa, khay, tô, thức ăn để cùng một chỗ. Mỗi người ăn lại có vị khác nhau, vì sao mùi vị lại khác? Vì *“Tùy theo phước đức mỗi người, mà thức ăn có hương vị khác nhau”,* thật đấy, chẳng giả đâu.

Chúng ta biết Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mỗi ngày đều ôm bát ra ngoài khất thực. Phật dùng những thức ăn gì? Mùi vị ra sao? Bất luận là vật thực nào, vào miệng Thế Tôn đều biến thành thượng vị cực ngon. Tại sao thế? Vì tâm Ngài chuyển hóa. Lời này nói thật không hề giả trá.

Một kẻ ăn xin xin được ít cơm, khi gặp Đức Phật nghĩ đến cúng dường Phật có phước. Ông ta lấy gì để cúng dường? Ông đem ít cơm canh xin được cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật dùng ngay tại chỗ thứ thức ăn mà người khác ngửi đã thấy vị ôi thiu. Nhưng vào miệng Thích Ca thì lại thành thượng vị, diệu vị Bồ Đề, trong khi kẻ ăn xin thấy khó nuốt. Do phước báo chẳng giống nhau thôi. Kẻ ăn xin sao có thể so với Phật Thích Ca? Cho nên cảnh tùy tâm chuyển là thế này đây.

Khi hiểu đạo lý trên mà muốn được tốt đẹp hơn thì tâm bạn phải tốt, tâm tốt lành rồi thì gì cũng sẽ tốt. Tâm xấu xa thì thứ tốt thứ ngon đến với mình cũng trở thành không ngon, không tốt. Chẳng thể không biết đến đạo lý này.

Những câu dưới đây vô cùng quan trọng*: “Nên nghiệp dơ bẩn làm hư hoại tâm”.* Cấu là ô nhiễm, nghiệp ta tạo ra là nghiệp ác. Ác nghiệp, ác hạnh, ác niệm đã ảnh hưởng tâm ta, tâm ta đã hóa ác, tâm ta đã nhiễm bẩn*. “Tức kim dung cũng như bụi dơ”,* kim dung là nói về gì? Tướng của Phật. Quý vị vốn là Phật. Tướng của quý vị vốn giống như trong kinh nói: *“thân tử ma chân kim sắc”.* Quý vị đã có đủ vô lượng tướng tốt.

Như trong Quán Kinh nói tướng Phật A Di Đà, thân Ngài có 8 muôn 4 ngàn tướng, mỗi một tướng đều có 8 muôn 4 ngàn vẻ đẹp. Quán Kinh tán thán Đức Phật A Di Đà, mỗi người vãng sanh tịnh độ đều có thân tướng tương đồng với Phật A Di Đà. Thân Phật có 8 muôn 4 ngàn tướng thì quý vị cũng có 8 muôn 4 ngàn tướng. Mỗi một tướng của Phật có 8 muôn 4 ngàn vẻ đẹp, bạn cũng sẽ có 8 muôn 4 ngàn tùy hình tướng hảo, y như nhau. Thế tại sao giờ tướng bạn lại tối ám như vậy? Do tâm nhiễm bẩn. Tâm tịnh thì thân tịnh, tâm tịnh thì núi sông mặt đất đều thanh tịnh, nguyên lý là như thế. Đoạn này hết sức quan trọng.

*“Ngón chân ấn xuống đất thì gạch ngói cũng biến thành ngọc quý”.* Tôi không còn nhớ bộ kinh nào kể thế này: Các đệ tử hỏi Phật Thích Ca Mâu Ni cõi thật báo trang nghiêm của Thế Tôn ở đâu? Phật A Di Đà thành Phật rồi Người cũng có tứ độ. Cực Lạc thế giới có tứ độ, Phật Thích Ca Mâu Ni cũng có tứ độ. Chúng ta biết trái đất này là phàm thánh đồng cư độ, và cũng biết phương tiện hữu độ. Tứ thánh pháp giới chính là phương tiện hữu dư độ của Phật Thích Ca Mâu Ni. Lục đạo là phàm thánh đồng cư độ.

Còn thật báo trang nghiêm độ ở đâu? Phật tọa thiền, đặt một chân xuống, ngón chân ấn xuống đất, chợt thấy mặt đất giống y thế giới Cực Lạc, gạch ngói đều thành ngọc quý. Ở thế giới Tây phương Cực Lạc các loại báu đều trang nghiêm, đâu ra gạch ngói. Phật ấn chân xuống để tất cả đều thấy được đất đai, sông núi đều được hình thành bởi vô số châu báu. Phật rút chân lên, ngồi xếp bằng lại, thì tất cả biến mất, trở lại hình dáng cũ. Cho nên mọi người biết có thật thế, không hề giả trá.

Phật Thích Ca Mâu Ni có diệt độ chăng? Phật thị hiện diệt độ ở trái đất chúng ta, nhưng trên hành tinh khác Ngài vẫn còn. Phạm vi giáo huấn của Ngài là 3000 đại thiên thế giới, đấy là khu vực giáo hóa của Đức Thích Ca Mâu Ni. Một đại thiên thế giới hình như bằng 1 tỷ hệ ngân hà, trong 1 tỷ hệ ngân hà có bao nhiêu hành tinh. Đức Thế Tôn có thể phân thân, hóa than, đây là khu vực giáo hóa của Ngài, lẽ nào Ngài không dạy dỗ? Chỉ cần chịu tin, chịu hiểu, chịu tiếp thu thì Phật đều giáo hoá hết. Cần hiện thân gì để độ thì Phật sẽ hiện ra thân đó.

Chúng ta phải biết thân chúng ta và thế giới mà chúng ta cư ngụ không thật có, sinh ra theo tâm tưởng. Một ý niệm xoay chuyển thì cảnh giới đều chuyển theo hết. Trong Hoàn Nguyên Quán có nói: *“xuất sinh vô tận”,* câu này thật đấy không hề giả dối, còn *“năng sanh vạn pháp”* mà Huệ Năng đại sư nói đến. Khởi tâm động niệm của ta đều có tác động. Với chính ta thì tác động đến thân thể. Mỗi một tế bào ở toàn thân, mỗi bộ phận đều bị ảnh hưởng. Đối ngoại thì sông núi đất đai nơi ta sinh sống, hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất, hoàn cảnh tự nhiên đều bị tác động hết. Thật không thể tưởng tượng. Quả thật rất khó hiểu về cảnh giới thế này.

Người xưa hiểu được do họ có một tố chất rất tuyệt vời mà chúng ta thiếu đó là thành kính, cổ nhân chẳng nghi ngờ. Như Khổng Tử vậy: tín và thích những gì của người xưa. Khoa học vốn hoài nghi, luôn đặt câu hỏi, thánh nhân lại chẳng nghi ngờ, Phật Bồ Tát cũng không nghi ngờ. Không thể nghi ngờ thần thánh, thiên sứ, thượng đế mà các tôn giáo nói đến. Nếu nghi ngờ là ta sai rồi.

Chúng ta học Phật đã lâu, 60 năm, càng thể nghiệm càng sâu sắc, càng thể nghiệm càng chân thực. Tất cả pháp chẳng rời tự tánh, toàn là tự tánh biến hiện ra thôi.

*“Khải thân thổ linh chi nhiên tai”,* tất cả đều tùy tâm niệm. Tâm của Phật thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy bụi trần nào, nên thế giới nơi Phật cư ngụ hình thành bởi vô lượng châu báu. “*Nên biết tây phương không xa”*, chẳng hề xa đâu, *“vì tâm mê nên có khoảng cách”,* chướng ngại ở đây là mê mờ. *“Nếu có thể một niệm quy chân thì sẽ vãng sanh thấy cõi Phật, cũng không xa cách ý niệm và thời gian?”* Chính trong một niệm không có thời gian, chẳng là quá khứ, chẳng phải tương lai. Cho nên Đại Thừa kinh giáo thường nói: *“Chính ngay lúc này”,* là không có thời gian, chẳng có không gian. Không có không gian chính là ở nơi này, không có thời gian là chính lúc này. Điều này thật đấy chẳng hề giả trá.

*“Trong Hộ Sớ nói rất rỏ ràng thâm sâu sắc, tức chỉ tâm tịnh thì cõi nước tịnh”,* đây là lời Niệm Lão nói, đây là những câu trong Hội Sớ, thật hiểu đạo lý tâm tịnh tức cõi nước tịnh. Tâm nhiễm thì tất cả đều nhiễm, tâm tịnh thì tất cả đều tịnh.

Thế giới Cực Lạc nếu đã do chính mình tâm hiện thức biến ra thì sao có thể không vãng sanh được. Quý vị không biết, không thừa nhận, thì tâm hiện thức biến sẽ chẳng có phần, chắc chắn sẽ chẳng thấy. Nói cách khác, tâm ta nghĩ gì thì sẽ hiện ra nấy, phải nhớ kỹ điều này. Trong tâm nghĩ đến tham lam, ta sẽ trông thấy pháp giới ngạ quỷ, thấy quỷ đạo. Tâm địa sân thì bạn sẽ thấy địa ngục, toàn biển lửa. Tâm ngu si thì ta sẽ thấy pháp giới súc sanh. Tâm có ngạo mạn thì bạn thấy pháp giới Tu La, La Sát.

Nghi trong tham sân si mạn nghi rất tệ hại, có câu nói tâm nghi thấy quỷ, tâm nghi chắc chắn là 3 ác đạo, tất cả đều do tâm thức biến hiện ra. Thế giới Cực Lạc không ngoại lệ, thế giới Hoa Tạng cũng không ngoại lệ, đoạn này ý tứ rất sâu.

Tịnh Danh Kinh nói: *“Phật dùng ngón chân chỉ xuống đất”,* Kinh này nằm trong Kinh Duy Ma. *“Lấy ngón chân ấn xuống đất, cõi này lập tức hiện cõi Tịnh”, đ*oạn trên có nói gạch ngói biến thành ngọc quý. Đất đai hiện tiền là đất lưu ly, hoa cỏ cây cối trông thấy y như ở thế giới Cực Lạc, là do các loại báu hợp thành.

Lại Thủ Lăng Nghiêm nói: *“Như tôi ấn xuống, hải ấn phát quang, lần này phát quang, không phải vì tay chân”,* thứ gì phát sáng? Quang minh của tánh đức. Huệ Năng đại sư bảo*: “Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ*”, đầy đủ điều gì? Phật đã giảng trong Kinh Hoa Nghiêm: *“Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai”*. Ở đây nói rất rõ, phát quang gì? Trí tuệ quang, đức quang, vạn đức quang.

*“A Nan thấy Phật chỉ do một niệm quy chân”.* Nhất tâm niệm Phật cầu sanh về tịnh độ, được thân cận Đức Di Đà, đấy chính là quy chân. Hiện giờ chúng ta niệm Phật có tâm này chăng? Nếu bảo hễ niệm Phật là ngay lập tức Phật sẽ giơ tay ra đón cho vãng sanh thì ta sẽ sợ chết khiếp. Con không chịu đâu, sao lại chết được? Cho nên bạn niệm Phật giả chứ không thật. Tấm biển treo ở niệm Phật đường của chúng ta nếu viết: niệm Phật một ngày sẽ vãng sanh ngay. Quý vị xem có ai còn dám bước vào đây? Chẳng có ai cả. Nói thì hay lắm nhưng nếu làm thiệt thì sợ chết khiếp.

Vì sao A Nan lại cảm được Phật? Vì A Nan thật chứ không giả nên thấy được Phật, cảm được Phật. Vì ông thật chẳng sợ chết, thật biết thế giới Cực Lạc tốt đẹp, thực lòng muốn đến đó. Một niệm tương ưng một niệm Phật, liền hiện tiền. Quý vị muốn hỏi có chắc niệm Phật sẽ vãng sanh chăng? Niệm thật thì chắc ăn, còn niệm giả thì không chắc. Nếu ta còn chút xíu tham luyến với thế giới này, còn chút gì đó không buông bỏ được thì không chắc. Một chút xíu đó chính là chướng ngại nặng nề.

Cho nên ở đây nói rất hay*: “Chỉ do một niệm quy chân, lúc niệm Phật là tâm niệm Phật, khi gặp Phật là tâm thấy Phật*”. Khi niệm Phật ta dung tâm gì niệm? Phần lớn chỉ niệm ở miệng chứ không ở tâm, nên mới chẳng tương ưng. Vì sao niệm Phật mà vẫn còn rất nhiều tạp niệm xen lẫn trong đó? Thế thì chẳng nhất tâm.

Ấn Quang đại sư đã từ bi dạy ta phương thức tính: Niệm thật rõ, nghe thật rõ, nhớ thật rõ, dùng cách này thì sẽ nhiếp tâm được, không cho tạp niệm xen vào. Vì sao lại có tạp niệm? Do không buông bỏ được. Hễ buông xả được thì tạp niệm chẳng còn, thì niệm Phật sẽ thấy Phật. *“Chỉ là nhất tâm, tâm ta tâm Phật chẳng còn tơ hào ngăn cách nào”.*

*“Nên Hội Sớ nói: có khoảng cách ý niệm và thời gian chăng?”* Không hề có, chẳng còn không gian, thời gian nữa. *“Chỉ thị nhất niệm vô khứ lai kim”*, không có quá khứ, chẳng có tương lai, không có hiện tại, lúc này là hiện tại. Cho nên lúc A Nan lễ Phật, niệm Phật là nhất tâm. Khi nhất tâm thì không có thời gian, không gian nữa, cho nên mới thấy được Phật A Di Đà cùng thế giới Cực Lạc.

Chúng ta xem đoạn văn dưới đây: *“Nên hành giả khi lâm chung, nếu có thể nhất niệm quy chân, cũng sẽ lập tức thấy Phật, nhờ Phật tiếp dẫn vãng sanh Cự*c *Lạc, nên nói khi niệm Phật tức là khi thấy* *Phật, làm gì có khoảng cách giữa ý niệm và thời gian?”*. Câu này nói hết sức rõ ràng, quý vị muốn hỏi đạo lý gi? Hảy nhớ rằng: *“Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”.* Nếu quý vị định hỏi hiện nay thế giới sao quá nhiều tai họa, thì trả lời vẫn là câu đó: Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Cư dân trên trái đất nghĩ gì, niệm gì, ta nghe họ nói gì, làm những gì thì sẽ rõ ngay.

*“Dung nhan tức là diện mạo. Rộng lớn, trong Quán Kinh gọi là Vô Lượng Thọ Phật, thân Phật cao 60 muôn ức hằng hà sa do tuần. Bạch hào ở giữa mày uyển chuyển xoay về bên phải như 5 ngọn núi Tu Di.* *Mắt Phật như nước trong bốn biển lớn”. “Sắc tướng đoan nghiêm”* tướng tốt trang nghiêm. Đây là lời Phật Thích Ca Mâu Ni dạy trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

Thân tướng của Phật A Di Đà vô cùng vĩ đại, những con số này ta không thể nào tưởng tượng ra được. Thân cao 60 muôn ức hằng hà sa do tuần là con số thiên văn. Phật ở trước mặt ta thì chúng ta thật chẳng bằng một con kiến, y như đã biến thành vi sinh vật, mắt thịt nhìn không thấy. Nếu Phật hiện thân như chúng ta bây giờ thì chúng ta sẽ biến thành vi sinh vật, phải dùng kính hiển vi quan sát mới nhìn ra. Đấy lại là sao? Vẫn là duy tâm sở hiện, duy thức sở biến.

Tâm lượng của Phật lớn, tâm ôm trọn cả hư không khắp giới, cho nên hiện thân mới lớn thế. Tâm lượng chúng ta quá nhỏ, chẳng dung nạp được một người, ghét họ, thậm chí nghiêm trọng hơn là chẳng ưa nổi chính mình. Vậy biết làm sao? quý vị thấy biết bao người tự tử. Tự tử là thế nào? Là người ấy chẳng dung nạp nổi chính mình, tâm lương nhỏ hẹp thế đấy. Quý vị khỏi cần nghĩ cũng biết tương lai người tự sát đi về đâu.

Trong Quán Kinh nói: *“Vô Lượng Thọ Phật có 8 muôn 4 ngàn tướng, mỗi một tướng đều có 8 muôn 4 ngàn vẻ đẹp, mỗi một vẽ đẹp lại có 8 muôn 4 ngàn ánh sáng*”. Đây là tướng tốt, phải nhớ kỹ điều này. Đấy là bản tướng của chúng ta, vốn chúng ta có tướng như thế, sao bây giờ lại thành ra thế này? Đấy là chân tâm vốn có của ta, thanh tịnh bình đẳng giác của ta. Đấy là tướng hiện ra khi ta chẳng có chút xíu mê mờ nào, lúc đại giác viên mãn. Giờ ta thành ra thế này là vì sao? Do khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước.

Trong Đại Thừa kinh giáo thường nói: vô minh phiền não, trần sa phiền não, kiến tư phiền não đã biến hình tướng chúng ta thành ra như bây giờ. Những phiền não mê mờ này vốn không hề có trong tự tánh. Thế giờ ta có chăng? Giờ gẫn không có.

Huệ Năng đại sư đã chứng minh cho ta thấy, lúc kiến tánh ngài nói: *“Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*”, chẳng có ô nhiễm. Vì sao lại thành ra như thế? Nhiễm bẩn là vọng tâm của ta nhuốm bẩn, chứ tâm không hề bị dơ. Ta dùng chân tâm niệm Phật thì một niệm là Phật A Di Đà hiện ra. Nếu dùng vọng tâm niệm Phật thì dù 1 vạn niệm, 10 vạn niệm, 100 vạn niệm vẫn chẳng thấy Phật đâu. Vọng và chân, có chướng ngại có ngăn cách thì không thể cảm ứng. Chân và chân, cảm ứng sẽ cực kỳ nhanh.

A Nan dùng chân tâm để niệm A Di Đà Phật cho nên cảm ứng ngay lập tức. Chúng ta dùng vọng tâm niệm Phật nên niệm mấy chục năm mà Phật chẳng hiện tiền. Những sự tướng này chẳng thể không biết.

*“Hoàng Kim Sơn”* là ví dụ, trong Quán Kinh nói: *“Thân Phật Vô Lượng Thọ, như trăm ngàn vạn ức kim sắc Diêm Phù Đàn ở cõi trời Dạ ma”.* Đấy là sắc vàng, vàng diêm phù đàn là loại vàng tốt nhất thế gian, sắc vàng rất đẹp, vàng của chúng ta không so sánh được. Thân Phật là thân như thế. *“Lại dùng thân hình sừng sững như ngọn núi, nên gọi là như núi Hoàng Sơn”.* Đây là ví dụ, là hình dung, Phật ngồi đó như 1 tòa núi vàng ròng. Cao như thế, lớn như thế, lớn hơn cả trái đất.

Mặt trời lớn hơn địa cầu 31 ngàn lần, chúng ta dùng ví dụ đó để tính còn lớn hơn cả mặt trời. Phật hiện thân lớn như thế, vậy thì ta thử nghĩ xem thế giới Cực Lạc lớn báo nhiêu! Thân tướng của Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc cũng như Phật A Di Đà. Trong 48 nguyện đã nói rất rõ ràng.

*“Báo thân trang nghiêm như trên, không phải A Nan và quả vị như ngài, hội chúng quả vị thấp hơn có không thể thấy hết được*”, không thấy được, con kiến làm sao thấy được thân một người? Không thấy nổi. Cho nên chẳng phải A Nan, A Nan chứng được sơ quả, hội chúng dưới sơ quả không thể nhìn thấy*. “Nhưng do oai thần của hai vị Thế Tôn của hai cõi gia bị, dùng thắng phương tiện”,* chính là phương tiện vô cùng thù thắng. *“Tùy theo căn khí, ai cũng được thấy, do đó mà A Nan ngay lập tức thấy Phật”.* A Nan đã thấy được, nếu không có oai thần của Phật gia trì thì ta chẳng thể thấy Phật. Lúc này một niệm của A Nan, Phật đã hiện thân thật, đã thấy được Phật thật. Thấy Phật như ngọn núi vàng, quá sức vĩ đại.

*“A Nan liền thấy được đức Phật này, như ngọn núi vàng, cao hơn tất cả các thế giới”,* bây giờ ở đâu? Bây giờ trong không trung, tướng Phật hiện trong không trung, quý vị đã nhìn thấy. *“Không trở ngại không gián đoạn”, “mười phương Như Lai diễn thuyết diệu pháp biệ tài tứ vô ngại, nên gọi là vô ngại*”. Khi gặp Phật, chắc chắn được nghe Phật thuyết pháp. Ta hãy cùng cảm nhận ý nghĩa bí mật huyền ảo trong đây. Phật Bồ Tát chẳng vị nào không thuyết pháp, không tu hành. Công đức tu hành đã sớm viên mãn trọn vẹn. Còn tu gì nữa? Tu cho người khác xem, làm mẫu mực cho người khác thấy. Còn phải tu hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính sư trưởng, dạy người! Quý vị dạy người khác mà chính mình không làm được thì ai tin.

Dùng tâm bình đẳng đối đãi với tất cả chúng sinh, mỗi ngày Phật đều bưng bát đi khất thực, đến đủ nhà giàu nghèo sang hèn, không kén chọn, cứ theo thứ tự mà khất thực, thị hiện sự bình đẳng. Trong bát của Phật chẳng phải là thức ăn của một nhà nào mà là của nhiều nhà, đấy là sự tiếp nhận bình đẳng. Hành nghiệp túc thế của chúng sinh trên thế gian này chẳng giống nhau, cho nên có giàu nghèo sang hèn. Phật nhìn tất cả với Phật nhãn bình đẳng.

Như lời Thế Tôn nói: Tất cả chúng sinh vốn là Phật, hiện nay trở nên như thế là do mê thất tự tánh, cho nên mới có phiền não, phân biệt, chấp trước và có quả báo. Nhân thiện thì quả thiện, nhân ác thì có ác báo, chẳng qua là thân làm phải tự chịu, trong tự tánh đâu hề có. Thân làm tự chịu do mê mất tự tánh.

Nếu người này nghe lời Phật, tin Phật, thật sự nghiêm túc, thật thà, nghe lời, thì tuy đang mê nhưng không thọ tội. Hoàn cảnh sinh hoạt mà người này được hưởng hơn cả thiên nhân ở tam giới. Người này đến đâu rồi? Người này đã đến tứ thánh pháp giới, được thân cận, được tiếp xúc toàn là hạng Thinh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Thế là người ấy chuyển biến rồi, chuyển sinh vào phương tiện hữu dư độ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, không còn trong lục đạo nữa. Nhưng người ấy chưa khai ngộ.

Nếu khai ngộ thật thì buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phá được vô minh. Buông bỏ như vậy xong thì người ấy không còn trong 10 pháp giới, trú trong thật báo trang nghiêm độ của thế giới Ta Bà. Báo thân của Phật Thích Ca Mâu Ni ở đây, đối tượng để báo thân giảng dạy là pháp thân đại sĩ.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, bậc viên giáo sơ trụ trở lên, phá một phẩm vô minh thì chứng được một phần pháp thân, sinh vào cõi thật báo. Tu hành ở nơi đó cũng sẽ không thoái chuyển, công phu tu hành ở đó không gián đoạn, chẳng khác gì ở thế giới Cực Lạc. Nhưng nếu bạn muốn đến thật báo độ của Phật Thích Ca Mâu Ni, thì bạn phải dựa vào sự tu hành của chính mình. Nếu định đến thật báo độ của thế giới Cực Lạc, thì bạn sẽ được oai thần của bản nguyện của đức A Di Đà gia trì. Sinh vào đồng cư độ xem như sinh vào thật báo độ. Thật là hi hữu, chẳng thể nghĩ bàn.

Biến pháp giới hư không giới tất cat cõi nước chư Phật, chỉ có mỗi thế giới Cực Lạc là đặc thù, tất cả những nơi khác đều đòi ta phải dứt hết phiền não mới được về. Chỉ mỗi thế giới Cực Lạc là đặc biệt, cho nên chư Phật Như Lai nhìn thấy rất hoan hỉ, ngợi khen Phật A Di Đà là *“Quang Trung Cực Tôn, Phật Trung Chi Vương”.* Và tất cả chư Phật Như Lai trong 10 phương thế giới, biết những chúng sinh có duyên với đức Phật A Di Đà, đều khuyên dạy họ niệm A Di Đà Phật để vãng sinh về thế giới Cực Lạc.

Có duyên là sao? Là chịu tin, chịu phát nguyện, chịu đến thế giới Cực Lạc gặp Phật A Di Đà, đấy là người hữu duyên, tất cả những ai hữu duyên đều đến được Cực Lạc. Chịu tin, chịu phát nguyện, chịu tu hành. Kẻ nghi ngờ thế giới tây phương Cực Lạc thì sẽ chẳng đến nổi đó. Nên biết là tạm thời không đến được đó chứ không phải là vĩnh viễn. Quý vị tu hành trên thế gian này chưa định rõ đến đời nào mới hết hoài nghi, bạn tin thật sự, đấy gọi là căn đã chín muồi, đời đó nhất định sẽ thành tựu. Cho nên câu hỏi cho chúng ta là đời này liệu có thành tựu hay chăng, cả chính mình cũng không nắm được.

Cổ nhân thường nói: Hành nghi một đời của một người như thế nào, phải đến lúc đậy nắp quan tài mới luận định được. Quý vị tu thật hay tu giả thì đậy nắp quan tài rồi hãy nói. Vì sao? Vì chưa đậy nắp quan thì ta vẫn còn biến hóa thay đổi, chưa chắc là thật. Kẻ giác ngộ là thật, kẻ còn mê mờ thì không đáng tin. Nhưng ngộ quá khó, ngộ khó ở đâu? Người giác ngộ tâm thanh tịnh như đề kinh *“Thanh tịnh bình đẳng giác”*. Người ấy chính là như thế.

Hễ còn một vọng niệm thì chưa ngộ, còn một việc không buông bỏ được thì chưa ngộ, ngộ khó lắm đấy. Tâm của người ngộ giống như dòng nước lặng, trong suốt, sạch sẽ, không có sóng gợn. Ngộ là đề mục chung của tất cả pháp môn. Tám muôn bốn ngàn pháp môn, phương pháp đều khác nhau, nhưng nguyên tắc nguyên lý thì tương đồng.

Chỗ khác nhau thật sự chính là thế giới Cực Lạc, đấy là một pháp môn đặc biệt có thể cho bạn đới nghiệp vãng sanh. Nhưng đem theo nghiệp vãng sanh trong kinh nói rất hay: Đem theo nghiệp cũ không đem nghiệp mới. Nghiệp cũ là thế nào? Nghiệp hôm qua tạo ra cũng xem là nghiệp cũ, nghiệp hôm nay thì không đem theo được. Hôm qua được, hôm nay không được đem theo, quả là là tuyệt vời. Cho nên người niệm Phật vãng sanh mới nhiều, vì họ hiểu đạo lý này.

Hôm nay ta nghe giảng kinh này, nếu nghe hiểu thật thì ta buông bỏ, không còn tạo ác nghiệp nữa. Thế tạo nghiệp gì? Thiện nghiệp cũng chẳng tạo ra nữa, chỉ chuyên niệm A Di Đà Phật thôi. Một lòng chuyên niệm như A Nan ở đây vậy, một niệm tương ứng là một niệm thấy Phật. Tại sao còn chưa đi? Ta chưa đi vì Phật A Di Đà không để quý vị đi. Vì sao không để quý vị đi? Vì còn nhiệm vụ giao cho ta, cũng có thể nói ta còn một số chúng sanh hữu duyên, nhờ mình mà được độ, mình cần phải giúp họ.

Thế nên duyên được độ của quý vị chín muồi thì những chúng sinh được độ cũng đều được độ hết, lúc đó bạn sẽ đi. Gieo trồng thiện căn không tính. Người thật sự hữu duyên gặp quý vị, tin thật, phát nguyện thật, buông bỏ tất cả rồi thì vãng sanh thật sự. Ngoài nguyên nhân đó ra, xin nói với các quý vị là chẳng còn nguyên nhân nào khác.

Vì thế việc diễn giảng cho người vô cùng quan trọng. Thọ trì đọc làu thông kinh chỉ là diễn cho người khác xem thôi. Diển giảng kinh cho người nghe mới cần tu hành thật sự. Giúp tất cả chúng sanh hữu duyên cùng sanh về nước Cực Lạc.

Thôi, hôm nay đã đến giờ, chúng ta tạm dừng ở đây.

**Hết tập 544**

# Tập 545

Chuyển ngữ: Nguyên Liên

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian:27.08.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Mời chư vị hòa thượng, mời các bạn ngồi.

Mời xem từ dòng thứ hai từ dưới lên ở trang 702. Bắt đầu xem từ hai câu sau: “Như báo thân trang nghiêm ở trên”, bắt đầu xem từ đây.

*“Tuy chẳng phải A Nan cùng hội chúng quả vị dưới ông có thể trông thấy hết, nhưng với sự gia bị từ oai thần của hai vị Như Lai, dùng phương tiện vượt trội để ai cũng có thể nhìn thấy tùy theo căn khí của mình, cho nên A Nan nhìn thấy vị Phật này như một tòa núi vàng cao hơn tất cả các cõi thế giới khác”.* Đấy là lúc A Nan và đại chúng trong pháp hội được trông thấy Phật A Di Đà.

Quán Kinh đã ghi rất rõ, đấy là báo thân, chẳng phải ứng hóa thân của Phật A Di Đà, tướng của báo thân rất lớn. Từ điểm này giúp ta có thể cảm nhận thật sự, chẳng còn hồ nghi nữa.

Trước kia lúc mới học giáo lý Phật, luôn cho rằng đến thế giới Tây phương Cực Lạc, nhất định là cõi thật báo trang nghiêm mới có thể thấy được báo thân. Còn cõi phàm thánh đồng cư, cõi phương tiện hữu dư chắc chắn là ứng hóa thân của Phật A Di Đà. Vì trong 48 lời nguyện Phật nói về 32 tướng tốt, 80 vẽ đẹp, đấy là ứng thân Phật.

Nhưng trong 48 lời nguyện cũng có nói đến tất cả chúng sinh sinh về thế giới Cực Lạc, thì thân tướng hoàn toàn tương đồng với Phật A Di Đà, gọi là thân tử ma chân kim sắc, đấy là nói về thể chất. Thân tử ma chân kim sắc không phải nhục thân (thân xương thịt) mà là pháp tánh thân. Ở trước đã từng nói rất nhiều, đã học qua, không phải thân máu thịt, mà là thân pháp tánh. Tấm thân này của ta là pháp tướng, là tướng phân của a lại da thức, phải nhớ kỹ điều này.

Đến thế giới Cực Lạc rồi thì có thể nói đã chuyển thức thành trí, không phải nhờ công sức của chính mình. Hai cõi dưới đây quả thật được gia trì bởi oai thần của bản nguyện Phật A Di Đà. Phải nhớ bản nguyện là 48 lời nguyện Phật phát ra khi ở nhân địa. Oai thần là oai đức thần thông, công đức tu hành năm kiếp của Phật A Di Đà. Nếu chẳng có công đức tu hành năm kiếp đó thì đâu ra oai đức thần thông đến thế.

Do đó chúng ta liên tưởng đến việc đọc kinh, niệm Phật, hồi hướng cho người khác. Liệu thật có công đức chăng? Chúng ta lấy gì để hồi hướng? Tại sao ngày nào cũng phải hồi hướng mà vẫn còn rất nhiều oan gia trái chủ đeo bên người? Người xưa hồi hướng hiệu quả, người đời nay hồi hướng hình như chẳng mấy tác dụng. Chỉ có trong những pháp hội lớn thì sức mạnh tập thể đó mới có thể sản sinh ra hiệu quả.

Vì sao năng lực tâp thể lại sinh hiệu quả? Vì trong mấy trăm người thế nào cũng phải có một hai người tu hành thật sự, chúng ta dựa hơi những người đó. Nếu một kẻ tu hành thật sự cũng chẳng có thì hiệu quả rất giới hạn. Ta chẳng thể không hiểu đạo lý này. Khi hiểu rồi thì phải biết chúng ta cần tu thật, thực hành nghiêm túc, không thể làm giả dối. Tu thật thực hành thật thì có công đức thật, hồi hướng mới có tác dụng thật.

Thế hiện giờ chúng ta có đang tu thật chăng? Không thể nói là chẳng hề tu, ta đang tu đó, nhưng nhue thế nào cũng không thành tựu, làm sao cũng không thể sánh bằng người xưa. Điều này quý vị phải biết, Phật từng nói trong tất cả kinh điển Đại Thừa Tiểu Thừa, Hiển Giáo Mật Giáo chẳng có pháp môn nào không nương vào tam học giới định tuệ. Giới định tuệ chẳng phải mình Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà tất cả chư Phật, mười phương tam thế nhất thiết chư Phật đều xem là căn bản để giáo hóa chúng sinh.

Phật dạy những gì? Phật chỉ dạy 3 điều này thôi: Nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ. Quý vị phải hiểu y như một thân cây vậy: Giới là rễ, định là gốc, tuệ là hoa quả, nở hoa kết trái. Nếu chẳng có giới thì xem như không.

Hiện nay một pháp hội mở xong còn có những chúng sinh mà chúng ta không nhìn thấy, những chúng sinh linh tánh, lộ ra cho chúng ta rất nhiều thông tin họ không đi. Lợi ích chúng sinh đó có được rất hạn chế, vậy là ta đã có lỗi với họ. Chúng ta nhờ Phật, nương theo công đức Phật. Công đức Phật như thế nào mới có thể cho chúng ta? Lý do này chúng ta đã giảng rất nhiều lần. Việc Phật gia trì cho chúng ta là tương đối, chúng ta có một phần công đức thì Phật gia trì một phần, ta có hai phần công đức thì Phật gia trì hai phần. Ta chẳng có công đức nào thì Phật gia trì không nổi, Phật thương xót chúng ta nhưng chẳng gia trì được. Ta mà có mười phần công đức thì Phật sẽ gia trì cả mười phần. Điều này chắc chắn là tương đối, cho nên hiểu được đạo lý trên chúng ta chẳng thể không dụng công, chẳng thể tu giả.

Giới của nhà Phật, giới căn bản, đây là nền tảng của giới luật, gốc là ngũ giới thập thiện. Tuyệt đối chớ coi thường những giới nhỏ nhặt này.

Lúc tôi mới xuất gia thì lớp sư huynh trên bảo: đấy là những giới nhỏ nhặt. Giới lớn là những giới gì? Tỳ kheo giới là đại giới, Bồ Tát giới là đại giới. Thọ đại giới rồi có giữ nổi chăng? Không, vì sao không giữ được? Vì chẳng có gốc rễ. Học theo thế nào cũng không giống, vấn đề này rất quan trọng.

Tất cả đều cảm nhận Phật pháp suy yếu, suy thật rồi. Chẳng những suy mà còn có thể diệt mất. Điều này Phật đã từng nói: giới không còn thì Phật pháp chẳng còn, Phật pháp sẽ mất. Kinh lưu lại thế gian có người nghiên cứu xem như một học thuật, Phật pháp đã biến chất. Chẳng có cách nào giúp ta liễu sanh tử ra xuất tam giới, cũng chẳng có cách giúp ta vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Vì sao thế? Vì bạn không y theo phương pháp, lý luận của kinh điển để học tập. Thực hành, được, như vậy có công đức, không thực hành, không có.

Trong bao nhiêu năm qua, chúng tôi đã cảm nhận sâu sắc và quan sát nguyên nhân khiến Phật giáo suy, lời giáo huấn của tổ sư ghi trong kinh điển chúng tôi đã chính mắt chứng kiến, đã hiểu. Tại gia học Phật không giữ nổi thập thiện, người xuất gia tu học không giữ được luật nghi của sa di, là giả. Vì sao đã xuất gia mà không giữ được luật nghi sa di, không giữ được ngũ giới thập thiện? Vì sao những điều đó cổ nhân đều thực hiện được?

Phật pháp truyền sang Trung Quốc đã 2000 năm, tôi thường nói: *“Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*” mà các tông môn thường nói. 2000 năm qua có khoảng bao nhiêu người gần thành Phật? Ta hãy xem Ngũ Đăng Hội Nguyên, Cảnh Đức Lục, tính toán khái lược khoảng 3000 người. Thành tích này vô cùng khả quan, vượt cả Ấn Độ.

3000 người này gồm cả Tông môn giáo môn, niệm Phật niệm đến lý nhất tâm bất loạn. Mật Tông có hơn 3000 người thật sự tam mật tương ứng. Còn trong pháp môn niệm Phật đới nghiệp vãng sanh thì ước tính 2000 năm qua không chỉ trăm ngàn người. Pháp môn này quá sức thù thắng. Vì sao người khác tu thành?

Do Trung Quốc xưa là một dân tộc vô cùng trọng thị việc giáo dục, nhất là giáo dục gia đình. Những đại gia đình ở Trung Quốc đến tận năm đầu Dân Quốc vẫn còn tồn tại, và những người trạc tuổi tôi nhớ được là những ngôi nhà nhiều thế hệ sống chung, anh em không dọn riêng ra. Nhà của chúng ta hiện nay đã suy thoái rồi, đúng là nhà tan người mất. Chúng tôi quá nhỏ, chẳng biết nguyên nhân vì sao. Khi lớn lên cha mẹ chẳng cho hay, chỉ biết qua ít thông tin lượm lặt được từ bạn bè thân thích, không hoàn chỉnh và vô cùng đáng tiếc.

Thuở bé chúng tôi sống ở nhà họ hàng, là chị của cha tôi, là cô của tôi. Nhà của cô là một gia tộc lớn, 10 anh em sống chung nhau, cả một thôn trang là một gia đình. Lúc đó chắc khoảng gần 200 người, rất suy yếu, là một gia tộc. Gia đình ở Trung Quốc, thông thường nói, một gia đình bình thường đều khoảng trên dưới 300 người, đông như thế. Nhà nào nhân đinh hưng vượng còn đến sáu 700 người.

Bạn xem một gia đình lớn thế, nếu không có quy củ, không phải loạn sao? Cho nên từ bé trẻ con đã được giáo dục không được ích kỷ. Khi khởi tâm động niệm gì cũng phải nghĩ đến cả một gia tộc, cả gia đình, chứ không chỉ nghĩ đến cha mẹ thôi. Ra ngoài làm việc kiếm tiền về đều giao cho nhà chính giữ. Nhà này giống như một tổ chức, một đoàn thể.

Quý vị đọc Hồng Lâu Mộng rồi chăng? Một gia tộc là như thế đấy. Người quản lý tài vật, việc nhà là Vương Hy Phụng. Bên nhà Phật gọi là thầy tri sự, là một tổ chức như vậy. Phí sinh hoạt của mỗi người, là tiền chung của gia đình, hoàn toàn sinh hoạt cùng nhau, quần áo may mặc đều như nhau, cứ y như một tổ chức xã hội.

Thế nên gia hòa vạn sự hưng, chẳng phải gia đình bé nhỏ như bây giờ, hiện giờ chẳng còn nhà như thế nữa. Gia hòa vạn sự hưng, nhưng ngôi nhà đó ở không biết. Nếu ta có thể trị gia thì có thể trị nước. Trị gia và trị quốc chẳng khác gì nhau, chỉ có phạm vi lớn hơn thôi. Những vụ việc trong nhà cũng chia ra nhiều loại, ai coi gì, ai quản gì,..., nhà cũng là một tổ chức hành chánh.

Quả thật từ khi mới hoài thai người lớn đã phải dạy trẻ con. Trong nhà trên thì có cha mẹ, ông bà, ông cố, bà cố, ông sơ, bà sơ, ngũ đại đồng đường. Nếu ông sơ, bà sơ chẳng còn, ít ra còn ông cố, bà cố. Thử tính xem: ông bà cố, ông bà nội, cha mẹ, người lớn đều biết dạy. Đứa bé này, khi người mẹ mang thai, khi có mang thì có lễ giáo lúc hòai thai, phải hiểu. Lễ giáo như thế nào? Con dâu khi làm mẹ là phải biết mỗi khởi tâm động niệm của mình sẽ tác động đến thai nhi, cảm xúc của mẹ sẽ ảnh hưởng thai nhi, lời nói hành vi cử chỉ cũng sẽ ảnh hưởng thai nhi, cho nên tất cả đều phải đoan trang. Phải tác động tốt đến bào thai chứ không đưa tác động xấu vào.

Trong 10 tháng mang thai đó không được nóng giận buồn rầu, ghen tức, sân si... đấy gọi là thai giáo. Thường những gia đình lớn, gia đình quan lại đều biết và vô cùng trọng thị, việc dạy từ trong thai. Chúng ta hay bảo gia đình phú quý.

Khi nhà Thanh mất, đến những năm đầu Dân Quốc vẫn còn kiểu nhà đó. Chúng tôi sống ở quê nên vẫn gặp nhà có từ đường là nơi thờ cúng tổ tiên. Mỗi năm đều có tế lễ vào mùa xuân, mùa thu, tiết trung nguyên. Bình thường thì sao? Còn thường ngày thì từ đường là trường, học ở nhà, chính là tư thục, là gia học. Học sinh là con em cháu trong đại gia đình này.

Những trẻ em 6, 7 tuổi thông minh, căn tính tốt, 6 tuổi đi học. Thường thì đến 7 tuổi mới theo học, lớn nhất là khoảng 18,19 tuổi. Tất cả đều học chung một lớp, một thầy. Người thầy hết sức có trách nhiệm, vì sao vậy? Vì được gia chủ mời. Nếu ông nội cai quản thì ông nội là gia chủ, nếu ông cố cai quản thì ông cố là gia chủ. Khi đi thỉnh thầy về dạy, gia chủ dập đầu lễ thầy. Họ vô cùng tôn sư trọng đạo nên nếu thầy không tròn trách nhiệm thì có lỗi với gia chủ, có lỗi với tổ tiên nhà đó. Sau khi có đứa trẻ ra đời, thì người lớn phải làm gương tốt cho trẻ, tấm gương đó là gì?

Quý vị xem trong Đệ Tử Quy sẽ thấy, chẳng phải dùng để dạy trẻ đọc hay học thuộc, hay kể cho trẻ nghe, mà chính là cha mẹ phải làm cho trẻ nhìn xem. Đứa trẻ mới sinh ra thì đã mở mắt để nhìn, dõng tai để nghe, nó đã bắt đầu học hỏi, bắt chước. Thế nên giáo dục căn bản phải bắt đầu từ lúc nào? Từ khi trẻ sinh ra đến 3 tuổi là 1000 ngày.

Hiện giờ chúng ta đều không được hưởng nền giáo dục đó, nên ta chẳng có căn bản. Không có căn bản, chúng ta học bù thì chẳng ích gì. Ngoài đời quá nhiều cám dỗ, danh lợi sẽ khiến lòng ta thay đổi ngay lập tức. Vì sao lại thế? Vì nền tảng không vững chắc. Thậm chí nếu bạn không nghiêm túc học thì còn chẳng có cả rễ. đây là gì? Đây là căn bản của giới luật.

Cho nên bao đời Phật pháp ở Trung Quốc, dù là cư sĩ tại gia hay người xuất gia, xuất gia là cao tăng, tại gia là cao sĩ, cư sĩ là cao sĩ, đều có thành tựu, là gì?. Vì nhờ nền giáo dục căn bản đã thành công. Thời nay thì tìm khắp thế giới cũng không đâu ra hạng cao nhân như thế, không tin quý vị cứ thử tìm xem. Quý vị đi khắp thế giới, người xuất gia có thể tìm ra một Ấn Quang pháp sư chăng? Có thể tìm thấy một Đế Nhàn pháp sư chăng? Tìm khắp thế giới cũng không tìm thấy.

Chúng ta hiện nay bất kể đức hạnh hay học vấn đều không bằng được các ngài, cách biệt quá xa. Còn cư sĩ tại gia thì ai sánh nổi Dương Nhân Sơn? Đầu năm dân quốc cư sĩ Giang Vị Nông, Tưởng Duy Kiều tìm khắp thế giới cũng không ra. Đến người như cư sĩ Lý Bỉnh Nam cũng chẳng tìm được.

Quý vị thắc mắc nguyên nhân gì? Chẳng phải do thiện căn phước đức của ta không bằng, tôi không tin những điều này; thông minh trí huệ không bằng, tôi không tin. Do nền giáo dục ta thụ hưởng không còn, giáo dục căn bản không còn. Cho nên Phật pháp muốn hưng vượng đâu dễ!

Có thể giống như tình hình khi Đạt Ma tổ sư sang Trung Quốc, một người truyền cho 1,2 người, cứ truyền như thế thì phải 3,4 đời mới thịnh được. Bạn thấy thiền tông của Đạt Ma tổ sư truyền đến đời thứ 6 là ngài Huệ Năng đại sư mới nở hoa kết quả. Năm đời phía trước đều đơn truyền, mỗi đời chỉ truyền một người, ngọn lửa cứ thế tương truyền, không dứt. Nhất định phải hiểu đạo lý này.

Trong xã hội hiện nay, bồi dưỡng nhân tài vô cùng khó khăn, vì sao vậy? Vì họ thiếu nền giáo dục căn bản thuở nhỏ. Từ lúc sinh ra đến năm 3 tuổi là 1000 ngày, thì trẻ em thời nay học được gì? Toàn ngồi xem ti vi, học được những cảnh bạo lực, sàm sỡ, sát đạo dâm vọng trong phim, họ học những điều này. Khi đến trường, học sinh Trung Quốc học thế nào tôi không rõ, nhưng trường ở Mỹ thì tôi biết.

Cháu của Hàn quán trưởng sinh ra ở Mỹ, học tiểu học ở Mỹ, mới lớp 1 đã sử dụng máy tính, trong máy tính có bài tập của cháu, có bài học của nó. Ngoài bài vở ra thì máy tính còn liên thông với máy tính khác và đủ thứ game, đủ thứ trò chơi, cháu rành hết. Thường thức của nó vô cùng phong phú, nhưng chưa được tiếp xúc nền giáo dục của Thánh hiền. Nếu được tiếp xúc liệu cháu có hiểu chăng?

Dù đời quá khứ có thiện căn cũng chẳng dễ gì tiếp thu, mà dù có tiếp thu liệu chịu được thử thách của danh lợi chăng? Càng nghĩ càng thấy khó, càng thấy sợ. Cho nên chúng ta luôn khích lệ những bạn tu trẻ tuổi hãy tu hành thật sự, phải cứu Phật giáo, cứu văn hóa truyền thống. Muốn văn hóa truyền thống được thịnh trở lại thì những gốc rễ sau đây cần lưu ý. Gốc rễ văn hóa ngàn vạn năm tổ tiên Trung Quốc truyền lại chính là: ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức.

Dựa vào đâu? Dựa vào Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo. Ba quyển này mà không còn thì chẳng còn gì nữa. Nghiên cứu kinh giáo là học thuật, chẳng ích gì.

Trong 2 năm 2005, 2006, 2 lần tôi phỏng vấn London, cẩn trọng khảo sát 3 ngôi trường: đại học Oxford, đại học Cambridge, đại học London. Ngành Hán học ở châu Âu thì đại học London giỏi nhất, tuy tên tuổi không bằng Oxford, Cambridge nhưng riêng ngành Hán học lại đứng đầu, biến thành gì? Trở thành học thuật. Tôi đã giao lưu với giảng viên và sinh viên của khoa Hán học ở đại học London và Cambridge, và giảng cho họ 2 giờ. Những gì họ học là Nho học, Phật học và Đạo học, đều đã biến thành tri thức, chẳng còn là trí huệ.

Cái cổ nhân Trung Quốc truyền lại là học Phật, học Nho, học Đạo, rất khác. Học Nho phải học như Khổng Tử, Mạnh Tử. Bạn phải là Khổng, Mạnh xuất hiện thời nay, cứu được thế giới. Học Phật thì phải học được như Phật Thích Ca Mâu Ni. Học đạo phải học được như Lão Tử, Trang Tử, đấy mới là học. Nhưng những sinh viên đó khác, chỉ nghiên cứu như một môn học, cho chẳng liên quan gì với tư tưởng và hành vi của chính mình, cho nên đã biến nó thành học thuật.

Ngày hôm nay Phật giáo cũng đã biến thành học thuật. Những năm đầu Dân Quốc cũng có xu hướng học thuật, ở bậc đại học có đem kinh Phật vào bài giảng. Nhưng chẳng quan trọng việc tu hành, giới luật thì không có. Giảng thì có giảng nhưng không chú trọng thực hành. Như tam lễ của Nho Gia: Chu Lễ, Nghi Lễ, Lễ Ký có nói, trường có giảng nhưng chẳng ai thực hành. Học để biết thời xưa có xã hội như thế, giờ chẳng còn nữa.

Chúng ta muốn phục hưng Nho Phật Đạo, đều muốn hưng khởi lại, không đến nỗi diệt vong, thì phải làm chứ đừng nói suông. Không làm sao được? Những người như ông A Nan nhờ đâu mà thấy báo thân của Đức Phật A Di Đà? Đoạn trước đã nói, do chính mình dùng tâm thanh tịnh niệm Phật A Di Đà, tâm thanh tịnh đó là công phu của A Nan. Nhưng nếu ông không tu hành thì đâu ra tâm thanh tịnh?

Đức Thế Tôn thường giảng trong Kinh: *“Tâm tịnh tức cõi Phật tịnh”*. Do đâu tâm thanh tịnh? Có cái tôi thì tâm không thanh tịnh. Cái tôi là căn bản của tất cả nhiễm ô. Nên khi đọc Kinh Kim Cang bạn phải lưu ý đặc biệt, trong kinh Kim Cang nói: vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng. Đã đạt được tâm thanh tịnh, là hạng người nào? Là tiểu thừa Tu Đà Hoàn. Ngay lập tức chúng ta liên tưởng đến đại thừa Kinh Hoa Nghiêm nói là Bồ Tát Sơ Tín Vị của Thập Tín Vị. Thập Tín là lớp 1 tiểu học, họ đã phá được tứ tướng, tâm thanh tịnh hiện tiền.

Do A Nan trong pháp hội có thân phận là Tu Đà Hoàn. Sơ quả, A nan chứng được sơ quả, quả vị không cao, chẳng còn tứ tướng, nhưng chắc còn tập khí của tứ tướng. Vì từ Sơ Quả đến Tứ Quả đều phá tứ tướng. Trong Kinh Kim Cang thì tứ tướng không còn. Vậy là chúng ta biết đoạn kiến hoặc, 5 loại kiến hoặc: thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, trình độ chẳng giống nhau. Tu Đà Hoàn là thấp nhất như, khi thi được 6 điểm vậy, trên còn 7 điểm, 8 điểm, 9 điểm, A La Hán là 10 điểm. Tất cả đều tu pháp môn này.

Chúng ta chưa buông bỏ được cái ngã, còn ngã thì sẽ còn tự tư tự lợi, còn danh văn lợi dưỡng, còn tham sân si mạn, còn rất nhiều tâm trạng không tốt, còn cả oán hận phiền não nộ, tâm chẳng thanh tịnh. Pháp môn này vô cùng thù thắng và vô cùng đặc biệt, chẳng có nhiều thứ rắc rối phức tạp, chỉ dạy ta phát Bồ Đề tâm, một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà. Bạn thấy phương pháp đơn giản thế đó, mà niệm được tâm thanh tịnh.

Tâm Bồ Đề rất quan trọng, là mục tiêu, phương hướng tu hành của ta. Tu hành phải tu ra sao? Phải tu đến khi tâm chân thành hiện tiền, xử sự đối đãi đều dùng chân tâm, không dùng vọng tâm. Căn của Bồ Đề là chân thành, tự thọ dụng của tâm Bồ Đề là thanh tịnh bình đẳng giác, đây là tự thọ dụng. Thanh tịnh bình đẳng giác theo ông Phương Đông Mỹ là hưởng thụ cao nhất của đời người. Chẳng phải tiền bạc, địa vị, ngũ dục lục trần, thanh tịnh bình đẳng giác là hưởng thụ tối cao. Đối đãi đại từ đại bi với người khác thì thọ dụng của người ấy là từ bi, đều từ tâm chân thành mà ra. Từ bi với người thì trong chữ từ bi này có chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác. Cảm động biết bao!

Một niệm tâm này niệm A Di Đà Phật thì ngay lập tức cảm ứng đạo giao với Đức Phật A Di Đà, Phật sẽ hiện thân cho bạn thấy. Đương nhiên ở đây: “Được oai thần của Như Lai hai cõi gia bị”, Phật Thích Ca gia trì cho ta. Như chúng ta tưởng tượng, Đức Thế Tôn sẽ thay chúng ta thỉnh cầu Phật A Di Đà hiện thân, Phật A Di Đà cũng có bản nguyện này, sẽ chứng minh cho chúng ta thấy, biết là thật chứ không giả.

Đấy là: *“Dùng phương tiện thù thắng, tùy theo căn tánh của mỗi chúng sanh mà đều được thấy*”. Cho nên A Nan đã thấy, bằng không thì người thường không được gặp. Thấy pháp thân chỉ có pháp thân Bồ Tát mới có thể thấy được pháp thân Phật. Chẳng phải pháp thân Bồ Tát làm sao thấy được pháp thân, chỉ có thể gặp ứng hoá thân thôi. Nhưng việc A Nan đã được thấy pháp thân khiến chúng ta nghĩ đến một vấn đề: chính là chúng ta sinh về thế giới Cực Lạc đồng nghĩa sinh về cõi phàm thánh đồng cư, vậy ta gặp báo thân Như Lai hay là gặp ứng thân Như Lai?

Nhưng rõ ràng trong 48 lời nguyện có nói: Đến thế giới tây phương Cực Lạc là thế giới bình đẳng, không sai biệt. Thế giới bình đẳng không có sai biệt đương nhiên là gặp báo thân, vì Phật đã bảo tất cả đều là Bồ Tát bất thoái chuyển, bất thoái chuyển là báo thân. Thấp nhất là bất thoái chuyển. Từ Sơ trụ viên giáo Đại thừa trở lên, họ đều minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, là những người như thế, địa vị như thế.

Đến thế giới Cực Lạc chúng ta không chứng được vị trí này. Điều này thì trước đó khi học, đã chia sẻ với quý vị là nhờ oai thần bản nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Chúng ta đến Cực Lạc tuy là cõi phàm thánh đồng cư, phiền não tập khí đều chưa dứt, nhưng ở Cực Lạc thần thông, đạo lực, trí huệ tất cả hưởng thụ đều bình đẳng giống y pháp thân Bồ Tát. Đó là vì sao? Nhờ ơn đức Phật A Di Đà gia trì, đây là ân đức!

Ví như một người sinh làm con trai hoàng đế, cả đời được tận hưởng vinh hoa phú quý của vua chúa, chẳng phải do tài năng mình, mà nhờ có người cha đứng đầu thiên hạ. Chính là đạo lý này đó. Những kẻ vãng sanh về thế giới Cực Lạc, chúng ta được hưởng phước của Phật A Di Đà. Phước đức của Phật từ đâu ra? Từ 48 lời nguyện và 5 kiếp tu hành. Như vậy chúng ta mới thật sự cảm nhận cái sâu sắc lớn lao của ơn đức Phật A Di Đà. Làm thế nào đền đáp ơn Phật? Người hy vọng chúng ta đến nơi đó, chúng ta đến đó thật là đã đền ơn được.

Muốn đến Cực Lạc thật sự thì phải buông bỏ thế giới này. Buông bỏ rồi thì chẳng còn gì căng thẳng, sự sự chướng ngại. Buông bỏ là ý nghĩ, trong tâm không thể có, trên sự có hay không đều tùy duyên, có cũng được mà không cũng tốt. Chuyện đời tùy duyên được thì lòng thanh sạch. Trong lòng chỉ có A Di Đà Phật, thế giới Cực Lạc, tốt nhất chỉ nghĩ đến cảnh giới trong kinh điển. Nghe giảng kinh, đọc tụng kinh giúp ta nhiếp thu thông tin về thế giới Cực Lạc. Niệm Phật thì chắc chắn được sinh về đó.

Phật A Di Đà hiện thân là pháp thân như ngọn núi vàng, cao hơn tất cả các thế giới. Ta tin có người có kinh nghiệm này rồi. Lúc tôi mới theo học Phật có một cư sĩ nữ bảo tôi, trong mơ bà thấy Đức Phật A Di Đà. Bao lớn? To bằng cả bầu trời. Tôi tin điều đó vì tôi đã gặp một lần, rõ ràng Đức Phật cao hơn tất cả thế giới. Chính mắt tôi nhìn thấy tượng Phật như thế, chẳng còn thấy bầu trời đâu. Vậy chúng ta tin cảnh giới này không giả vì chẳng phải mỗi mình tôi gặp.

*"Vô ngại vô đoạn"* câu này hết sức quan trọng. Vì sao? *“Mười phương Như Lai diễn pháp vi diệu biện tài vô ngại, nên gọi là vô ngại”,* câu này hàm nghĩa gì? Lời khen ngợi của 10 phương Như Lai đối với Phật A Di Đà không ngớt. Vì sao phải tán thán Đức Phật A Di Đà? Ta nói theo ngôn ngữ hiện nay thì các ngài chiêu sinh giúp Đức Phật A Di Đà. Đấy là một ngôi trường mà Phật A Di Đà là hiệu trưởng. 10 phương chư Phật giống như cha mẹ chúng sinh đều mong đưa con em vào trường này học, cho nên chư Phật đều tán thán Phật A Di Đà, đều khen ngợi trường khiến chúng ta nảy sinh tín tâm, phát nguyện đối với Phật A Di Đà, với Tây phương Cực Lạc.

Phật A Di Đà thuyết pháp xưa nay chưa hề gián đoạn, bất luận là tướng hay âm thanh toàn từ tự tánh phát ra, không phải từ ý thức. Chúng sinh ở 10 pháp giới không chuyển thức thành trí do từ a lại gia phát ra. Khi pháp thân Bồ Tát chuyển thức thành trí rồi thì a lại gia chẳng còn, cho nên thế giới Ngài trụ vĩnh cửu bất biến. Vì sao? Duy thức sở biến. Họ chẳng còn thức nữa cho nên thế giới của họ không có biến hoá, cảnh giới không biến đổi nữa, chẳng có chướng ngại, chẳng hề gián đoạn.

*“Tán thán như vậy, tận vị lai tế, không có gian đoạn, nên gọi là vô đoạn, vô ngại vô đoạn*”. Cho nên trong dòng kinh văn này chất chứa rất nhiều ý nghĩa. Chúng ta phải cẩn trọng cảm nhận, biết chính mình phải học hỏi như thế nào. Lại xem tiếp đoạn dưới đây:

*“A nan bạch ngôn, bỉ Phật tịnh sát, đắc vị tằng hữu, ngã diệc nguyện nhạo sanh, ư bỉ độ. Thế Tôn cáo ngôn, kỳ trung sanh giả, dĩ tằng thân cận, vô lượng Chư Phật, thực chúng đức bổn, nhữ dục sanh bỉ, ưng đương, nhất tâm quy y chiêm ngưỡng*”.

Đấy là A Nan nguyện sinh về. Chỉ cần đã thật sự thấy, thì chứng tỏ thiện căn phúc đức của ta rất sâu dày nên ta mới thấy được, mới nghe được, mới có thể sinh tín tâm, mới ngưỡng mộ, mới phát nguyện và quyết định sẽ được sinh về nơi đó. Bạn hãy bồi dưỡng thiện căn phúc đức của mình đến một trình độ nhất định, thì Phật sẽ hiện thân cho ta thấy Ngài, chứng minh cho ta biết. Như lời Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: nhớ Phật niệm Phật, hiện tại đương lai nhất định thấy Phật. Hiện tiền thấy Phật là do Phật từ bi chứng minh cho ta thấy để tăng cường tín tâm của mình, Phật có dụng ý như thế.

Ta thấy trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục viết về Sơ Tổ Huệ Viễn, là người đầu tiên đề xướng việc chuyên tu tịnh thổ ở Trung Quốc. Chúng ta tôn xưng Ngài là Sơ Tổ, là tổ sư đời thứ nhất, sống vào thời Đông Tấn. Ngài tạo dựng một niệm Phật đường đặt tên Đông Lâm niệm Phật đường ở Lư Sơn, Giang Tây. Bao nhiêu người cùng tu hành ở nơi đó? 123 người. 123 người đều được vãng sanh, thù thắng không gì sánh được! Đương nhiên không phải họ cùng vãng sanh một lúc, mà là người đi trước, kẻ về sau.

Những cư sĩ như Lưu Di Dân, trong có kẻ xuất gia, kẻ tu tại gia, tăng tục tu chung một nơi. Lúc vãng sanh ngài Huệ Viễn bảo mọi người, ông đã thấy thế giới Tây phương Cực Lạc 3 lần nhưng chưa từng kể với ai. Ông thấy lúc nào? Ông thấy trong định, lúc niệm Phật chỉ tịnh. Khi đi nhiễu vòng quanh tượng Phật 3 lần, rồi ngồi xuống chỉ tịnh và thấy được, thấy được ba lần. Người ta hỏi ông thế giới Cực Lạc ra sao? Ông trả lời hoàn toàn giống trong kinh giảng.

Thời ngài Huệ Viễn chỉ có một bộ Kinh Vô Lượng Thọ. Kinh A Di Đà, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, tin rằng lúc đó đã truyền đến Trung Quốc nhưng chưa được dịch sang Trung văn. Cho nên họ chẳng được đọc Kinh A Di Đà, và Quán Kinh, chỉ có bộ Vô Lượng Thọ Kinh. Kinh Vô Lượng Thọ truyền sang Trung Quốc sớm nhất và cũng được dịch sang tiếng Trung sớm nhất. Rất nhiều khả năng ngài Huệ Viễn đã sử dụng bản kinh của An Thế Cao, nhưng bản này đã thất truyền.

Bộ kinh này được dịch tổng cộng 12 lần, từ thời nhà Hán đến nhà Tống suốt 800 năm, phiên dịch nhiều nhất, 12 lần, giờ chỉ lưu lại được 5 bản dịch, 7 bản kia đã thất truyền. Qua nội dung của 5 bản dịch này, đã khẳng định Phật Thích Ca Mâu Ni lúc tại thế đã giảng rất nhiều lần Kinh Vô Lượng Thọ. Tất cả kinh khác Thế Tôn chỉ giảng một lần, không lặp lại, duy chỉ có bộ kinh này như vậy.

Giờ chúng ta xem 5 bản dịch, thì ít nhất có 3 lần giảng nội dung khác nhau. Còn 7 bản dịch thất truyền kia, nếu tìm lại được thì không chỉ khác có 3 nội dung. Cho nên tổ sư phán đoán lúc Thế Tôn còn tại thế đã giảng kinh này rất nhiều lần, ít nhất trên 3 lần, đủ thấy tầm quan trọng của kinh này! Ngài còn đặc biệt khuyên dẫn ta coi trọng pháp môn đó, vì nó giúp ta thành tựu chỉ trong một đời, việc rất hiếm có ở thời buổi chúng ta.

Nữ cư sĩ Lưu Tố Vân đã làm tấm gương cho ta. Khi bà tu thành xong chúng ta mới biết về bà. Xem CD bà báo cáo việc tu hay trả lời phỏng vấn của ký giả, tôi không rõ bà học ai vì bà chẳng nói. Về sau mới được nghe bà có một bộ CD ghi những lời giảng thời gian đầu của chúng tôi ở thư viện Cảnh Mỹ. Chắc là lần thứ 3 hay lần thứ 4 giảng về Vô Lượng Thọ Kinh. Trước kia chúng tôi đã giảng 10 lần.

Khi đó do không được đọc chú giải của Niệm Lão, tôi giảng y theo bản chú thích đầu trang của thầy Lý. Nữ cư sĩ đã có băng ghi âm kia, chắc là do có người thu vào CD nên bà có bộ CD kể trên. Mỗi ngày bà nghe 10 tiếng đồng hồ. Bà nắm bắt một câu trong kinh Phật: thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Bà giữ chắc câu này, quyển kinh này, chẳng nghe và cũng không tiếp xúc gì khác. Mỗi ngày 10 giờ.

Thực tế 10 giờ thì bà nghe 1 CD 1 giờ, trong 1 giờ nghe 10 lượt, nên nghe 1 biến thành ra 10 biến. Nghe hết rồi thì nghe lại từ đầu. Ngày nào cũng vậy trong suốt 10 năm. Lúc không nghe giảng kinh thì bà niệm A Di Đà Phật. Bà mắc chứng bệnh lao da ban đỏ mà chẳng dùng thuốc đã tự khỏi, chẳng có vết sẹo nào. Người Đông Bắc cho dù có khỏi bệnh ban đỏ, da cũng không thể hết sẹo, vậy mà bà chẳng có vết sẹo nào.

10 năm dụng công thực hành chỉ 1 bộ kinh, bình thường chúng ta thì khoảng 3-5 năm sẽ được niệm Phật tam muội. Chắc chắn bà đã được. Sau khi được niệm Phật tam muội rồi thì khoảng 3, 4 năm sẽ được khai ngộ. Vì sao thế? Vì giữ quy củ, đấy là trì giới, nhờ giới mà được định, bà đã định được rồi. Nhờ định mà mở huệ, bà đã khai ngộ rồi.

Tuy chỉ tu một bộ kinh nhưng bà nói rất hay, khi có người mời giảng Kinh Địa Tạng, bà đã giảng rất hay. Bất kể bộ kinh nào bà chưa từng được học nhưng nếu được mời giảng, bà đều giảng rành rẽ. Đấy là thông một bộ kinh thì tất cả kinh đều thông. Cảnh giới ngộ của bà chúng ta không biết, nếu chẳng đại triệt đại ngộ thì cũng phải là đại ngộ. Bà bảo giờ bà chẳng còn chướng ngại.

Tôi hỏi có chắc được vãng sanh? Bà bảo có, lúc nào cũng được. Phật Bồ Tát cần lưu bà lại trên thế gian để làm gương cho pháp môn thì bà ở thêm vài năm, chẳng sao cả, bà có thể ở thêm vài năm. Tấm gương hay biết bao! Chỉ 10 năm mà bà đã tu thành thì ai cũng có thể tu thành.

Người ta hỏi bà làm cách nào để thành công? Bà chỉ nói 6 chữ: thật thà, nghe lời, nghiêm túc (làm). 6 chữ này là bí quyết chung của tất cả những kẻ thành công xưa nay ở khắp nơi, đều như vậy. Người không thành tựu đều do tự thấy mình thông minh, nên thật thà vô cùng khó.

Thầy Lý luôn nói với tôi, cả đời ông học cách thật thà mà học mãi cũng chẳng giống, đủ biết thật thà không dễ! Ông luôn nói: *“Đại trí nếu ngu”,* chữ nếu ngu này rất khó học được. Học thông minh thì dễ, học thật thà không dễ!

Ta xem chú giải của Niệm Lão: *“A nan chứng kiến Phật A Di Đà như ngọn núi vàng”*, đức tướng đoan nghiêm, đoan chánh trang nghiêm. *“Và các loại thanh tịnh trang nghiêm của cõi nước này, đều trước đây chưa từng thấy”*, xưa nay chưa từng thấy, lần này mới được gặp. *“Nên gọi là được điều chưa từng có*”, chưa từng có như thế, nay đã thấy được. “*Lại nghe mười phương chư Phật tán thán, sanh lòng hy hữu”.* Nghe 10 phương Như Lai tán thán Đức Phật A Di Đà, thế giới Cực Lạc, đương nhiên sẽ phát khởi đại nguyện, nguyên sanh về cõi Cực Lạc.

*“Chính là tượng trưng A nan đương cơ, khế hợp thánh tâm”.* Thánh tâm chính là Phật tâm, tâm của Phật A Di Đà, tâm của Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Cả hai vị Phật này đều mong ta phát nguyện cầu vãng sinh. Phật chẳng hề có chút ý đồ riêng tư nào khi độ chúng sinh, chỉ mong sao ta mau thành Phật, đấy là tâm Phật. Phật chẳng mong thấy ta cứ loanh quanh trong 6 nẻo luân hồi. Phật chẳng muốn thấy ta tu hành khổ sở thế, dài dặc thế, ngài không muốn thấy. Giờ đã có pháp môn này thì ta có thể chỉ trong một đời này siêu vượt qua 6 nẻo luân hồi, và chẳng cần phải vất vả nhiều thế. Khi sinh về Cực Lạc trở thành Bồ Tát bất thoái chuyển. Đấy gọi là pháp môn khó tin.

Kẻ nào chẳng tin? Bồ Tát chẳng tin. Bồ Tát chịu muôn ngàn khổ sở, tu hành vô lương kiếp, cứ leo từng bậc như leo núi mà còn chưa lên đến nơi, tại sao ta lại đến rồi? Tốc độ ghê thế? Trường hợp này khác. Như Thế Tôn đã bảo ta: chúng ta tin và được gặp pháp môn này thì không dễ, đấy không phải là đầu cơ kiếm lời. Vì sao? Bạn xem *“Người sanh về cõi nước này",* phàm là người sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc: *“Trong đời quá khứ đã từng thân cận vô lượng chư Phật, gieo trồng gốc các loại đức hạnh*”. Câu này đã nói rất rõ, trong đời quá khứ của ta nếu không có nền tảng cơ sở sâu dày như thế, thì liệu pháp môn này bày ngay trước mắt, bạn có tin không? Mà dù có tin thì liệu bạn có chịu nghiêm túc thực hành? Không hề dễ! Lời này của Phật rất thực, không hề giả trá.

Cho nên tôn giả A Nan đã thấy Đức Phật A Di Đà, thế giới Cực Lạc. *“Lại nói: Con cũng nguyện sanh về cõi nước này*”. Ngài cũng đã phát nguyện. Nhạo là hoan hỷ, yêu thích, mong sinh về thế giới Cực Lạc. *“Thế Tôn đáp rằng: người được vãng sanh đêu như thế*”, chú trọng vào chữ đều này. Giai là đều là, chẳng có sót một ai. *“Đều đã thân cận cúng dường vô lượng Chư Phật, phụng sự học tập, rộng trồng đức bổn”*. Bạn thấy thiện căn sâu biết bao!

Nếu đời này mà nghiệp chướng tập khí nặng nề quá, không về nổi thì làm sao? Thì trong đời này lại gieo trồng thiện căn phước đức, chờ đến kiếp sau. Ở kiếp lai sinh trí huệ phúc đức của ta tốt hơn bây giờ. Như thế đó, đời đời kiếp kiếp, không nhất định là đời đời kiếp kiếp thì sẽ gặp được. Nhưng hạt giống kim cang này vĩnh viễn không mất đi trong a lại gia thức, hễ gặp duyên là nó sẽ khởi tác dụng. Duyên đó chính là có được thân người, được nghe về Phật pháp. Cho nên thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Vì thân người rất dễ tu thành. Giờ chúng ta đã thấy và đã hiểu.

Ngạ quỷ, địa ngục, súc sinh cũng có kẻ được vãng sanh, là nhờ đâu? Do thiện căn vô cùng sâu dày. Lúc lâm chung một niệm sai lạc, vì gặp việc trái ý, nổi nóng nên phải đọa địa ngục, dù người này tu rất khá. Người như thế Địa Tạng Bồ Tát chắc chắn sẽ giúp, vì sao? Vì người đó có thể tin, thì dù trong địa ngục vẫn được siêu bạt. Ngạ quỷ, súc sinh cũng y vậy. Súc sinh niệm Phật được vãng sanh nhiều lắm.

Pháp sư Đàm Hư mà người HongKong đều quen thuộc, lúc già sống ở HongKong, đã từng nói với tôi: thời trẻ ông xuất gia rất sớm, làm trụ trì ở một ngôi chùa Đầu Đà miền quê tỉnh Ôn Châu, trong chùa có một con gà trống. Lúc đó là năm đầu Dân Quốc, chùa chẳng có cả chuông, toàn nhờ chú gà trống này báo thức. Sáng sớm gà gáy là tất cả dậy công phu sớm. Mỗi lần như thế chú gà trống theo chân mọi người đi nhiễu vòng quanh Phật. Sau đó con gà này vãng sanh ngay trong đại điện. Nó đã chạy vào đứng giữa điện, ngẩng mặt hướng về Thế Tôn cất tiếng gáy 3 lần, rồi nó chết đứng. Nên lão hòa thượng xem như người xuất gia, làm một lễ trà tỳ, dựng một tháp nhỏ, chôn nó trong đó. Gà gáy 3 tiếng rồi lìa đời, chắc là niệm 3 danh hiệu Phật.

Con gà trống này chắc chắn chẳng phải người bình thường mà phải là kẻ xuất gia đầu thai biến hiện ra. Rất nhiều khả năng là nhà sư trước kia của chùa. Do một niệm sai lầm mà lạc vào trong súc sinh đạo, nhưng vẫn còn nhớ đạo tràng cũ của mình nên đã quay lại chỗ tu cũ. Cũng đã tu được một ít công đức do ngày ngày báo giờ, đánh thức mọi người dậy làm công phu buổi sớm. Đấy là công đức nó tu nên nó đã vãng sanh.

Nhưng số lượng vãng sanh nhiều nhất vẫn là ở cõi người, cho nên cõi người rất khó được, rất dễ tu hành. Vì thế được thân người quý ở chỗ này. Quý vị hiểu thực sự, gặp được pháp môn này là vấn đề cả đời của bạn đã được giải quyết rồi.

Nên những kẻ vãng sinh này*: “Người được vãng sanh đều đã cúng dường thân cận vô lượng chư Phật, phụng sự học tập, rộng trồng đức bổn. Đúng như Kinh A Di Đà nói: Không thể thiếu thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh về nước này”,* thật đấy, chẳng giả chút nào. Cho nên chính ta phải tin mình có thiện căn, và cũng phải tin mình có tập khí. Nếu đời này muốn đến Cực Lạc, thì nhất định phải giảm bớt tập khí, sửa không được chẳng sao, có thể đới nghiệp vãng sinh. Nhưng nhất định bạn phải khống chế cho được tập khí. Quan trọng nhất là khoảnh khắc lúc lâm chung.

Hôm qua tôi có xem một bản báo cáo, tuần này viết trên thế giới xảy ra hơn 50 vụ thiên tai, tai nạn. Tuần trước cũng hơn 50 vụ. Tôi nhẩm tính tháng này sẽ hơn 200 vụ. Trong đó có mấy vấn đề rất quan trọng.

Xã hội hiện nay, thế giới hiện nay bất kể lúc nào cũng có thể xảy ra thiên tai hoạn nạn, con người chẳng thấy an toàn, đấy là do nghiệp bất thiện cảm ứng. Đừng nghĩ chúng ta có thể cư ngụ trên thế giới này bao lâu? Không nên có suy nghĩ đó. Vậy phải nghĩ sao? Phải xem mỗi ngày như ngày cuối cùng của đời mình.

Ngài Ấn Quang đại sư đã dán chữ chết lên trước trán, nhìn thấy nó tự sáng đến tối để nhắc nhở chính mình. Chúng ta phải cảnh giác cao độ, cảnh tỉnh chính mình: Hôm nay là ngày cuối cùng, ngày mai còn sống không thì không rõ, không thể để việc gì rớt sang ngày mai, những việc phải làm hôm nay phải làm cho xong, cho tốt. Làm việc gì? Việc vãng sanh. Ngày nào tôi cũng nghĩ đến vãng sinh thì chắc chắn cuối cùng tôi cũng sẽ vãng sinh. Đến thời điểm đó Phật A Đi Đà nhất định sẽ đến đón tôi. Dù trong bất kỳ thiên tai, hoạn nạn nào, ta cứ niệm A Di Đà Phật, sẽ thấy Ngài đến đón.

Nếu chúng ta không đặt Phật A Di Đà vào trong tâm ta, mà còn chứa rất nhiều thứ lộn lạo, vặt vãnh, thì sai lầm lớn lắm! Chúng ta không thể sai lầm nữa, thiên tai hoạn nạn đã nhiều đến thế, nghiêm trọng, nặng nề đến thế.

Đoạn dưới đây: *“Ngày nay, nếu muốn sanh về cõi nước này, nên nhất tâm quy y chiêm ngưỡng*” Quy y, *"Chiêm"* là chiêm vọng, *"ngưỡng"* là ngưỡng mộ, tôn sùng. Quy y chiêm ngưỡng thì trong đó có lễ Phật, quán Phật, niệm Phật, ức Phật. Cũng còn hàm chứa tông chỉ ngũ niệm của Bồ Tát Thiên Thân\_Ngũ niệm pháp, trong ngũ niệm pháp có.

Thứ nhất là *"lễ bái*"; thứ hai là *"tán thán"* là niệm Phật, chấp trì danh hiệu chính là tán thán; thứ ba *"tác nguyện*" là phát nguyện; thứ tư *"quan sát";* thứ năm *"hồi hướng*". Nhớ Phật niệm Phật hiện tại tương lai nhất định thấy Phật, đừng nghĩ bất kỳ gì khác, sống qua ngày được rồi, giản dị sao cũng được. Không dễ có được một ngày bình yên trong thế giới này. Nhiều thiên tai hoạn nạn như thế mà chúng ta được yên ổn là nhờ Tam Bảo gia trì. Đấy là cảm ứng việc ta niệm Phật, cảm ứng với thiện tâm của ta.

Cuối cùng Niệm Lão làm một tổng kết cho ta: *“Quan trong là nhất tâm xưng niệm sáu chữ hồng danh, là tổng nhiếp ngũ niệm pháp môn vi diệu. Nhất tâm, tức tâm thanh tịnh*”. Câu này đã tổng kết xong, và cũng câu này đã tổng kết quy y chiêm ngưỡng. Trong lòng chỉ một câu A Di Đà Phật thì chính là tâm thanh tịnh, ngoài A Di Đà Phật ra buông bỏ hết thảy.

*“Lại như bản Kinh A Di Đà khắc trên đá ở Tương Dương thời sáu triều*”.Trên tấm bia đá được phát hiện này có một đoạn kinh văn, mà trong bản kinh hiện giờ không có. Trong bản kinh của La Thập không có. *“Nên xưng danh hiệu, các tội tiêu diệt, tức là nhiều thiện căn phước đức nhân duyên”,* có câu kinh như thế đó.

Chúng ta muốn nghiệp chướng tiêu hết, thì có phương pháp nào để tiêu mất nghiệp chướng hữu hiệu, nhanh chóng? Từ Vân Quán Đãnh pháp sư thời vua Càn Long đã giảng trong Quán Kinh Trực Chỉ. Ngài nói tội nghiệp cực nặng trong các kinh và sám pháp nhà Phật đều không tiêu diệt được, không tiêu được tội nặng này. Cuối cùng còn một phương pháp, chính là nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật thì tội của ta sẽ biến mất, tương ứng với câu khắc trên bia đá Tương Dương.

Xưng danh là có thể tiêu tội nghiệp, dùng phương pháp gì? Niệm Phật. Câu Phật hiệu này có thể tiêu sạch sẽ tất cả tội nghiệp từ vô thỉ đến tận nay của ta. Những tập khí còn lại thì ta đới nghiệp vãng sanh. Đấy chính là nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên. Chỉ một danh hiệu Phật gồm đủ cả ba.

Ai biết điều này? Kẻ không biết thì sẽ không phụng hành, ai tin? Người không tin cũng không phụng hành. Người ngạo mạn cũng không phụng hành, tự cho là đã rất giỏi, không coi trọng dạng kinh văn này. Rõ ràng chỉ có những ai thật thà, hiếu học, tu hành nghiêm túc đọc xong sẽ phụng hành và sẽ được lợi lạc. Tai nạn tiêu rồi thì phúc sẽ đến.

*“Vì thế A nan nhất tâm quy y chiêm ngưỡng, tức là nhiều thiện căn phước đức nhân duyên*”. A Nan thông minh, A Nan chẳng phải người tầm thường, đã biểu diễn cho chúng ta thấy trong pháp hội Vô Lượng Thọ, làm cách nào để tiêu diệt tội lỗi của chúng ta. *“Lại như những người đã vãng sanh, từng thân cận vô lượng chư Phật, trồng các cội đức, nên tất nhiên có thể mãn nguyện vãng sanh*”.

Chúng ta phải tin trong đời này được gặp Phật pháp, gặp được Đại Thừa, lại gặp được Tịnh độ. Trong Tịnh độ lại được gặp bộ kinh này, rõ ràng là không thể nghĩ bàn. Khi bộ kinh này đến Đài Loan, thầy Lý chỉ giảng 1 biến, sau đó không giảng nữa, thầy đưa chú thích cho tôi, xem xong tôi rất mừng. Cứ theo chú thích đó thì tôi giảng được.

Năm đó Hàn quán trưởng 50 tuổi, tôi muốn giảng kinh mừng sinh nhật bà. Bà in 3000 bản, đến Đài Trung báo với thầy Lý, thầy lắc đầu: không được. Đấy là vì sao? Thầy bảo tuổi anh còn trẻ, trải nghiệm còn cạn, anh giảng kinh này sẽ có người phê bình, anh sẽ không chịu nổi. Tôi mới hiểu vì sao thầy Lý chỉ giảng một lần, không giảng lần thứ hai. Vì có rất nhiều người phê bình thầy, phản đối bản kinh này y như Trung Quốc đại lục. Tại sao thế? Do cư sĩ hội tập. Nói thật vẫn là chướng ngại của tật đố.

Nên thầy Lý giảng Kinh Vô Lượng Thọ lần thứ nhì dùng bản dịch của Khang Tăng Khải. Tôi học Kinh Vô Lượng Thọ cũng là học bản dịch của Khang Tăng Khải. Quyển này tốt hơn bản của Khang Tăng Khải, nếu so sánh thì sẽ thấy. Mà khi Hạ Lão cư sĩ đã nói với mọi người lúc vãng sanh: Bản Hội Tập của ông trong tương lai sẽ từ hải ngoại truyền về Trung Quốc. Mọi người nghe xong đều hoang mang ngơ ngác. Sao lại có thể từ hải ngoại truyền về Trung Quốc?

Lần đầu tôi đến Bắc Kinh thăm Hoàng Niệm Lão, ông đã cho tôi hay thông tin trên. Thầy của ông là Hạ Lão cư sĩ đã tiên tri biết trước kinh này truyền sang hải ngoại. Và đúng thật là từ Mỹ, từ Canada. Lần đầu chúng tôi giảng ở Mỹ và cũng quen biết Hoàng Niệm Lão bên Mỹ. Lúc đó có một số bạn học Mật Tông ở hội Phật giáo Hoa Phủ liên hệ với Niệm Lão, ông là bậc thượng sư Mật Tông.

Những bạn đồng tu này đến tìm tôi bày tỏ ý định muốn mời một bậc thượng sư Mật Tông bên Trung Quốc sang Mỹ truyền pháp. Tôi bèn khuyên mọi người nên chuyên tu tịnh độ, chớ pha tạp rối rắm pháp môn. Họ có vẻ khó xử. Thấy vậy tôi bèn hỏi vị thượng sư tên gì? Ông là Hoàng Niệm Tổ. Tôi nghe cái tên Hoàng Niệm Tổ rất quen, sau đó mới nhớ thầy Lý đã có nhắc đến học trò của Hạ Liên Cư, cháu của Mai Quang Hy. Tôi hỏi phải người đó không? Bạn ấy nói đúng. Tôi bảo vậy thì tốt, mời ông ấy qua vì chúng tôi cùng một nhà.

Thầy Lý theo học Phật pháp với Mai Quang Hy, là cậu của Hoàng Niệm Tổ. Kinh giáo của ông học từ Mai Lão cư sĩ, cho nên người này là cháu gọi Mai Lão cư sĩ là cậu, là học trò của Hạ Liên Cư. Chắc chắc là chánh tri chánh kiến, sẽ chẳng có vấn đề, nên tôi đồng ý. Thế là họ liên hệ mời ông sang Mỹ một tháng. Tôi cũng tất bật đi khắp nơi giảng kinh, ở Mỹ cũng chẳng gặp nhau, chỉ liên hệ qua điện thoại.

Ông đưa quyển chú giải, ông chỉ mang theo một bộ, in dầu, kê viết giấy nến tặng tôi. Lúc đó tôi ở Dallas, chẳng có thời gian xem. Khi chuẩn bị về Đài Loan tôi xếp vào trong hành lý. Về đến nơi mở ra xem: quá hay, không dễ gì gặp được! Tôi liên hệ với ông rồi đến Bắc kinh thăm ông. Tôi hỏi ông có bản quyền không? Không có bản quyền, hoan nghênh in ấn. Thế cho nên lần in đầu ở Đài Loan đã in 10000 quyển. Thấy vậy ông hết sức vui mừng.

Đấy là một người học Phật chân chánh, nếu có bản quyền thì chẳng thể lưu truyền. Cổ nhân Trung Quốc xưa viết sách, có ai in sao lại đều cám ơn, quý trọng và chẳng hề hạn chế, cấm đoán, nhất là Phật pháp. Phật phổ độ chúng sinh tại sao bạn có thể hạn chế? Nếu trên sách còn ghi *"có bản quyền, mọi vi phạm sẽ bị truy cứu trước pháp luật"*. E rằng tương lai sẽ rơi vào tam đồ hết. Với tội danh gì? Đòi bản quyền chính là tội danh.

Chư Phật Bồ Tát, các tổ sư, cao tăng đều phổ độ chúng sinh. Sao quý vị có thể đoạt quyền của họ? Quý vị đòi tiền thì còn ra thể thống gì! Vậy là sẽ rắc rối to, cứ nghĩ tới sau này bị kiện dưới âm tào địa phủ mà bản quyền là chứng cứ. Cho nên thiện tri thức chân chánh thì khác, không hề có bản quyền, hoan nghênh việc in sao.

Bản quyền từ đâu ra? Trước kia đâu hề có, sao giờ lại có việc này. Xưa kia cũng có nhưng chẳng ai quan trọng. Sau khi Liên Hiệp Quốc được thành lập, thông qua luật tác quyền thì quốc tế mới thừa nhận. Thông qua đạo luật không phải là tốt này, với rất nhiều những thứ thánh hiền lưu lại bây giờ đều trở thành có bản quyền. Ngay cả Kinh Đại Tạng cũng có bản quyền thì quý vị thấy có nguy không!

Hãy nghĩ đến thiên tai hoạn nạn hiện nay trên trái đất, thì đạo luật này chính là 1 nhân tố quan trọng trong thiên tại hoạn nạn. Những thứ của thánh hiền xưa lưu lại mà hạn chế lưu truyền, thì rắc rối lớn. Ta xem đoạn kinh dưới đây:

*“Tác thị ngữ thời, A Di Đà Phật, tức ư chưởng trung, phóng vô lượng quang, phổ chiếu nhất thiết, chư Phật thế giới. Thời Chư Phật quốc, giai tất minh hiện, như xứ nhất tầm, dĩ A Di Đà Phật, thù thắng quang minh, cực thanh tịnh cố, ư thử thế giới, sở hữu: Hắc sơn, tuyết sơn, kim cang, thiết vi, đại tiểu chư sơn, giang hà, tùng lâm, thiên nhân cung điện, nhất thiết cảnh giới, vô bất chiếu kiến. Thí như nhật xuất, minh chiếu thế gian. Nãi chí nê lê”,* nê lê là địa ngục. *“Khê cốc, u minh chi xứ, tất đại khai tịch, giai đồng nhất sắc, do như kiếp thủy,* *di mãn thế giới. Kỳ trung vạn vật, trầm một bất hiện, hoảng dưỡng hạo hãn, duy kiến đại thủy, bỉ Phật quang minh, diệc phục như thị”.* Đây là ví dụ, đoạn này là ví dụ. *“Thanh văn Bồ Tát, nhất thiết quang minh, tất giai ẩn tế, duy kiến Phật quang, minh diệu hiển hách”.*

Ta xem chú giải của Niệm Lão: *“Lúc đạo sư cõi nước tôi nói lời này”,* đạo sư nước tôi chính là Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni*. “Như lai cõi nước này chắp tay phóng ánh quang minh”*, Phật Thích Ca và Phật A Di Đà cả hai đồng lòng cùng nguyện. Để tiếp dẫn tất cả chúng sinh thì cả hai ngài đang biểu diễn.

*“Di Đà chắp tay phóng ánh quang minh, hiện rỏ Đức Thế Tôn khuyên vãng sanh, Di Đà tiếp dẫn”,* hai vị Phật của hai cõi đồng tâm đồng đức. *“Ánh sánh Phật chiếu khắp tất cả cõi nước Phật, tượng trưng Di Đà phổ nhiếp phàm thánh khắp mười phương, khiến tất cả* *đều được vãng sanh”,* nhân số vãng sanh thế giới Cực Lạc rất nhiều*.* Từ pháp thân Bồ Tát cho đến lục đạo chúng sinh, bao gồm cả tam đồ đều vãng sanh mỗi ngày không đếm xuể.

Thế giới Cực Lạc bao lớn? Thế giới Cực Lạc không có biên giới. Cổ nhân nói hai câu nói, ở thế giới Cực Lạc ta có thể thấy: *"Kì đại vô ngoại, kì tiểu vô nội".* Quả thực thế giới Cực Lạc như thế đó, và hiện tượng này chỉ có thể nhìn thấy trong pháp tánh. Trong A lại gia thức sẽ không thấy được, thấy được trong chân tâm, pháp tánh. Thế giới Cực Lạc chẳng có biên giới, biến pháp giới hư không giới đều là thế giới Cực Lạc. Vì sao thế? Vì pháp tánh biến khắp mọi nơi.

*“Do đó thân Như Lai biến khắp mọi nơi, cõi nước Như Lai biến* *khắp mọi nơi*”. Bên trong câu này tồn tại một đạo lý rất sâu sắc. Những nhà vật lý, lượng tử lực học giỏi nhất hiện nay sẽ tin khi ta nói với họ điều đó. Họ nghiên cứu phát hiện, đã dần tiếp cận. Họ không thấy được tánh, nguyên nhân là do chưa buông bỏ được vọng tưởng phân biệt chấp trước, buông bỏ được là sẽ kiến tánh. Vì trong tự tánh không có những thứ này, cho nên vọng tưởng phân biệt chấp trước đã làm chướng ngại kiến tánh của bạn.

Phật đã nói rất rõ: Bỏ chấp trước thì sẽ chứng A La Hán, sẽ vượt qua lục đạo luận hồi, không chấp trước tất cả pháp thế xuất thế gian. Vì sao không chấp trước? Vì phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Trong Kinh Bát Nhã có viết: *“Nhất thiết pháp vô sở hữu. tất cánh không, bất khả đắc*”. Nếu chúng ta thường nghỉ đến lời Bồ Tát Di Lặc nói: Một gảy mống tay là ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức. Quý vị hiểu chân tướng của sự thật thì sẽ không chấp trước nữa.

Tại sao? Vì ta tính nếu một giây mà búng được năm lần thì một giây sinh diệt bao nhiêu lần? 1600 triệu. Một phần của một ngàn sáu trăm triệu trong một giây, ta làm cách nào khống chế được? Cho nên ta bảo ta khống chế, chiếm hưu, đều là giả. Khi đã hiểu đạo lý này, đạo lý mà các nhà khoa học đã khẳng định, thì bạn sẽ biết được gì? Thân chúng ta là giả, thân chẳng phải là ta, ta là giả. Tất cả những gì ta có đều là giả.

Còn Phật pháp? Phật pháp cũng là giả, không phải thật. Phật đã nói rất rõ về điều đó trong Kinh Kim Cang: *“Pháp còn phải xả, huống gì phi pháp”*. Pháp đây là nói về Phật pháp, Phật pháp sinh ra do nhân duyên. Ví dụ như ta có bệnh, ta đưa một thứ cho bạn uống, thứ đó gọi là thuốc. Khỏi bệnh rồi thì thuốc không còn nữa. Phật trị bệnh của lục đạo, của mười pháp giới. Mười pháp giới, lục đạo chẳng còn, thì Phật pháp cũng chẳng còn. Cho nên bạn chấp trước vào Phật pháp là bạn đã sai rồi.

Trong tự tánh chẳng có Phật pháp, sao bạn lại có chấp trước này? Tự tánh sáng láng, trong kinh đại thừa gọi đó là đại quang minh tạng. Ở tịnh độ thì ta gọi là thường tịch quang tịnh độ, như thế đó. Chẳng có gì cả, có thể hiện được bất cứ thứ gì, điều đó thật là tuyệt vời! Việc năng hiện là có thật, vĩnh hằng bất diệt, là tự tánh.

Những huyễn tướng sở hiện là giả: Tướng có thể không, sự có lý không, cả hai không cản trở nhau. Tính năng hiện chẳng trở ngại sự tướng, sự tướng chẳng trở ngại tự tánh, quá sức tuyệt diệu! Cho nên nhà Phật gọi đó là gì? Là diệu hữu, gọi tự tánh là chân không: *“Chân không bất không, năng hiện diệu hữu, diệu hữu phi hữu, tự tánh bản không”.* Bạn phải thâm nhập, thấu suốt những điều này, phải khẳng định, không hoài nghi gì nữa. Hoàn toàn tin vào nó, thì vọng tưởng phân biệt chấp trước của quý vị cũng chẳng còn.

Ông Viên Liễu Phàm là người như thế nào? Chắc chắn là người chân thành, hiếu học, nghiêm túc, chắc chắn là như thế. Ông có thể ngồi trong thiền đường suốt ba ngày ba đêm với Vân Cốc thiền sư mà không khởi một vọng niệm nào. Vân Cốc thiền sư hỏi ông nhờ đâu được thế? Ông bảo nhờ đã được Khổng tiên sinh đoán số phận sẵn rồi, có nghỉ cũng uổng công thôi, chẳng ích gì. Chỉ với một niềm tin này mà ông có thể dừng được vọng tưởng, ba ngày ba đêm không nảy một ý nghĩ nào trong đầu. Một con người thật thà chân thành. Người không chân thành thì không được thế, sẽ nghỉ ngợi vẫn vơ. Người thật thà chân thành chẳng nghĩ gì cả.

Còn đệ tử Phật thì sao? Đúng là không nghĩ gì cả, chỉ nghĩ đến A Di Đà Phật, Tịnh tông tuyệt vời là ở chỗ này. Quả thật đã bảo ta buông hết vạn vật xuống, trong lòng chỉ còn mỗi Phật A Di Đà. Niệm niệm A Di Đà Phật tự hành hóa tha. Như thế thì sẽ giáo hóa được rất nhiều người, chẳng cần phải giảng kinh thuyết pháp, sẽ tác động đến rất nhiều chúng sinh, có thể khiến rất nhiều chúng sinh biết quay đầu lại ngộ ra chân lý.

Lúc lìa đời lại có thể diễn một màn: đứng lìa đời hoặc là ngồi lìa đời, biết trước thời khắc đó, và chẳng hề ốm đau. Vậy thì ai chẳng tin chứ? Cho nên đấy là tâm Phật. Phật với Phật đồng tâm và cũng đồng đức, tâm y như nhau, đức y như nhau, chính là mong tất cả chúng sinh sớm quay đầu lại, sớm trở thành Phật. Đừng làm những việc giả dối hư vọng nữa.

*“Ánh sáng của Phật chiếu soi tất cả cõi nước Phật, tượng trưng Phật A Di Đà phổ nhiếp phàm thánh 10 phương, khiến tất cả đều được vãng sanh”.* Cho nên vãng sanh có pháp thân Bồ Tát, có quyền giáo Bồ Tát, có Bích Chi Phật, có A La Hán, có chư thiên đại chúng, có lục đạo chúng sinh.

*“Vì ánh sáng Phật gia trì, đại chúng trong hội, đều thấy được cõi* *nước của mười phương Phật, như trong một tầm*”. Một tầm là tám thước, vẫn chưa đến một trượng. Điều đó nói lên điều gì? Tướng của mười phương quốc độ hiện trước mặt, như chúng ta nhìn lên màn hình tivi vậy, thấy hết tất cả cảnh tượng thập phương chư Phật, đây là thần lực của Phật A Di Đà sở hiện.

*“Ánh sáng Phật Di Đà, tôn quý nhất trong các ánh sáng, nên gọi là thù thắng. Sở dĩ thù thắng,* *vì nó vô cùng thanh tịnh, vì thế tất cả núi song, cảnh vậy ở thế giới này, ví như hắc sơn, lại gọi là hắc lĩnh”,* đây là tên của núi. *“Xem Tây Vực Ký và Từ Ân Truyện”,* Từ Ân chính là ngài Khuy Cơ. Đây là nói trên trái đất chúng ta, tất cả đều xuất hiện trong ánh hào quang của Phật A Di Đà, nó chiếu soi hết thảy.

Không những chiếu kiến, chúng ta xem đoạn dưới đây*: “Cho đến địa ngục, là nơi u tối”,* cũng đều chiếu đến. Chiếu soi đường địa ngục, chiếu soi đường ngạ quỷ, đo đó mà biết chiếu rọi hết tất cả, tất cả đều được nhìn thấy trong luồng ánh sáng Phật đó. Rõ ràng ánh Phật quang đã đột phá tất cả tầng không gian, Phật quang rọi chiếu thì tầng không gian chẳng còn. Lục đạo, thập pháp giới, thậm chí tất cả quốc độ của chư Phật ở nơi khác ta đều thấy được.

*“Tuyết sơn”* tức núi Himalaya, *“trên đỉnh núi luôn có tuyết nên gọi là núi tuyết*”. *"Kim cang, thiết vi, đều là tên núi*”, không có trên trái đất chúng ta. Đây có chú giải: *"Xem kỷ phẩm chú thứ 11",* phía trước chúng ta đã học rồi. *“Tất cả như thế, đều chiếu soi hết",* Phật quang bất đồng với\_ Đây là quang trung tối thắng. Giờ chúng ta biết ánh sáng rất nhiều, bước sóng khác nhau. Mắt chúng ta chỉ nhìn thấy được một ít, nếu sóng dài hơn hoặc ngắn hơn thế thì ta không thấy, phải dùng thiết bị khoa học mới nhìn được.

Tất cả ánh sáng của Phật đều không có chướng ngại, đều thấy được hết. Cho nên dưới ánh Phật quang thì ta sẽ nhìn thấy vũ trụ này rất khác nhau. Những gì mà mắt thường không thấy được thì đều nhìn thấy cả. Điều này hiện giờ khoa học đã chứng minh được. Những lời kinh này thì các nhà khoa học chắc chắn sẽ chẳng bao giờ phản đối.

Thôi hôm nay đã hết giờ, chúng ta tạm dừng ở đây.

**Hết tập 545**

# Tập 546

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian:18.08.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị Pháp sư, quí vị đồng học, mời ngồi.

Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 705, bắt đầu xem từ hàng thứ bảy.

*“Dưới đây lấy mặt trời thí dụ, mặt trời lên hết bóng tối”,* phần tiếp là kinh văn, *“Như ánh mặt trời, soi sáng thế gian”,* đoạn văn này lấy mặt trời làm thí dụ, khi ánh mặt trời lên, bóng tối sẽ lui dần.

*“Bất kể những nơi tối tăm hay hang cùng”.* Hang cùng ở đây chỉ hang núi sâu, nơi mặt trời không thể chiếu đến, bởi thế gọi là nơi tối tăm. *“Thậm chí nê lê”,* nê lê là địa ngục. Dưới ánh sáng của Phật, y chánh trang nghiêm của lục đạo, tất cả đều phơi bày ra, dùng ngôn ngữ ngày nay để nói, tầng không gian không còn nữa. Không gian, thời gian, đều không phải thật, tất cả đều do chấp trước, phân biệt của chúng ta, nên có mặt. Xa rời phân biệt chấp trước, tầng không gian sẽ không tồn tại, đó là hiện tượng gì?

Kinh thường nói *“ngay tại giây phút này*”, quá khứ cũng giây phút này, vị lai cũng giây phút này, quý vị thấy rõ tất cả. Chỗ này chính giây phút này, thế giới Cực lạc cũng thời điểm này, Hoa tạng cũng giây phút này, không nơi nào không phải giây phút này, lí do tất cả những điều đó là gì? Phần trước chúng ta đã học, tuy đã học, nhưng vẫn chưa quen lắm, vẫn chưa áp dụng vào đời sống. Điều này quý vị có thể chứng minh, tập khí chúng ta sâu nặng cỡ nào, vọng niệm chúng ta nặng nề cỡ nào.

Bồ tát thấy rõ, không những Bồ tát, A La Hán cũng được thọ dụng, họ vượt thoát lục đạo rồi, đúng như cách nói sống trong giây phút này, đó mới là chân tướng sự thực. Giây phút này chính là khởi tâm động niệm, nhất niệm một pháp giới, pháp giới ở đây là pháp giới viên mãn. Thập pháp giới trong quá khứ, hiện tại, vị lai, không phải thập pháp giới của một cõi Phật, là nhất pháp giới của tất cả cõi nước chư Phật trong cõi hư không khắp pháp giới. Đúng vậy không chút sai lầm.

Nhất pháp giới gọi là nhất chân pháp giới, nhất pháp giới còn gọi là thật báo trang nghiêm độ, đây là sự thật, không một chút giả dối, sống trong giây phút đó là một niệm. Một niệm đó là những gì Bồ tát Di lặc đã nói, một gảy mống tay có ba mươi hai ức trăm nghìn niệm, nhất niệm này không sinh không diệt, nhất niệm này bất khả đắc. Nhất niệm này là những gì Phật đã nói trong Kinh Bát Nhã: Vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc.

Chúng ta mê lầm, mê nên không thấy nhất niệm này. Không nhìn thấy nhất niệm này, có nghĩa là không nhìn thấy thật báo trang nghiêm độ, thế nào là thật báo trang nghiêm độ? Người nhìn thấy nhất niệm, sẽ thấy được thật báo độ, sẽ nhập vào thật báo độ, đấy là Bồ Tát pháp thân. Chúng ta quên mất nhất niệm này, căn bản là không biết nhất niệm đó vẫn tồn tại, chúng ta chỉ nhìn thấy gì? Tướng liên tục của nhất niệm, việc tích luỹ của tướng liên tục sẽ tạo thành một hình ảnh, giống như hình ảnh trong film, tích luỹ sẽ tạo thành hình ảnh trên màn hình, chúng ta nhìn thấy. Nhất niệm trên màn hình đó, chúng ta không nhìn thấy.

Trên thực tế, nhất niệm trên màn hình, là hai mươi tư phần trên một giây, một giây đó, hai mươi bốn hình ảnh chồng lên nhau. Phật cho chúng ta biết tốc độ này, một nghìn sáu trăm triệu trên một giây, một nghìn sáu trăm triệu, làm sao chúng ta biết được. Quý vị sẽ hiểu được, những cảnh giới chúng ta nhìn thấy, là ảo ảnh được sinh trong việc tích luỹ ý niệm. Tướng này là tướng động, không phải đứng yên, quý vị thấy một giây, một nghìn sáu trăm triệu lần sinh diệt.

Ngày nay chúng ta gọi là chuyển động, chuyển động theo tần suất, đấy là nhất chân pháp giới. Khi đã mê rồi, nhất chân pháp giới này, thay đổi theo ý niệm của chúng ta, tất cả pháp đều từ tâm tưởng sinh. Chúng ta biến nó thành pháp giới Tứ thánh: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, đây là những vị đã giác ngộ, nhưng chưa đại triệt đại ngộ, họ chưa kiến tánh. Kiến tánh là đã thấy một nghìn sáu trăm triệu trên một giây, họ thấy được thứ đó, đó gọi là kiến tánh.

Thấy được nhất niệm bất giác đầu tiên mà có vô minh, họ thấy được thứ đó, thấy được mới có thể phá tan vô minh, nghĩa là gì? Buông bỏ, đấy gọi là kiến tánh thành Phật, chúng ta gọi là Bồ tát pháp thân. Kinh Hoa Nghiêm gọi là sơ trú viên giáo, vừa mới nhìn thấy. Tiến lên Nhị trú, Tam trú, đến Thập trú, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, không ngừng nâng cao lên.

Kiến tánh là mục đích cuối cùng của việc tu học Đại thừa, là quay về tự tánh, quay về đại tự nhiên, tự tánh là đại tự nhiên, quay về thường tịch quang. Bởi thế cõi hư không khắp pháp giới, tất cả đều thấy được. *“Tất cả đều hiển lộ rõ ràng”,* nên nói*: “Tất cả lộ rõ”.* Vả lại tất cả các vật *“đều cùng một màu”.* *“Một màu, theo Quán Kinh nói, đều là màu vàng”*. Một màu là màu vàng. Trong này, chúng ta phải hiểu được ý chính của nó.

Xét về tướng, không nhất định là màu vàng, mỗi màu sắc đều có, màu sắc không giống nhau đều được gọi là màu vàng, ý chữ vàng là gì? Bất biến. Trong thế giới chúng ta đây, vàng, bạc, đồng, sắt được gọi kim loại, kim loại rất dễ bị ô xy hoá, chỉ có vàng không bị ô xy hoá, bởi thế mọi người coi nó là vật quí, rất quí trọng, nó không đổi. Vàng tượng trưng là vĩnh hằng bất biến, vĩnh hằng bất biến nên gọi màu vàng y, ý nghĩa tượng trưng quý vị có thể hiểu.

Người thế gian chúng ta tạo tượng, tạo tượng Phật, tạo tượng Bồ tát, đều bọc vàng bên ngoài. Nếu toàn thân ai đó đều giống màu vàng, quý vị nghĩ dễ coi chăng? Cả thế giới, tất cả đều là màu vàng thì rất tẻ nhạt. Ao sen trong hồ thất bảo ở thế giới Cực lạc, quý vị thấy trong kinh nói có bốn màu, trên thực tế Quán Kinh nói cho chúng ta biết, màu sắc vô kể, tất cả các loại màu sắc đều có, đó gọi là đẹp không kể xiết. Tất cả màu sắc đều có, tất cả màu sắc đều không thay đổi, đấy gọi là màu vàng. Bởi thế chư vị nhất định phải hiểu ý nghĩa tượng trưng của màu vàng, vĩnh hằng bất biến được gọi là vàng.

Như quán thứ bảy trong Quán Kinh nói: *“Phật Vô Lượng Thọ đứng giữa không trung. Quan Thế Âm, Đại Thế Chí là hai Bồ tát, đứng hầu hai bên. Ánh sáng rực rỡ, không thể nhìn hết. Trăm nghìn màu sắc diêm phù đàn, không thể sánh được”*, đây nói về chánh báo của Phật. Phật A Di Đà, Bồ tát Quan Âm, Bồ tát Đại Thế Chí, ngoài những vị này, có những Bồ tát đứng xung quanh Phật, chúng Thanh Văn, số lượng rất nhiều. Không nói chúng ta cũng có thể hiểu được, ánh sáng của những vị này, ánh sáng nơi Phật, ánh sáng nơi Bồ tát, ánh sáng nơi đại chúng Thanh Văn, tất cả đều có ánh sáng nơi thân. *“Ánh sáng rực rỡ, không thể thấy hết”,* phần dưới là thí dụ, *“trăm nghìn vàng Diêm phù đàn”,* là loại tốt nhất trong các loại vàng, nghĩa là màu sắc đẹp nhất, cũng không sánh được.

Quán thứ tám lại nói: *“Tượng Phật Bồ Tát đều phát ra ánh sáng, ánh sáng đó đều là màu vàng”*. Phật phóng quang, Bồ tát phóng quang, màu sắc ánh sáng rất đa dạng, tại sao vậy? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của con người không giống nhau, có bao nhiêu loại thì có bấy nhiêu ánh sáng, có bấy nhiêu màu sắc. Chỉ có ánh sáng Phật, ánh sáng Bồ tát pháp thân, ánh sáng thanh tịnh, đều phát ra màu vàng.

Quán thứ mười lăm lại nói: *“Thấy Phật A Di Đà và các quyên thuộc, phóng ánh sáng vàng. Lại như Thất Phật Thần Chú Kinh Nhất, trong đó tất cả vạn vật đều chiếu màu vàng*. *Lại như Pháp Hoa, khi phóng anh sáng tốt lành, chiếu đến tám nghìn nước ở phương Đông”*. Nước ở đây là nước Phật, *“một vạn tám nghìn nước Phật ở phương Đông đều như màu vàng*. *Nói thẳng ra, tất cả đều một màu, ý là vạn pháp nhất như”.*

Vàng nói lên điều gì? Vàng tượng trưng cho tự tánh, vàng tượng trưng cho tánh đức, vĩnh hằng bất biến. Tất cả pháp không rời tự tánh, tất cả pháp không trái tánh đức, tại sao ngày nay những thứ chúng ta thấy, nghe được, tiếp xúc được, hoàn toàn trái với tánh đức, đấy là gì? Mê lầm, quên mất tự tánh, vì thế tánh đức trở thành những gì? Tánh đức biến thành phiền não. Tánh đức chính là phiền não, khi giác ngộ nó là trí tuệ, khi mê lầm nó tên phiền não.

Tất cả pháp từ tâm tưởng sinh, sự biến đổi tánh đức cũng do tâm tưởng. Khi tâm không nghĩ, buông bỏ tất cả phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm, tánh đức liền có mặt, tánh đức trở về nguyên trạng, tất cả chân thiện mĩ đầy đủ tròn đầy, vĩnh hằng bất biến. Biến là giả, bất biến là thật. Biến, trong tất cánh không sinh ra tướng khác. Khi hoa mắt thấy hiện tượng trong không trung, khi mắt có bệnh, thấy không trung có ảo ảnh, mắt bình thường không thấy được. Mắt của chúng sinh trong thập pháp giới có bệnh, bệnh ở pháp giới Tứ thánh nhẹ hơn, bệnh trong lục đạo nặng hơn. Quý vị thấy luân hồi lục đạo, lục đạo luân hồi là ảo ảnh, không trung xuất hiện ảnh này, đấy gọi là tất cả pháp từ tâm tưởng sinh.

Ý niệm của quý vị không thanh tịnh, những tướng quý vị thấy đều xấu xa, là nhiễm ô, không thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh, những tướng thấy đều thanh tịnh. Pháp giới Tứ thánh thấy tướng thanh tịnh, phàm phu lục đạo thấy tướng ô nhiễm, kì thực thanh tịnh ô nhiễm đều không có, đấy là thật. *“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”,* chúng ta không thể không biết.

Bởi thế học Phật, từ sơ phát tâm đến Như lai địa, tu những gì? Chỉ có buông bỏ! Buông bỏ, buông bỏ, lại buông bỏ, không nên chấp trước, không nên phân biệt, không nên theo vọng tưởng, ta sẽ thành Phật, ta sẽ quay về tự tánh, sẽ viên mãn công đức. Chư Phật Như Lai trong mười phương đã buông bỏ, những Bồ Tát pháp thân bây giờ đang buông bỏ, đấy là tấm gương cho chúng ta, là điển hình cho chúng ta, người học Phật nên học theo các ngài.

Cõi hư không khắp pháp giới, tất cả sự vật là do tự tánh biến hiện, nói cách khác, là từ tâm chúng ta biến hiện ra. Trong tâm của ta biến hiện ra, nếu ta thích cái này, ghét bỏ thứ kia, đấy gọi là mâu thuẫn trong tự tánh. Trong kinh Phật nói rất hay: *“Ngoài tâm không pháp”,* không pháp, ngoài pháp không có tâm, tâm với pháp là một, không hai. Bởi thế tâm cảnh người Đại thừa, bản thân với cõi hư không khắp pháp giới, thực sự là nhất thể! Tôi thích cái này, ghét cái kia, tức là gì? Tôi thích quả tim, tôi ghét lá phổi, ý là như thế. Tôi thích lá gan, tôi ghét quả thận, không phải với ý đó sao!

Lục phủ ngũ tạng đều là của ta, không thể thiếu một bộ phận nào, ta nói ghét thứ nào, không cần thứ đó nữa, không cần, tất cả đều không có, con người đó không còn sống nữa. Chúng ta sống trong thế gian, năm giác quan bên ngoài, bên trong lục phủ ngũ tạng, không thể thiếu thứ nào, bộ phận nào cũng đáng quí, nhưng người thế gian không hiểu, đấy chính là mê hoặc điên đảo, không biết sẽ thế nào? Thiên tai xảy ra, thiên tai từ đâu mà có? Bản thân mình tạo, nghĩa là từ hỉ nộ ai lạc ái ố tạo nên. Thích cái này, ghét cái kia, những thứ đó tạo nên, tạo nên những cơn đau cho bản thân mình, tạo nên thiên tai trên quả đất, tạo nên thảm họa cho vũ trụ, đấy gọi là ngu si.

Bởi thế làm sao để giúp đỡ xã hội trở lại trạng thái bình thường? Trạng thái bình thường là gì? Như lời tổ tiên nói, nhân nghĩa lễ trí tín, đó là trạng thái bình thường, ai ai cũng coi trọng nhân nghĩa lễ trí tín. Trạng thái bình thường trong Phật pháp là thập thiện nghiệp đạo, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ việc làm của mỗi người đều là thập thiện nghiệp đạo, đây là xã hội Phật hoá. Thập thiện nghiệp đạo, một số người không coi trọng, đó là ngu si, đó là sai lầm!

Chúng ta thấy rất nhiều tượng Phật, trong tượng Phật, trên đầu Phật có một vòng tròn hào quang, trên vòng tròn đó có ba chữ, thường được viết bằng chữ phạn, là *“án a hồng”,* ý nghĩa ba chữ này là gì? Nghĩa là thập thiện nghiệp đạo, thập thiện nghiệp đạo được thực hành một cách viên mãn, không thiếu một điều nào, đấy chính là Diệu Giác Như Lai. Thập thiện nghiệp đạo, Bồ Tát Đại thừa triển khai nó thành tám vạn bốn nghìn tế hạnh, quy nạp lại, là Thập thiện nghiệp đạo. A La Hán Tiểu thừa, triển khai Thập thiện nghiệp đạo, gọi là ba nghìn oai nghi, làm sao có thể coi thường nó? Khi triển khai Ngũ giới, Thập thiện nghiệp đạo, trở thành Phật pháp cứu cánh viên mãn, tất cả pháp đều nằm trong đó.

Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, Phật nói rất rõ ràng, nói rất chi tiết, chúng ta đọc cũng không biết đọc thế nào, đọc rồi không có cảm giác gì, cứ trơ ra. Phật dạy rất rõ ràng, pháp người trời, Bồ đề Thanh Văn, Bồ đề Duyên Giác, cho đến Bồ đề vô thượng, đều lấy đó làm cơ sở, lấy đó làm nền tảng, đó chính là Thập thiện. Vì thế Thập thiện nghiệp không có, không thể làm người trời, mà đang luân hồi trong lục đạo, hai cõi người trời quý vị không có mặt, tại sao? Quý vị không có Thập thiện nghiệp. Trung phẩm Thập thiện, làm người; thượng phẩm Thập thiện, làm trời. Bỏ mất Thập thiện nghiệp, là ba ác đạo, không coi trọng nó, còn coi trọng thứ gì.

Thập thiện nghiệp đạo có thể giúp chúng ta xây dựng pháp trời, người, có thể giúp ta xây dựng Bồ đề Thanh Văn, có thể giúp ta xây dựng Bồ đề Duyên Giác, có thể giúp ta xây dựng Bồ tát, Bồ đề vô thượng Phật, tất cả đều dựa trên nền tảng đó, tất cả đều được xây dựng trên mảnh đất đó.

Ngũ giới được thiết lập trên Thập thiện, giới Tỳ kheo, giới Bồ Tát xây dựng trên nền tảng Thập thiện, không thể không có Thập thiện. Phật ví Thập thiện như quả đất, quý vị có vật liệu tốt cỡ nào, cũng phải nhờ nền đất để xây dựng, không có nền đất, không xây được công trình nào. Ý nghĩa của nó rất rõ ràng, ý nghĩa của nó rất quan trọng, làm sao chúng ta có thể coi nhẹ nó?

Thập thiện nghiệp đạo là ánh sáng vàng, nó vĩnh hằng bất biến, ánh sáng càng chiếu càng xa, đến quả vị Diệu Giác là ánh sáng vô lượng, tượng trưng cho vạn pháp nhất như.

*“Trong ánh sáng Diệu trí của Phật, sẽ hiện bản thể thanh tịnh, mất hết những sai biệt”,* tướng sai biệt không còn nữa, *“chỉ lộ chân tướng”*, tại sao? Tướng sai biệt là giả tướng. Tướng sai biệt là xét về tướng, nhất sắc tướng xét về tánh, tánh chỉ là một. Năng sinh năng hiện là tự tánh, sở sinh sở hiện là vạn pháp. Tướng vạn pháp không giống nhau, tánh giống nhau. Tác dụng của vạn pháp không giống nhau, thể giống nhau. Đây là chỉ lộ tướng chân, *“vì thế đều cùng một màu”.*

Phần dưới lại: “*Lấy kiếp thuỷ làm ví dụ*”. Thuỷ là nước biển, kiếp thuỷ, một trong những đại tam tai, đại tam tai, lúc đó nước lớn dâng đến cõi trời Nhị thiền. Quý vị biết lúc đó Dục giới không còn nữa, trời Sơ thiền ở trên Dục giới, phía trên cõi trời Hoá lạc, Tha hoá tự tại. Trời Hoá lạc là tầng trời thứ năm, Trời Tha hoá tự tại là tầng trời thứ sáu, lên cao nữa là Sơ thiền, nước nhấn chìm cõi Nhị thiền, nhấn chìm cả sáu tầng trời Dục giới, đó gọi là kiếp thuỷ.

*“Chỉ đại thuỷ tai trong hoại kiếp, vòng nước nhảy lên trên quả đất. Mưa lớn như bánh xe, từ trời Nhị thiền trở xuống, tất cả đều bị nước nhấn chìm”,* cả trời Sơ thiền, Nhị thiền đều bị nhấn chìm. Thế giới chúng ta rất có khả năng, tương lai nước trên địa cầu sẽ nhấn chìm cả quả đất, quả đất chỉ còn lại vài đảo nhỏ, thần tiên cư trú trên những đảo đó, không phải người phàm.

*“Hoảng dưỡng, chỉ nạn đại thuỷ không có bờ bến”,* không có biên giới, *“không bờ không bến”.“Hạo hãn”,* cảnh tượng nước mênh mông. “*Câu kinh văn này, có thể tìm trong văn tuyển Tây Chinh Phú của Phan Nhạc”*, trong đó có những câu này. *“Lại có Côn Minh, trong những ao hồ, những ao hồ đó nước lênh láng, lênh láng tràn trề, đầy như Hà hán”*. Hà hán là sông lớn, hình dung nước lớn. Trên Trường Giang, chúng ta đứng ở hai bên bờ Nam Bắc có thể thấy được, Đông Tây không thấy được hai bờ.

Chúng ta thấy rằng, không kể con người đứng ở đâu, ta có thể thấy được bờ bên này, kinh vĩ độ trên quả địa cầu, quý vị chỉ thấy một độ. Một độ ba mươi dặm, là bán kính, những gì quý vị thấy được là sáu mươi dặm. Trường Giang quá dài, vì thế ta chỉ thấy ba mươi dặm toàn là nước, nước tiếp giáp với trời giống như biển, nhìn về phía Tấy cũng như thế.

*“Đường Dịch”* nói về đoạn này: *“Giống như quả đất, nước ngập lênh láng, núi sông cây cỏ, không thể thấy được, chỉ một màu nước”.* Ở đây dùng nước lớn để ví với ánh sáng của Phật, dùng cây cỏ núi sông làm thí dụ.

*“Tất cả ánh sáng của Thanh Văn, Bồ tát”,* không sánh được với ánh sáng của Phật. *“Giống như ánh sáng vì sao, khi trăng ló dạng, che khuất ánh sao”*. Ánh trăng như mười bốn, mười lăm, mười sáu, khi trăng tròn, chúng ta đứng trong không gian, không thể thấy được những vì sao nhỏ, bị ánh trăng che khuất. Khi thấy rõ nhất ánh sao, khoảng mùng một, ba mươi, mùng hai, ba ngày đó, tại sao? Không có ánh trăng, bởi thế, ánh sáng của vì sao nhỏ nhất cũng được nhìn thấy. Mắt một số người tinh hơn, có thể thấy được sao thứ sáu, nếu chúng ta dùng kính viễn vọng, kính viễn vọng thông thường, có thể thấy được sao thứ mười mấy.

Ban ngày không những không thấy được sao, mà ánh trăng cũng không thấy, mặt trời quá chói chang, che khuất tất cả những ánh sáng khác. *“Nên nói: Tất cả đều ẩn mất, chỉ thấy Phật quang, sáng tỏ chói loà”*. Tất cả những thí dụ này đều chỉ ánh sáng rực rỡ của Phật, ở đây gọi là minh diệu. *“Minh”* là sáng chói, *“diệu”* là chiếu soi, *“hiển”* là rõ ràng, *“hách”* là hiển lộ. Tất cả để chỉ cho ánh lửa sáng ngời, có nghĩa màu đỏ rực rỡ. Ánh sáng này là ánh lửa, ánh lửa có màu hồng. Mặt trời là một hòn lửa, chỗ nào cũng lửa, lửa lớn, địa cầu là nước, cả quả đất đều là nước, đúng là đối nghịch với mặt trời, một bên là cầu lửa, một bên là cầu nước.

Chúng ta xem tiếp kinh văn, đoạn này nói, đã thấy y chánh trang nghiêm của thế giới Cực lạc. *“Bốn chúng hội này”,* hội này là hội Vô Lượng Thọ. Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Vô Lượng Thọ Kinh, có rất nhiều người đến nghe, tham gia pháp hội này, đệ tử bốn chúng: *“Thiên long bát bộ, nhơn và phi nhơn...”*. Thiên long bát bộ và nhân và phi nhân, mắt trần chúng ta không thấy họ đang tham dự.

Đạo tràng nhỏ của chúng ta đang giảng kinh đây, tuy thính chúng không nhiều, chúng ta nếu hỏi, có thiên long bát bộ chăng? Có nhơn và phi nhơn chăng? Có, chắc chắn là có. Ở đây chúng ta học tập kinh điển, nghe y chánh trang nghiêm của thế giới Cực lạc, những thiên long bát bộ, nhơn cùng phi nhơn cũng đang nghe.

Những người đi trước đã nhận được nền giáo dục tốt đẹp, có đức hạnh, tâm địa nhân đức, có trí tuệ. Bởi thế nghe kinh pháp có thể khế nhập, có thể khai ngộ, cao hơn thiên long bát bộ, nhơn và phi nhơn. Ngày nay chúng ta bị che khuất tánh đức, pháp hội trước mặt, thiên long bát bộ, nhơn và phi nhơn, rất nhiều người vượt xa chúng ta. Họ giác ngộ khi nghe kinh, họ có thể vãng sinh khi niệm Phật, chúng ta không theo kịp họ, nguyên nhân do đâu? Họ có phước báo là ngũ thông, họ biết thế gian khổ, chúng ta mê lầm nhiều kiếp, không biết nỗi khổ thế gian. Bởi thế cổ nhân có câu: *“nhận khổ làm vui”,* vui vẫn hoàn khổ, câu nói này cho thấy rất thích hợp khi hình dung xã hội hiện tại.

Ngày nay độ nhân và phi nhân rất dễ, độ người mới khó. Chướng ngại lớn nhất là tính hoài nghi của họ, đấy là gì? Tinh thần khoa học, đứng đầu tinh thần khoa học là hoài nghi, hoài nghi mới nghiên cứu, mới biết tìm tòi, mới phát hiện ra. Phật pháp có như thế chăng? Phật pháp cũng như thế, nhưng hoài nghi trong Phật pháp, nó có niềm tin. Bởi thế nghi trong Phật pháp gọi là nghi tình, nghi nhỏ ngộ nhỏ, nghi lớn ngộ lớn, không nghi không thể khai ngộ, chỉ chú trọng có thế.

Nhưng Phật pháp tin Thánh nhân, tin Hiền nhân, tin Phật, tin Bồ tát, họ có tin. Trong khoa học không có, không tin có Thánh hiền, không tin những gì thuộc người đi trước, họ mới có thể vượt qua họ, mới lật đổ được họ. Không một nhà khoa học nào dám nói, những gì tôi đưa ra là chân lí, không chắc vài ba mươi năm sau, người ta sẽ lật đổ họ.

Nhưng những gì Thánh hiền, chư Phật Bồ tát đã phát hiện ra, quý vị không cách nào có thể lật đổ, đó mới gọi là chân lí, đó là gì? Đó là tự tánh con người, là bản thể vạn pháp vũ trụ, năng sinh vạn pháp, năng hiện vạn pháp. A lại da có thể biến vạn pháp, đó là những gì cổ nhân phát hiện ra. Ngày nay nhà khoa học cũng dần dần phát hiện, nhưng không cách gì vượt qua họ, có thể giống họ, quý vị cũng là Thánh hiền, cũng là Phật, Bồ tát. Nhưng quý vị không thể cao hơn, không cao hơn được, chỉ đến chỗ pháp giới bình đẳng, tại sao không thể vượt qua? Đạt đỉnh rồi, quý vị làm sao vượt được không khởi tâm, không động niệm?

Họ không khởi tâm, không động niệm, tôi cũng không khởi tâm, không động niệm, ngang với họ, không, không cách nào có thể vượt qua họ. Không khởi tâm, không động niệm là hết, họ không thể lên thêm được, họ phải lùi xuống dưới. Khởi tâm, động niệm Phật pháp giới trong thập pháp giới, thêm khởi tâm, động niệm là phân biệt, chấp trước, đúng, đó là pháp giới Thanh Văn, đến thiên pháp giới, họ đang đoạ lạc! Đạt đến cảnh giới cao nhất, là ngang với Phật, tại sao? Đều không khởi tâm, không động niệm, bình đẳng. Đạt đến bình đẳng vẫn còn tập khí, vẫn chưa bình đẳng rốt ráo, khi đoạn hết tập khí, thực sự bình đẳng.

Kinh Hoa Nghiêm gọi là Diệu Giác Như Lai, đây là quả vị cao nhất, không thể cao hơn, đến cảnh giới này là thực sự bình đẳng, bình đẳng rốt ráo. Đẳng giác vẫn chưa thực sự bình đẳng, Diệu Giác mới bình đẳng.

Bốn chúng trong pháp hội, gồm cả ngày nay chúng ta nói linh giới, thiên long bát bộ, nhơn và phi nhân, đều thấy được mọi thứ trang nghiêm của thế giới Cực lạc.

Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão: *“Bốn chúng trong hội”, “Một vạn hai nghìn vị đại tỳ kheo*”. Lần diễn giảng này của Phật Thích Ca Mâu Ni, rất nhiều thính chúng, chúng xuất gia có một vạn hai nghìn vị. *“Năm trăm vị Tỳ kheo ni”,* bảy nghìn vị cư sĩ, năm trăm nữ cư sĩ, đấy là người. *“Lại có Phổ Hiền, Văn Thù, Di Lặc, mười sáu chánh sĩ, vô lượng vô biên Bồ Tát kiếp Hiền”.*

Phổ Hiền, Văn Thù, Di Lặc, mười sáu vị chánh sĩ đã học trong phẩm thứ hai. Mười sáu vị này, đều chứng quả vị Đẳng giác, cũng có thể nói, họ với Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc cùng một giai tầng, đều là Bồ tát Diệu Giác, Đại sĩ pháp thân. Còn có *“Chư thiên phạm chúng,* *cho đến long thiên bát bộ, nhơn và phi nhân, đều là hội chúng”*.

Từ đây có thể biết, trong đạo tràng Phật thuyết kinh Vô Lượng Thọ lớn biết bao nhiêu, trang nghiêm nhường nào. Những người tham dự pháp hội, đều có nhân duyên rất lớn với Phật A Di Đà, và thế giới Cực lạc. Như kinh này đã nói, trong đời quá khứ, từng cúng dường vô số chư Phật Như Lai, làm việc cúng dường, trồng các căn lành, mới được nhân duyên như thế.

Câu cuối cùng, đều là hội chúng, *“đều thấy thế giới Cực lạc”, “Ý nói mỗi người trong pháp hội đều thấy được”,* đều thấy được thế giới Cực lạc, đều thấy Phật A Di Đà. Chỗ ấy, bốn chúng đệ tử trên quả đất chúng ta, *“hợp tất cả lại hai vạn người, đều là thân thịt, mỗi người đều thấy thế giới Cực lạc. Đây là để làm tin cho tất cả chúng sinh bây giờ và đời sau”*.

Phật Thích Ca Mâu Ni, giới thiệu thế giới Cực lạc cho tất cả chúng ta, giới thiệu Phật A Di Đà, không phải giả, thế giới Cực lạc thực sự được quí vị nhìn thấy, Phật A Di Đà các bạn cũng thực sự nhìn thấy.

Phần trước tôi đã nói với chư vị, sơ tổ Tịnh tông, đại sư Tuệ Viễn, trước khi vãng sinh đã nói với mọi người, trong thời gian tu hành trong núi, đã ba lần thấy được thế giới Cực lạc. Lần này là lần thứ nhất, Phật A Di Đà đến tiếp dẫn ngài vãng sinh, trước đó ngài chưa bao giờ nói với ai. Khi gần đi, chuẩn bị tạm biệt mọi người mới tuyên bố. Lần thứ tư thấy thế giới Cực lạc là vãng sinh luôn.

Những người đồng học hỏi ngài, hình dáng thế giới Cực Lạc ra sao? Đại sư nói với mọi người, hoàn toàn giống trong kinh nói, kinh ở đây là Vô Lượng Thọ Kinh. Đại sư Tuệ Viễn, người Trung Quốc đầu tiên sáng lập niệm Phật đường, niệm Phật đường Đông Lâm, có một trăm hai mươi ba người tu tập. Lúc bấy giờ kinh điển Tịnh tông nương theo, chỉ một bộ Vô Lượng Thọ Kinh. Còn Quán Vô Lượng Thọ Kinh, A Di Đà Kinh, vẫn chưa dịch sang tiếng Trung quốc. Lưu hành trên mảnh đất Trung Quốc chỉ có Vô Lượng Thọ Kinh. Những gì ngài thấy được, hoàn toàn giống như những gì Kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Điều này đã chứng minh cho những người đương thời, những chúng sinh trong đời sau, gồm cả những người tu Tịnh độ chúng ta, làm chứng cho chúng ta.

*“Với lại đây cũng là điềm tốt thù thắng hi hữu, có đủ trong năm bản dịch”.* Hiện tượng này, bây giờ đang còn trong thế gian, năm bản dịch Kinh Vô Lượng Thọ đều có. Hán Dịch, Chi Lâu Ca Sấm dịch, rằng, *“A Nan, chư Bồ tát, A La Hán... và vua trời, nhân dân, tất cả đều thấy Phật thanh tịnh vô lượng”.* Phật thanh tịnh vô lượng là Phật A Di Đà, “*và các Bồ tát, A La hán, cõi nước thất bảo”.*

*“Ngô Dịch, cư sĩ Chi Khiêm, cũng như thế. Nhưng lấy Phật A Di Đà, thay vô lượng thanh tịnh”*. Ngô Dịch thuộc Đông Ngô, thời tam quốc, khi phiên dịch dùng A Di Đà, không dùng vô lượng thanh tịnh.

Nguỵ Dịch, bản của Khương Tăng Hội, lưu hành rộng rãi nhất thời đó: *“Oai đức Phật Vô Lượng Thọ nguy nguy, như Tu Di sơn vương, vượt khỏi tất cả những thế giới khác.* *Tướng tốt chói sáng, không chỗ* *nào không chiếu đến. Tứ chúng hội đó, thấy nghe tức khắc. Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, đều thấy Như Lai Vô Lượng Thọ*”.

Đường Dịch, tác giả Bồ Đề Lưu Chí nói: *“Trong các nước đó, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, đều thấy Như Lai Vô Lượng Thọ, như Tu di sơn vương chiếu các nước Phật. Các nước Phật đều rực rỡ như chỗ đó một tầm”.*

Cuối cùng nói về Tống Dịch, kinh văn năm loại bản dịch đều được chép lại trong đây, cung cấp để chúng ta tham khảo. Tống là tác giả Pháp Hiền: *“Lúc đó trong pháp hội, Bí sô, Bí sô ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, Thiên long, Dược xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma Hầu La già, nhơn và phi nhơn, đều thấy tất cả mọi thứ trang nghiêm ở thế giới Cực lạc, và thấy Như Lai Vô Lượng Thọ,* *Thanh văn, Bồ Tát đứng quanh cung kính. Giống như Tu di sơn vương, nhô lên biển lớn”.*

*“Năm bản dịch cùng đưa ra, đủ chính xác từ nguồn kinh, chắc chắn không phải các bản dịch sai sót”.* Niệm Lão đã lấy đoạn kinh văn này trong năm bản dịch, chép lại toàn bộ trong này để chúng ta tham khảo, chứng minh trong các bản dịch không hề sai sót, đều có trong năm bản dịch. Chính miệng Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra, đây không phải là giả, chúng ta có thể tin được.

Nhưng trong xã hội ngày nay, chúng ta gặp những khó khăn mà cổ nhân chưa gặp. Người không tin tưởng nữa, một câu nói là họ phủ định ngay, mê tín, đây là mê tín, không hợp khoa học. Ngày nay dùng khoa học làm tiêu chuẩn, không phù hợp khoa học là mê tín, không phù hợp khoa học là không áp dụng, đây là vấn đề rất nghiêm trọng.

Bởi thế có nên làm mới lại thế giới này chăng, huỷ diệt rồi làm lại? Những thiên tai liên tiếp ngày nay, những thiên tai này, chúng ta đã dần dần nhận thức được, tai nạn toàn cầu, không phải một nơi nào, lúc nào thiên tai xảy ra? Hình như nó đang bắt đầu.

Chúng ta phát hiện trong báo cáo này, quý vị thấy chi chít những tiêu đề, toàn là những tiêu đề về thiên tai xảy ra trên thế giới, tháng ba có tám mươi hai lần, tháng tư có năm mươi chín lần, tháng năm có sáu mươi bảy, đã tăng lên. Tháng sáu có một trăm năm mươi lăm lần, tháng bảy một trăm bảy mươi sáu lần. Tháng tám này, tôi thấy có thể vượt qua hai trăm, nửa đầu tháng tám, từ mùng một đến mười lăm thánh tám, đã xảy ra một trăm lẻ sáu lần, vẫn còn nửa sau tháng tám, bởi thế chắc chắn sẽ hơn hai trăm lần. Tăng theo mỗi tháng, lần sau nghiêm trọng hơn lần trước, nó mang tính toàn cầu, mang tính phổ biến.

Vì thế trên thế giới ngày nay, nếu quý vị hỏi chỗ nào an toàn nhất? Tôi sẽ cho quý vị biết, tôi không lừa quý vị, niệm Phật A Di Đà là an toàn nhất. Nếu không niệm Phật A Di Đà, đi khắp cả quả đất, không nơi nào có thể an toàn, mà thiên tai lại thường xảy ra đột ngột, không có biểu hiện trước, xảy ra đột ngột.

Thánh Hiền, Phật Bồ Tát, linh giới đã cho chúng ta tin tức, cho chúng ta biết đây không phải một chuyện xấu. Trong quá trình tu hành, đây là nghịch tăng thượng duyên, giúp chúng ta nâng cao linh tánh. Mọi người biết thiên tai là cộng nghiệp và biệt nghiệp của chúng sinh mang đến. Nếu chúng ta và chúng sinh có cộng nghiệp này, muốn khỏi thiên tai, chúng ta niệm Phật, khi chúng ta đi, Phật A Di Đà đến tiếp dẫn chúng ta, quá tốt, chúng ta đến thế giới Cực lạc phương Tây, để làm Phật. Đây là điều chúng ta cầu nguyện mỗi ngày, sẽ đạt được mục đích. Nếu chúng ta với họ không cộng nghiệp, sau khi tai nạn đi qua, vẫn còn ở lại thế gian này, ở lại thế gian này, vẫn còn nhiệm vụ ở lại. Đó là sau tai nạn, tiếp tục công việc xây dựng lại trật tự thế giới này, quý vị phải gánh vác.

Phải dùng tinh thần Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, giúp thế giới này, đưa luân lí, đạo đức, nhân quả của giáo dục Thánh hiền khôi phục trở lại như cũ, bắt đầu làm từ đâu? Bắt đầu làm từ bây giờ, học tập kinh điển, nghe thật hiểu, thực sự hiểu được, thọ trì đọc tụng, y giáo phụng hành, diễn thuyết cho người.

Diễn là biểu diễn, biểu diễn Thập thiện nghiệp đạo; biểu diễn Tứ nhiếp, Lục độ; biểu diễn Phổ Hiền thập đại nguyện vương, biểu diễn bốn mươi tám lời nguyện của Phật A Di Đà. Khi đại nạn hết quý vị vẫn chưa đi, đây là sự nghiệp của quý vị, là công việc của quý vị, vì chuyện này nên mới ở lại thế gian. Bởi thế đều là chuyện tốt, không phải chuyện xấu, chuyện xấu đối với ai? Những người không học tập, họ không biết phụng hành, khi tai nạn đến kinh hoảng, sợ sệt, chúng ta thường gọi là chết khiếp, những người bị tai nạn đe doạ, đều là đến tam ác đạo, tại sao? Bản thân họ không làm chủ được, bản thân làm chủ được sẽ không đoạ tam ác đạo, đó là chuyện tốt. Người không thể làm chủ bản thân, tai nạn đến với họ là có thật, hiện tại chịu khổ nạn, kiếp sau đoạ tam đồ.

Nếu chúng ta thực sự hiểu rõ, hiểu rõ, minh bạch, từ hôm nay trở đi, nên phát tâm thực hành, phát tâm bbồ đề, nhất hướng chuyên niệm. Lấy ba câu giáo huấn của Thế tôn: *“Thọ trì đọc tụng, y giáo phụng hành, diễn thuyết cho người”*, phải nhớ thật kĩ ba câu đó, làm sao áp dụng ba câu này? Thực hiện Đệ Tử Qui, thực hiện Cảm Ứng Thiên, thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo, là áp dụng được, đấy mới thực sự đệ tử Phật. Quý vị đến thế giới này là vô lượng công đức, đến để cứu đời, cứu người. Nếu không như thế, quý vị đến thế gian này là để chịu quả báo, ngày trước đã tạo nghiệp gì, thì bây giờ phải chịu quả báo đó

Nhưng giáo lí Đại thừa, chúng ta có khả năng chuyển nghiệp báo thành thừa nguyện tái sanh, đấy mới là thực sự học Phật, học Phật thực sự lợi ích.

Tôi đầu thai nghiệp báo thân ở thế giới này, tôi xả bỏ thế giới này bằng nguyện lực thân, không phải nghiệp báo, chuyển nghiệp lực thành nguyện lực, nguyện lực là gì? Bồ Tát thừa nguyện tái sanh, không giống nhau! Bồ Tát tự độ, độ người. Tự mình thọ trì đọc tụng, y giáo phụng hành, đó là tự độ; Diễn thuyết cho người là độ tha, độ chúng sinh. Thực hiện được mười hai chữ đó, chúng ta mới thực sự là đệ tử Phật; Không làm được mười hai chữ đó, không phải thật, mà giả, không phải thật, có nghiệp báo, quý vị sẽ chịu quả báo đó.

Quí vị đồng học nên nhớ, tuy quí vị không xuất gia, nhưng vẫn thuộc một phần tử của tăng đoàn, quí vị thử nghiên cứu xem tăng có nghĩa là gì? Tăng không phải là người xuất gia, người xuất gia gọi là Tỳ kheo, ý của chữ tăng, ý chính của nó là đoàn thể, đoàn thể thế nào? Đoàn thể sống theo lục hoà kính, gọi là tăng đoàn, không tu lục hoà kính, không được gọi là tăng đoàn, tăng đoàn là đoàn thể tu lục hoà kính. Bởi thế xuất gia có thể tu, tại gia cũng có thể tu.

Cổ nhân xưng tăng với cư sĩ tại gia, rất đúng, có thể xưng tăng, họ tu lục hoà kính họ là tăng, không tu lục hoà kính, xuất gia cũng không thể xưng. Tại gia hay xuất gia đều có thể tu lục hoà kính, vì thế tất cả đều có thể xưng là tăng, phải hiểu vấn đề này. Tại gia, xuất gia, chúng ta đều nhận sự cúng dường của thiện tín tứ chúng, chúng ta làm công đức trong đạo tràng, không cần đãi ngộ cũng nhận sự cúng dường, đúng, ăn ở là cúng dường. Chúng ta ăn một bữa trong đạo tràng, uống một cốc nước, đó đều là cúng dường thường trụ, sự cúng dường của đại chúng mười phương.

Chúng ta cúng dường đại chúng, cùng lúc chịu sự cúng dường của đại chúng, là nhất thể, những điều này đã rất rõ ràng, như ban ngày. Chúng ta ngày nay là một phần của tăng đoàn, làm sao phải thực hiện được lục hoà kính, hai chữ trong lục hoà kính, một là kính, hai là hoà, cung kính vô điều kiện.

Kính là thành kính, kính là biểu hiện bên ngoài, bên trong là chân thành, không một chút dối trá, xem chúng sinh như thế nào? Phải học Thiện Tài. Thiện Tài làm được những điều giới kinh Bồ Tát đã nói, nghĩa là Bồ Tát xem chúng sinh: Tất cả con trai như cha ta, tất cả con gái như mẹ ta, tất cả chúng sinh là cha mẹ ta trong đời trước, chư Phật tương lai. Coi tất cả chúng sinh cha mẹ, coi là chư Phật, chư Phật tương lai, cha mẹ trong nhiều đời nhiều kiếp quá khứ của chúng ta. Tận mực hiếu đạo với tất cả chúng sinh, tận mực sư đạo với tất cả chư Phật.

*“Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng”,* là đối với tất cả chúng sinh, đây là Đại thừa, đây là Bồ Tát. Xuất gia thọ giới Bồ Tát, nhập vào hàng ngũ Bồ Tát. Giới Bồ Tát tại gia, cũng nhập vào hàng ngũ Bồ Tát. Bồ Tát hạnh không xa rời tam phước, tính quan trọng của tam phước nhất định phải biết.

Phật dạy rất rõ ràng, chánh nhân tịnh nghiệp quá khứ, hiện tại, vị lai, chư Phật ba đời. Bồ Tát quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả Bồ Tát tu hành thành Phật, đều phải nương vào ba điều này. Quý vị không nương vào ba điều này, chắc chắn không thể thành Phật. Tịnh nghiệp tam phước, là ba điều kiện cần phải đầy đủ để thành Phật.

Bởi thế khi chúng ta thành lập học hội Tịnh tông, hành môn qui định năm khoa mục, điều đầu tiên là tịnh nghiệp tam phước. Là nguyên tắc chỉ đạo tối cao việc tu hành của chúng ta, nếu không coi trọng nguyên tắc này, nghĩa là không có nền tảng. Nói cách khác, quý vị không có khả năng thành công, không thể không tạo nghiệp. Tạo nghiệp, nếu đến với giáo lí Đại thừa, đến trong đạo tràng thì không xứng đáng, tại sao? Quả báo rất nặng.

Tạo nghiệp trong đạo tràng chánh pháp, là huỷ diệt chánh pháp, là gây trở ngại chánh pháp, quý vị nghĩ tội đó nặng cỡ nào? Pháp đó có thể cứu thế giới, ta huỷ diệt pháp đó, khiến thế giới huỷ diệt, quý vị đã làm việc đó! Thực hiện việc đó không khó, quả báo tại địa ngục a tì, nhưng thoát ra được là cực kì khó, chư Phật Như Lai cứu không nổi quý vị, không thể không nắm vững vấn đề này.

Niệm Lão từ bi, chép lại tất cả kinh văn của năm bản dịch, để chúng ta thấy được. Chứng minh những lời này thực sự là từ miệng đức Phật nói ra, không phải lời người phiên dịch, không có ý của họ trong đó. Bởi thế ông nói: *“năm bản cùng đưa ra, đủ để chứng minh chính xác từ nguyên bản, không phải sai sót của bản dịch”.*

*“Hội chúng đương thời, liền thấy mọi thứ trang nghiêm y chánh của thế giới Cực Lạc, lại thấy chánh báo A Di Đà Phật, công đức nguy nga, tướng tốt chói sáng, thánh chúng vây quanh, giống như Tu di sơn vương, nổi lên giữa biển”*. *“Tu di”,* tiếng Ấn Độ, đây là một đơn vị trong thế giới, ngọn núi cao nhất, *“nói đầy đủ là Tu di lô sơn vương”.* Tu di lô chúng ta gọi là Tu di sơn, người Trung Quốc thích đơn giản.

*“Là một trong những mười ngọn sơn vương”,* kinh Phật nói có mười ngọn núi lớn, núi Tu di đứng đầu. *“Núi này không giống đất đá thế gian”,* ở đây nói không phải núi đất đá của thế gian, *“toàn do bốn thứ châu báu tạo nên”. “Nên nói: Không có tạp uế, những hình dáng khác, toàn là châu báu trang nghiêm”.*

Núi Tu di là trung tâm một tiểu thế giới, trung tâm của một đơn vị thế giới. Ngày trước có một số người nhầm lẫn, núi Tu di là núi Hymalaya, là dãy núi cao nhất thế giới. Trong kinh Phật thường gọi là núi Tuyết, núi Tuyết mới là núi Hymalaya, không phải núi Tu di, Núi Tu di không có trên quả đất. Kinh nói rất rõ ràng, mặt trời, mặt trăng xoay quanh triền núi Tu di, xoay quanh giữa núi Tu di. Ngày nay các nhà thiên văn học cho chúng ta biết, mặt trời, mặt trăng thực sự xoay quanh dải Ngân hà.

Lần đầu tiên tôi gặp Hoàng Niệm Lão, đã đề cập đến vấn đề này trong kinh, bởi thế ông nói với tôi, đơn vị thế giới trong kinh Phật nói, trên thực tế, hiện nay, là dải Ngân hà của nhà thiên văn phát hiện ra. Một dải Ngân hà là một đơn vị thế giới, một nghìn dải Ngân hà hợp thành mới gọi là một tiểu thiên thế giới. Lấy dải Ngân hà làm đơn vị, một nghìn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới, như thế một nghìn nhân một nghìn rồi nhân một nghìn là bằng mười ức. Bởi thế một đại thiên thế giới là mười ức dải Ngân hà, đấy thông thường là khu vực giáo hóa của một vị Phật.

Quý vị thành Phật rồi, thành Phật, phạm vi giáo hoá chúng sinh của quý vị rộng bao nhiêu? Nhỏ nhất là một tam thiên đại thiên thế giới. Tam thiên là Tiểu thiên, Trung thiên, Đại thiên, nói cách khác, phạm vi nhỏ nhất là mười ức dải Ngân hà, khu vực giáo hóa của Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật Thích Ca Mâu Ni, ứng thân diệt độ trên địa cầu này, nhưng chân thân của ngài không diệt độ, chân thân bất sinh bất diệt. Ứng hoá thân, trải khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, trong rất nhiều tinh cầu. Cách nói này rất hay.

Trung tâm dải Ngân hà là núi Tu di. Ngày nay biết rằng, trung tâm của dải Ngân hà là Hố đen, nhà thiên văn gọi là Hố đen. Năng lượng của Hố đen rất lớn, nó có thể hút hết ánh sang. Sang năm Ngân hà đối tề, vấn đề này mấy vạn năm mới gặp một lần. Nghĩa là trung tâm Ngân hà, chúng ta gọi là núi Tu di, mặt trời, quả đất đứng trên một đường thẳng, đấy gọi là Ngân hà đối tề. Lúc nào Ngân hà đối tề, quả đất sẽ có những thay đổi, theo nghiên cứu của các nhà khoa học, thay đổi này là gì? Là sức hút của Hố đen chính giữa dải Ngân hà, nó có sức hút cực lớn, sẽ tạo nên bão mặt trời, người xưa gọi là chấm đen mặt trời, sẽ kéo theo những trận bão mặt trời cực mạnh, những trận bão mạnh này sẽ ảnh hưởng đến quả đất.

Bão mặt trời có tính chu kì, mỗi mười một năm xảy ra một lần. Quan sát của người xưa mấy nghìn năm nay, thiên văn chí của mỗi triều đại đều có ghi chép. Phần lớn bão mặt trời đều gây ảnh hưởng đến quả đất, độ sau ba bốn ngày, chúng ta cảm nhận được những cơn bão này, nhưng rất ít, nửa giờ chúng ta cảm thấy bị ảnh hưởng, tình trạng đó rất ít, nhưng đã từng xảy ra, nửa giờ là đến quả đất. Nhà khoa học dự báo sang năm sẽ rất nghiêm trọng. Ảnh hưởng nhẹ nhất, là những vệ tinh do con người phóng lên từ quả đất, tất cả đều bị vỡ nát, có thể bị những trận bão mặt trời đẩy đi, mất dạng, sẽ làm ảnh hưởng đến tín hiệu vô tuyến của chúng ta. Cũng có thể, dẫn đến thay đổi từ trường quả đất, rắc rối này sẽ khá lớn.

Rắc rối này sẽ khiến ngành hàng hải, hàng không, những máy bay đang hoạt động mất phương hướng, không thể xác định phương hướng. Việc đó sẽ tạo nên sự hỗn loạn giao thông đường thuỷ, hàng không, nghiêm trọng hơn là sợ nó sẽ mang đến hiện tượng núi lửa tuôn trào, những trận sóng thần, những thảm họa này sẽ đặc biệt nghiêm trọng.

Những điều này còn đáng sợ hơn so với những gì điện ảnh chiếu trong bộ phim “2012”, đây là những vấn đề nhà khoa học cho chúg ta biết. Phật pháp gọi là, nói về con người đang sống trên trái đất, trải qua nghìn vạn năm nay, tạo tác những tội nghiệp như thế, trái đất quay từ khởi điểm này, rồi chuyển đến điểm khác, một ngày giống như chu kì một năm, chu kì này đến năm mới, năm mới sẽ thế nào? Ba mươi tháng chạp phải tính sổ, đến lúc đó thiện có thiện báo, có thiện quả; ác có ác báo, lúc đó sẽ xảy ra những thảm họa nghiêm trọng, thảm họa này, toàn được gọi báo ứng tự làm tự chịu.

Người học Phật hiểu rõ những chân tướng sự thực này, nhân khi chúng ta vẫn còn thở được, nên làm gì? Giải oan thích kết, chúng ta cùng với tất cả chúng sinh, nên hoá giải những oán đã kết, không nên làm những chuyện oan oan tương báo, tai sao lại kết thành những oán kết này? Đều do tự tư, cho mình là trên hết, mọi vấn đề đều xuất phát từ thân kiến đó, cho thân thể là của ta, đấy là căn nguyên của tất cả tội ác.

Bởi thế tu học Phật pháp, điều đầu tiên là bảo họ phá thân kiến, trong năm loại kiến hoặc, đầu tiên là phá thân kiến, thứ hai là phá biên kiến, biên kiến là đối lập. Thứ ba, thứ tư là phá thành kiến, tất cả những thứ này là hình như có mặt từ khi ta được sinh ra. Nó là cội nguồn để ta tạo mọi tội nghiệp, đầu tiên, thân kiến là gì? Là tự tư tự lợi, có ta thì không có người khác, thuận theo cái ngã của ta thì vui vẻ, nghịch với cái ngã của ta thì ghét bỏ, oán được kết như thế, kết thế nào? Càng kết càng nặng, đến cuối cùng trở thành báo thù, thủ đoạn báo thù đến lúc nào sẽ tàn khốc nhất?

Đời này quý vị hơn người, quý vị thắng họ thua, đời sau quý vị yếu hơn họ, họ thắng quý vị sẽ dưới cơ họ, đời đời kiếp không thể giải được kết này, bởi thế gọi là oan oan tương báo, không bao giờ ngưng. Đến đời nào, chắc khi gặp Phật pháp mới thấy được rõ, không dám làm những điều đó nữa, thực sự sám hối, hoá giải tất cả, đấy chính là lí do một người không thể ra khỏi luân hồi lục đạo, tại sao trong một thời gian dài chịu tội trong địa ngục, toàn là tự làm tự chịu! Không phải do người khác mang lại, nghĩa là do ý niệm của ta nhầm lẫn.

Phật dạy chúng ta ba thứ ý niệm nhầm lẫn, thứ nhất là tự tư, có ngã là tự tư, ta không thể không thừa nhận. Thứ hai là đối lập, đối lập là gì? Là sinh ra xung đột, sinh ra mâu thuẫn, kết oán cừu với người. Thứ ba là thành kiến, thành kiến là chấp chặt, tôi nói thế nào bạn phải theo tôi, không giống Bồ Tát, Bồ Tát hằng thuận chúng sinh, Bồ Tát không có thành kiến, không có đối lập, anh nói thế nào tôi sẽ theo anh, anh tạo nghiệp tôi không tạo nghiệp. Bồ Tát làm tấm gương sáng, nếu ta không muốn tạo nghiệp, muốn siêu việt luân hồi, cần phải học theo Bồ Tát.

Bồ Tát cái gì cũng tốt, không gì là xấu, tại sao? Bồ Tát biết vạn pháp giai không, không gì cả, tất cả đều giả. Bồ Tát không chi phối tâm người, không điều khiển ý tưởng mọi người, không chiếm hữu tư tưởng đó, đấy là những điều chúng ta phải học.

Tôi cảm kích đại sư Chương Gia, lần đầu diện kiến, câu thứ nhất ngài dạy tôi, *“nhìn thấu, buông bỏ”.* Chúng ta học sáu mươi năm, càng học càng thấy hai câu này là chân lí, thực sự trong Phật pháp, từ sơ phát tâm, đến Phật quả cứu cánh viên mãn, dùng phương pháp gì? Chỉ hai cách này. Nhìn thấu giúp ta buông bỏ, buông bỏ giúp ta nhìn thấu, hai cách này bổ sung lẫn nhau, giúp nhau thành công. Giống lên cầu thang, đi từ từ đến tầng cao nhất, chỉ có cách đó, nhìn thấu là gì? Hiểu rõ chân tướng sự thực.

Chân tướng sự thực, Kinh Bát Nhã nói rất chi tiết, Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện trên thế gian, chủ yếu là nói những vấn đề này, A Hàm là dự bị, Tiểu học, dạy cho ta luân lí, đạo đức, dạy cho ta cách làm người, khuyên ta làm một người tốt. Người tốt là không tạo oan oan tương báo, đấy là người tốt. Phương Đẳng là lớp dự bị của Bát Nhã. A Hàm và Phương Đẳng thêm hai mươi năm nữa. Nền tảng của hai mươi năm, lúc đó mới nói Bát Nhã cho chúng ta. Bát Nhã cho ta biết chân tướng, chân tướng là vạn pháp giai không, nói tất cả pháp không có gì, rốt ráo không, không thể được, quý vị sẽ buông bỏ hết, buông bỏ hết là thành Phật!

Không buông bỏ hết, đó chính là tiếp tục trong vòng luân hồi lục đạo, tiếp tục trong luân hồi đoạ tam ác đạo, tại sao? Chấp trước nhất, oán hận sâu nhất, không bao giờ tha thứ cho người, đó là con đường đi vào địa ngục! Buông bỏ tất cả, không còn gánh nặng nào nữa, sẽ nâng dần lên, giống như khí cầu, nâng lên cực điểm, sẽ nhập Thường tịch quang, không còn thân thể nữa. Thực sự mình là gì?

Tôi nghe một số người nói, dùng danh từ này rất hay *“linh quang”,* thực sự thân thể là linh quang, linh quang không có vật chất, không đâu không có, không lúc nào không có, có duyên thì hiện ra. Giống như Phổ Môn Phẩm nói: *“Bồ Tát Quan Thế Âm có ba mươi hai ứng”,* muốn dùng thân nào để độ, ngài hiện thân đó, không đâu không hiện thân. Không có duyên, không thấy thân, quay về linh quang, chỗ nào có duyên hiện chỗ đó, bởi vì nó không đâu không có, nó không lúc nào không có. Giống như truyền hình ngày nay, được truyền các kênh, quý vị có máy sẽ tiếp nhận được, ở đâu tiếp nhận, ở đó sẽ có hình ảnh.

Truyền hình là thứ rất ngu ngơ, nó hoàn toàn bị động, nó không thể tự động. Linh quang của ta sống động cực kì, thiên biến vạn hoá, có thể một nơi hiện nhiều thân khác nhau, có thể ở nhiều nơi khác nhau cùng hiện một thân giống nhau. Nhất định không khởi tâm động niệm, cảnh giới hiện ra là chúng sinh, tuỳ tâm chúng sinh, tuỳ theo số lượng, mà vẫn tuỳ duyên. Quý vị muốn gì liền hiện thứ đó, không khởi tâm động niệm. Chư Phật Như Lai ứng hoá ở thế gian, chư Bồ Tát ứng hoá ở thế gian, có khởi tâm động niệm không, nói quí vị rõ, không có.

A La Hán, Phật Bích Chi, Bồ Tát quyền giáo, thị hiện ở thế gian này có khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước. Phật thị hiện ở thế gian này, ngay khởi tâm động niệm cũng không có. Học Phật nên học từ điểm này, đó là Phật pháp cao nhất, rất khó để đạt được, phải hiểu vấn đề, khi hiểu bạn sẽ thấy được, trong đó không có mê tín.

Thời gian hôm nay đã hết, chúng ta học đến đây.

**Hết tập 546**

# Tập 547

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian:18.08.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị Pháp sư, quí vị đồng học, mời ngồi.

Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 708, hàng thứ năm, bắt đầu xem từ câu thứ hai.

*“Áng sáng chánh báo vô lượng,* *nên nói,* *soi tỏ rạng ngời”.* *“Y báo rộng lớn bằng phẳng, thanh tịnh an ổn, nên nói: thanh tịnh bình chánh”.* *“Thanh Văn, Bồ Tát vây quanh cung kính, nên nói Thánh chúng cùng ở”.* Mấy câu này là tổng kết y chánh trang nghiêm, chánh báo là Phật, Phật A Di Đà.

*“Ánh sáng vô lượng, tất cả trí tuệ, đức tướng đều xuất hiện từ trong ánh sáng, bởi thế soi tỏ sáng ngời”.* Y báo là thế giới Cực Lạc, rộng rãi bằng phẳng, phần sau còn thêm thanh tịnh an ổn, đây chính là nơi ở. Chúng ta cũng có thể nói, đến thế giới Cực Lạc là môi trường học tập của chúng ta, môi trường sống, môi trường học tập.

Nơi đó rất bằng phẳng, rộng rãi, không có núi cao, không có hang sâu, không có những thứ đó, đấy là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Nơi đó thanh tịnh, nghĩa là không có ô nhiễm, nó là cõi pháp tánh, không khác thập pháp giới. Thập pháp giới là do duy thức biến hiện ra, trong thức có ô nhiễm.

Tám thức, thức thứ bảy là ô nhiễm, nguồn gốc của ô nhiễm. Điều đầu tiên trong thức thứ bảy là ngã kiến, ngã kiến, ngã ái, ngã si, ngã mạn. Ái là tham, mạn là sân, bởi thế thức thứ bảy là tôi với tôi khởi lên cùng lúc. Tham sân si, đó là ô nhiễm, nguồn gốc của ô nhiễm, không thể chuyển thức thứ bảy thì không thể có tâm thanh tịnh. Khi chuyển được thức thứ bảy, sáu, bảy liền chuyển theo. Thứ thứ sáu là phân biệt, thức này chuyển được, liền minh tâm kiến tánh, Bồ Tát Sơ trú trong Kinh Hoa Nghiêm

Đại sư Thiên Thai nói họ là phân chứng tức Phật, họ là chân Phật, không phải giả. Họ dùng chân tâm, chuyển bát thức thành tứ trí, nhân địa thứ sáu và bảy chuyển, thì quả thượng của năm và tám chuyển. Bởi thế năm, tám không cần hỏi nữa, chỉ chuyển sáu và bảy, thì năm thức trước, và thứ tam liền chuyển theo. Có thể chuyển hai thức này, thức thứ bảy đã chuyển, tâm thanh tịnh có mặt. Thức thứ sáu chuyển, tâm bình đẳng có mặt, sau đó là đại giác, đại triệt đại ngộ, mấu chốt ở đây. Quý vị tu hành là tu những gì? Nghĩa là tu điều này.

Đại sư Chương Gia dạy chúng ta: Buông bỏ ngã chấp, buông bỏ pháp chấp, buông bỏ hai thứ chấp trước đó, vấn đề sẽ được giải quyết.

Chúng ta thấy, Phật Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện cho chúng ta thấy, rời xa gia đình năm mười chín tuổi, bỏ luôn ngôi vua, ra đi tìm đạo, sống cuộc đời của người tu hành. Ấn Độ tu đạo hình như tất cả những người tu hành chân chánh của tôn giáo đều đi khất thực, bởi thế Phật cũng phải giống như họ. Không đi khất thực, không tu khổ hạnh, người Ấn Độ sẽ coi thường, đã trở thành thói quen của họ. Thế Tôn tùy thuận phong tục tập quán lúc bấy giờ, nhưng so với việc tu hành của tôn giáo khác, vẫn tinh tấn hơn, mọi người nể phục!

Mười hai năm cầu học, thông thường chúng ta vẫn thường gọi là phần tử tri thức, hiếu học, học nhiều nghe rộng. Trí tuệ ngài rất tốt, chúng ta ngày nay nói: Thứ nhất là trí nhớ rất hoàn hảo, thứ hai là sức lí giải cực kì tốt. Trí nhớ tốt là do công phu thiền định và tâm địa thanh tịnh, còn như tâm địa tạp loạn sẽ không có trí nhớ. Tâm địa càng thanh tịnh, sức nhớ càng rõ ràng, không có tạp niệm. Quan trọng nhất là không có tư tâm, không có tư dục, đó là điều quan trọng nhất. Có tư tâm, có tư dục, rắc rối rất lớn. Một số người không thể thành công, chướng ngại lớn nhất là những điều này, nhưng bản thân họ không hiểu được.

Phật học đến năm hai, ba mươi tuổi, buông bỏ tất cả những thứ đã học được, cho ta thấy điều gì? Buông bỏ sở tri chướng. Sở học, ngày nay chúng ta nói, toàn là thường thức, toàn là tri thức.

Tôn giáo Ấn Độ có trí tuệ chăng? Có, nhưng không rốt ráo, tại sao vậy? Vì chưa kiến tánh, ngay Bà la môn giáo, đều là thuộc cảnh giới Tứ Thiền Thiên, Tứ Không Thiên, vẫn chưa ra khỏi luân hồi lục đạo. A La Hán đã vượt ra khỏi lục đạo luân hồi, tại sao không thể? Chưa đoạn hết phiền não kiến tư, nếu đã đoạn được phiền não kiến tư, sẽ vượt được luân hồi lục đạo, đến pháp giới tứ thánh. Tôn giáo thông thường chỉ đạt đến Tứ Thiền Thiên, đó là công phu tương đối, đến Tứ Không Thiên được xem là điểm cuối.

Tiểu thừa của Phật giáo chứng đến tam quả, đạo tràng tu hành của họ ở Đệ tứ thiền, Ngũ bất hoàn thiên. Bởi thế đệ tứ thiền là Phàm thánh đồng cư độ, đó là những vị Thánh nhân, tam quả Tiểu thừa là Thánh nhân, nó có phàm phu, cũng là phàm phu không thấy được Thánh nhân, Thánh nhân có thể thấy phàm phu, đó là Đệ tứ thiền. Lên cao nữa, Tứ không thiên, ngay thân thể cũng không cần nữa, đấy là cấp bậc cao nhất trong lục đạo.

Khi giới thiệu ở phần trước, tôi gọi là phàm phu cao cấp, không cần thân thể. Không cần thân thể, bớt đi nhiều rắc rối, có thân thể đòi hỏi phải có nơi cư trú, ở cõi Dục vẫn còn ăn uống, quý vị có thấy rắc chăng!

Tuy cõi Sắc không còn ăn uống, nhưng vẫn cần nơi cư trú, vì họ có thân thể, môi trường ăn ở. Đến cõi Vô sắc, không còn nữa, không còn thân thể nữa, bởi thế họ không cần môi trường cư trú, đấy là linh giới. Nó cũng có bốn tầng, công phu nông sâu không giống nhau. Nói chung, họ vẫn chưa ra khỏi luân hồi, rất nhiều người tu hành coi Tứ không thiên là Niết bàn cứu cánh, đấy là nhận thức sai lầm. Có người coi Tứ Thiền Thiên là Niết bàn, tất cả đều nhầm lẫn.

Tứ Không Thiên ở sau, tổng cộng có năm tầng trời, trong cõi trời đó, thực sự như kinh điển nói là Đại bát niết bàn, rất giống, rất dễ xảy ra ngộ nhận, đến đó rồi họ không biết phải phấn đấu thêm nữa. Thế Tôn là người rất thông minh, đến đó rồi ngài còn phấn đấu, phấn đấu nên đã đột phá, đột phá A La Hán, đột phá Tứ Không Thiên, đến cõi Thanh Văn, cõi Thanh Văn trong thập pháp giới.

Pháp giới Thanh Văn, đoạn được phiền não kiến tư, nhưng chưa đoạn được tập khí phiền não kiến tư, họ tu hành trong pháp giới Tứ thánh, tu những gì? Không ngoài buông bỏ, nếu sau khi đã buông bỏ tập khí, liền đoạn sạch hết phiền não kiến tư, họ thăng cấp, nâng lên đến Duyên Giác. Duyên Giác còn phải tu những gì? Duyên Giác phải buông bỏ phân biệt, tuy họ không còn chấp trước, nhưng họ vẫn còn phân biệt. Buông bỏ phân biệt, họ nâng lên thành Bồ Tát, nhưng vẫn chưa đoạn được tập khí phân biệt.

Bồ Tát phải buông bỏ tập khí phân biệt, khi đã đoạn tập khí phân biệt, họ sẽ thành Phật, Phật trong thập pháp giới, không phải chân Phật. Thiên Thai gọi là tương tự tức Phật, không phải Phật thật, gần giống, rất giống Phật, tại sao? Họ vẫn chưa đoạn hết vô minh, gọi là vô minh vô thỉ, vô minh vô thỉ là gì? Khởi tâm động niệm, là những gì Bồ Tát Di Lặc đã nói: Một búng tay có ba mươi hai ức trăm nghìn niệm, chưa đoạn được thứ đó.

Họ có biết chăng? Có biết, trong cảnh giới đó họ có nhìn thấy, khi đã thấy rồi liền buông bỏ. Không khởi tâm, không động niệm, cảnh giới hư huyễn đó sẽ không còn nữa, họ vượt ra thập pháp giới, đến nhất chân pháp giới. Kinh Hoa Nghiêm gọi là Sơ trú, Sơ trú Kinh Hoa Nghiêm, Sơ địa của Biệt giáo, đó là lúc thực sự đến được pháp giới Bình đẳng.

Chư vị thử nghĩ, không khởi tâm, không động niệm, tất nhiên không còn phân biệt, chấp trước. Bởi thế Thật báo độ là pháp giới bình đẳng, không có giai cấp, không có giai cấp tại sao đức Phật lại nói, họ còn bốn mươi mốt giai cấp? Chúng ta cần làm rõ điểm này. Thật có bốn mươi mốt giai cấp chăng? Có thực. Bốn mươi mốt giai cấp có hình tướng chăng? Không có, không tìm thấy dấu vết, tại sao? Mỗi giai cấp đều không khởi tâm, không động niệm.

Bốn mươi mốt giai cấp từ đâu mà có? Chúng ta đều biết có tập khí, quý vị xem phiền não kiến tư có tập khí, phiền não trần sa có tập khí, phiền não vô minh vẫn còn có tập khí, rất khó để đoạn tập khí. Tập khí kiến tư khá dễ đoạn, tập khí phiền não trần sa vẫn còn dễ, tập khí phiền não vô minh, không dễ đoạn được! Kinh đã dạy chúng ta ba đại a tăng kì kiếp, ba đại a tăng kì kiếp tu những gì? Đoạn tập khí vô minh, không cách nào đoạn tập khí vô minh. Kinh giáo Đại thừa thường nói, chỗ này dùng không đắc lực, tại sao? Khi ta dùng lực liền đoạ xuống dưới, dùng lực sẽ khởi tâm động niệm. Không khởi tâm, không động niệm, ta sử dụng phương pháp nào? Phải làm sao? Tuỳ nó, đừng để ý đến, tự nhiên sẽ hết.

Bởi thế cổ đức đưa ra thí dụ thật sắc bén, họ dùng bình rượu để thí dụ, như thế rất rõ ràng, mọi người chúng ta đều có thể hiểu. Trong bình đựng rượu, đổ hết rượu ra, không còn nữa, chùi thật khô ráo, thực sự không còn giọt nào, ngửi vẫn nghe mùi, mùi đó được ví như tập khí. Mùi rượu trong bình, lúc nào mới hết? Cứ mở nắp ra, để thật lâu sẽ hết mùi. Cứ để thế một năm, hai năm rồi ngửi thử, không còn nữa.

Bởi thế tập khí vô minh vô thỉ, quý vị đừng để ý, không phải là sự trở ngại, nó vốn không ngăn trở, cứ để thế là xong, trải qua thời gian sẽ hết. Thời gian đó phải cần ba a tăng kì kiếp, tự nhiên sẽ hết, khi hết được gọi là Diệu Giác. Bởi vì độ dày mỏng tập khí không giống nhau, người vãng sinh đến Thật báo độ, ta vừa mới đến, Sơ trú, tập khí còn nặng, dần dà tập khi sẽ nhạt dần.

Bởi thế tập khí được chia thành bốn mươi mốt giai cấp, chia như thế, không phải thật, có thật tập khí dày mỏng, không phải giả. Nhưng bất luận trí tuệ, đạo lực, thần thông, tướng hảo, giống nhau tất cả, bốn mươi mốt vị đại sĩ pháp thân, không khác gì nhau, hoàn toàn tương đồng, đoạn hết phiền não liền thành Phật, quả vị Diệu Giác.

Chứng đến Diệu Giác, Thật báo độ không còn thấy nữa, bởi thế Thật báo độ không phải là thật, Thật báo độ có mặt như thế nào? Tập khí vô minh vô thỉ có mặt. Thấy được vô minh vô thỉ là Phật của thập pháp giới, họ thấy được. Quý vị không thấy được, là do đoạn không hết nó, khi thấy được mới đoạn được nó. Bởi vậy nhất niệm mà họ buông bỏ, chính là nhất niệm trong một gảy mống tay có ba mươi hai ức trăm nghìn niệm. Buông bỏ nhất niệm đó, đều không còn nữa, vì thế gọi là nhất chân. Nhất niệm đó là gì? Nhất niệm đó gọi là niệm niệm liên tục, đấy chính là tâm sinh diệt.

Bởi thế thập pháp giới vẫn nằm trong cảnh giới tâm sinh diệt, nghĩa là có sinh có diệt, trong niệm đó có sinh có diệt, nghĩa là tướng được sinh ra từ niệm. Trong Thật báo độ không phải là niệm, không có ý niệm, bởi thế tướng đó là vĩnh hằng bất biến, hiện ra từ tâm, nó không còn duy thức.

Trong thập pháp giới có duy thức, có duy thức sẽ có thay đổi, liền có sinh diệt, căn bản của sinh diệt là ý niệm. Bột búng tay có ba mươi hai ức trăm nghìn niệm, nghĩa là sinh diệt đó. Sinh diệt đó ngày nay chúng ta có thể lí giải, sinh diệt đó cũng không nắm giữ được. Nhưng mỗi niệm của quý vị liên tục, tương tợ tương tục, không phải liên tục thực sự. Từ vô lượng kiếp đến nay chúng ta chạy theo cuộc chơi đó, chúng ta đã sai.

Những người ở pháp giới Tứ thánh họ học Phật, họ y giáo phụng hành, học rất giỏi, học rất giống, nên họ không ngừng được nâng cao. Chúng ta học không giống, không giống sẽ thế nào? Không giống nên vẫn cứ đoạ lạc, không lên cao được, quý vị học không giống. Vậy nếu hỏi, tại sao học không giống? Không buông bỏ, chỉ một câu ấy thôi.

Nói thật với quý vị, Phật pháp từ mới phát tâm đến Như Lai địa, đại sư Chương Gia nói rất chính xác, chỉ là buông bỏ, nhìn thấu. Ngày nay chúng ta nhìn không thấu, buông không được, bởi vì buông không được vì thế nhìn không thấu. Vì nhìn không thấu, nên buông không được, kinh giáo giúp cho chúng ta những gì? Giúp nhìn thấu, nhưng thế nào? Nhìn thấu một phần ta sẽ buông bỏ một phần, như thế thì công phu tu hành mới đạt kết quả, thực sự có kết quả.

Tập khí vô minh vô thỉ chúng ta quá nặng, nghe kinh có lúc hiểu được, nhưng ra khỏi giảng đường là quên hết, cảnh giới vừa hiện lập tức biến mất. Tập khí nặng quá, vì thế không hiệu quả, thế nào mới có thể đạt hiệu quả? Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, có kết quả, đấy là gì? Nó không cho tập khí phiền não của ta thẩm thấu vào, bất kể dùng công phu gì. Tuy Phật pháp có tám vạn bốn nghìn pháp môn, vô lượng pháp môn, nhưng nguyên tắc chung, cương lĩnh chung không ngoài ba cửa. Ba cửa này là Tam bảo, giác chánh tịnh, không thể ra ngoài ba cửa đó.

Giác là giác ngộ, đại triệt đại ngộ, Thiền tông dùng phương pháp này, Tánh tông dùng phương pháp này, cội gốc này phải thật vững. Bạn xem kinh giáo cũng nói, đại đức tổ sư cũng thường nói, người thượng thượng căn có phần, người trung hạ căn không được. Tâm người thượng thượng căn đã thanh tịnh, ngộ tánh rất cao, vừa nghe họ đã hiểu, hiểu rồi họ liền buông bỏ, họ phá mê ngay.

Loại thứ hai, loại này rất đông, đi vào từ chánh môn, chánh môn thuộc về giáo môn, rất qui cũ. Giống như chúng ta đi học vậy, tiểu học, trung học, đại học, nghiên cứu sở.

Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, thị hiện cho chúng ta là môn này, quý vị xem những hành động trong đời sống của ngài, là một phần tử tri thức, ở đây là biểu diễn cho chúng ta. Bởi vì phần tử tri thức chiếm đại đa số, con đường đó dài nhưng bằng phẳng, người trung hạ căn có thể học. Tuy đường rất dài, đời này qua đời khác, không phải tu hành một đời. Phải từ trong kinh giáo, sau khi đã hiểu rõ là thực sự buông bỏ, siêng năng, không thể biếng nhác.

Con đường thứ ba là tịnh, chuyên tu tâm thanh tịnh, đây là lối đi của Tịnh độ, lối đi của Mật tông. Mật và Tịnh độ đều tu thanh tịnh tâm, Mật còn thanh tịnh hơn Tịnh, Mật khó hơn Tịnh gấp nhiều lần. Bởi thanh tịnh của Tịnh tông là xa rời ô nhiễm, xa rời dễ được tâm thanh tịnh. Thanh tịnh của Mật tông là không rời nhiễm ô, thành tựu thanh tịnh tâm ngay trong ô nhiễm, thực sự thanh tịnh, là hoa sen trong lửa. Hoa sen trong Tịnh độ tông là hoa sen trong hồ, rất có gì kỳ lạ, hoa sen trong hồ. Hoa sen của Mật tông là hoa sen trong lửa, công phu cao hơn chúng ta rất nhiều, chúng ta không thực hiện được.

Tôi và đại sư Chương Gia, những điều này đại sư cho tôi biết, những kiến thức thông thường. Thầy nói với tôi, Bồ Tát không học Mật tông không thể thành Phật, học lúc nào? Sơ địa trở lên, ở đây là nói Biệt giáo, Sơ địa của Biệt giáo là sơ trú của Viên giáo. Nói cách khác, Mật này được học ở đâu? Học ở Thật báo trang nghiêm độ, Phương tiện hữu dư độ không được, chắc chắn đoạ lạc. Nếu tu ở Phàm thánh đồng cư độ, đa phần đều tu xuống địa ngục.

Thầy nói với tôi, Mật là hai con đường, một thành Phật và một xuống địa ngục, chân thật công phu! Bởi thế chúng ta không thể không kính trọng họ, nhưng có dám thử chăng? Không dám. Tạng mật truyền thừa bây giờ đã lộn xộn, dột từ nóc, phải sau khi hiển giáo thông đạt mới có tư cách học Mật. Cửa ải này chúng ta chưa thể đặt chân đến, hiển giáo chúng ta chưa thông, mức độ thấp nhất là phải đắc định, nếu chưa có công phu thiền định, làm sao được? Tất cả ngũ dục, lục trần, tiếng thơm, lợi dưỡng trong thế gian này, vừa tiếp cận liền bị vấy bẩn, bị lôi kéo.

Người ta giữ tâm trong một thế giới đầy biến động, không khởi tâm, không động niệm, cao minh! Bởi thế thanh tịnh của Mật tông thù thắng hơn Tịnh độ tông rất nhiều, tịnh tông, đến lúc nào mới có thể học Mật? Phải đạt đến lí nhất tâm bất loạn, sự nhất tâm vẫn chưa được, sự nhất tâm không giữ được, quý vị sẽ thoái lui, đến lí nhất tâm, không thoái chuyển nữa. Lí nhất tâm là gì? Lí nhất tâm là Bồ Tát sơ trú, Sơ trú Viên giáo, Sơ địa Biệt giáo. Nói cách khác, Mật là cuộc thi, ngày nào cũng kiểm tra, thi không đỗ sẽ quay trở lại, không giống Tịnh tông. Tịnh tông thi không đỗ không quan trọng, thi không đỗ sẽ đi đâu? Phàm Thánh đồng cư độ, cũng có thể là Bồ Tát bất thoái chuyển, đây là điều bất khả tư nghị!

Tám vạn bốn nghìn pháp môn, mỗi môn đều hâm mộ, không đỗ cũng được, đới nghiệp vẫn vãng sinh, những pháp môn khác không cho phép đới nghiệp, phải hiểu những vấn đề này.

Những gì được thấy ở thế giới Cực lạc, đó là thế giới bình đẳng, làm sao? Phương tiện độ và Thật báo độ bằng nhau, Đồng cư độ cũng bình đẳng với Thật báo độ. Đây là điều chưa từng được nghe, chưa từng được thấy, tại sao bây giờ chúng ta hiểu được. A Di Đà Phật đại từ đại bi, nhờ sự gia trì của oai thần bổn nguyện, oai thần bổn nguyện là gì? Nhờ phát bốn mươi tám lời nguyện và năm kiếp tu hành lúc ở nhân địa, công phu năm kiếp tu hành, công đức đó gia trì, quý vị đạt được lợi ích.

Giống như một người đầu thai, được làm thái tử trong một cung điện kia. Hoàng đế trong nhà, cha ta là hoàng đế, ông nội là hoàng đế, giàu sang bao nhiêu đời, ta cứ thoái mái hưởng thụ, người tiêu chuẩn là ai? Càn Long.

Quý vị xem sự giàu có do nhiều đời tham chính của Khang Hi, Ung Chính, họ sinh vào nhà đó để hưởng thụ. Chúng ta sinh đến thế giới Cực lạc phương Tây, cũng giống như tình cảnh đó. Phật A Di Đà trải qua năm kiếp kinh doanh vất vả, tích luỹ những phước báo, công đức, tướng hảo, chúng ta đến đó, hưởng thụ của ngài. Đạo lí này cần phải hiểu, và cần nói cho rõ ràng, sau này nếu có ai hỏi, tại sao chúng ta tu theo pháp môn này? Lí do là như thế. Lấy thí dụ vua Càn Long để nói, đó là ví dụ sinh động nhất, đó là thấy được cảnh thanh tịnh, an ổn của y chánh trang nghiêm. Bởi thế trong kinh có thanh tịnh bình đẳng.

*“Thanh Văn, Bồ Tát cung kính vây quanh”,* đấy là gì? Những vị này là học sinh, Bồ Tát, Thanh Văn trong thế giới mười phương vãng sinh. Bồ Tát là Thật báo độ, Thanh Văn là Phương tiện độ, không nghe nói sự có mặt thiên nhân. Thiên nhân là Đồng cư độ, tất cả là Thánh hiền, thực sự là Thánh hiền cùng ở, ở đó không có người phàm, phàm phu là gì? Thập pháp giới. Lục đạo gọi là nội phàm, pháp giới tứ thánh là ngoại phàm, phàm phu bên ngoài lục đạo, tại sao gọi phàm phu? Họ dùng A lại da thức, chưa chuyển thức thành trí, A lại da là vọng tâm. Người dùng vọng tâm là phàm phu, người dùng chân tâm là Bồ Tát, Phật.

Chuyển thức thành trí, đây là Bồ Tát thực sự, Phật chân thực, không phải Phật giả. Phật trong thập pháp giới được gọi là tương tự tức Phật, Bồ Tát Sơ trú trong Viên giáo là Phân chứng tức Phật, địa vị cao, họ chưa viên mãn, họ là phân chứng.

Cổ nhân dùng ánh trăng để thí dụ, mặt trăng là có thực, không phải giả, đó là mặt trăng vào đêm mùng ba, mùng bốn, trăng thực, không phải trăng giả. Tuy chưa sáng lắm nhưng ánh sáng đó có thực, không phải ảo ảnh. Quả vị Diệu Giác là trăng tròn, trăng đêm rằm, Đẳng Giác là đêm mười bốn, khuyết một tí, vẫn chưa tròn đầy, cách ví von như thế của cổ nhân chúng ta sẽ dễ hiểu hơn.

Chúng ta xem đoạn kế tiếp: *“A Nan và các chúng Bồ Tát”, “A Nan đương cơ”*, nghĩa là Phật nhắm đến A Nan, nói cho những người ở giai tầng này, chủ yếu nhắm đến họ để nói gọi là đương cơ. *“Các chúng Bồ Tát, là chỉ các chúng Bồ Tát, Thanh Văn, người, trời...”*. Chữ *“vân vân”* ở đây có nghĩa là những ai đã sinh đến thế giới Cực lạc phương Tây.

A Nan chứng Sơ quả, nếu vãng sinh đến thế giới Cực lạc, ngài là Phương tiện hữu dư độ, hạ phẩm hạ sanh trong Phương tiện hữu dư độ, địa vị như thế. So với thượng phẩm thượng sinh ở Phàm thánh đồng cư độ, ngài cao hơn một cấp. Khi ngài đến Phương tiện hữu dư độ, có nghĩa là Tu đà hoàn của tiểu thừa, Bồ Tát Sơ tín vị trong Thập tín của Đại thừa, nói theo tiêu chuẩn đó.

*“Nhờ ơn thấy sự tướng đẹp”,* nói theo lí là không thể thấy được. Thấy được tướng đẹp, thấy Phật A Di Đà, thấy thế giới Cực lạc, đấy là sự gia trì của oai thần Di Đà, và sự gia trì của Phật Thích Ca Mâu Ni. Nhờ sự gia trì của hai vị Phật, những người này đều thấy được.

*“Vui vẻ phấn chấn”,* thấy Phật tất nhiên năm vóc sát đất, chí thành, xưng niệm Nam mô A Di Đà Phật Tam Miệu Tam Phật Đà. Tam Miệu Tam Phật Đà là tiếng Phạn, *“cựu dịch chánh biến tri, tân dịch Đẳng chính giác, là danh hiệu thứ ba trong mười danh hiệu Phật*”. Chánh là chính xác, không sai sót, biến là rộng khắp, không gì không biết. Tất cả pháp thế xuất thế gian như chúng ta thường nói, không gì không biết, không gì không làm được, gọi là *“chanh biến tri”,* chỉ Phật mới có khả năng đó, Phật nào? Trên thực tế, nói với quí vị, Sơ trú Viên giáo là chánh biến tri. Kiến tánh rồi, minh tâm kiến tánh, chưa kiến tánh lấy gì chính biến tri? Kiến tánh là chánh biến tri.

*“Đẳng chánh giác”,* đẳng là bình đẳng, danh hiệu của Bồ tát. Chánh đẳng chánh giác, đẳng ở đây là bình đẳng với chư Phật Bồ Tát, tất cả chư Phật đều bình đẳng, chánh giác là Như Lai. *“Bởi thế, Nam mô A Di Đà Phật Tam Miệu Tam Phật Dà, tức sáu chữ hồng danh”,* Trung Quốc dịch thành Nam mô A Di Đà Phật, có nghĩa là sáu chữ hồng danh. Bởi thế, công đức Phật hiệu không thể nghĩ bàn.

Đoạn tiếp theo: *“chúng sinh lục đạo đều được nương nhờ, đều nhờ sự gia trì của Di Đà, ân đức của Di Đà”.*

Chúng ta xem kinh văn: *“Chư thiên, nhân dân”.* *“Chư thiên”* có hai mươi mốt tầng trời, *“nhân dân”* là cõi người. *“Cho đến loại côn trùng bay nhảy”,* đấy là súc sinh. *“Thấy ánh sáng đó, tất cả bệnh khổ, không còn thấy nữa, tất cả ưu não, không còn thấy nữa. Tất cả đều làm việc thiện với tâm từ, vui mừng phấn khởi”.* Đấy là những gì chúng sinh trong lục đạo thụ hưởng.

Phần dưới: *“Chuông khánh, đàn dây, loại nhạc khí sáo địch, không gãy tự nhiên phát ra ngũ âm”,* đấy là nhạc trời. Không cần bàn tay diễn tấu, tự nhiên phát ra âm thanh. *“Trong nước chư Phật, chư thiên nhân dân, mỗi người mang hoa, hương, đến nơi hư không, rãi ra cúng dường”.* Chư thiên mười phương đến cúng dường, những cảnh tượng mọi người đều thấy được, pháp hội trang nghiêm đến nhường nào!

Đoạn văn bên phải: *“Lại nói sự thành tựu nguyện thứ mười bốn của Di Đà, An vui khi tiếp xúc ánh sáng”.* Ở câu này Niệm Lão đã nói rất hay, tại sao có cảnh tượng thù thắng trang nghiêm như thế, đạo lí xuất phát từ đâu? Đó là bản nguyện Phật A Di Đà. Mọi người đều thấy khi Phật phóng quang, thấy là *“tiếp xúc”.* Chỉ cần tiếp xúc với ánh sáng của Phật, sẽ được an lạc, sẽ tiêu nghiệp chướng, tăng trưởng trí tuệ.

*“Trong lời nguyện: Thấy ánh sáng tôi, chiếu chạm đến thân, không ai bất an, từ tâm hành thiện”,* đây là lời nguyện thứ mười bốn. “*Ở chỗ đó, những người thấy ánh sáng đó, tất cả đều từ tâm hành thiện, hoan hỷ phấn khởi”.* Nhờ sự gia trì của oai thần bổn nguyện Phật A Di Đà, rõ ràng như thế.

*“Lại trong Phẩm Biến Chiếu Quang Minh”,* có đoạn thế này: *“Nếu trong chỗ cực kì khổ não của của tam đồ, thấy ánh sáng này, đều được ngưng lại. Nên nay nói: Loại côn trùng bay nhảy, thấy ánh sáng này, tất cả đau khổ đều ngưng lại, giải thoát tất cả mọi ưu não”*. Trong ánh sáng Phật, có nguyện lực bốn mươi tám lời nguyện Di Đà, có công đức của năm kiếp tu hành của Phật Di Đà, trong ánh sáng đó. Bởi thế ánh sáng của ngài thực sự có thể gia trì, công đức của ngài thù thắng quá, biến thành ánh sáng.

Ánh sáng của chúng ta vô cùng yếu ớt, không cách gì biến thành ánh sáng. Việc tu hành ngày nay của chúng ta, chân tu, thực tâm tu, có công đức, giống như ma sát. Người xưa cọ cây lấy lửa, một số vùng ngày nay vẫn sử dụng phương pháp này. Thổ dân ở Australia, khi một số tụ hội, họ đến biểu diễn, cọ cây lấy lửa. Chúng ta cũng có thể cọ, nhưng không đủ sức, mới nóng một tí, chưa thể phát lửa. Ánh sáng của Phật A Di Đà, đã soi chiếu rất rộng, đã phát ra ánh sáng. Chúng ta chỉ mới nóng một tí, sức nóng một tí đó cũng có thể hồi hướng, có thể gia trì, nhưng sức rất yếu. Nếu chúng ta không thực tâm tu hành, có thể một chút sức nóng cũng không, hồi hướng thế sẽ không có sức mạnh.

Bởi thế hồi hướng nên nghĩ đến dùng gì để hồi hướng, gia trì người khác, giúp đỡ người khác, lấy thứ gì, vấn đề này phải hiểu rõ.

Ngày nay, tôi ngày nào cũng hồi hướng, thấy rất nhiều nơi tổ chức tam thời hệ niệm, chủ công đức trong sớ đều viết tên chúng ta, đấy là gì? Đem tất cả công đức tu tập của chúng ta để hồi hướng, việc trước hết là chưa hỏi ý kiến chúng ta, nhưng họ đã mang đi hồi hướng. Nếu chúng mượn thí dụ này, liệu chúng ta có lấy công đức Phật A Di Đà, để hồi hướng chăng? Bản thân chúng ta không có công đức, dùng công đức của Phật A Di Đà để hồi hướng, ổn chăng?

Xét về lí thì có thể được, nhưng nếu xét sự, Phật A Di Đà chưa đồng ý, ít nhất là phải thương lượng với Phật A Di Đà, khi Phật đồng ý mới có thể làm, Phật không đồng ý, không được làm, phải hiểu vấn đề này.

Nhất định trong sớ viết tên mình, ai là chủ pháp, nên để tên họ, như thế họ phải là người chân tu. Dùng cách đó nghĩa là không có lòng tự tin, mình không tin những việc mình làm có công đức, nhưng làm theo khoa nghi, mượn danh nghĩa người khác.

Kì thực Tam thời hệ niệm Phật sự, là do quốc sư Trung Phong đề xướng, nhưng một số người cho rằng thiên này, không phải tự tay thiền sư Trung Phong viết. Người khác viết ra, lấy danh nghĩa của ngài, như thế cũng không liên can gì. Mượn danh nghĩa, nếu thiền sư Trung Phong thừa nhận, đấy là thật, không phải giả.

Bởi thế tôi dạy tam thời hệ niệm cho những người đồng học chủ pháp, khi thực hiện, nên lập một bài vị lớn ghi tên thiền sư Trung Phong, đặt phía trước, việc này nói lên điều gì? Ai chủ pháp? Thiền sư Trung Phong chủ pháp, người chủ pháp đại diện cho thiền sư Trung Phong. Thiền sư Trung Phong chủ pháp, là được, thực sự cúng cho bài vị của ngài, bạn lạy Phật, lạy Bồ Tát, đều lạy ngài. Mọi việc đều phải có lí, có sự, lí sự phải viên dung, mới đạt được kết quả.

Tôi nghe nói, hiệu quả mỗi lần làm Phật sự mang lại khá cao, đấy là chuyện tốt, điều đó cho thấy sự gia trì của công đức chân thật.

*“Nên nay nói”,* điều này được nói trong kinh, *“côn trùng bay nhảy”,* ở đây là những động vật nhỏ. *“Thấy ánh sáng đó, tất cả các bệnh khổ đều không còn nữa”*, thống khổ của chúng được tạm ngưng. *“Giải thoát tất cả ưu bi, khổ não”,* động vật nghe pháp, nghe kinh, niệm Phật. Trong đời quá khứ chúng đã làm người tu hành, trong thức a lại da của họ có một số hạt giống thiện.

Như Kinh Di Đà nói: *“Thiện căn phước đức”,* gặp được pháp hội, đó là nhân duyên, *“nhân duyên”* đầy đủ ba điều kiện*.* Một lần được đến trong pháp hội này, chúng có thể thoát được thân súc sinh, vãng sanh đến cõi lành, đó là việc thường xảy ra. Nếu đời trước tu Tịnh độ, thiện căn sâu chắc, người có thiện căn sâu chắc, tại sao lại đoạ ác đạo, trở thành súc sinh? Nhất niệm trước khi mất đã sai, nếu nhất niệm là tâm tham, họ đoạ vào ngạ quỉ; Nhất niệm sân hận, đoạ vào địa ngục; Nhất niệm mê hoặc, đoạ làm súc sinh, mê hoặc là ngu si.

Ngày nay chúng ta thấy những người vãng sanh, rất nhiều người vãng sinh, khi gần mất mê hoặc, ngay người trong nhà của họ cũng không hay. Nhiều người nói tuổi già thường mắc chứng hay quên, chứng hay quên là ngu si, mê hoặc, rất dễ đoạ làm súc sinh. Nếu họ còn thêm sân hận, có thể đoạ địa ngục, thêm tâm tham lam, tham luyến, có thể đoạ ngạ quỉ. Nghiên cứu cứu kinh điển Phật giáo Đại thừa nhiều, có thể phát hiện ra.

Bởi thế, săn sóc người già trong nhà nên thật chu đáo, tuổi già, nên để họ vui sống, không sinh phiền não, thế mới đại hiếu. Không để họ không thuận tâm với bất cứ điều gì, sinh muộn phiền, như thế không tốt, đấy là gì? Rất dễ sinh đường ác.

Học Phật tốt nhất, nếu học Phật tại gia, phải thể hiện được lòng hiếu đạo, tâm họ được hoan hỉ, không những độ được ông bà, mà còn độ được bạn bè, người thân, tại sao? Mọi người khi đến thăm, thấy thế, thấy ta hiếu thuận với bố mẹ, mọi người cảm thấy xấu hổ, liền học theo, tự hành rồi giáo hoá người. Giáo hoá người khác, thân giáo có ý nghĩa hơn ngôn giáo, thể hiện cho mọi người thấy, hay gấp mấy lần dùng lời nói để khuyên nhủ, mọi người thấy được mới động lòng.

*“Chuông khánh, đàn giây, sáo địch”,* chúng ta gọi những thứ này là nhạc trời trỗi trên không, tự nhiên phát tiếng. *“Nên nói: Không trỗi tự nhiên phát ra ngũ âm”*. *“Ngũ âm”,* ngày nay gọi là nhạc giao hưởng, không phải một loại nhạc cụ, sự kết hợp của rất nhiều loại nhạc cụ, nhạc giao hưởng. *“Người trời mười phương đến rãi hoa hương, cho thấy cảnh tượng thù thắng, vui vẻ”.* Tất cả mọi người trong chúng hội đều thấy cảnh tượng này, đều nghe được, đều thấy được, quý vị nói liệu không tin được chăng?

“*Trong kinh nói rõ thấy cảnh tượng tốt đẹp, thấy Phật, thấy sáng, thấy cõi nước...Thấy thân tướng Phật A Di Đà như Kim sơn, Phật phóng quang, thế giới Cực lạc cũng phóng quang”*. Tất cả những Bồ Tát ở thế giới Cực lạc, Thanh Văn, người, trời, cho đến cây cỏ hoa lá, núi sông rừng bể, tất cả đều phóng quang.

*“Hoặc vì đó quên mất trước tướng”,* Phật pháp Đại thừa không phải nói nên li tướng ư? Lìa tất cả tướng, ngưng tất cả pháp, thế giới Cực lạc đều trước tướng. *“Tiếc rằng ở đó chưa biết chỗ áo diệu của Tịnh tông”,* áo diệu của Tịnh tông ở đâu? *“Đương tướng tức đạo, ngưng sự là chân”,* có nghĩa là gì? *“Tướng tức vô tướng, vô tướng tức tướng”.* Hiện những tướng đó, người chứng quả, căn bản không khởi tâm động niệm, ai là người chứng quả? Người ở thế giới Cực lạc, người sinh đến thế giới Cực lạc, hạ hạ phẩm vãng sinh Phàm thánh đồng cư độ, đây là đới nghiệp, chưa đoạn được phẩm phiền não nào, họ là phàm phu chay. Nhưng họ được sự gia trì oai thần bổn nguyện Phật A Di Đà, thần thông, đạo lực, trí tuệ, đức tướng, của họ không khác gì Bồ Tát pháp thân.

Bồ Tát Pháp thân là Thật báo độ, Kinh Hoa Nghiêm gọi là 41 vị Đại sĩ Pháp thân, họ không khởi tâm động niệm. Như những gì đại sư Thiên Thai đã nói, phân chứng tức Phật, ở địa vị đó. Thấy những tướng đó, tướng tức vô tướng, vô tướng tức tướng, họ không còn chướng ngại.

Tướng là giả, không phải thật, giống như chúng ta xem những gì trên truyền hình, không phải ý nghĩa như thế ư? Tướng tức vô tướng, vô tướng tức tướng, màn hình truyền hình có tướng chăng? Không có, nhưng nó có thể hiện tướng, tuy hiện tướng, nhưng không thật. Trên màn hình, chắc chắn không có một chút nhiễm ô, khi tắt kênh thì không thấy gì nữa. Tắt mở kênh và có hình hay không có hình, hoàn toàn không liên quan đến nhau.

Từ đó có thể biết, những Bồ Tát Pháp thân này, Sơ trú trở lên, nhìn luân hồi lục đạo, giống ta xem truyền hình vậy, tức tướng li tướng, không một chút nhiễm ô, tại sao? Họ không khởi tâm không động niệm.

Đức Thích Ca Mâu Ni có mặt trên thế gian này, thị hiện cho chúng ta tám mươi năm, người Trung Quốc tính tuổi mụ. Người nước khác nói, Phật Thích Ca Mâu Ni viên tịch năm bảy mươi chín tuổi, người Trung Quốc nói tám mươi tuổi. Trong tám mươi năm đó, nếu chúng ta hỏi, Phật Thích Ca Mâu Ni có khởi tâm động niệm? Bây giờ chúng ta đã hiểu, không có, tám mươi năm đã xảy ra những chuyện gì? Tám mươi năm diễn trò, diễn cho ai xem? Diễn cho tất cả những con người trên địa cầu xem, đó là diễn trò, thực sự không có khởi tâm, không có động niệm. Diễn cực kì giống, ta không thấy sơ hở, diễn rất tốt, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, lấy tương đương làm đạo, lấy sự để nói chân. Nếu bỏ tướng lấy đạo, xa sự thấy chân, đó là giả, tại sao? Bạn lại phân biệt, lại chấp trước, sai lầm, cái thấy của phàm phu. Người ta thị hiện, từ nhập thai đến Bát niết bàn, không khởi tâm động niệm, làm sao lại phát sinh chuyện này?

*“Tuỳ tâm chúng sinh, biết được tất cả”,* đây là điều được nói trong Kinh Lăng Nghiêm. Chúng sinh có cảm, tự nhiên Phật có ứng, ứng này được gọi là pháp vốn như thế, là tự nhiên, không giống chúng ta. Chúng ta đầu thai đến thế gian này, đến thế nào? Đến bởi nghiệp lực, ta tạo nghiệp, cộng nghiệp với tất cả chúng sinh ở đây, nên đâu có thể không đến. Ta chịu sự chi phối của nghiệp, khi hết duyên ta không thể không chết, tất cả sinh tử đều do nghiệp lực làm chủ.

Phật Bồ Tát không có nghiệp lực, Phật Bồ Tát là cảm ứng, chúng sinh có cảm, họ có ứng. Khi hết cảm, họ bèn biến mất, đi mất, những ai có cảm? Người có duyên, Phật độ người có duyên, người nào có cảm ứng với Phật, họ đều thành tựu. Tựa hồ đều đến thế giới Cực lạc hết, bất kể tu pháp môn nào, rốt cuộc đều đến thế giới Cực lạc hết, đến thế giới Cực lạc là thành Phật. Phật không còn nữa, lời dạy của Phật còn lưu lại thế gian, lí do tại sao?

Khi Phật còn tại thế, một số người có duyên nghe Phật pháp, thấy được Phật Bồ Tát hay thấy được Thanh Văn. Nghĩa là thấy được Tam bảo, nghe được Tam bảo, tiếp xúc với Tam bảo. A lại da đã gieo những hạt giống đó, những hạt giống đó ở trong một vạn hai nghìn năm chánh pháp, tượng pháp, mạt pháp. Nếu gặp được pháp duyên, cũng có thể thành tựu, đạo lí là như thế.

Đấy chính là những gì đã nói phần trước, bấy kì một người vãng sinh nào, từng ở trong nhân địa cúng dường chư Phật Như Lai, thừa sự cúng dường, đây là điều không thể nhầm lẫn. Nếu chúng ta không phải ngày xưa, có nhân duyên trồng thiện căn này, không thể tiếp nhận.

Chúng ta giảng kinh ở HongKong, bao nhiêu người đến nghe? HongKong có mấy trăm vạn dân, những người đến đây nghe chúng ta, chưa đến vài trăm người. Ngồi chật giảng đường chúng ta mới được hơn trăm người, chưa đến hai trăm, huống gì lúc nào cũng còn ghế trống, nguyên nhân do đâu? Không có duyên, có duyên tự nhiên đến. Chẳng qua ngày nay chúng ta đang dùng internet, ta biết được nhiều người đồng tu đang học tập ở nhà thông qua internet. Người học qua internet đông hơn người đến giảng đường, tất cả đều là những người có duyên.

*“Tương đương tức đạo”,* những điều này phần sau Niệm Lão sẽ có tổng kết. *“Kinh này toàn là Hoa Nghiêm, cảnh giới sự sự vô ngại”,* đây nói về bốn loại vô ngại. *“Một hoa, một hương chỉ là hạt châu trong lưới trời Đế Thích. Mỗi mỗi đều viên minh, mỗi mỗi đều thắng diệu, mỗi mỗi đều là toàn thể nhất chân pháp giới. Viên minh cụ đức, bất khả tư nghị”*. Những câu này rất sâu sắc, ngày nay những câu này là triết học cao đẳng, khoa học cao đẳng, nhà khoa học ngày nay hiểu được.

Thực sự là sự sự vô ngại, *“một cây hương, một cành hoa chỉ là hạt châu trong lưới trời Đế Thích”*. Đây là thí dụ, Đế ở đây là trời Đế Thích, nghĩa là vua trời Đao Lợi, tầng trời thứ hai trong Dục giới. Người Trung Quốc gọi ngài là Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Cung điện của Thiên đế có la võng, chúng ta ngày nay rất khó hình dung những tấm lưới này, chưa từng thấy. Trung Quốc đại lục cũng có, nhưng ít. Nhật Bản có, bạn để ý khi tham quan tự viện Nhật Bản, trên nóc cột có những tấm lưới được dệt bằng tơ đồng, đấy chính là lưới, những tấm lưới này để làm gì? Bảo hộ nó. Bởi vì những cột có điêu khắc, bên trên đều có những tranh vẽ, sợ chim chóc vào làm tổ, bởi thế dùng tơ đồng. Ta nhìn không rõ, không sờ vào được. Có tác dụng giữ gìn, những kiến trúc cung điện cổ thường dùng những thứ đó.

Phước báo trời Đế Thích rất lớn, trong lưới có kết những viên ngọc báu, ngọc phát ra ánh sáng, châu trời Đế Thích, chỗ tiếp giáp với nhau đều gắn ngọc báu. Những viên ngọc này, mỗi mỗi đều phát sáng, mỗi mỗi đều đẹp đẽ. Châu báu, giống như cầu thuỷ tinh, nó phát sáng, viên này soi đến rất nhiều những viên khác. Rất nhiều viên châu đều phản chiếu vào một viên, ánh sáng trên mỗi viên châu soi chiếu lẫn nhau.

Giống như chúng ta ngày nay, ngày trước không có, mỗi lần có lễ lược, tết nhất, thường treo đèn kết hoa, ánh sáng những cây đèn năm màu phát rất đẹp mắt. Ánh sáng mỗi ngọn đèn toả chiếu xung quanh, ánh sánh xung quanh chiếu lại mỗi ngọn đèn, ánh sáng đan xen. *“Mỗi một đều là toàn thể nhất chân pháp giới”*, trong mỗi hạt châu, chiếu khắp đại điện, toàn ở trong đó.

Gần đây các nhà khoa học đã phát hiện ra hiện tượng này, gọi là ảnh lập thể, dùng tia la-de để chụp ảnh. Bạn xem những tấm ảnh đó, cắt thành hai tấm, hai tấm hình đều là toàn thể, nghĩa là một tấm trở thành hai tấm, cắt thành bốn tấm, một tấm thành bốn tấm, tất cả đều toàn thể.

Đây là điều trong giáo lí Đại thừa đã nói, mỗi hạt bụi nhỏ, nghĩa là một hiện tượng dao động, Bồ Tát Di Lặc đã nói: *“một cái búng tay có ba mươi hai ức trăm nghìn niệm”.* Nhất niệm trong đó, mỗi một nhất niệm, có tất cả hiện tượng của vũ trụ trong đó, mỗi mỗi đều có toàn thể nhất chân pháp giới.

*“Viên minh cụ đức”,* viên là viên mãn, minh là quang minh, cụ đức là tất cả y chánh trang nghiêm cõi hư không khắp pháp giới đều nằm trong một điểm đó. Tất cả những gì có trong vũ trụ, nó không thiếu bất cứ thứ gì, nó là viên mãn. Cái mà Bồ Tát Di Lặc nói, vật chất do nhất niệm biến hiện, là ngày nay nói đến lượng tử, tiểu quang tử. Trước đây Niệm Lão gọi là trung vi tử, nó lớn chừng nào? Nhà khoa học cho chúng ta biết, một trăm ức trung vi tử tập hợp lại, bằng một hạt điện tử. Chúng ta không thấy được điện tử, điện tử xoay quanh hạt nguyên tử, chúng ta cũng không thấy được, quý vị nghĩ nó nhỏ đến đâu. Trong một điểm đó, có toàn thể cả vũ trụ, không hơn không kém.

Đây là điều Phật pháp gọi là khoa học cao đẳng, gần đây các nhà lượng tử học mới phát hiện ra, kinh Phật đã nói cách đây ba nghìn năm, làm sao Phật biết được? Tận mắt Phật nhìn thấy, không cần những máy móc khoa học, thấy trực tiếp, nhìn thấy tất cả mọi vật chất trong thế giới với cả vũ trụ là một, không phải hai.

Một hạt bụi nhỏ, một sợi lông măng, trong đó có tín hiệu của cả vũ trụ chăng? Có, đầy đủ tất cả, không khiếm khuyết tí nào, đầy đủ quá khứ, hiện tại, vị lai, vì vậy nên gọi thế giới vi quan. Thế giới vi mô và thế giới vĩ mô là một, không phải hai. Không có lớn nhỏ, không có trong ngoài, không có trước sau, không có khoảng cách. Khoảng cách là không gian, trước sau là thời gian.

Nói để quý vị biết, không có thời gian, không gian, mỗi hạt bụi nhỏ, đều có đủ cõi hư không khắp pháp giới, ai có thể đến thế giới vi mô? Trước đây chúng ta đã học, Bồ Tát Phổ Hiền, ngài có thể đến thế giới vi mô. Phân thân, hoá thân vào thế giới vi mô, đễ lễ lạy, cúng dường, tất cả các Phật Như Lai cõi hư không khắp pháp giới, nghe kinh, nghe pháp, Bồ Tát Phổ Hiền làm được.

Phổ Hiền là Đẳng Giác, nói cách khác, Bồ Tát Đẳng Giác là người có thể làm được, thực sự là đầy đủ đức viên minh. Đức ở đây là đại viên mãn, bất khả tư nghị, chúng ta không thể tưởng tượng được. Đây là thật tướng các pháp, chân tướng của vũ trụ nhân sinh, không có gì không phải, cây cỏ hoa lá cũng như thế, núi sông rừng bể cũng như thế.

Đấy là chân ngã, phàm phu quên mất tự tánh, không nhận thức chân ngã, coi thân thể là ta, nhận thức giả ngã. Nếu nhận ra chân ngã, bạn sẽ biết mỗi một pháp đều là Như Lai, mỗi mỗi pháp đều là thân ta, là tự thể của chúng ta. Chúng ta đối lập về sự tướng, đem lại rắc rối, sai lầm hết, xung đột với ai? Tay trái xung đột với tay phải, đôi mắt đánh nhau với đôi tai, tim đấu nhau với gan, không phải như thế sao? Ai chịu thiệt? Bản thân chúng ta, chịu thiệt một cách oan uổng, tạo tác những tội nghiệp đều không phải thật.

Nói thẳng ra là toàn hiểu nhầm, tại sao hiểu nhầm? Hồ đồ, không thấy được chân tướng sự thực, không biết cõi hư không khắp pháp giới là chính mình, bạn hiểu tâm hiện, thức biến, tâm của ai? Tâm chúng ta, không phải của người khác, tâm người khác có thứ gì là của ta? Toàn là tự tâm mình biến ra.

Khi giảng kinh, Phật Thích Ca Mâu Ni, dùng ví dụ nhiều nhất là mộng huyễn bào ảnh, tại sao? Khi nằm mộng, mỗi người đều trải qua, dùng thí dụ đó rất gần gũi, dễ hiểu. Cõi hư không khắp pháp giới, thực sự như ta nằm mơ, cảnh giới trong mơ từ đâu mà có? Ý thức ta biến hiện ra, chắc chắn có mình mới có những cảnh tượng trong mộng, giống như đạo lí khởi nguồn của pháp giới, vũ trụ bắt đầu từ đâu?

Trong kinh Phật cho chúng ta biết, nhất niệm bất giác, nghĩa là dao động, đây là nghiệp tướng của a lại da. Từ trong hiện tướng dao động sinh ra chuyển tướng, ba tướng nhỏ trong a lại da, chuyển tướng, chuyển tướng là gì? Chuyển tướng là thức thứ bảy, hiện tượng dao động là a lại da thức, gọi là nghiệp tướng của a lại da, nhà khoa học gọi đó là năng lượng. Thức thứ bảy Mạt na, ngã kiến, ngã ái, ngã si, ngã mạn, từ đó lại biến hiện hiện tượng vật chất, cảnh giới tướng của a lại da.

Nằm mơ cũng như thế, cũng là bất giác, một ý niệm, tạo thành mộng. Điều đầu tiên trong mộng là ta, tiếp đến là cảnh giới trong mộng, đều là ảo ảnh do ý thức biến hiện. Bạn ở trong đó, nên không biết cả giấc mơ chính là ta, nhiều con người trong giấc mơ của đó toàn là do tâm ta biến hiện ra, tại sao? Quý vị không thấy gì nữa khi tỉnh dậy, ta tỉnh rồi họ có nữa chăng? Họ biến mất, hoàn toàn giống tất cả những hiện tượng của vũ trụ.

Cảnh tượng trong mơ là hình ảnh thu nhỏ, hiện tượng thu nhỏ, từ trong đó bạn có thể hiểu ra. Kinh Kim Cang đã nói: Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh. Như mộng, không sai tí nào. Nếu nhận ra điều này sẽ giác ngộ, cũng sẽ minh tâm kiến tánh.

Rất nhiều người tu hành trong quá khứ, đức hiệu gọi là Mộng Tham, họ lấy ý đó, thấy rõ cảnh trong mộng, bạn sẽ thành Phật, nghĩa là đã hiểu tất cả. Cảnh trong mộng nói lên hiện tượng gì? Tất cả hiện tượng nhất thể với ta, tất cả cảnh mộng là do tự tánh biến hiện, là bản thân ta. Tất cả con người trong mộng là ta, tất cả những sự vật trong mộng là ta, hư không là ta, trời đất là ta, núi sông rừng bể là ta, cây cỏ hoa lá là ta, không thứ gì không phải là ta. Xa rời ta, sẽ không nắm được một pháp nào cả, tại sao phải chia ta, chia người, tạo nên những rắc rối, tạo bao nhiêu tội nghiệp. Cảnh mộng thấy rõ cụ đức viên minh, cho thấy mỗi mỗi đều là toàn thể pháp giới nhất chân.

Chúng ta tiếp tục xem đoạn sau: *“Lúc đó thế giới Cực lạc, qua khỏi phương Tây, trăm nghìn câu chi na do tha nước. Nhờ oai lực Phật, như ngay trước mắt, như mắt Tịnh thiên, nhìn một tầm đất, khi thấy nước đó, cũng y như thế. Liền thấy thế giới Ta bà, Như Lai Thích Ca, và chúng Tỳ kheo, vây quanh thuyết pháp”.*

Quý vị thấy mọi người đã thấy thế giới Cực lạc, cư dân thế giới Cực lạc cũng thấy bên này, tuyệt! Ngày nay chúng ta nhờ truyền hình mới thấy được họ, những người trên truyền hình không thấy chúng ta. Ở đây Phật còn cao minh hơn truyền hình, ngài có thể đưa cả thế giới đó cho chúng ta thấy, những cư dân ở đó thấy chúng ta, chúng ta có thể nói chuyện.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Lão: *“Qua trăm nghìn câu chi na do tha cõi nước phía Tây”*, phần trước có chú. Quá là vượt qua, qua phía Tây, đi qua phía Tây lại có thế giới, còn có vô lượng vô biên, vô số thế giới.

Bên dưới nói tiếp, “Cực lạc không rời tự tâm, là lí. *Qua khỏi trăm nghìn câu chi na do tha cõi nước phía Tây, là sự. Lí sự vô ngại”*. Trăm nghìn câu chi là bao nhiêu, phần trước có nói, được nói trong Kinh Di Đà, mười vạn ức cõi nước Phật, ở đây đã nói ra: *“Cách mười vạn ức, tức ngay trước mắt”*.

Thế giới chúng ta đây, cách xa thế giới Cực lạc, giữa đó có mười vạn ức cõi nước Phật, na do tha nước, điều này được nói rất chính xác trong kinh văn. Cách mười vạn ức là thí dụ, trên thực tế, mười vạn ức cõi nước Phật ở ngay trước mắt. *“Nên Quán Kinh nói: Phật A Di Đà cách đây không xa”*, tại sao? Vì không rời tự tánh. Đừng nói mười vạn ức cõi nước, thêm gấp mười lần, thêm gấp trăm lần, thêm gấp nghìn lần, vẫn không rời tự tánh, tự tánh lớn bao nhiêu? Lớn không có gì nằm ngoài, không có điểm dừng; nhỏ không có gì nằm trong.

Lớn là danh từ của nhà khoa học ngày nay nói về vũ trụ vĩ mô, nhỏ là thế giới vi mô. Trong Phật pháp nói, vĩ mô và vi mô là một, không phải hai, điều này khoa học chưa nói, Phật pháp đã nói rồi, tại sao không hai? Tự tánh không hai, toàn do tự tánh hiện ra, không rời tự tánh, về lí không có, về sự có hai, về lí không hai.

Bởi thế nói khoảng cách, ở đây là Phật nói, lời của Phật Thích Ca Mâu Ni. Thế giới Ta Bà đến thế giới Cực lạc, thế giới Cực lạc nằm phía Tây thế giới Ta Bà, cách mười vạn ức nước Phật. Thực tế, mười vạn ức nước Phật nằm ngay trước mặt, tại sao? Không còn khoảng cách, không có không gian, ngay tại giây phút này.

Quí vị thử nghĩ, Cực lạc và Ta bà, có phải trong nhất niệm chăng? Bồ Tát Di lặc đã nói nhất niệm, một búng tay có ba mươi hai ức trăm nghìn niệm. Chúng ta tính thử, một giây một nghìn sáu trăm triệu niệm, một niệm là một nghìn sáu trăm triệu trên một giây. Cực lạc, Ta bà, cõi nước chư Phật vô lượng vô biên trong mười phương, đều nằm trong nhất niệm đó. Bởi thế, nhất niệm triển khai hiện khắp cõi hư không khắp pháp giới.

Giống thế giới Hoa Tạng được nói đến trong Kinh Hoa Nghiêm, vô lượng vô biên, quay đầu lại thấy như hạt bụi. Trong kinh lấy thí dụ chấm nhỏ như hạt bụi cọng lông, đấy không phải là lượng tử sao? Chấm nhỏ trong một hạt bụi cọng lông, mỗi chấm nhỏ đều đầy đủ cõi hư không pháp giới, không thêm không bớt, vũ trụ vĩ mô không hơn một chút, thế giới vi mô không thiếu một chút, không thêm không bớt.

Vi mô có điểm dừng chăng? Không có điểm dừng, gọi là trùng trùng vô tận. Vĩ mô không có biên giới, vi mô không có điểm dừng. Đấy là tự tánh, đấy gọi là pháp vốn như thế, vốn là như thế, tự tánh vốn như thế, đến lúc nào quý vị hiểu rõ, minh bạch? Kiến tánh sẽ thấy rõ, tại sao? Không thể dùng tư duy để tưởng tượng, tư duy tưởng tượng là giả, vọng tâm. Tư duy của thức thứ sáu là phân biệt, tư duy thức thứ bảy là chấp trước. Có thể dùng tư duy để tưởng tượng, là hai thức sáu và bảy khởi tác dụng.

Tiền ngũ thức có liễu biệt, không có phân biệt, không có chấp trước. A lại da cũng không có phân biệt, cũng không có chấp trước, phân biệt chấp trước là thức thứ bảy, thứ sáu. Bởi thế ta không thể chuyển được tiền ngũ thức, a lại da cũng không thể chuyển, cái có thể chuyển được là thức thứ sáu và bảy. Khi chuyển được thức thứ sáu và bảy, thì thức thứ năm và tám liền chuyển theo, tự động liền chuyển theo. Gọi là chuyển bát thức thành tứ trí, đấy là chân tướng sự thực Phật đã cho chúng ta biết.

Bát thức là năng biến, chuyển thành tứ trí thì không biến nữa, không còn bát thức. Bởi thế những hiện tượng này, pháp giới nhất chân này, vĩnh hằng bất biến. Cư dân ở thế giới Cực Lạc không già yếu, bất kể tuổi tác lớn đến mấy, diện mạo vẫn như thế. Cư dân thế giới Cực lạc không mắc bệnh, họ không cần ăn uống. Thế giới Cực lạc không ô nhiễm, không bụi bặm, núi sông quả đất đều làm bằng châu báu, đều phát ra ánh sáng.

Phần tiếp theo nói: *“Hội chúng chân thành cảm ứng nên”,* mấu chốt là ở chữ *“thành”,* thành là gì? Chân tâm, chân tâm mới cảm được, huống gì được *“oai lực của Phật gia trì”.* Phật lực ở đây là sự gia trì của hai vị Phật Thích Ca Mâu Ni và Phật A Di Đà, làm cho *“hai nước tịnh, uế, cùng hiện trước mắt”.* Thế giới Cực lạc là tịnh độ, nơi ta cư trú đây là uế độ, khiến ta thấy rõ ràng như ban ngày.

Kinh văn nói: *“Như mắt trời Tịnh nhìn một tầm đất”,* như mắt trời Thanh tịnh nhìn gì? Thấy trước mắt, một tầm là tám tấc, có thể nói chưa đến một trượng, cho thấy gì? Cho thấy ta sẽ thấy rất rõ ràng, khoảng cách chưa đến một trượng.

Phần tiếp theo rực rỡ hơn nói: *“Thánh chúng ở nước đó, đều thấy Thích Tôn ở thế giới này, trong hội chúng, nói Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh này”.*

Hội Tập của Hạ Lão cư sĩ, khi thế giới này vẫn chưa xuất hiện, cư dân thế giới Cực lạc đã nhìn thấy Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp ở thế giới này, giảng kinh gì? Giảng Vô Lượng Thọ Kinh, giảng bản nào? Giảng bản Hội Tập này, bạn có tin chăng? Liệu tin được chăng? Có lí luận nào để căn cứ? Lí luận căn cứ là không rời tự tâm, đó là lí. Nếu thực sự hiểu không rời tự tâm, sẽ không còn hoài nghi, tại sao? Không có trước sau, nghĩa là không có thời gian, không có khoảng cách, không có không gian.

Nếu ngày nay chúng ta có nhân duyên thù thắng, thấy được Phật A Di Đà, giống như khi Phật đang giảng kinh, giảng đến đoạn này, cảnh giới hiện ra. Khiến chúng ta nghĩ đến, đại sư Trí Giả đọc Kinh Pháp Hoa, đọc đến Phẩm Dược Vương, ngài nhập định, nhập định trong bất tri bất giác, cảnh giới hiện ra khi đang nhập định, Phật Thích Ca Mâu Ni, giảng Kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu. Có thể nói bản thân ngài đã tham dự vào hội đó, trong giảng đường đó. Khi xuất định, nói với đại chúng, Phật Thích Ca Mâu Ni đang giảng Kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu, vẫn giảng chưa xong, đang giảng.

Chúng ta tin đại sư Trí Giả không lừa ai, truyền bá rất thịnh ở Nhật Bản, nói đại sư Trí Giả là Phật Thích Ca Mâu Ni ứng hoá. Một nghìn ba, bốn trăm năm trước, ở Trung Quốc, hiện thân dưới thân phận một Tỳ kheo, Thích Ca lại đến. Thích ca hiện nay còn chăng? Về mặt lí luận kinh điển thì ngài vẫn sống, không những ngài còn sống mà rất nhiều vị Phật Bồ Tát vẫn còn. Hiện thân gì chúng ta không thể biết được, nam nữ, lão thiếu, tại gia, xuất gia, quí ngài đều có thể hiện. Thân phận các ngài không lộ rõ chúng ta không thể biết được.

Phật Bồ Tát từ bi, chúng sinh tạo bất kì tội nghiệt gì, Phật Bồ Tát, tâm của các ngài tuyệt đối không bao giờ trách cứ, tại sao? Nhất thể, chúng ta đã hiểu rõ, bộ phận nào trên cơ thể chúng ta đau nhức, khó chịu, có trách nó chăng? Không thể nào, lập tức tìm cách đưa nó về trạng thái bình thường, khiến nó lành lặn, đó là gì? Chân tâm, quý vị đã giác ngộ, cõi hư không khắp pháp giới là do chân tâm biến hiện ra, đối với những hiện tượng này, làm sao có phân biệt? làm sao ta có thể chấp trước? Có phân biệt, có chấp trước là sai, mê hoặc, mê hoặc nên đến độ như thế.

Bởi thế trong tâm Bồ đề, chỉ có một thứ Bồ đề, từ bi. Huỷ báng ta, làm nhục ta, sát hại ta, ta vẫn từ bi với họ, không có ý niệm nào nữa, nếu quý vị thắc mắc tại sao? Tự tâm hiện ra, nó không vào từ bên ngoài, quý vị với nó là nhất thể, là của mình, là thực, không phải giả. Phật A Di Đà là tâm ta, tâm ta là Phật A Di Đà, đấy không phải là lời điêu toa, tự tha không hai, tự tha nhất như.

Đây là giáo nghĩa Đại thừa, đây là đại cương của Đại thừa, phải thực sự hiểu rõ. Khi đã ngộ nhập, lòng rộng mở, bạn rất tự tại, không còn vọng niệm nào nữa, thanh tịnh bình đẳng giác giác có mặt ngay nơi ta.

Thôi, thời gian hôm nay đã hết, chúng ta học đến đây.

**Hết trang 547**

# Tập 548

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian:19.08.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị Pháp sư, quí vị đồng học, mời ngồi.

Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, hàng thứ sáu, trang 710. Từ *“Kinh A Di Đà nói pháp môn này là pháp khó tin trong tất cả thế gian”,* đây là kinh văn trong Kinh Di Đà.

*“Tình chấp của chúng sinh thời mạt pháp sâu nặng, với diệu pháp tối cực viên đốn, hhất thừa liễu nghĩa, cứu cánh phương tiện, không thể tin được, trái lại sinh nghi ngờ phỉ báng”.*

Đoạn này cho chúng ta thấy, trong hoàn cảnh đương thời, tồn tại những vấn đề rất nghiêm trọng. Không phải không có nhân duyên, nhân duyên rất thù thắng, gặp được Phật pháp, gặp được pháp môn này, gặp được bộ kinh này, đó là nhân duyên, như Kinh Di Đà nói: *“Không thể thiếu thiện căn phước đức nhân duyên”.* Nhân duyên chúng ta đều rất thù thắng, đều gặp được, đây là nhân duyên rất ít gặp được. Đích thực, không phải tất cả chúng sinh đều có thể gặp. Nghìn vạn kiếp đến nay, đời này sang đời khác, bao nhiêu Bồ Tát muốn gặp cơ duyên này, mà không gặp được. Ngày nay chúng ta đã gặp được, gặp được mà để vuột mất, nguyên nhân ở đâu? Không tin, nửa tin nửa ngờ. Đây là con đường mà bản thân chúng ta đã từng bước qua, dấu ấn của chúng ta đã quá sâu đậm.

Tôi đã rất nhiều lần nói với những bạn đồng học, tôi có niềm tin với Tịnh tông là sau hai mươi năm học Phật. 20 năm học Phật đầu tiên chưa có lòng tin. Thoạt tiên là bài xích, hiểu nhầm, cho đấy là lời dạy dành cho những ông bà cụ, đấy là lời dạy của Thế Tôn dành cho những người ngu muội. Họ là những người không có văn hoá, không có trình độ, Phật dùng pháp môn này để ru ngủ họ, nhìn pháp môn Tịnh độ với thái độ như thế.

Sau này khi thân cận pháp sư Sám Vân, Pháp sư sám Vân, tôi ở trong núi với ngài nửa năm, ngài dạy tôi đọc ba bản chú giải kinh Di Đà: Sớ Sao của đại sư Liên Trì, Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích, Viên Trung Sao của đại sư U Khê, lại còn bảo tôi vẽ những khoa phán của những vị này thành biểu giải. Khi tôi làm xong khoa phán, cảm thấy rất kinh ngạc, khoa phán là gì? Là kết cấu chương pháp kinh văn của một bộ kinh. Hoàn mĩ như thế, mới thấy được người Trung Quốc gọi là văn chướng thứ nhất, làm đến trình độ nào? Bạn không thể thêm được một chữ, thêm một chữ là thừa, có thể bị cắt bỏ; Không thể bớt một chữ, bớt một chữ nó bị đứt gãy, không liền mạch. Làm được kết cấu chương pháp như thế, văn chương đệ nhất đẳng! Trong kết cấu chương pháp, bạn sẽ thấy được nguồn mạch tư tưởng, rất mạch lạc. Đối với kinh điển chúng ta không thể không khâm phục.

Những quân tử Thánh hiền thời cổ đại, đối với văn chương của họ. Dùng cách đó mới thực sự thấy được tài văn chương của họ, tài ở đâu, ta có thể nói ra được. Ngày nay một số người viết văn không hay, không hay ở chỗ nào, ta cũng có thể nói ra được. Ta có cách nhìn về khoa phán, có thể phát hiện ra.

Vậy khoa phán có tác dụng như thế nào? Khoa phán là để giải thích kinh, chỉ cần khoa phán là hiểu được, không cần chú giải nữa, tại sao? Khoa phán là chú giải, chú giải sống, chú giải văn tự là chú giải chết, khoa phán là sống. Nghĩa là ta hiểu đoạn này, ý của câu này, hãy cố gắng phát huy. Chỉ cần không xa rời dụng ý của nó, chắc chắn sẽ không hiểu nhầm, đó là chú sống, bởi thế ai biết giảng kinh? Người xem chú giải không biết giảng kinh, biết giảng kinh là người đọc được khoa phán. Vậy nên bắt đầu học kinh giáo từ đâu? Bắt đầu từ khoa phán.

Khi học cùng Thầy Lí ở Đài Trung, những thứ thầy dạy tôi chính là phương pháp này, những đồng học có thể hiểu được, người có thể lãnh hội không nhiều. Suốt đời thầy dạy học không bản thảo, nghĩa là khoa phán, biểu giải, đại cương, họ sử dụng những thứ đó. Khi còn trẻ, cũng theo đuổi công việc này. Bởi thế bất cứ nơi nào mời tôi diễn giảng, trước hết là viết đại cương, đại cương đặt trên bàn rất mạch lạc, không cần viến bản thảo, viết bản giảng nháp là thứ đã chết. Nhưng viết bản giảng nháp, ai khi đọc cũng có thể hiểu, dùng sườn bài bằng phương thức khoa phán, không phải người trong cuộc đọc không hiểu.

Bởi thế thực sự pháp khó tin của cả thế gian, tin những thứ khó tin nên gọi là thiện căn. Có thể thực hiện những việc khó gọi là phước đức, *“Không thể thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên có thể sinh sáng nước đó”.* Nói cách khác, vãng sinh thế giới Cực Lạc phương tây, điều kiện cần có là tin những thứ khó tin, làm những việc khó làm.

Giải, giải được bao nhiêu thì tính bao nhiêu, không quan trọng, quan trọng nhất là tin và làm. Thực tế giải là để giúp tin và hành, không giải cũng có thể tin, có thể hành. Thiện căn và phước đức người đó rất sâu dày, chắc chắn sẽ thành tựu. Nói cách khác, việc niệm Phật của họ chắc chắn sẽ vãng sinh.

Cả tin và hành đều khó, tin rất khó, hành còn khó hơn, nguyên nhân ở đâu? Ở đây đang nói về nghiệp chướng, nghiệp chướng rất nặng nhưng chúng ta không biết. Từ tin và hành, mới có thể tìm ra được nghiệp chướng của mình, thực có nghiệp chướng. Học Phật bao nhiêu năm vẫn không tin, hiện tượng này tôi đã nói với các đồng học, đây là hiện tượng bình thường, tại sao vậy? Ta là phàm phu, phàm phu là như thế. Nếu có thể tin những chuyện khó tin, khó làm vẫn làm được, vậy ta không phải là phàm phu. Nói ta không phải Thánh hiền, thì cũng là người tái sanh, chắc chắn không giống những người phàm phu khác. Thông thường phàm phu là không thể tin, nửa tin nủa ngờ, không thể phụng hành, đấy là phàm phu thông thường.

Phía dưới mấy câu nó rất hay: *“Tình chấp chúng sinh của thời mạt pháp sâu nặng”*, tình là gì? Tình là mê, đổi một chữ, mê chấp sâu nặng sẽ dễ hiểu hơn. Cách nói này rất khách khí, rất hàm súc, tình là mê.

Mê tình, lí trí đây là tương đối, thực sự tình chấp qúa nặng, tình chấp quá nặng đồng nghĩa mê quá sâu. Quý vị thấy người ta dùng chữ quá hay, dùng văn tự rất đẹp, có nghĩa gì? Tình chấp quá sâu, mê rất nặng, mê quá sâu, có nghĩa như thế.

Bởi vậy đối với *“tối cực viên đốn”,* đây là pháp thứ nhất trong Phật pháp, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Bát Nhã, không thể bằng nó được. Tròn đầy, đốn là gì? Đốn là đốn ngộ, đốn chứng, hãy xem pháp môn này, đốn xả, đốn ngộ, đốn tu, đốn chứng, không có trước sau. Ta có thể thành tựu ngay trong đời này, thành tựu vô thượng Bồ đề. *“Nhất thừa liễu nghĩa”,* bộ kinh này là kinh điển thành Phật, Nhất thừa là thành Phật. Không những liễu nghĩa, liễu nghĩa rốt ráo. *“Diệu pháp cứu cánh phương tiện”,* tại sao? Nó rất dễ.

Những ông bà mù chữ, chưa từng nghe Phật pháp, ta bảo họ niệm Phật, niệm được, niệm rất chân thật, tại sao họ thành tựu lớn lao như thế? Thành tựu một cách nhanh chóng như thế? Họ đầy đủ sáu chữ: Thật thà, nghe lời, siêng năng. Niệm lâu ngày chầy tháng, họ thực sự biết trước giờ chết, vãng sinh, họ đi làm Phật.

Phần tử tri thức, mười hai mươi năm mới tin, không bằng họ, thua xa họ. Năm ba năm là họ có thể làm Phật, ngay việc vãng sinh của chúng ta vẫn còn là câu hỏi lớn, ngay vãng sinh chưa thể cầm chắc, làm sao so với họ được? Những lão ông lão bà này đối xử với mọi người, quý vị cứ thử xem, khiêm tốn, cung kính, nhường nhịn. Phần tử tri thức chúng ta liệu tín phục họ không? Coi thường họ, cho họ không có học thức, không có trình độ, nói họ mê tín. Người mê tín đã thành Phật, không mê tín vẫn đang luân hồi lục đạo.

Bởi thế *“không thể tin, lại còn nghi bang”*. Nghi là hoài nghi, báng là phê bình lung tung. Phê bình họ mê tín, phê bình họ ngu si, chỉ biết niệm Phật, không hiểu chút gì về kinh giáo. Thực sự biết niệm Phật, kinh giáo hiểu hay không đâu quan hệ gì, vãng sinh đến thế giới Cực lạc họ sẽ hiểu.

Chúng ta đây tự cho hiểu hết, nhưng không chịu niệm Phật, đấy là thực sự không hiểu. Những vấn đề này, những chân tướng sự thực này, chúng ta không thể không hiểu, nếu không hiểu thì đời này rất thiệt thòi. Bản thân chúng ta không khai ngộ khi tu hành, không được tam muội, nghĩa là tâm không thanh tịnh, nguyên nhân gì chúng ta không thể biết được. Vẫn là Phật Bồ Tát từ bi.

*“Lấy phẩm này lễ Phật thấy quang”,* đấy là gì? Làm chứng cho chúng ta, phẩm kinh văn này là tác chứng chuyển.

*“Thế giới này có hai vạn người tận mắt thấy khung cảnh trang nghiêm thanh tịnh của thế giới Cực lạc”,* đấy là nhân duyên thù thắng không gì sánh được. Phật Bổn sư Thích Ca Mâu Ni dùng thần lực của ngài đưa thế giới Cực lạc đến trước mặt chúng ta, để tất cả chúng ta thấy được.

Chuyện này, chúng ta đã được thấy trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật: Thuở đó phu nhân Vi Đề Hi, gặp biến cố gia đình, con trai bất hiếu, muốn giết cha để làm quốc vương, người mẹ cố sức bảo vệ nhà vua, người con oán hận mẹ, và muốn giết luôn người mẹ mình. Chuyện này phải nhờ sức của mấy vị đại thần, những vị đại thần này đều là tay chân của Thái tử, là những trợ thủ đắc lực, khuyên nhủ Thái tử: Từ xưa đến nay, đã từng nghe giết hại cha để soán ngôi vua, nhưng chưa nghe giết mẹ. Bởi thế nói nếu như Thái tử muốn giết hại mẹ, những người này sẽ bỏ đi, chúng tôi sẽ rời ngài. Nên Thái tử không dám giết mẹ, nhưng giam bà vào ngục tối, ngày nay gọi là giam lỏng, không cho bà qua lại với mọi người. Khống chế tất cả, khiến bà không thể giúp đỡ Hoàng thượng, Thái tử muốn cha mình đói mà chết. Nhốt một chỗ như lao ngục, cũng là giam lỏng, không cho ăn uống, dùng thủ đoạn đó.

Phu nhân Vi Đề Hi gặp đại nạn đó, cầu Phật Thích ca Mâu Ni, bà là đệ tử qui y của Phật Thích Ca Mâu Ni. Cầu Phật, ý niệm đó vừa khởi lên Phật liền biết. Ngài dẫn theo A Nan, và Mục Kiền Liên cùng đi đến an ủi bà. Bà bạch Phật, con quá khổ với thế gian này, xin ngài có nơi nào tốt hơn không. Bà muốn vãng sinh, không muốn ở thế giới này nữa. Phật Thích Ca Mâu Ni dùng thần lực của mình, đưa tất cả quốc độ chư Phật mười phương, bày ra trước mặt để bà xem, Phật có khả năng đó. Khi đã xem kĩ, phu nhân Vi Đề Hi nói, thế giới Cực lạc của Phật A Di Đà là nơi đẹp nhất, con xin vãng sinh về nơi đó, xin Phật hướng dẫn cho bà phương pháp. Phật đã dạy cho bà Thập lục quán, ở đây là mười phương pháp, được gọi là Thập Lục Quán Kinh, duyên khởi Thập Lục Quán Kinh có từ đó.

Phật không giới thiệu cho bà thế giới của vị Phật nào, mà Phật đưa tất cả quốc độ chư Phật ra trước mặt, bà tự chọn lấy. Những phương pháp và lí niệm, kỷ xảo dạy học của Thế Tôn, chúng ta nên bình tĩnh để thể hội. Nếu rút ra bài học từ việc này, chúng ta mới có thể rộng độ chúng sinh như Phật được, lợi ích mọi người, để ta tự do chọn lựa.

Trong Vô Lượng Thọ Kinh này, trong phẩm kinh này, đấy là hai vị Phật Di Đà và Thế Tôn, dùng thần thông, đạo lực, đã đưa hai thế giới Cực lạc và Ta bà gần lại, trở thành nhất thể, hai bên nhìn thấy được nhau. Cư dân thế giới Ta bà thấy được thế giới Cực lạc, thấy được Phật A Di Đà, người ở bên Phật A Di Đà, cũng thấy được thế giới Ta bà, thấy được Phật Thích Ca Mâu Ni. Hai bên có thể nói chuyện, có thể thăm hỏi lẫn nhau. Đây là sự thực, không phải là giả.

Bởi thế hai vạn người ở thế giới này, ở đây là Phật nói Vô Lượng Thọ Kinh, thính chúng là chúng sinh cõi người. *“Tận mắt nhìn thấy khung cảnh trang nghiệm thanh tịnh thế giới Cực lạc”,* ở đây là thấy được thế giới Cực lạc. *“Tận tai nghe Phật A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp”,* kim là hôm nay, hiện tại là đang thị hiện thuyết pháp. Hôm nay là giây phút này, chưa bao giờ ngưng nghỉ.

*“Để làm chứng minh, khiến sinh chánh tín”*. Chứng minh những gì Phật Thích Ca Mâu Ni nói ở trước, mỗi câu mỗi chữ đều là lời chân thật, không hư vọng. Những gì nói ra đều là chân tướng sự thực, không thêm không bớt, đấy gọi là như ngữ, chân ngữ, thực ngữ, như ngữ. Những người dự hội đương thời thấy được, ngày nay chúng ta đọc được những ghi chép này, nên phải sinh tín tâm. Không được nói họ thấy được, tôi chưa thấy; họ có duyên, tôi chưa gặp duyên đó; họ gặp họ tin, tôi đã nghe, tôi đọc được những ghi chép này, tôi cũng tin. Có thể tin ở đây là thiện căn của bạn, tôi thấy được nhưng vẫn hoài nghi, tôi không phải không tận mắt thấy, tôi chỉ là nghe nói. Tình cảnh đó cho thấy thiện căn của ta chưa đủ, phước đức của ta chưa thể hiện ra. Khi phước đức hiện ra ta có thể niệm, phước đức chưa có mặt, không thể niệm được danh hiệu Phật.

Quý vị nên ghi nhớ, mỗi ngày niệm một vạn danh hiệu Phật, hai vạn danh hiệu Phật là người có phước, không nên coi thường họ, đó là xét về sự. Xét về lí, miệng niệm Phật trong tâm thực có Phật, công đức đó bất khả tư nghị. Trong miệng niệm Phật, trong tâm không có Phật, trong tâm đang rối bời, cả khối tình chấp, niệm Phật kiểu đó thì sao? Có hơn không, mỗi niệm đều gieo hạt giống vào a lại da, nhưng kiếp này chưa được vãng sinh, nhất định phải hiểu vấn đề này.

Trong tâm có Phật, miệng không niệm Phật, họ có thể vãng sinh, tại sao vậy? Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Sự tướng không quan trọng, dụng tâm mới quan trọng, sự tướng lúc nào mới quan trọng? Giúp chúng sinh là quan trọng, chúng sinh không thấy tâm của quý vị, nhưng thấy được tướng của quý vị. Bởi thế, tượng trưng của tướng là lợi tha, trong tâm thực có là tự lợi. Tất nhiên tự lợi rồi mới lợi tha, lợi tha rồi tự lợi là viên mãn nhất.

Nên ý nghĩa quan trọng nhất của phẩm kinh này là làm chứng cho chúng ta, giúp chúng ta phát sinh chánh tín, chánh tín mới hoan hỉ phát nguyện cầu sinh, mới có thể siêng năng. Siêng năng là *“Phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm”*, tâm Bồ đề là tâm giác ngộ, thế nào gọi là giác ngộ? Tôi buông bỏ thế giới Ta bà, nguyện vãng sinh thế giới Cực Lạc, ý niệm như thế là giác ngộ. Nói cách khác, tôi không nghĩ cách quay trở lại luân hồi lục đạo, tôi mong thành Phật ngay trong đời này, đó là giác ngộ, thực sự phát bồ đề tâm. Khi phát tâm rồi, phương pháp cầu sinh Tịnh độ đó là một câu Phật hiệu.

Bởi thế tụng kinh hay không không quan trọng, tác dụng của kinh chỉ giúp chúng ta phá mê sanh tín, tác dụng ở chỗ đó. Khi chúng ta đã tin, đạt được tác dụng, không còn hoài nghi nữa, quyết tâm niệm câu Phật hiệu này, công đức của kinh đã viên mãn rồi. Nếu vẫn còn nghi hoặc, kinh kia rất quan trọng, kinh giúp ta buông bỏ, kinh giúp ta giác ngộ.

*“Phá mê khai ngộ, đoạn nghi sinh tín”,* tác dụng của kinh nằm trong tám chữ đó. Ta không hoài nghi, ta không nghi hoặc, có kinh hay không không quan trọng, như những gì đại sư Huệ Năng đã nói, khai ngộ không kiên quan gì đến thứ này.

Có nhân duyên tiếp xúc kinh điển, mở kinh ra để xem, hoàn toàn giống với những gì chúng ta đã ngộ. Kinh giáo là để chứng minh cho ta, thực sự ta đã thực sự ngộ chưa. Trên thực tế, tác dụng quan trọng nhất của kinh giáo, là chúng ta đã thực sự ngộ chưa, mở kinh ra xem xem nó đã giống chưa, giống là thật, không giống chúng ta đã nhầm, nó không nhầm. Nếu chúng ta nhầm, mà còn dùng ý của mình để thay đổi, tội đó sẽ rất lớn, tội đó là cuồng vọng tự đại.

Bởi thế kinh điển lưu truyền, trong đó thế nào cũng có chữ sai, mọi người đều nhận ra chữ sai, liệu có nên sửa đổi? Không thể, phải làm thế nào? Thêm chú giải ở bên cạnh, chữ này có thể là viết sai của chữ X, Y, chú một bên, không đụng đến nguyên văn, tại sao vậy? Nếu đụng đến nó sẽ tạo nên một tiền lệ, sau này mọi người xem không hiểu, lại đổi thêm lần nữa. Tám người, mười người đều đổi, cuốn kinh đó chẳng ra làm sao, liền phá cuốn kinh đó.

Bởi thế, sách Hội Tập của Vương Long Thư tập rất gay, nhưng tại sao rất nhiều người đời sau phê bình ông? Sách của ông được đưa vào tạng, bởi ông đã thay đổi mấy chữ, tạo nên tiền lệ thay đổi chữ, như thế là không được, những gì ông thay đổi là đúng, không phải sai. Nếu bạn phiên dịch thì không vấn đề gì, có có thể sửa đổi.

Ngày nay ta không phải phiên dịch, là hội tập, hội tập thì phải dùng nguyên văn. Khi bạn dùng những chữ hay hơn, khiến mọi người dễ hiểu, càng dễ lí giải hơn, không được. Ta chỉ được chú giải một bên, không thể thay đổi nguyên văn. Đây là điều kiêng kị rất lớn, gọi là phòng khi còn trong trứng, cổ nhân rất coi trọng công việc này. Sửa đổi một cách vô tội vạ, quý vị cho đó là đúng, trên thực tế, chưa chắc đã đúng, tại sao? Quý vị chưa khai ngộ.

Người phiên dịch kinh ngày xưa, điều này thầy Lí trước đây cho tôi biết, đều là những vị đã chứng quả, ít nhất tam quả trở lên. Điều này thầy Lí nói người Trung quốc được trời hậu đãi Thánh hiền đến chủ trì phiên dịch, không phải người phàm. Người phàm mang lối nghĩ của mình, cách nhìn của mình, Thánh nhân không có chính mình, không chính mình mới có thể thấy được chân tướng, có bản thân những gì thấy được là giả tướng.

Chân tướng ta không hiểu, ta cho rằng giả tướng là chân tướng, lấy dùng phương pháp chân tướng của ta để thay đổi, đổi thành giả tướng của ta. Đấy là điều người xưa gọi là, sai ở một chữ chuyển ngữ, đoạ làm thân chồn năm trăm kiếp. Quý vị phải chịu trách nhiệm về nhân quả, nhân quả này là địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, câu này cũng có xuất xứ.

Đại sư Bách Trượng đời nhà Đường, Bách Trượng là đời thứ tám, đồ tôn của Lục tổ Huệ Năng, mỗi ngày đều thăng đường giảng pháp. Thiền tông không giảng kinh, Thiền tông giảng khai thị, những ghi chép của khai thị gọi là ngữ lục. Nói cách khác, nói theo ngôn ngữ ngày nay, chia sẻ những điều tâm đắc trong việc tu học.

Mỗi lần ngài lên giảng đường thuyết pháp đều có một cụ già, tóc tai, râu ria đều bạc trắng đến nghe giảng, cụ sống sau núi. Đại sư Bách Trượng biết đó không phải người, đó là một con chồn, nhờ tu hành nên biến thành hình người, đến tham gia pháp hội, những người khác không biết, đại sư bách Trượng hiểu được. Ông đưa ra một nghi vấn với đại sư Bách Trượng, là người tu hành, còn rơi vào nhân quả chăng? Ngày xưa cụ là một đại pháp sư, có người thỉnh giáo với cụ, người đại tu hành có rơi vào nhân quả chăng? Cụ nói không rơi vào nhân quả, vì câu nói này mà đoạ làm thân chồn năm trăm kiếp, con chồn này có tánh linh, ngày trước là một đại pháp sư tu hành rất tốt, đời này gặp được Bách Trượng. Đại sư Bách Trượng nói với cụ, ngày mai cụ đến đây, mang câu hỏi ngày xưa người ta đã hỏi cụ, mang nó ra giảng đường để hỏi lại tôi.

Hôm sau, khi lão Hoà thượng đang giảng khai thị, cụ già đến quì dưới đất, một mực cung kính hỏi lại câu đó, người đại tu hành có rơi vào nhân quả chăng? Thiền sư Bách Trượng trả lời: Không mê mờ nhân quả. Quý vị xem cụ già nói là không rơi vào nhân quả, chỉ một chữ, nói sai chữ đó, đoạ làm thân chồn năm trăm kiếp. Ngài đã sửa nó lại, không phải rơi vào, mà là không mê mờ nhân quả, vấn đề của ông đã được giải quyết, hôm sau không thấy đến.

Lão hoà thượng nói, ông cụ đầu bạc vẫn thường đến nghe kinh hôm qua, là một con chồn, nó đã giải thoát rồi, bỏ thân chồn rồi. Chúng ta đến sau núi đưa xác nó đi chôn, an táng theo nghi dành cho người xuất gia, đến sau núi quả thật tìm được. Đây chính là chuyển ngữ sai một chữ, đoạ làm thân chồn năm trăm kiếp. Đó là câu chuyện có thật, không phải viển vông, sai một chữ.

Không rơi vào là gì? Không rơi vào nghĩa là không có nhân quả, gọi là không rơi vào. Không mê mờ là gì? Có nhân quả, rõ ràng như ban ngày.

Từ câu chuyện này, chúng ta hiểu được trong Phật pháp, không phải là chuyện đơn giản, không phải thực sự chứng ngộ làm sao dám? thực sự chứng ngộ cũng không được sửa, có ý kiến gì nên chú thích qua một bên, dứt khoát không được sửa đổi kinh văn. Chú một bên là để mọi người tham khảo, gọi là người nhân thấy nhân, người trí thấy trí, chổ ngộ của mỗi người nông sâu khác nhau, rộng hẹp khác nhau. Phật dạy kinh là ứng cơ thuyết pháp, ở lúc nào, ở nhân duyên nào, với đối tượng nào, không giống nhau, cần phải hiểu vấn đề này.

Bởi thế cách giảng một bộ kinh, bạn quan sát cách chú giải từ xưa, Trung Quốc chú giải Vô Lượng Thọ Kinh không nhiều, chỉ có hai bản, Gia Tường Sớ và Tịnh Ảnh Sớ là của Trung Quốc. Nhật Bản rất nhiều, Nhật bản có đến ba, bốn mươi nhà, có sai sót chăng? Không có, đều đúng hết, tại sao lại đúng hết, nội dung không giống nhau? Đối tượng không giống nhau.

Có thầy giáo lần này giảng kinh Vô Lượng Thọ, thính chúng là những người sơ học nên giảng rất cạn. Có người thầy giảng bộ kinh này, thính chúng là những người tu hành đã lâu, đều là những người có trình độ, họ phải giảng sâu, đều không giảng sai, đều là gì? Bản thân thấy được, bản thân chứng nhập. Bởi thế mỗi câu mỗi chữ trong kinh đều mang vô lượng nghĩa, khi thực sự khai ngộ, giảng thế nào cũng không sai, quý vị sẽ không giảng sai, tại sao vậy? Chính mắt nhìn thấy. Khi chưa khai ngộ, nghe người khác giảng, nghe phong thanh, vấn đề càng rối rắm. Người xưa thường nói: *“Trăm nghe không bằng một thấy”*, tận mắt nhìn thấy, như vậy có thể nhìn sai ư?

Giống như HongKong mỗi ngày có hàng bao khách tham quan, những người này đến HongKong du lịch tham quan, kể lại cho bạn bè sau khi trở về, giới thiệu những gì đã thấy ở HongKong. Trăm người có trăm cách giới thiệu, đều đúng, đều không sai, bởi vì họ tận mắt nhìn thấy. Nếu chưa đến HongKong, nghe người này một câu, nghe người kia một chuyện, họ càng tuyên truyền, cái sai đó nhân lên hàng trăm, chưa đi, chưa đi sẽ thế nào? Nghe theo những gì người đã đi thì không sao.

Bởi thế, nhất định phải kiến tánh, nhất định phải minh tâm. Minh tâm kiến tánh, những gì bạn tận mắt thấy là tuyệt vời, thấy được những gì? Thấy được y chánh trang nghiêm của thập pháp giới, thấy được quả báo y chánh của chư Phật Bồ Tát. Cho dù ta nói thế nào, cũng không sai, phải hiểu vấn đề này, nên thấy rõ, thì bản thân chúng ta sẽ không phạm lỗi lầm.

Chúng ta nhìn lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập kinh này, thoạt đầu không phải hội tập, chỉ là hiệu đính bản của Nguỵ Mặc Thâm, nghĩa là hiệu đính nguyên bản của Ngụy Mặc Thâm. Bản này được chúng ta in ra, chỗ pháp sư Ngộ Đạo, học hội Tịnh Tông Hoa Tạng đã in một nghìn cuốn, Trước đó là khoa phán của pháp sư Từ Chu, cả cuốn tổng cộng ba mươi bảy phẩm, đó là hiệu đính đầu tiên bản Ngụy Mạc Thâm của Hạ Liên Cư. Trong năm loại nguyên bản dịch, có rất nhiều điểm quan trọng ông đã bỏ qua. Đấy là cách lấy, bỏ và cách nhìn mỗi người khác nhau, ông đã bổ sung vào.

Sau cùng cảm thấy đây vẫn chưa phải là biện pháp, cần phải hội tập để làm mới, nên cho ra cuốn bốn mươi tám phẩm này. Cuốn sách ra đời, còn vượt xa hơn bản Hội Tập của cư sĩ Nguỵ Nguyên, trở thành bản gốc được hiệu đính hoàn mĩ nhất trong việc phiên dịch, hội tập Kinh Vô Lượng Thọ.

Sau khi bản này ra đời, chúng ta có thể làm thêm một bản hội tập nữa được chăng? Có thể, có thể thử sức làm một bản hội tập khác, nhưng liệu có hoàn bị hơn bản này chăng? Hạ Liên Cư đã mất mười năm, có thể nói là tinh lực cả cuộc đời để hoàn thành công việc này. Đưa nhiều lần tuyên giảng của Phật Thích Ca Mâu Ni, chỉnh lí hội tập thành một bản hoàn thiện, tinh hoa mỗi lần tuyên giảng đều nằm trong đó.

Chú giải của Hoàng Niệm Tổ cũng không thua kém, tập kết tất cả những bộ kinh Đại Tiểu thừa, giải thích tất cả những danh từ, thuật ngữ trong đó, xiển dương tất cả những nghĩa lí. Ông đều trích dẫn, rồi trích dẫn trước tác của một số đại đức tổ sư, có một số là chú giải Vô Lượng Thọ Kinh, có một số là chú giải những kinh luận khác. Giống như chúng ta thấy Quán Kinh được nhắc đến ở đây, đây chính là nguyên văn kinh Phật Quán Vô Lượng Thọ. Có rất nhiều nơi, những danh từ, thuật ngữ chúng ta nhìn thấy, rất nhiều kinh luận được đại đức tổ sư chú thích, cũng gom vào một chỗ.

Kinh là bản hội tập, chú cũng bản hội tập, kinh là nguyên văn năm loại kinh, chú có một trăm chín mươi ba loại chú giải kinh luận, mênh mông vô bờ. Mở bộ kinh này ra, liền bước vào khu vườn rộng Vô Lượng Thọ, tuyệt vời không kể xiết. Trong đó có vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, bạn đều thấy hết. Tự nhiên sẽ sinh tín tâm, tâm nguyện cầu sinh Tịnh độ, chân thật niệm Phật.

Nếu tín tâm không sinh, có, rất nhiều người hỏi tôi vấn đề này. Họ cũng rất khó được, rất chân thành, tại sao tín tâm của tôi không sinh khởi được? Tất nhiên việc đầu tiên nên hiểu là nghiệp chướng nặng, làm sao tín tâm của tôi phát sinh được? Bạn phải hiểu được rằng, tín tâm không sinh được là do nghiệp chướng nặng, là không hiểu được chân tướng sự thực, thời giam mê thất tự tánh quá lâu, vô lượng kiếp đến nay đã quên mất. Tập khí phiền não hiện tại quá nặng, không thể buông bỏ được, đấy mới là nguyên nhân chủ yếu.

Làm sao để tín tâm chúng ta được sinh? Phải giảm nhẹ phiền não, đấy là công phu, đấy là buông bỏ. Nếu buông bỏ được, phiền não sẽ nhẹ, trí tuệ tăng trưởng. Thứ hai, nhất định phải nghe kinh nhiều, tại sao ta nghe không hiểu? Nếu ứng dụng phương pháp này của cổ nhân, ta sẽ nhanh hiểu hơn. Phương pháp của cổ nhân là thâm nhập một môn, huân tu thời gian dài.

Bây giờ nghe tôi giảng kinh bạn không hiểu, tại sao không hiểu? Chưa đủ số lần, mỗi ngày quý vị đều nghe tôi giảng, nhưng trôi tuột đi đâu. Nhưng nếu lên giảng đường nghe một lần, hai giờ, cứ nghe đi nghe lại hai giờ đó đến mười lần, nghe hai mươi lần, nghe ba mươi lần, hoàn toàn khác nhau, quý vị sẽ hiểu ngay.

Ngày nay chúng ta giảng kinh xong đều thu vào đĩa CD, với những người hiện đại, việc này mang lại nhân duyên thù thắng không gì sánh được. Người xưa không có, làm sao họ nghe lại được lần thứ hai? Ngày nay công cụ này, người xưa nằm mơ cũng chẳng có. Việc học tập của cư sĩ Lưu Tố Vân, bà cũng sử dụng phương pháp này. Mỗi ngày bà nghe một đĩa, mỗi đĩa một giờ, một đĩa nghe mười lần, đấy chính là huân tu thời gian dài, tâm bà liền định. Một lần không hiểu, hai lần, ba lần là ghi nhớ được một ít; Bốn lần, năm lần thích thú lên một tí; Sáu lần, bảy lần đã ngộ ra một ít; Nghe xong lần thứ mười, không giống những lần trước đó; Hôm sau nghe đĩa thứ hai, cũng một ngày nghe mười lần. Sau khi nghe xong bộ kinh này, quay lại từ đầu, vẫn cứ mỗi ngày mười lần. Phương pháp này, chắc chắn sẽ khiến quý vị khởi lên tín tâm.

Bạn phải hiểu được Phật pháp và thế pháp một cách rõ ràng, bản thân mình biết nên lựa chọn thế nào, bản thân biết nên phát nguyện tu hành ra sao. Chính bạn hiểu rất rõ, đời này chắc chắn mình sẽ vãng sinh Tịnh độ, đến thế giới Cực lạc thân cận Phật A Di Đà, viên mãn Bồ đề vô thượng ngay trong kiếp này. Đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay, mong ước một nguyện vọng, bây giờ đã thực sự viên mãn.

*“Gặt hái được lợi ích của Tứ tất đàn”,* phần sau sẽ có Tứ tất đàn, danh từ này gọi là hợp dịch giữa tiếng Hoa và tiếng Phạn. Trong năm thể lệ phiên dịch, tất là chữ Trung Quốc, tiếng hóa, đàn là đàn na, âm tiếng Phạn. Bốn loại, tất là phổ biến, đàn na dịch sang tiếng Trung là bố thí, nghĩa là bốn loại bố thí phổ biến, đối tượng là cõi hư không khắp pháp giới. bốn loại này phần sau sẽ giảng.

*“Nay kính ngưỡng thể hội lòng Thánh, dẫn một ít kinh điển”,* ngưỡng là ngưỡng mộ, thể là thể hội một cách sâu sắc. Thánh được nói ở đây là Phật A Di Đà, tâm Phật a Di Đà là gì? Chân thành khẩn thiết kì vọng tất cả chúng sinh chóng thành Phật, đấy là tâm Di Đà. Ngài có tâm đó, nên có hành động này, thực sự gia trì, giúp đỡ quý vị. Gia trì và giúp đỡ, tôi thường nói với tất cả mọi người, bản thân phải siêng năng, bản thân không siêng năng không thể gia trì được. Bản thân ta siêng năng một phần, Phật sẽ gia trì một phần, ta có hai phần siêng năng, Phật sẽ gia trì hai phần, ngài chắc chắn thực hiện điều đó. Quý vị siêng năng bao nhiêu ngài sẽ gia trì bấy nhiêu, sẽ nhận được. Bản thân không chịu tu hành, nhờ Phật gia trì, ngài không giúp được.

Phật không có thiên vị, đấy là điều cần biết. Phật không có phân biệt, chấp trước, không có khởi tâm, động niệm. Với việc gia trì tất cả chúng sinh trong cõi hư không khắp pháp giới toàn là tương đối, Phật ở đâu? Không nơi nào trong cõi hư không khắp pháp giới không có ngài, lúc nào cũng có, đấy gọi là pháp thân. Pháp thân không có hình tướng, pháp thân có thể hiện mọi hiện tượng.

Hiện tướng, Kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ, hiện thế nào? *“Xuất sinh ngay chỗ này, diệt tận ngay chỗ này”*. Chỗ đó tức là một nơi không cố định, lúc đó là không có thời gian cố định, cái gọi là giờ phút đó, nghĩa là ngay trước mắt. Lăng Nghiêm Kinh đã nói: *“Xuất sinh ngay chỗ này, chỗ nào cũng có thể diệt tận”*, ngày nay chúng ta nghe những lời đó, ý nghĩa những câu đó, có những khái niệm khá vững.

Bởi vì chúng ta đã nghe cuộc đối thoại giữa Thế Tôn với Bồ Tát Di Lặc, giây phút đó, lúc đó, là cái búng tay mà Bồ Tát Di Lặc đã nói, một niệm trong ba mươi hai ức trăm nghìn niệm. Nếu chúng ta đổi thành số, ngày nay rất dễ hình dung, một giây, một nghìn sáu trăm triệu trên một giây. Trong một giây có một nghìn sáu trăm triệu niệm, một niệm trong đó, đấy gọi là xuất sinh chỗ đó, theo chỗ diệt tận, đấy là chân tướng sự thực, chân tướng ở đây ngang với gì? Ngang với số 0.

Bởi thế Bát Nhã Kinh nói: *“Nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”*. Xây dựng Phật pháp nơi vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc, đó là gì? Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Lí sự vô ngại, sự sự vô ngại”,* pháp giới không chướng ngại, xây dựng Phật pháp là để tiếp dẫn chúng sinh, giúp họ giác ngộ. Phật Bồ Tát xây dựng Phật pháp, có khởi tâm động niệm chăng? Không có, căn bản không có khởi tâm, không có động niệm, xây dựng những gì? Xây dựng mà không xây dựng, không xây dựng mà xây dựng, không có nắm bắt, đấy gọi là diệu, gọi là tuỳ duyên diệu dụng.

Không có khởi tâm động niệm, thì làm gì có phân biệt chấp trước? Đó được gọi là gì? Diệu dụng của tự tánh. Câu đầu tiên của Hoàn Nguyên Quán, câu đầu trong bốn đức: *“Tuỳ duyên diệu dụng”*, hiện tướng, thuyết pháp, độ chúng sinh, không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước, diệu! Chư Phật Như Lai, Bồ Tát Pháp thân làm được. Ngày nay chúng ta chỉ biết, không làm được, đó là điều rất khó, giống như những gì đại sư Trí Giả đời nhà Đường đã nói: *“Biết nhưng không làm được”,* đấy là gì? Giải ngộ, không làm được.

Chúng ta học Phật bao lâu nay, đọc rất nhiều kinh luận Đại thừa, hiểu được, khẳng định được, không còn hoài nghi, bản thân không làm được, lí do gì vậy? Vẫn khởi tâm động niệm, vẫn phân biệt chấp trước, nhưng chắc chắn những lời dạy của Như Lai, như đại sư Trí Giả đã nói: *“Biết nhưng không làm được”.* Cái biết của họ không sai, cái thấy của Phật, cái biết của Phật, *“thầy của cả nước”.* Con người này có thể làm quốc sư, nói được nhưng không làm được.

Kiến giải của họ thực sự là cái thấy, cái biết của Phật, nhưng chưa buông bỏ phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, làm quốc sư. Nếu *“biết được mà làm được”,* đó không phải là quốc sư, mà là *“quốc bảo”,* đó là bảo vật quốc gia, rất ít có, quốc sư có thể. Giống như quốc sư, tuy không làm được giới luật, họ không phản đối giới luật, nhưng ca ngợi giới luật. Trì giới rất hay, nhưng tôi không làm được, không phải vì việc tôi không hành trì nên cho đó là không tốt, cho là tà tri tà kiến, như thế là kéo người xuống địa ngục.

Bản thân không làm được, ca ngợi giới định tuệ, bạn đã đưa mọi người đến với chánh đạo, có thể làm quốc sư, tâm thái của người thầy là như thế, mong tất cả học sinh giỏi hơn mình. Ta là viện đá lót chân, học sinh từ đó mà lên cao, đó là quốc sư. Không có tư tâm, không ngạo mạn, không đố kỵ, mong mọi người vượt trước mình, chánh pháp mới cửu trú, nhân dân mới hạnh phúc. Mọi người đều giống tôi là hỏng, tôi là nhân vật số một trên thế gian, không ai bằng ta, thế giới này đã kết thúc. Đấy gọi là chánh niệm, chánh tri chánh kiến, chánh niệm hiện tiền. Biết rõ bản thân, tập khí phiền não còn nặng, đang thay đổi, nhưng đâu đơn giản. Công phu của ta đang dần tiến lên, người khác vượt qua ta, vui thích, ca ngợi.

*“Dẫn một số kinh, để minh chứng Cực Lạc diệu hữu”*. Không nói Cực Lạc thật có, nếu nó thật có là có vấn đề, diệu hữu, diệu hữu là gì? Diệu hữu là không có. Thế giới ta đang sống là diệu hữu, bạn phải biết điều đó, rất nhiều chúng sinh hiểu nhầm, cho rằng thực có. Thực có là muốn sở hữu, muốn chiếm hữu. Diệu hữu thì sao? Là có nhưng không có, không có mà có, giống như nằm mơ, với cảnh giới đó, bạn không có ý niệm chiếm hữu, tại sao vậy? Không không chế được, không có ý niệm chiếm hữu, đương thể tức không, không thể lấy được.

Bởi thế luôn luôn quán tưởng những lời Bồ Tát Di Lặc đã nói, một búng tay có ba mươi hai ức trăm nghìn niệm, mỗi niệm thành hình, hình đều có thức. Với tất cả pháp, quý vị không còn khởi tâm, động niệm, không bao giờ chấp trước, sẽ không phạm vào lỗi lầm đó, tại sao vậy? Tất cả đều giả, ta cũng giả, cảnh giới bên ngoài đều là giả, những thứ giả là gì? Quý vị có thể hưởng thụ, nhưng không thể chiếm hữu, chiếm hữu không được, không thể khống chế, cũng không cách nào chi phối nó.

Giống như chúng ta xem truyền hình, có thể thưởng thức, nhưng không nắm bắt được nó, không chiếm hữu được nó. Thế giới này, bao gồm thân thể của ta, ngã và những thứ ngã sở hữu đều giả. Phải hiểu được thời gian tồn tại của nó, một nghìn sáu trăm triệu trên một giây, đó là thời gian tồn tại, một giây có thể đổi thành bao nhiêu? Đổi thành một nghìn sáu trăm triệu, mỗi ý niệm đều độc lập, niệm trước không phải là niệm sau, niệm sau không phải là niệm trước. Bởi thế, sự liên tục đó, trước đây chúng ta nói tương tự tương tục, trong kinh cũng nói tương tự tương tục, đúng là pháp tương tự tương tục.

Nếu nói tương tục, có nghĩa là, cái trước hoàn toàn giống cái sau, nhưng tuyệt đối không có hai ý niệm đều tương đồng, một ý niệm là một pháp giới, một pháp giới là cõi hư không khắp pháp giới. Ý niệm có, pháp giới liền có, ý niệm không có, pháp giới liền không có. Giống như nằm mơ, có ý niệm cảnh tượng trong mơ hiện ra, ý niệm không có, tự nhiên tỉnh dậy, cảnh trong mơ biến mất.

Chân tướng sự thực, có thể nói như giấc mơ, nếu thấy rõ đạo lí một giấc mơ, ta sẽ thành Phật, đại triệt đại ngộ. Lúc nào chúng ta đang nằm mơ, biết được ta trong mơ, đó gọi là khai ngộ. Mình nằm mơ, không biết mình trong giấc mơ đó, đấy gọi là mê hoặc, mê ngay trong đó. Khi tỉnh cơn mơ, một ngày nào đó chúng ta ở trong sự thực, tự nhiên ta hiểu ra được, thấy rõ ràng, đấy gọi là gì? Đấy là thành Phật. Phật Thích ca Mâu Ni, khi còn một vị Bồ Tát dưới cội Bồ đề cũng giác ngộ như thế, thấy được gì? Thấy bản thân đang trong mộng.

Đại sư Huệ Năng khi ở trong phòng phương trượng Ngũ tổ, hoát nhiên tỉnh ngộ. Biết đang trong mộng, nằm mộng, nên đã thành Phật, không còn vấn đề gì nữa. Có nghĩa là tập khí phiền não không còn nữa, tạp niệm không còn nữa. Vẫn còn tập khí, đó là tập khí vô minh vô thỉ, tập khí phiền não kiến tư, phiền não trần sa, chắc chắn không còn nữa.

Vì thế *“chứng Cực lạc diệu hữu, khỏi rơi vào thiên không”,* vạn pháp giai không, cái không đó không phải vô, cái không đó sẽ hiện tướng, tuy hiện tướng, nhưng tướng đó không phải thực có, tướng đó gọi là diệu hữu.

Phần tiếp theo ông dẫn ba bộ kinh để chứng minh: *“Thứ nhất Quán Kinh nói: Vi Đề Hi cùng năm trăm người hầu”*, người hầu là cung nữ, *“nghe những lời Phật dạy, lập tức thấy được sự rộng lớn của thế giới Cực lạc”*. Nghe Phật dạy, được Phật gia trì, phần trước đã nói, nhờ sự gia trì của Đạo sư hai nước. Phật Thích Ca Mâu Ni gia trì, sự gia trì của Phật A Di Đà, nên thấy được. Thấy được y báo thế giới Cực lạc, khung cảnh rộng lớn là y báo.

*“Thấy được thân Phật và hai vị Bồ Tát”,* ở đây là thấy được Phật A Di Đà, chánh báo thế giới Cực lạc. Phật A Di Đà, hai vị Bồ Tát là Quan Âm, Thế Chí. *“Tâm sinh hoan hỉ, khen chưa từng có, hoát nhiên đại ngộ, được vô sanh nhẫn”.* Thấy ánh sáng, thấy Phật, thấy thế giới Cực lạc, khai ngộ. Được vô sinh nhẫn, vô sinh là gì? Tất cả pháp bất sinh bất diệt. Nhẫn là khẳng định, thừa nhận, không còn hoài nghi, hoàn toàn đồng ý. Không có ý kiến về tất cả những điều Phật đã dạy, gọi là vô sinh nhẫn.

Tất cả pháp thực sự không sinh không diệt, y chánh trang nghiêm của Thật báo độ thế giới Cực lạc, những cư dân ở đó đều đã đạt đến không khởi tâm không động niệm. Không khởi tâm không động niệm là tự tánh bản định. Khi khai ngộ, lục tổ Huệ Năng, câu thứ tư đã nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn không dao động”,* vốn không dao động. Bởi thế tâm không động là chân tâm, động là vọng tâm, đấy là câu trả lời vì sao phải tu định, tại sao định lại quan trọng như thế. Bởi vì định là bổn định, là chân tâm của bạn. Khi định được, chân tâm liền có mặt.

Trong giáo lí Đại thừa, cái gọi là tám vạn bốn nghìn pháp môn, đấy chính là tám vạn bốn nghìn phương pháp tu định, có tám vạn bốn nghìn phương pháp nhưng định chỉ một. Bởi thế trong Kinh Bát Nhã Phật dạy: Pháp môn bình đẳng, không có sai khác, tại sao? Tất cả đều tu định, khi tâm đã định, ở đây là giống nhau, bất kể bạn áp dụng phương pháp nào cũng được, bất kể phương pháp nào đều có thể đắc định.

Phương pháp, cách thức vô lượng vô biên, đấy gọi là pháp môn vô lượng, gọi là tám vạn bốn nghìn pháp môn. Phương pháp chúng ta thực hiện là trì danh niệm Phật, dùng phương pháp đó để tu định, định là gì? Không khởi tâm không động niệm, không phân biệt không chấp trước, đấy đều là định, những thứ đó có nông sâu, thứ tự không giống nhau. Không khởi tâm, không động niệm là sâu nhất, đó là định vốn có trong tự tánh. Không chấp trước là tiểu định, không phân biệt là đại định, không phân biệt không chấp trước là định vốn có trong tự tánh, đấy là minh tâm kiến tánh.

Thế mới biết việc tu tâm thanh tịnh quan trọng như thế nào, ngày nay chúng ta có phương pháp hay, cực hay, là niệm Phật A Di Đà, đại đức tổ sư dạy cho chúng ta, thay đổi tâm trí cho chúng ta. Tâm hiện nay của chúng ta là tâm tình chấp, đổi tâm đó thành Phật A Di Đà, Phật A Di Đà là tâm của ta, tâm ta là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà đối nhân xử thế ra sao? Thanh tịnh bình đẳng giác, đấy là tâm Phật. Thanh tịnh bình đẳng giác, chúng ta đã thấy trong kinh này, là danh hiệu Phật A Di Đà, Phật A Di Đà còn được gọi là thanh tịnh bình đẳng giác. Thanh tịnh bình đẳng giác, là chân tâm của ta. Chân tâm của ta vốn là Phật A Di Đà, tại sao bây giờ lại đánh mất Phật A Di Đà? Đi suy nghĩ lung tung? Tạo khoảng cách càng lúc càng xa với Phật A Di Đà, bây giờ thấy rõ rồi, hiểu được rồi, nên kéo việc này lại gần hơn.

Cũng như nói, vị Phật trong tâm chúng ta, nên mỗi niệm liên tục, những tình chấp trong tâm, mỗi ngày mỗi xa những vọng niệm. Làm được những việc này, làm một hai năm, ta sẽ thấy an vui, tại sao? Có kết quả, tâm thanh tịnh, ít vọng niệm, nhẹ phiền não, trí tuệ tăng, làm sao không vui được! Lúc đó mới thể hội được những gì đại đức xưa đã nói: *“Mùi đời làm sao đậm bằng mùi đạo!”* Tại sao? Đã nếm được mùi đạo.

Ngày nay chúng ta học Phật, chưa nếm được mùi đạo, những gì ta nếm được là phiền não, là phân biệt chấp trước, chưa nếm được. Bởi thế ta không khởi tâm hoan hỉ, tín tâm kia, tâm nguyện kia không thể nảy nở được, vấn đề ở chỗ đó. Ở đây là không siêng năng, siêng năng có thể thay đổi tâm, siêng năng để thay đổi tâm đó là niệm Phật. Mỗi ngày, bạn đừng để gián đoạn hai mươi bốn giờ niệm Phật hiệu, sẽ thay đổi được. Niệm Phật thật tốt, quả thật được như thế, càng niệm càng minh mẫn, càng niệm càng an vui, càng niệm càng thấy rõ được chân tướng của thế giới này.

Niệm năm ba năm, nói thật, quá khứ, vị lai đều biết rõ hết, dần dà thông hiểu. Mắt tỏ, là thiên nhãn; tai rõ, là thiên nhĩ. Túc mạng thông, thấy được các đời kiếp thời quá khứ, nhớ lại được. Tha tâm thông, ta biết được người khác đang nghĩ gì, biết nhưng không gây phiền hà. Ngày nay chúng ta biết được nhiều chuyện thường gây phiền hà, tại sao? Vì vận những chuyện đó vào mình, luôn nghĩ đến nó, nên gây rắc rối cho mình. Khi đã thông rồi, biết được, không gây phiền, không nghĩ đến nó, bởi thế nó không trở thành chướng ngại. Đấy mới thực sự gọi là tâm sinh hoan hỉ, khen chưa từng có, hoát nhiên đại ngộ, được vô sinh nhẫn.

*“Năm trăm thị nữ”* phát tâm Bồ đề, *“nguyện sinh nước kia”,* có nguyện tất nhiên có tín, chân tín phát nguyện. *“Thế Tôn liền thọ ký, tất cả vãng sinh”,* Phật Thích Ca Mâu Ni chứng minh cho họ, năm trăm thị nữ các người chắc chắn sẽ sinh Tịnh độ. *“Khi đã vãng sinh, liền được tam muội hiện tiền như Phật*”, tam muội là tâm thanh tịnh, được những điều như Phật, tam muội hiện tiền. Không phải quá khứ, không phải tương lai, mà lập tức nhận được. Nhận được những gì? Những gì nhận được là trí tuệ, tam muội là định, khi định khởi tác dụng là trí tuệ. Tam muội cũng là những gì trên đề kinh đã ghi, *“thanh tịnh bình đẳng”*, thanh tịnh bình đẳng là tam muội, *“giác”* là tác dụng, giác là trí tuệ có mặt.

Như Quán Kinh nói, xem tiếp phần thứ hai, cuốn kinh thứ hai được dẫn chứng. Kinh Phật Thuyết Như Huyễn Tam Ma Địa Vô Lượng Ấn Pháp Môn, tiêu đề cuốn kinh này có Phật Thuyết. Tam ma địa, Đồ ma tha, Kinh Lăng Nghiêm gọi là Tam chỉ tam quán, có thể nói nó là ba thứ thiền định. Đồ ma tha chú trọng chỉ, Tam ma địa chú trọng quán, Thiền na chỉ quán ngang nhau. Thiên Thai, Hoa Nghiêm đều tu chỉ quán.

Hoa Nghiêm Kinh, chúng ta đã đọc Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, phần sau nói về phương pháp ngũ chỉ, lục quán, tam ma địa thuộc về một trong những lục quán, ở trước thêm như huyễn, trở nên tuyệt vời, như huyễn là gì? Chân tướng sự thực, nó cho thấy Phật pháp là pháp nhân duyên sinh, không phải chân.

Bởi thế trong Kinh Kim Cang Phật dạy: *“Pháp còn phải xả, huống gì phi pháp”*, ý nghĩa của chữ xả, không phải nói không cần pháp, pháp có, xây dựng Phật pháp, xây dựng Phật pháp trong cái không, xây dựng cái gì? Ta không thể khởi tâm động niệm, không thể phân biệt chấp trước, đấy gọi là diệu hữu. Đừng cho đó là thật, hãy coi việc xây dựng Phật pháp cũng là thật, như thế là rắc rối, sai lầm.

Dùng nó, dùng nó để nâng mình lên, dùng nó để tiếp dẫn chúng sinh, bản thân nó không phải thật, bạn đừng khởi tâm, động niệm với nó. Khởi tâm động niệm là đoạ lạc, phân biệt chấp trước lại càng đoạ lạc thê thảm, sẽ rơi đến tam ác đạo, chấp trước sẽ rơi vào ác đạo. Phân biệt sẽ rơi vào pháp giới Tứ thánh, chấp trước đoạ lạc vào lục đạo.

*“Vô lượng ấn”,* ấn có nghĩa chứng minh. Thời xa xưa, Trung Quốc, ấn là chứng minh, gọi là ấn tín. Người nước khác dùng chữ kí, người Trung Quốc đóng ấn làm chứng, người Ấn Độ cũng rất coi trọng, đây là thí dụ. Vô lượng ấn là dùng vô lượng pháp môn để làm chứng, hoặc ấn chứng vô lượng pháp môn.

Trong kinh này nói: Lúc đó trong hội Phật Thích Ca Mâu Ni ở thế giới Ta bà, tất cả các Bồ Tát Ma ha tát, một vạn hai nghìn vị. Tỳ kheo hai vạn người. Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, Phạn vương, Đế thích, Bốn vua giúp đời, ở đây là tứ đại Thiên vương. Bốn vua giúp đời, và những Thiên long, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma, La già, Người, loài không phải người, chúng ta thường gọi là tám bộ quỉ thần, trong nhà Phật là thần hộ pháp.

*“Đều thấy được thế giới Cực lạc kia”,* những người này đều nhìn thấy, thấy thế giới Cực lạc là y báo. *“Và thấy Như Lai Vô lượng quang, đại chúng Bồ Tát, Thanh Văn vây quanh*”, đây là thấy chánh báo, thấy được cả y báo, chánh báo. “*Ánh sáng rực rỡ, như núi Diệu cao”*, ở đây là nói trong hội Như Lai Thích Ca Mâu Ni, cũng là nói bộ kinh này.

Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Vô Lượng Thọ Kinh. Kinh Vô Lượng Thọ là bộ kinh được Thế Tôn nói rất nhiều lần, bởi thế, rất nhiều kinh điển khác cũng có cách ghi chép như thế. Giống như bộ kinh Như Huyễn Tam Ma Địa Vô Lượng Ấn Pháp Môn, cũng nói đến. Đều có thể dùng đoạn kinh này đê chứng minh. Điều này chứng minh, nó là chân, không phải giả.

Phần thứ ba được dẫn chứng Thập Vãng Sinh Kinh nói: *“Phật nói với Bồ Tát Sơn Hải Tuệ: Nay các con nên đứng dậy chấp tay, đứng thẳng hướng Tây, chánh niệm quán nước Phật A Di Đà, xin thấy Phật A Di Đà”*, đây là lời Phật dạy mọi người. tại sao Phật nói như thế? Phật thấy cơ duyên mọi người đã chín muồi, cũng có thể nói, duyên với Phật A Di Đà đã chín muồi, lúc đó bèn nhắc nhở mọi người. Bồ Tát Sơn Hải Tuệ làm đương cơ, nói với Bồ Tát, hiện tại, kim là hiện tại. Nên đứng lên chấp tay, thẳng người hướng Tây, ở đây chỉ phương hướng đứng.

Chánh niệm là nhất tâm chuyên niệm. Quán là trong tâm nên quán tưởng, miệng niệm Phật, tâm nhớ nghĩ Phật A Di Đà, nhớ nghĩ thế giới Cực lạc. Nước A Di Đà Phật là thế giới Cực lạc, xin thấy Phật A Di Đà. Chúng ta niệm, trong lòng lúc nào cũng mong thân cận Phật A Di Đà, thấy Phật A Di Đà, học tập Phật A Di Đà.

Phần tiếp theo là đại chúng y giáo phụng hành: *“Lúc đó tất cả đại chúng”,* tất cả đại chúng đang tham dự, *“đều đứng lên chấp tay, cùng quán Phật A Di Đà”*. Mọi người đều làm theo lời dạy của Phật Thích Ca Mâu Ni, cảm ứng liền thông, giống như đạo lí trong kinh này, *“chúng sinh có cảm”.* Huống gì đã có Phật Thích Ca Mâu Ni đứng bên chỉ đạo, oai thần gia trì, sức mạnh cảm ứng này, cực kì bất khả tư nghị. Có thể nói, cùng Phật A Di Đà, tương ứng ngay tức khắc, nhất niệm đó tương ứng ngay.

*“Liền thấy nước A Di Đà Phật”,* thấy ngay những thứ trang nghiêm, diệu hảo ở thế giới Cực lạc. *“Đều là thất bảo, núi thất bảo, cõi nước thất bảo”*, ở đây nói về y báo. Bảy trong bảy báu không phải số đếm, tượng trưng cho sự đầy đủ. Số bảy tượng trưng bốn hướng và trên dưới, thêm phương giữa, là đầy đủ, vì vậy nó không phải số đếm. Đầy đủ ở đây là vô lượng vô biên, một số chúng ta đã nhìn thấy ở thế giới này, một số ta chưa nhìn thấy. Thế giới Cực lạc rộng lớn hơn thế giới chúng ta, quả đất chúng ta có biên giới, thế giới Cực lạc không có biên giới.

Nó không phải nước pháp tướng, nó là nước pháp tánh, pháp tánh không giống pháp tướng, pháp tướng có chất, chúng ta gọi là vật chất, nó có vật chất. Pháp tánh không có vật chất, hai cõi này khác nhau, có vật chất và không có vật chất không đụng chạm nhau, lí sự vô ngại, sự sự vô ngại, nó không đụng chạm. Bởi thế, thế giới Cực lạc, không chỗ nào không có, không lúc nào không có, có duyên lập tức hiện tướng, nếu duyên không có, tướng lập tức biến mất. Đúng như câu: Có mặt ngay đây, biến mất ngay đây. Bởi thế thấy được núi Thất bảo, nước Thất bảo ở thế giới Cực lạc.

Lại thấy *“Nước, chim, cây, rừng, thường nói tiếng pháp”,* nước, chim, cây, rừng đều đang thuyết pháp, đều đang niệm Phật. Trong môi trường đó, muốn nghe kinh nào, sẽ nghe được kinh đó, như những gì bạn nghĩ. Hai người ở cùng nhau, tôi muốn nghe Vô Lượng Thọ, anh muốn nghe Hoa Nghiêm Kinh, những gì chúng ta nghe thấy đều là những thứ trong lòng ta suy nghĩ. Giống như kênh khác nhau, tôi mở kênh này, bạn sẽ xem được kênh này, tướng hiện ra, những âm thanh nghe được. Bạn nhìn thấy những gì bạn nghĩ, tôi thấy được những gì tôi nghĩ, không xung đột lẫn nhau, đấy là cảnh giới bất khả tư nghị.

*“Nước kia mỗi ngày đều chuyển pháp luân”,* không bao giờ nghỉ. Những gì ở trên đều cho thấy nhân dân Ấn Độ đương thời, hoặc đến hàng trăm, hoặc đến hàng vạn, tận mắt nhìn thấy y chánh trang nghiêm thế giới Cực lạc. Hướng Tây có thế giới, có Phật A Di Đà, hai chữ hữu ở đây, nên phải để ý. Hai chữ hữu chắc chắn là có, không phải giả.

Thời gian đã hết, chúng ta học đến đây.

**Hết tập 548**

# Tập 549

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian:19.08.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị Pháp sư, quí vị đồng học, mời ngồi.

Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 711, bắt đầu xem từ hàng thứ tư, đây là một đoạn khá dài, bắt đầu xem từ câu Thập Vãng Sinh Kinh nói.

*“Thập Vãng Sinh Kinh nói: Phật dạy Bồ Tát Sơn Hải Tuệ: Bây giờ các con nên đứng lên, chấp tay, thẳng người hướng Tây, chánh niệm quán nước Phật A Di Đà, mong thấy Phật A Di Đà. Lúc đó đại chúng cũng đều đứng lên, chấp tay, cùng quán Phật A Di Đà. Lúc đó Phật A Di Đà hiện thần thông lớn, phóng ra ánh sáng, chiếu đến thân Bồ Tát Sơn Hải Tuệ. Lúc đó Bồ Tát Sơn Hải Tuệ cùng tất cả đại chúng, liền thấy tất cả những chuyện trang nghiêm, diệu hảo của nước Phật A Di Đà. Đều là thất bảo, núi thất bảo, cõi nước thất bảo. Nước, chim, cây, rừng, thường nói pháp âm. Nước đó mỗi ngày đều chuyển xe pháp”.*

Ở trước chúng ta đã học đến đoạn này, ở đây có một câu quan trọng nhất, chúng ta phải nhớ nó thật kĩ, đấy là: “*Mỗi ngày thường chuyển xe pháp”*, đây là câu quan trọng nhất, nhất định không được lướt qua. Câu này là những gì người xưa thường nói: *“Xây dựng đất nước, dạy học làm đầu”,* từ xưa đến nay vẫn thường như thế, nơi nào nền học vấn hưng thịnh, nhất định nơi đó nhân dân sẽ an vui, xã hội ổn định. Thực đúng như kinh nói, tất cả tai nạn không thể xảy ra nơi đó được.

Tại sao thế giới Cực lạc tốt đẹp như thế? Tại sao thù thắng như thế? Từ câu nói trên chúng ta có thể đi đến kết luận, mỗi ngày giảng kinh, mỗi ngày dạy học. Nhân dân toàn quốc, từ Bồ Tát đến trời người, không ngày nào không nghe kinh, không ngày nào không dạy học. Cảnh tượng dạy học ở thế giới Cực lạc, có thể nói, đứng đầu trong tất cả cõi nước chư Phật.

Chúng ta thử quay đầu nhìn lại, khi Phật Thích Ca Mâu Ni đang tại thế, bốn mươi chín năm giảng kinh dạy học, chưa một ngày gián đoạn. Đáng tiếc, những gì ngài thị hiện là sống cuộc đời rày đây mai đó, không ở lại lâu một nơi nào. Nếu lưu trú lâu ở một nơi nào, suốt đời một nơi, hiệu quả sẽ khác nhau, nơi đó sẽ trở thành thánh địa Phật giáo, tôi nghĩ tầm ảnh hưởng của nó sẽ rộng hơn.

Thời đó tại sao Phật không làm như thế mà phải sống cuộc đời rày đây mai đó? Ý nghĩa trong đó cực kì thâm sâu, mỗi cái đều có hơn thiệt. Dạy học một nơi, nơi đó trở thành thánh địa, sau khi thành thánh địa, nhân dân nơi đó, sẽ rất dễ cống cao ngã mạn: Ta là nhất, các anh làm sao sánh với tôi, như thế sẽ không sinh trí tuệ, sinh phiền não. Lại còn một số người có tâm xấu, điều này chắc chắn sẽ có, đến xuất gia, đến tu tập, mục đích là gì? Mục đích để vinh hoa phú quí, hoàn toàn vì danh lợi, như thế là hỏng, như thế Phật pháp sẽ biến chất.

Bởi thế, suốt đời ngài chọn cuộc sống rày đây mai đó, nói cho quí vị biết, ngài thực sự buông bỏ. Nếu Thích Ca xây dựng đạo tràng, đấy không phải là chuyện rất dễ ư? Gia tộc là quốc vương, kinh Phật đã ghi, đương thời có mười sáu đại quốc vương, đều qui y Phật, làm đệ tử tại gia của Phật, hộ trì Phật pháp. Nếu muốn dựng đạo tràng, thực sự không tốn một cọng lông, chỉ cần ngài gật đầu là ổn. Những quốc vương, đại thần lúc đó, mang hiến cúng vườn tược, biệt thự của họ, thỉnh Phật đến giảng kinh dạy học, Phật cũng tiếp nhận, không cố chấp.

Lời nói, việc làm của Phật vô cùng rộng rãi, giống như vườn ông Cấp Cô Độc, tinh xá Trúc Lâm, tất cả đều là những vườn hoa rộng lớn. Phật đã ở đó giảng mấy bộ kinh, khi xong công việc, ngài lại di chuyển đến nơi khác. Ngài không lưu luyến nơi mình đã từng ở, để lại cho người đời sau một gợi ý cực kì tuyệt vời.

Bởi thế Phật dạy chúng ta, với những thứ của cải có quyền sử dụng, nhưng không nên có quyền sở hữu. Tôi không cần dùng nữa, vật đưa về chủ cũ, như thế mới hay, không một ai trong tăng đoàn muốn tranh đoạt tài sản. Không nổi lên ý niệm đó, bởi vì họ không có, không có gì cả. Nếu như có, tất nhiên sẽ có người nổi lên ý niệm đó, họ muốn chiếm hữu, là tập khí phiền não chúng sinh từ vô thỉ kiếp đến nay.

Khi Phật Đà tại thế, trong số đệ tử vẫn có tranh giành, sau khi Phật diệt độ thì càng không phải nói. Bởi thế Phật không giữ bất kỳ một thứ gì cả, ngay kinh điển cũng không giữ, đến đi đều là không, kinh điển từ đâu mà có? Sau khi Phật diệt độ, học sinh của Phật, tôn giả Ca Diếp, ông ấy phát khởi, chúng ta nên đưa những lời giáo huấn của Thế Tôn dạy cho chúng ta, nên ghi chép chúng lại, viết thành sách để lưu truyền hậu thế.

Tìm một người giảng lại, tôn giả A Nan, trí nhớ siêu đẳng. A Nan thực sự là người có trí nhớ cực nhạy, nghe qua một lần là không bao giờ quên, ngài có khả năng đó. Khi kết tập Kinh tạng sẽ thỉnh A Nan đăng toà giảng lại, năm trăm A La Hán nghe A Nan giảng kinh. Nghe giảng lại, làm chứng minh cho kinh giáo, mỗi người đều gật đầu, tuyệt vời, Phật đã nói như thế, bèn ghi lại. Một người đề xuất ý kiến, hình như chỗ này có hoài nghi, bỏ câu đó ngay. Dùng phương thức nghiêm ngặt như thế để lấy niềm tin người đời sau.

Bởi thế những vị đệ tử chủ động kết tập. Phật biết được, không phải không biết, biết được có chuyện như thế. Khi kết tập kinh tạng, A Nan đã thỉnh giáo Thế Tôn, những chữ khởi đầu sẽ ghi thế nào? Từ đó Phật đã dạy ngài, mở đầu viết: *“Tôi nghe như vậy”,* Phật ở nơi nào đó, nghĩa là sáu thứ thành tựu, việc này Phật biết, chứng tín. Bởi thế kinh Phật khác những tôn giáo khác, không phải truyền lại từ thiên thần, không phải, là lời Phật nói lúc bấy giờ, đệ tử ghi lại, giống như cách dạy học của Khổng Tử.

Lúc bấy giờ Khổng Tử dạy học cũng không có sách vở, chưa chép thành văn tự, ông chỉ chỉnh lí những lời dạy của cổ nhân. Bản thân ông không có sáng tác. Cũng sau khi Khổng Tử qua đời, những môn đệ của ông chỉnh lí những lời đã nhớ trong kí ức, ghi lại những lời đã nói thường ngày, và lưu truyền cho đời sau. Nổi tiếng nhất là Luận Ngữ, là bút kí của học trò Khổng Tử. Bởi thế dạy học rất quan trọng, người không học, không hiểu gì, không biết gì về đạo lí.

Tam Tự Kinh nói*: “Không được dạy, tánh sẽ thay”,* câu này quả đúng, không phải đùa. Nếu không được dạy dỗ, từ từ con người sẽ không được học hành, họ bị hoàn cảnh bên ngoài vấy bẩn. Chưa đoạn được tập khí phiền não, chắc chắn tập khí phiền não sẽ tăng lên, dần dà trí tuệ sẽ mất đi, ngày nay chúng ta đã chứng kiến tình trạng này.

Rất nhiều trường ốc, các môn học đều là khoa học kĩ thuật. Tôi đã nghe rất nhiều, khi những giáo sư này đề cập chuyện, hiện tại những môn các trường dạy là để làm việc chứ không dạy làm người, biết làm việc, không biết làm người. Bởi thế, rất nhiều các xí nghiệp, muốn tìm những trợ thủ nhưng không thể tìm được, làm sao lại không tìm được? Họ muốn những người đó vừa làm được việc lại vừa biết xử sự, loại như thế không thể tìm được.

Ông Đạo Thạnh Hoà Phu người Nhật rất khôn khéo, ông tự bồi dưỡng cán bộ, bồi dưỡng học sinh, vấn đề này rất đúng, nó trở thành cái người ngày xưa gọi là gia học. Nhà của chúng ta cần những người thế nào? Công ty họ cần những người thế nào, tự bồi dưỡng lấy, ông đã làm rất thành công. Bởi thế giáo dục là quan trọng nhất.

Chúng ta chứng kiến: “*Nước kia mỗi ngày thường chuyển xe pháp”*, chúng ta đã ưa muốn đến nơi đó, pháp có thể nói hết được chăng? Nói không hết. Pháp được lưu xuất từ tự tánh, tự tánh là cứu cánh viên mãn. Trong tự tánh đã hàm chứa trí tuệ vô lượng, đức năng vô lượng, tướng hảo vô lượng. Thực sự không thể lấy hết, dùng mãi không cạn, vì thế Phật giảng mỗi ngày mà vẫn không hết. Tuổi thọ cư dân thế giới Cực lạc rất dài, những gì ta nghe bên đó thực sự là diệu pháp. Tánh tướng, lí sự, nhân quả của cõi hư không khắp pháp giới, chỉ ở đó mới học được rốt ráo, tốt nghiệp là thành Phật, gọi là Diệu Giác Như Lai.

*“Phần trên”,* đoạn kinh văn này: *“Đều cho thấy nhân dân Ấn Độ lúc bấy giờ, hoặc khoảng hàng trăm”,* vài trăm thính chúng. *“Hoặc khoảng hàng vạn”,* hội này độ một vạn hai nghìn người, “*Tận mắt thấy y chánh trang nghiêm thế giới Cực lạc”*, những người tham gia lần pháp hội này đều thấy được thế giới Cực lạc, thấy được Phật A Di Đà.

*“Phương Tây có thế giới, có Phật A Di Đà, hai chữ có ở đây, nên để mắt chú ý”,* hai chữ “*có”* ở đây cho chúng ta biết, bạn phải tin, thực có, không phải mơ hồ.

Khi tuổi về già, đại sư Ngẫu Ích tự lấy biệt hiệu, gọi là Tây Hữu Đạo Nhân, phương Tây, phương Tây có, gọi là Tây Hữu Đạo Nhân, ý cho người biết, thế giới Cực lạc là có thực! Trong Kinh Di Đà cũng có hai chữ có: *“Có thế giới danh vi Cực lạc, có Phật hiệu A Di Đà”,* hai câu có chữ có.

Xem tiếp đoạn cuối: *“Nói chung, phẩm này đủ tứ tất đàn”,* đến đây mới nói rõ Tứ tất đàn. Nếu phiên thành tiếng Trung Quốc, Tứ tất đàn là tứ biến thí, biến là phổ biến, thí là bố thí, bốn loại bố thí phổ biến. Cũng có thể gọi là cúng dường, dùng tâm cung kính là cúng dường, bốn loại này là chư Phật Bồ Tát đối với tất cả chúng sinh. Chúng ta biết tứ tất đàn mới có thể biết được ân đức Phật Bồ Tát đã ban cho chúng ta.

*“Thứ nhất, y chánh Cực Lạc có mặt là thế giới tất đàn”,* một trong tứ tất đàn, thế giới, thế giới có nghĩa là gì? Hoan hỉ, đây chính là những gì trong kinh Đại thừa thường nói, nơi Bồ Tát có mặt khiến chúng sinh khởi tâm hoan hỉ. Bồ Tát vô ngã, không có phân biệt, không có chấp trước, đối xử hoàn toàn bình đẳng với tất cả chúng sinh. Bồ Tát đều đã chứng tự tánh, tự tánh là nhất thể, tất cả pháp đều hiện ra từ tự tánh. Quan hệ giữa tự tánh với ta là nhất thể, không phải một nhà, một nhà không phải nhất thể, sâu sắc hơn cả quan hệ gia đình.

Nhất thể như mắt tai mũi lưỡi thân, lục phủ ngũ tạng là nhất thể, chúng ta thường nói là tâm can bảo bối, nhất thể là tâm can bảo bối, không phải bên ngoài, nhất thể! Bởi thế, Phật Bồ Tát thực sự xem tất cả chúng sinh, tất cả vạn vật là nhất thể, chúng ta ngược lại, chúng ta không biết.

Chúng ta thường lấy giấc mơ làm thí dụ để quí vị có thể hiểu nhất thể. Trong mơ, tất cả những cảnh tượng trong mơ đều do sự biến hiện của ý thức, chắc chắn không có những thứ ngoài ý thức nhảy vào trong giấc mơ của ta, không thể được. Tất cả đều là tự tánh hiện ra, biến ra, tâm hiện thức biến.

Trong kinh Phật dùng thí dụ, lấy giấc mộng làm thí dụ rất nhiều. Thí dụ này khá giống, có thể hiểu được nhất thể, cảnh trong mộng là nhất thể. Ngay núi sông đại địa, hư không trong mộng cũng là nhất thể. Xét về lí, ngoài tâm tánh ra, không cầm nắm một pháp nào, khi đã hiểu được nhất thể rồi mới biết pháp pháp giai như, pháp pháp đều như vậy. Đây chính là những gì Thiền tông nói: *“Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”*, không còn có phân biệt, không còn có chấp trước, đó là hoan hỉ “*sinh tâm mong cầu”.*

Bây giờ chúng ta đã thấy y chánh trang nghiêm thế giới Cực lạc, đều hiện ra trước mắt. Cắt đứt tất cả những nghi tình, tất nhiên sinh tâm hoan hỉ, sinh tâm chân tín, thực sự phát nguyện vãng sinh.

*“Thứ hai:* *“Đại chúng A Nan, hoan hỉ làm lễ, xưng niệm Thánh hiệu, đấy vị nhân tất đàn”,* vị nhân có ý nghĩa gì? Sinh thiện, vị nhân là sinh thiện: *“nên khiến sinh thiện”.* Tôn Giả A Nan dẫn đầu, Di Đà đại từ đại bi, đưa cảnh đó bày ra để mọi người thấy được, A nan ngớ người, năm vóc sát đất.

Thân lễ bái là thân cung kính, xưng niệm Phật hiệu là miệng cung kính, ý cung kính, ba nghiệp kiền thành cung kính, đấy là thiện. Thiện ở đây là người xưa thường nói, tu phúc. Sinh đến thế giới Cực lạc, hạ hạ phẩm vãng sinh Phàm thánh đồng cư độ, cũng đầy đủ minh tâm kiến tánh.

Trí tuệ, thần thông, đạo lực của những Đại sĩ Pháp thân đã kiến tánh thành Phật. Nhờ sự gia trì của Phật A Di Đà, tất cả đều thành Bồ Tát Bất thoái chuyển. Họ có khả năng, tuỳ lúc tuỳ ý, biến hiện vô lượng vô biên thân phận, hoá thân, đến lạy Phật ở mười phương thế giới. Lạy Phật ở mười phương thế giới là tu phước, cúng dường, lạy Phật, cúng dường tu phước. Nghe Phật giảng kinh thuyết pháp để khai trí tuệ. Nơi đó, mỗi ngày đều tu phước và tuệ không ngơi nghỉ, bởi thế họ nhanh chóng thành Phật, là có lí. Chư Phật ở những thế giới khác, chỉ có Bồ Tát Thật báo trang nghiêm độ mới có khả năng đó, có nhân duyên đó, giống như thế giới Cực lạc.

Bồ Tát ở thập pháp giới không được, không có khả năng đó. Bồ Tát ở pháp giới tứ thánh không ra khỏi phạm vi thế giới Tam thiên đại thiên. Chúng sinh trong lục đạo, không ra khỏi phạm vi lục đạo, phạm vi hoạt động của họ có giới hạn. Thế giới Cực lạc lớn đến độ không có gì nằm ngoài, nhỏ đến độ không có gì bên trong, không hạn chế. Bởi thế, đây chính là cứu cánh viên mãn của sinh thiện.

*“Trì danh vãng sinh là thiện trong những điều thiện”,* tất cả pháp của thế xuất thế gian, không thứ nào vượt qua được thiện này. Trì danh có thể được vãng sinh, vãng sinh đến thế giới Cực lạc là thành Phật.

*“Thứ ba, phá nghi sinh tín, là đối trị tất đàn”.* Hai chữ đối trị rất dễ giải thích. Trị bệnh, mang bệnh, bạn trị lành bệnh, bệnh gì? Nghi hoặc, nghi hoặc là chướng ngại lớn nhất trong việc tu hành Bồ Tát. Với thế giới Cực lạc, chúng ta có hoài nghi chăng? Có, rốt cuộc là giả hay thật? Nhất là sống trong thời đại ngày nay, đây là thời đại phát triển khoa học, điều kiện đầu tiên của khoa học là hoài nghi. Quý vị có thể hoài nghi với tất cả hiện tượng vật lí, hoài nghi đến tận cùng, đến lúc nào có phát hiện mới thì thôi. Nhưng đối với thánh giáo là hỏng, nếu hoài nghi thánh giáo, quý vị không bao giờ kiến tánh.

Chúng ta vẫn dùng thuật ngữ hiện đại, vật lí có thể hoài nghi, có thể phát hiện mới. Tâm lí không được hoài nghi, hoài nghi tâm lí là mất mạng. Quý vị mắc bệnh, nếu nghĩ bệnh này không thể chữa khỏi, chắc chắn chữa không khỏi. Dù chữa trị bao nhiêu, thuốc thang bao nhiêu, không có tác dụng gì, đấy là gì? Đó là tâm lí. Nếu mắc bệnh, bệnh chóng khỏi, đấy là gì? Không nghi ngờ, không nghi ngờ bản thân, bệnh sẽ rất chóng khỏi. Do có niềm tin, không hoài nghi với cách chữa trị, không hoài nghi thầy thuốc, rất chóng khỏi.

Trên thực tế, bác sĩ trị bệnh, hiệu quả cứu sống độ ba phần, lòng tin đến bảy phần. Nếu ta đặt tất cả niềm tin, không cần thuốc thang, tự khỏi.

Ngày trước tôi đã nghe bài báo trong CD Sơn Tây Tiểu Viện. Hơn bốn mươi người mắc chứng ung thư, bệnh viện tuyên bố không còn cách chữa, cho mọi người biết họ chỉ sống hơn ba tháng nữa. Những người này sống rất thoải mái, bây giờ vẫn còn, nguyên nhân do đâu? Trị bằng cách nào? Bằng lòng tin. Khi nghe được tuyên bố đó, nhất tâm niệm Phật, nhất tâm không hai niệm, cầu sinh Tịnh độ. Không vãng sinh Tịnh độ, nhưng bệnh lành, tái khám không thấy gì nữa, đây là gì? Tin tưởng 100% sẽ chữa khỏi bệnh, tự khỏi. Chứng phát ban đỏ của Lưu Tố Vân, cũng được chữa như thế, không cần thuốc thang.

Bởi thế câu cuối cùng nói rất nặng, chính xác: *“Chưa đoạn nguông gốc của nghi, tức là tội căn, khi tín lực đủ rồi, nên toàn nhờ Phật lực”,* mấy câu này nói rất hay. Con người nhờ đâu để thành Phật? Nhờ niềm tin để thành Phật. Tin tưởng vào hai câu nói: *“Vốn là Phật”.* Tịnh tông có nói: *“Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật”*, vậy còn vấn đề gì nữa? Thị tâm, quý vị vốn là Phật. Hiện tại quý vị niệm Phật là muốn thành Phật, vốn là Phật, bây giờ lại niệm Phật, làm gì có chuyện không thành Phật! Điều thứ ba trong Tịnh nghiệp tam phước đã nói: *“Thâm tín nhân quả”*.

Mấy năm gần đây, khi nói đến điều này tôi đã nói với mọi người, thâm tín nhân quả là gì vậy? Tin tưởng, niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Tin Phật là gì? Tin thị tâm thị Phật. Bởi thế niệm Phật được gọi là thị tâm tác Phật. Không hoài nghi điểm này, ta sẽ thành Phật, hoài nghi, lập tức bị đoạ lạc. Bởi thế khi “*tín lực đầy đủ, trở thành Phật lực*”, đó là gì? Phật lực gia trì bạn, tự Phật, tâm Phật.

*“Thứ tư, Tâm và Phật không hai, diệu cảm khó nghĩ, sự lí không hai, diệu cảnh bày ra, đây là đệ nhất nghĩa tất đàn”.* Đệ nhất nghĩa là cứu cánh viên mãn, bởi thế chúng ta nên tin tưởng tâm và Phật là một, không phải hai. Tâm là tâm của ta, Phật là Phật hiện ra trong tâm ta. Phật A Di Đà là tự tánh hiện ra, do tâm hiện ra. Phật Thích Ca Mâu Ni cũng từ tâm hiện ra. Phật Tì Lô Giá Na cũng từ tâm hiện ra. Tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời, không rời tự tánh, Phật ở đâu? Phật ở trong tự tánh. Bồ Tát ở đâu? Bồ Tát cũng ở trong tự tánh.

Chư Phật Như Lai là tánh đức của ta; chư Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, là tu đức của ta. Tánh và tu không hai, chúng sinh và Phật là một, chúng sinh với Phật là một, không hai. Đấy gọi là thực sự đại viên mãn. Bởi thế diệu cảm khó nghĩ, tâm chúng sinh có cảm, Phật lập tức có ứng, cảm ứng đạo giao bất khả tư nghị. Lí sự không hai, diệu cảnh có mặt.

Cảnh giới là sự, diệu là lí, Lí là gì? Lí là tâm tánh, tâm tánh năng hiện năng sanh. Khi mê gọi là A lại da, A lại da năng biến, nó biến ra những gì? Biến pháp giới Nhất chân Thật báo trang nghiêm độ thành thập pháp giới, đấy là duy thức, duy thức sở biến. Không có thức thì không có thập pháp giới, chỉ có Thật báo trang nghiêm độ, không có những thứ khác, trong các cõi nước chư Phật có cõi Phật này.

Chúng ta đọc trong Hoa Tạng Thế Giới Phẩm, trong Thế Giới Thành Tựu Phẩm, thế giới Cực lạc của chư Phật và Bồ Tát, toàn là Thật báo độ, không có Đồng cư độ, cũng không có Phương tiện độ, đấy là đệ nhất nghĩa đế. Đệ nhất nghĩa đế *“viên chương tánh cụ”,* chương là làm nổi bật, hiển thị cho chúng ta, là vốn có trong tự tánh. *“Vì khiến nhập vào thật tướng”,* thật tướng là chân tướng của tất cả pháp.

*“Như Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận nói”,* Khởi Tín Luận là tác phẩm của cư sĩ Bành Tế Thanh. Vị cư sĩ này không phải là người thường, thông tông thông giáo, hiển mật viên dung. Dưới hình dáng của một người tại gia, suốt đời hoằng pháp lợi sinh, dùng thân cư sĩ hoằng pháp lợi sinh rồi vãng sinh Tịnh độ. Ông nói: *“Bên phải nói rõ ánh sáng vô lượng chiếu soi tất cả, Cực lạc Ta bà cùng một pháp giới, vốn không phân biệt, sao có Đông Tây*”. Cả đoạn dài phần sau đến tổng kết, đều là nội dung trong Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận.

Nếu nói đây là người bình thường thì không thể nói được, trong cảnh giới đó, không gian không còn nữa, làm gì có phương Đông, phương Tây, thời gian cũng không còn.

Việc này bây giờ đã được các nhà khoa học khẳng định, thời gian, không gian không phải thật. Nhưng Phật nói thời gian, không gian không phải thật, quý vị xem, là từ ba nghìn năm trước. Thời gian, không gian là những gì? Bộ tiểu luận nhập môn của Tướng tông, Bách Pháp Minh Môn Luận, đây là cuốn cần đọc khi nhập môn Pháp tướng tông. Cuốn sách cho chúng ta biết, thời gian, không gian được đặt vào bất tương ưng hành pháp.

Bách Pháp Minh Môn Luận là tác phẩm của Bồ Tát Thiên Thân, căn cứ trên Du Già Sư Địa Luận của Bồ Tát Di Lặc, đại luận của Tướng tông. Bồ Tát Di Lặc là chuyên gia về Pháp tướng duy thức. Pháp tướng duy thức là cuốn tâm lí học trong nhà Phật, bây giờ phân khoa, nó là tâm lí học.

Bồ Tát Di Lặc tạo đại luận này, Du Già Sư Địa Luận, đã đem tất cả pháp qui nạp thành 660 pháp, phân loại như thế. Tất cả pháp vô lượng vô biên, đấy là điều khó diễn giảng, qui nạp thành 660 pháp. Bồ Tát Thiên Thân thấy 660 pháp sẽ gây khó cho người mới học, vẫn còn rườm rà, bởi thế qui nạp lần nữa, qui nạp thành 100 điều, trở thành trăm pháp.

Trăm pháp này lại được chia ra năm loại lớn. Thứ nhất là tâm pháp, tám cái, tức tám thức: A lại da, mạt na, ý thức, sau đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tám thức này là tâm pháp. Tâm sở hữu pháp, tâm sở hữu pháp là tác dụng tâm lí, nghĩa là tác dụng của tám thức, tổng cộng có 51 pháp, 51 tâm sở hữu pháp. Trong 51 này chỉ có khả năng của thức thứ sáu là lớn nhất, nó có trong tất cả 51 thứ đó. Giống a lại da, a lại da và tâm sở tương ưng, chỉ có năm, năm biến hành. Những thứ khác không tương ưng với a lại da, bởi thế công năng của thức thứ sáu là lớn nhất. 51 tâm sở tương ưng, đây là tâm sở pháp, tác dụng của tâm lí thứ hai.

Thứ ba là sắc pháp, sắc pháp là vật chất, tổng cộng có 11. Đó là năm căn, sáu trần, mắt tai mũi lưỡi thân ý căn. Ý căn là mạt na, nó là tâm, nó không phải sắc pháp. Sáu trần, sắc thanh hương vị xúc pháp. Năm căn, sáu trần là sắc pháp, nghĩa là hiện tượng vật chất.

Thứ cuối cùng là tâm bất tướng ưng hành pháp. Bất tương ưng hành pháp có hai mươi bốn, nói theo ngôn ngữ ngày nay, khái niệm trừu tượng, căn bản không có những thứ này, tổng cộng có hai mươi bốn pháp. Không gian, thời gian được xếp vào một loại, bởi thế nó là khái niệm trừu tượng, cơ bản không có, bạn muốn tìm cũng không thể tìm thấy.

Quý vị xem, đối với thời gian và không gian, ba nghìn năm trước, nói theo ngôn ngữ ngày nay, nó được sản sinh từ khái niệm trừu tượng, nó không phải thật. Nó không phải tâm pháp, không phải tâm sở hữu pháp, cũng không phải sắc pháp. Nhưng nó từ trong ba thứ pháp này, trừu tượng biến hiện mà có những thứ đó, bây giờ các nhà khoa học đã khẳng định.

Bởi thế, nói thật với các vị là gì? Thật sự là ngay giây phút này, không có trước sau, trước sau là thời gian. Không có nơi này chỗ khác, nơi này chỗ khác là không gian. Giáo lí Đại thừa gọi là sống ở giây phút này, nghĩa là ở giây phút đó, lời này nói thật gần gũi! Nếu chúng ta chưa đọc những lời đối thoại giữa Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc, chúng ta sẽ không hiểu những lời này, thế nào là ngay giây phút này? Chúng ta rất mơ hồ với khái niệm giây phút này, đọc được những lời đối thoại giữa Thế Tôn với Bồ Tát Di Lặc, chúng ta mới hiểu, mới bừng sáng đại ngộ.

Giây phút này, chúng ta thử tính sơ sơ về giây phút này, một giây năm lần búng mống tay, giây phút này là gì? một nghìn sáu trăm triệu trên một giây, đó là giây phút này, gọi là nhất niệm, có thể nắm được nhất niệm đó chăng? Không thể nắm bắt, không giữ được. Chúng ta dấy lên ý niệm, không biết bao nhiêu niệm? Phật Thích Ca Mâu Ni hỏi, hỏi rất hay, ngài hỏi Bồ Tát Di Lặc, cũng là hỏi những người phàm phu chúng ta: *“Tâm có bao nhiêu niệm”.*

Chúng ta dấy lên tâm niệm, tâm có niệm, Phật hỏi trong nhất niệm có bao nhiêu niệm, bao nhiêu tướng, bao nhiêu thức? Bồ tát Di Lặc thưa: Một búng mống tay có ba mươi hai ức trăm nghìn niệm, trăm nghìn là đơn vị, một trăm nghìn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân mười vạn, là ba trăm hai mươi triệu, một búng tay ba trăm hai mươi triệu niệm.

Bởi thế Phật nói cho chúng ta chân tướng sự thực, chân tướng sự thực là gì? *“Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”,* trong tất cả pháp này bao gồm cả Phật pháp, bao gồm thế giới Cực lạc, bao gồm thế giới Hoa Tạng, bao gồm tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời, tất cả chúng sinh, y chánh trang nghiêm đều bất khả đắc, nó được sinh ra thế nào? Từ nhất niệm sinh ra, nhất niệm phát sinh, liên tục mỗi niệm.

Bởi thế phần trước chúng ta đã học, liên tục ở đây là tương tự tương tục, kinh nói rất hay, tại sao vậy? Mỗi niệm của nó không giống nhau, ngày nay chúng ta rất dễ hiểu vấn đề này. Mỗi giây, thay đổi cả vũ trụ này giống nhau chăng? Khác nhau, thế nên, nói thật, chúng ta thấy thân thể này đang tồn tại, giây trước không phải giây sau, giây trước và giây sau đã thay đổi, không phải giống nhau. Hình dáng đang thay đổi, thể chất đang thay đổi, tại sao? Ý niệm khác nhau, ý niệm đang thay đổi. Khi không còn ý niệm nữa, không khởi tâm, không động niệm, không còn thay đổi. Tướng ở đây, có thể nói là tướng liên tục, không phải tướng tương tự tương tục. Trong Thập pháp giới là tướng tương tự tương tục, pháp giới nhất chân là tướng liên tục, mỗi tướng đó đều giống nhau.

Bởi thế người ba đại tăng kì kiếp không già, mãi mãi không già. Cây cỏ hoa lá, nghìn năm, vạn vạn năm không bao giờ khô héo, hay có dấu hiệu khô héo, đấy là pháp giới nhất chân. Thế giới Cực lạc là pháp giới nhất chân. Những cảnh tượng ở thập pháp giới sẽ thay đổi, pháp giới nhất chân không thay đổi, bởi vì họ đã chuyển thức thành trí, chuyển bát thức thành tứ trí.

Bởi thế ánh sáng vô lượng chiếu soi tất cả, ở đây là ánh sáng tự tánh Phật, khiến bạn thấy được chân tướng tất cả pháp. Dưới ánh sáng này, Cực lạc, Ta bà cùng một pháp giới, không có chút phân biệt nào, nhất niệm đó đồng thời biến hiện, Cực lạc và Ta bà là nhất niệm đồng thời biến hiện. Nhất niệm là một cái búng tay, một phần ba trăm hai mươi triệu.

Thời gian ngắn như thế, chia một cái búng tay thành ba trăm hai mươi triệu, nhất niệm đó là một phần của ba trăm hai mươi triệu, cùng một pháp giới, vốn không phân biệt. Phân biệt là do ta nhìn sai, mê lầm, nên có phương Đông hay phương Tây gì đó, mới có khoảng cách mười vạn ức cõi nước Phật.

Phần tiếp theo nói: *“Núi sông quả đất, đều do vảy trong mắt chúng sinh tạo thành”.* Câu này được Phật nói trong Kinh Lăng Nghiêm, có nghĩa thế nào? Vốn không có, toàn nhìn nhầm, vảy trong mắt là gì? Chứng phá hỏng mắt, khi mắt hỏng, thấy không trung mờ mịt, giống như không trung có, do mắt, do mắt hỏng.

Khi bật đèn ở chỗ chúng ta, hoặc đốt ngọn nến, một vòng sáng tròn trên ánh nến, mắt thật tinh cũng không thấy, người có bệnh về mắt khi thấy, thấy ánh sáng đó. Điều này cho thấy, vảy mắt là những chúng sinh mê hoặc, mê thất tự tánh, bạn sẽ thấy thứ như thế. Nếu thực sự giác ngộ, tất cả đều giả, căn bản không có.

Người giác ngộ nhìn thấy hiện tượng dao động, đấy gọi là thật tướng các pháp. Trong mỗi dao động, Bồ Tát Di Lặc nói: *“niệm niệm hình thành”*, hình là hiện tượng vật chất. Trong mỗi hiện tượng dao động đều có hiện tượng vật chất. *“Hình đều có thức”,* thức là gì? Thọ tưởng hành thức. Trong mỗi hiện tượng vật chất đều có hiện tượng tinh thần. Bởi thế, hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất không bao giờ tách rời nhau.

Ngày nay gọi duy tâm, duy vật đều sai, tâm với vật là một không phải hai. Ta không thể thừa nhận một nửa, nó còn một nửa khác, không bao giờ tách rời. Hiện tượng vật chất nhỏ đến thế nào, đều là ngũ uẩn như trong kinh Phật nói, là sắc thọ tưởng hành thức. Sắc là vật chất, thọ tưởng hành thức là hiện tượng tinh thần.

Phần trước chúng ta đã học chấm nhỏ như sợi lông hạt bụi, nói rằng một cọng lông, một cọng lông măng, một hạt bụi, chấm nhỏ như bụi, lông, ngày nay chúng ta gọi là lượng tử, tiểu quang tử. Mắt thường chúng ta không nhìn thấy, nhưng dưới kính hiển vi cao độ sẽ thấy được. Nó đầy đủ sắc thọ tưởng hành thức như trong kinh Phật nói.

Bởi thế, thí nghiệm nước của tiến sĩ Giang Bổn Thắng đã chứng minh, nước là vật chất, nước biết nhìn, biết nghe, hiểu được ý người. Nghĩa là nước có sắc thọ tưởng hành thức, nó có cảm nhận. Ta khen, nó vui, ta mắng, nó ghét, nó có cảm xúc, biết trả lời bạn. Ta thương yêu, nó yêu ta lại; ta ghét, nó ghét trở lại. Bởi thế tất cả vật chất, hiện tượng vật chất, đều có sắc thọ tưởng hành thức, khởi tâm động niệm của chúng ta liệu giấu được ai? Có thể giấu người, tất cả hiện tượng vật chất, không thể giấu nó được, chúng nó sẽ biết, thứ gì biết? Cõi hư không khắp pháp giới biết.

Hoàn Nguyên Quán nói về ba thứ chu biến, thứ nhất: *“Chu biến pháp giới”*, vừa khởi ý niệm, cả pháp giới đều biết. Bởi thế cả pháp giới giống như một mạng lưới, ta đụng vào một điểm nào đó, tất cả đều biết, thứ gì không biết? Là những thứ bản thân có vấn đề, nơi có chướng ngại sẽ không biết, chướng ngại đó là gì? Bị tê liệt, khi hết chướng ngại sẽ biết được ngay.

Chư Phật Bồ Tát, gọi là Bồ Tát pháp thân, không có chướng ngại, họ biết hết. Phật Bồ Tát trong pháp giới Tứ thánh, như A La Hán, Phật Bích Chi, những vị đó biết một phần, chứ chưa biết tất cả. Khởi tâm động niệm của chúng ta, Thanh Văn, Duyên Giác cõi Ta bà biết. Thanh Văn, Duyên Giác cõi khác không biết, nhưng Bồ Tát Pháp thân biết, Bồ Tát Pháp thân không có chướng ngại.

Chu biến pháp giới, nên ghi nhớ, một khi chu biến lập tức gây ra ảnh hưởng, va chạm, xuất sanh vô tận. Không cứ thiện niệm hay ác niệm đều chu biến pháp giới. Bởi thế đừng gây ra niệm ác: tôi ghét người này, tôi ghét con vật kia, tôi ghét con rắn vì nó làm chết người. Những ý niệm như thế sẽ chu biến pháp giới, ý niệm đó xuất sinh vô tận. Khi ta không để ý, sẽ làm một cách tuỳ tiện, khi đã biết, mới hiểu ra sẽ gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng.

Khi mang thai, người mẹ khởi tâm động niệm, làm sao thai nhi không biết được? Làm gì có chuyện đó! Thiện niệm của ta, tất cả những gì ta nghĩ về người khác đều là thiện, trong cảnh giới thiện niệm, sẽ nuôi lớn họ. Nếu lúc nào cũng giận dữ, ác niệm, tâm hành của họ cũng trở thành ác.

Bởi thế người xưa biết cách dạy con từ trong bụng, mỗi niệm đứa trẻ đều cảm nhận được, ảnh hưởng đến nó, nó sẽ thay đổi theo ý niệm. Mỗi niệm đều là thiện niệm, mười thánh mang thai đều là thiện niệm, bà mẹ nghĩ điều thiện, bà mẹ làm việc thiện, làm sao đứa trẻ không thiện được? Thánh nhân!

Thánh nhân nhờ dạy mà có. Phật Bồ tát cũng nhờ dạy mà có, nhân duyên sâu nặng giữa bà mẹ và con cá. Bà làm sao nuôi đứa trẻ đó thành Thánh nhân, thành Phật Bồ Tát, công đức của bà sẽ vô lượng. Nhờ công đức đó, bà sẽ vãng sinh, tại sao? Bà đã sản sinh ra một vị Thánh cho thế giới, vị Thánh đó ban bố ân đức cho thế gian. Trong công đức của họ, bà có một phần, có mấy người hiểu được điều này? Không ai hiểu được việc này, người xưa biết được, phát triển ở Trung Quốc mấy nghìn năm nay.

Bây giờ mọi người vừa học khoa học đã đánh một dấu hỏi lớn, hoài nghi về việc đó, lạnh nhạt với nó. Từ điểm này chúng ta có thể lí giải, những gì cổ thánh tiên hiền để lại là tuyệt vời, khoa học không thể giải thích. Khoa học chỉ có thể giải thích hiện tượng vật lí, họ không thể giải quyết hiện tượng tâm lí. Tâm lí, vật lí trong Phật pháp đều có. Vật lí là sắc pháp, thọ tưởng hành thức là tâm pháp, thọ tưởng hành thức từ đâu mà có? Kiến văn giác tri vốn có trong tự tánh. Bởi thế kiến văn giác tri là tánh đức, vốn có trong tự tánh. Khi mê nó trở thành thọ tưởng hành thức, giác ngộ, thọ tưởng hành thức được khôi phục thành kiến văn giác tri. Bởi thế hiện tượng tinh thần của chúng ta ngày nay là méo mó, biến tướng của kiến văn giác tri. Điều này cho thấy tất cả pháp trong vũ trụ thực sự là nhất thể.

*“Nếu có thể nhất niệm nhập vào cảnh giới Phật, ánh sáng, trí tuệ vô lượng, trùm khắp cõi nước”.* Chu ở đây là chu biến pháp giới, tất cả cõi nước chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Trần, hình dung rất nhiều, nhiều đến mức nào? Giống như cát bụi, không thể tính đếm, phổ chu trần sát.

“*Tam đồ lục đạo đồng thời giải thoát”,* bản thân ta đã giải thoát, những cảnh giới ta nhìn thấy đều giải thoát. Khi ta đã thành Phật, tất cả vạn vật, núi sông quả đất trong mắt đều thành Phật hết, tất cả chúng sinh đều thành Phật hết, tại sao? Chúng ta thấy được tự tánh của nó, tự tánh vốn là Phật.

Quý vị thấy tướng của nó, tướng đó là lục đạo, tam đồ, thập pháp giới, là tướng. Nhìn trên mặt tánh, mỗi mỗi đều là Phật, Phật này mê ở chỗ này, Phật kia mê ở chỗ kia, chưa giác ngộ. Chưa giác ngộ không thể nói đó không phải Phật, tự tánh của nó không mê, những gì mê? A lại da thức, a lại da là giả, không phải thật. Khi đã mê, tự tánh cho ra sản phẩm phụ, những thứ đó không phải thật. Không phải thật, ta có thể buông bỏ, có thể cắt đứt nó. Thật thì không thể đoạn được, không đoạn được tự tánh, không đoạn được kiến văn giác tri, nó là chân.

Không thể đoạn được trí tuệ, bây giờ đang mê, trí tuệ biến thành phiền não. Bởi thế trong kinh thường nói phiền não tức Bồ đề, Bồ đề là trí tuệ. Khi giác ngộ phiền não biến thành trí tuệ, khi mê trí tuệ trở thành phiền não. Nó là một, không phải hai thứ khác nhau, chỉ chuyển đổi mà thôi. Không đoạn được phiền não, đoạn phiền não thì trí tuệ cũng mất, chuyển đổi gọi là đoạn, không phải đoạn thật, phiền não biến thành trí tuệ.

Bởi thế, tam đồ lục đạo đều biến thành pháp giới nhất chân, khôi phục lại, khôi phục bình thường, giác ngộ là khôi phục. Khi mê lầm, pháp giới nhất chân biến thành lục đạo tam đồ.

*“Không những A Nan được oai Phật gia bị, thấy được thân Phật, và các y chánh*”. A Nan là A La Hán, Di Lặc là Bồ Tát Đẳng Giác. Chư Phật, Bồ Tát, A La Hán, đều được oai thần Phật A Di Đà gia trì. Thấy được thân Phật, thấy được Phật A Di Đà, thấy được thế giới Cực lạc, y chánh là thế giới Cực lạc.

*“Tức những chúng sinh mạt pháp này”,* nói đến chúng ta bây giờ, hiện tại chúng ta đang ở trong thời kì mạt pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, như thế nào? *“Nếu vào được pháp môn này”,* đây là lời của Bành Tế Thanh. Nếu ta đi vào pháp môn này, pháp môn này là gì? Pháp môn Tịnh độ, pháp môn trì danh niệm Phật. Bộ kinh này kêu gọi ta phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm, đó là pháp môn này.

*“Không rời niệm này, nhanh chóng thấy Phật”,* nếu thực sự buông bỏ mọi duyên, nhất tâm chuyên niệm, ta cũng có thể thấy được cảnh giới này, đây không phải là những lời viển vông.

Cuối cùng dẫn Kinh Hoa Nghiêm để chứng minh, cho thấy những lời này là thực, không phải viển vông, tại sao? Cùng một đạo lí. Khi Thế Tôn thuyết pháp, có thể cảm động Phật A Di Đà, cảnh giới đó hiện ra để chúng ta thấy.

Thời đại chúng ta ngày nay, đã có ai thấy Phật chưa? Có, thấy Phật lớn chừng nào? Thật vậy, giống vua núi Tu Di, giống núi Hoàng Kim. Có người đã thấy, tướng hảo thân Phật hiện lớn như hư không, nhìn thấy thấy, cả một gốc trời. Điều lạ là quý vị thấy rất rõ ràng, không lơ mơ. Bởi thế đây là chuyện có thực, không phải giả. *“Không rời đương niệm, nhanh chóng thấy Phật”.*

Kinh Hoa Nghiêm nói*: “Chư Phật như tấm kính lớn, thân ta như ngọc ma ni. Pháp thân chư Phật nhập thân ta, thân ta thường nhập vào thân Phật”*. Đấy là gì? Ta và Phật trở thành một thân thể. *“Phật như tấm gương lớn”,* đây là thí dụ. *“Thân ta như ngọc ma ni”,* viên ngọc soi vào gương, trong gương có ngọc. Châu là châu báu, nó có thể phát sáng, trong viên ngọc có hình tấm gương, trong tấm gương có hình viên ngọc, vì thế pháp thân chư Phật trong thân ta, nhất thể. Thân ta cũng thường nhập thân chư Phật, giống như nằm trong thân thể Phật. Những lời trong Kinh Hoa Nghiêm là có thật, không phải tưởng tượng, là chân tướng sự thực.

*“Biết Phật và chúng sinh, vốn không hai, gọi là thấy Phật, thật ra không thấy, tại sao vậy? Không thể nhìn thấy nhau khi trong cùng một thân thể”.* Đấy là thật, không một chút giả dối, *“không thể trong cùng một thân mà nhìn thấy nhau”*. Nhưng nó vẫn có hiện tượng chiếu soi lẫn nhau che chở lẫn nhau, đấy là điều không thể nghĩ bàn. Thân như thế, nước cũng không ngoại lệ.

Thế giới Cực lạc cũng giống tấm gương lớn, thế giới Ta ba như viên ngọc ma ni. Trong tấm gương có hình ngọc ma ni, trong viên ngọc ma ni cũng có hình tấm gương, ánh sáng soi chiếu lẫn nhau, đúng là nhất thể.

Như chúng ta soi gương vậy, tấm gương lớn, hình chúng ta trong đó, đấy là ví dụ, còn sự thực? Sự thực là một, tất cả các pháp đều nằm trong đại viên cảnh. Đại viên cảnh là gì? Đại viên cảnh là tự tánh, chuyển A lại da thành đại viên cảnh trí. A lại da chuyển thức thành trí, chuyển thành đại viên cảnh, chỉ điều gì? Là cảnh giới này, bạn mới thực sự hiểu được y chánh trang nghiêm cõi hư không khắp pháp giới toàn do tự tánh biến hiện.

Tự tánh là đại viên cảnh, tự tánh là Thường tịch quang, đấy là chân ngã, không phải giả. Bốn tịnh đức thường lạc ngã tịnh, không cần Phật nói, ta tự chứng được, đi vào cảnh giới đó rồi. Khi đi vào cảnh giới đó, hãy nghĩ còn thiên tai nào nữa chăng? Thiên tai không phải thật, địa ngục, thiên đường đều là huyễn hoá, có chuyện đó chăng? Có, như đang xem kịch vậy, giống như xem film, xem truyền hình, không có gì thật, *“phàm có hình tướng, tất cả đều hư vọng”, “tất cả pháp hữu vi”.* Pháp hữu vi có sinh có diệt, Thật báo độ không sinh không diệt, Thật báo độ không thay đổi.

Nếu có sinh diệt, khi kiến tánh, Thật báo độ có mặt. Khi chứng Diệu Giác, Thật báo độ không còn. Bởi thế Thật báo độ cũng không phải thật, quả thật là *“phàm có hình tướng tất cả đều hư vọng”,* điều sau cùng là thật.

Trong trăm pháp, chân như vô vi cuối cùng trong sáu loại pháp vô vi. Chân như vô vi là Thường tịch quang tịnh độ, nó vĩnh hằng bất biến. Trong Thường tịch quang không có một thứ gì nhưng không thiếu thứ gì, hay là hay ở chỗ đó. Vấn đề này, khoa học và triết học không bao giờ với tay đến, tại sao? Bởi họ sử dụng a lại da thức, dùng thức thứ sáu.

Thức thứ sáu là vọng tâm, vọng tâm chỉ duyên được vọng cảnh, cảnh giới hư vọng, không thể duyên đến chân, làm sao duyên đến chân? Phật dạy: *“Chỉ có chứng được mới biết”,* nếu muốn chứng được, phải dùng phương pháp nào? Buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước sẽ chứng ngay, quý vị thấy đơn giản chăng. Chúng ta đang trong lục đạo, không cách vượt thoát từ vô lượng kiếp đến nay, chính bị thứ này phá hại. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, bây giờ vẫn đang làm, càng làm càng thấy phấn khởi, đấy là rắc rối lớn.

Phật pháp rất phù hợp tinh thần khoa học, ta có thể thực nghiệm, nó có thể chịu được va đập. Thực nghiệm sẽ hiểu được, chúng ta thử buông bỏ xem, buông bỏ phiền não kiến tư, để xem có phải cảnh giới A La Hán chăng? Không còn lục đạo, lục đạo là do phiền não kiến tư biến hiện. Khi đã buông bỏ, không khác gì vừa tỉnh giấc mộng, không thấy lục đạo nữa, cảnh giới khi tỉnh mộng là gì? Cảnh giới A La Hán, ở đây là pháp giới Tứ thánh: A La Hán Phật Bích Chi, Bồ Tát, Phật, pháp giới Tứ thánh bên trên thập pháp giới, bạn thấy được, không còn lục đạo nữa.

Bởi thế đại sư Vĩnh Gia nói rất hay: Trong mộng rõ ràng có lục đạo, tỉnh dậy thoáng đãng không đại thiên. Khi tỉnh rồi, lục đạo không còn nữa, đấy là một cơn ác mộng. Pháp giới Tứ thánh cũng trong mộng, lục đạo là mộng trong mộng. Phải không khởi tâm, không động niệm, mới thực sự tỉnh mộng, tại sao? Không còn thập pháp giới nữa, A La Hán, Phật Bích Chi, Bồ Tát, Phật, không còn. Những thứ có mặt lúc này là Thật báo trang nghiêm độ của chư Phật Như Lai, gọi là pháp giới nhất chân.

Người đời mông muốn vĩnh hằng, chạy theo bất sinh bất diệt. Trong pháp giới nhất chân, những thứ ta thấy được là vĩnh hằng, bất sinh bất diệt. Bởi thế Tịnh tông gọi nó là vô lượng thọ, phải chăng có thật vô lượng thọ? Vô lượng của hữu lượng.

Trong kinh Phật cho chúng ta biết, sống bao lâu? Ba đại a tăng kì kiếp, có thể nói, ở nơi đó, phải sống đến ba đại a tăng kì kiếp, nguyên nhân? Tuy đoạn được vô minh vô thỉ nhưng tập khí vô minh vô thỉ vẫn chưa đoạn. Bởi thế pháp giới nhất chân này là tập khí vô minh vô thỉ biến hiện ra. Khi đoạn hết tập khí, thế giới này sẽ không còn, Thường tịch quang có mặt. Ta quay về Thường tịch quang, quay về tự tánh, đấy mới thực sự bất sinh bất diệt.

Thường tịch quang không phải chết, mà sống. Ba thứ hiện tượng của Thường tịch quang đều bất khả đắc, nó không phải hiện tượng vật chất, cũng không phải hiện tượng tinh thần, cũng không phải hiện tượng tự nhiên, Thường tịch quang ở đâu? Có khắp mọi nơi, mọi nơi mọi lúc đều nằm trong Thường tịch quang. Thường tịch quang là bản thể, bản thể của tất cả vạn vật trong vũ trụ, không có nó, không có thứ gì cả.

Bởi thế chúng ta, để tiện lợi cho mọi người có khái niệm, tôi thường lấy thí dụ màn hình truyền hình. Thường tịch quang là màn hình truyền hình, bản thân nó không có gì. Y chánh trang nghiêm thập pháp giới là những hình ảnh trên màn hình đó, khi bật kênh, sẽ thấy hình, hình có cản trở màn hình chăng? Không, màn hình không cản trở tướng thập pháp giới, hiện tướng của thập pháp giới cũng không làm ô nhiễm, không ngăn cản màn hình. Nếu không có màn hình nó sẽ không có hình ảnh, nó là bản thể của tất cả những hình ảnh, dùng thí dụ như thế mọi người dễ hiểu hơn.

Kiến tánh không trước tướng, không nên chấp trước, đấy là Bồ tát. Ngày nay chúng ta không có khả năng đó, sai lầm chính là đây, thấy tướng liền đắm vào tướng, coi đó là chân, sinh phiền não nơi đó, không trước tướng thì sao? Không trước tướng sẽ sinh trí tuệ, không sinh phiền não.

Nên biết Kinh Kim Cang có câu nói về vấn đề này, chúng ta nên sử dụng để quán tưởng, chỉ câu này là đủ: *“Phàm có hình tướng, tất cả đều hư vọng”.* Tất cả mọi tướng, ngay chư Phật Như Lai, có hình tướng cũng hư vọng, cũng không thể chấp trước, không thể phân biệt, đều không thể khởi tâm, động niệm. Lúc đó ta sẽ trở thành Bồ Tát Pháp thân ứng hoá đến thế gian, tại sao? Chúng ta đã thành Phật. Thành Phật ở thế gian này có nghĩa là thị hiện, ứng thân, làm gì ở thế gian? Giáo hoá chúng sinh, giúp đỡ chúng sinh giác ngộ, giúp đỡ chúng sinh quay về tự tánh. Nghĩa là thừa nguyện tái sanh, không cần thay đổi thân thể.

Thân nghiệp báo chúng ta trở thành gì? Trở thành thân nguyện lực, Bồ Tát thừa nguyện tái sanh. Thân nghiệp báo có giới hạn, có đau khổ, thân nguyện không có. Nếu thân nguyện hiện tướng đau khổ, đấy chỉ là thị hiện, đấy không phải thật.

Cư sĩ Duy Ma ốm bệnh, là thị hiện, không phải bệnh tật thực sự, dùng cách đó để giáo hoá chúng sinh. Nghe tin ngài bệnh, rất nhiều người đến thăm, trên thực tế, khi thăm bệnh, ngài thuyết pháp cho họ. Phẩm kinh này, chúng ta học đến đây.

Xem tiếp phần dưới: *“Từ Thị Thuật Kiến thứ 39”.* Phần trước Niệm Lão đã giới thiệu đại ý phẩm này cho chúng ta.

*“Tông chỉ của phẩm này vẫn là chứng tín trừ nghi”.* Nửa sau bộ Kinh Vô Lượng Thọ, Bồ Tát Di Lặc đương cơ. *“Từ thị”* là Bồ Tát Di Lặc. *“Bồ Tát Di Lặc thuật lại những gì mình thấy được chứng được, lời của Phật là chân thật”.* Di ở đây là thêm, tăng, chứng minh lời của Phật là chân thật. *“Nghĩa là khung cảnh y chánh trang nghiêm thế giới Cực Lạc, chính từ kim khẩu nói ra”.* Ở đây gọi việc Phật nói là Kim khẩu nói ra.

Phật là thân màu vàng, vậy Phật Thích Ca Mâu Ni có thực giống vàng hay chăng? Không phải, không phải vậy tại sao lại gọi thân màu vàng? Trong vật chất thì vàng là kim loại có màu sắc đặc biệt, nó không thay đổi, ngày nay gọi là oxy hoá. Quý vị thấy bạc, đồng, sắt, thiếc đều bị oxy hoá, chỉ vàng là không, vậy vàng tượng trưng cho thứ gì? Tính không thay đổi, vĩnh hằng bất biến, lấy ý đó. Thân tướng Phật vĩnh hằng bất biến, những lời Phật dạy là chân, không phải giả. Kim khẩu sở tuyên, nhất định phải hiểu vấn đề đó, ý nghĩa tượng trưng.

Bởi thế thế chúng ta trở thành thói quen, cũng đắp vàng lên tượng Phật, Bồ Tát. Khi nhìn những pho tượng chúng ta hiểu được, màu vàng là vĩnh hằng bất biến, lấy ý nghĩa như thế. Bất cứ nó có màu như thế nào, đều gọi là thân màu vàng, không gọi là màu vàng.

Phần trước đều là Thế Tôn giới thiệu, Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho tất cả mọi người về y báo chánh báo thế giới Cực lạc. Nói rất chi tiết, mọi người nghe quen tai, nhưng chưa thấy được. Bây giờ, những thánh chúng dự hội tận mắt nhìn thấy chư Phật Như Lai trong mười phương khen ngợi Phật A Di Đà. Mọi người tận tai nghe được, họ đã tận mắt nhìn thấy, tận tai nghe được, vì thế tin tưởng, không còn hoài nghi.

Chúng ta xem Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sinh Truyện, thấy ghi chép rất nhiều, chúng ta tin đó không phải giả, đấy không đánh lừa mọi người. Khi gần mất thấy Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, người gần mất đó nói với những người xung quanh, Phật A Di Đà đến rồi, đến đón tôi rồi. Đôi lúc nói ra những cảnh tượng, hai bên có Quan Âm, Thế Chí, còn rất nhiều La Hán, thiên nhân, kể ra những cảnh tượng này, có. Lúc đó họ vẫn chưa mất, rất minh mẫn, những lời đó, chính là lời của Bồ Tát Đại Thế Chí, thấy Phật trước mặt. Khi đến thế giới Cực Lạc, tương lai sẽ thấy Phật.

Bởi thế Viên Thông Chương nói: *“niệm Phật nhớ Phật, ngay giờ này, tương lai, chắc chắn thấy Phật”*. Sinh đến thế giới Cực Lạc là tương lai, khi gần mất là giờ này. Họ vẫn chưa ngưng thở, vẫn ở nhân gian, nhưng đã thấy, nói với bà con, đó thực sự đã vãng sinh, chúng ta không thể hoài nghi.

Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sinh Truyện, có đại sư Huệ Viễn, khi đại sư Huệ Viễn vãng sinh, nói với mọi người, Phật đến tiếp dẫn, thấy được thế giới Cực Lạc, chỉ ngài thấy được, những người khác không thấy.

Không giống nơi này, nơi này được hai Thế Tôn hai quốc độ gia trì, Phật A Di Đà và Phật Thích Ca Mâu Ni gia trì, khiến ta tận mắ thấy được, tự thân mọi người cùng thấy, cơ hội đó rất khó! Trong Truyện Vãng Sinh chúng ta thấy, chỉ họ thấy được, người khác không thấy. Bởi thế những người xung quanh Huệ Viễn thỉnh giáo ngài: Thế giới Cực Lạc mà thầy thấy đó hình dáng ra làm sao? Đại sư Huệ Viễn trả lời, y hệt những gì trong kinh đã giảng, cho thấy những lời Phật Thích Ca Mâu Ni không sai.

Khi ngài Huệ Viễn còn tại thế, kinh điển Tịnh tông chỉ có bộ Kinh Vô Lượng Thọ. Tôi cho rằng, rất có khả năng ngài dùng bản của An Thế Cao, nhưng tiếc là bản của An Thế Cao đã thất truyền. Kinh Vô Lượng Thọ, tại Trung Quốc đã có mười hai lần phiên dịch, nghĩa là có mười hai bản dịch không giống nhau. Bây giờ chỉ còn năm bản, năm bản có trong Đại tạng kinh, bảy bản có mục lục nhưng không tìm thấy sách, đã thất truyền.

Dịch phẩm của An Thế Cao là dịch ý, giống đại sư La Thập, rất thích hợp ý của người Trung Quốc, tôi rất thích đọc những bản kinh do ngài phiên dịch. Đại sư Huyền Trang dịch rất nhiều, trực dịch, khi đọc chúng ta cảm thấy trúc trắc. Bởi vì, văn pháp Trung Quốc khác văn pháp Ấn Độ, ngài cứ dịch theo nguyên văn. La Thập và An Thế Cao lại khác, lấy ý, nên gọi là dịch ý, không phải trực dịch, rất được người Trung Quốc yêu thích.

Bởi thế đã chứng minh cho chúng ta thấy, chúng ta rất xúc động khi đọc Truyện Vãng Sinh. Quý vị thấy tướng lành khi người tu hành lâm chung, gồm cả chúng ta, đưa tiễn người vãng sinh trong đời này, tận mắt thấy tướng tốt đó. Một số người thấy người vãng sinh, đi lúc đang đứng, đi trong lúc ngồi, tôi chưa thấy, nhưng những chuyện đó không phải bịa đặt, biết trước giờ chết.

Khi tôi ở Singapore, hội trưởng của Lâm Cư Sĩ ở Singapore, hội trưởng cử Cư Sĩ Lâm Trần Quang Biệt. Trước đấy ba tháng, một bên tờ báo, ông thấy viết mùng bảy tháng tám, mùng bảy tháng tám, viết mười mấy lần mùng bảy tháng tám. Không ai biết chuyện gì, mà cũng không ai dám thắc mắc. Đúng ngày mùng bảy tháng tám ông mất, cách ngày ông viết đúng ba tháng, biết trước thời gian ba tháng, dự tri thời chí. Rất nhẹ nhàng khi đi, lúc bấy giờ tôi đang ở Singapore. Trước ông mất một ngày, nhờ tôi qui y, hôm sau ông đi, tôi qui y cho ông. Rất minh mẫn, rõ ràng, không mê hoặc, không ngờ hôm sau ông đi.

Ở đây có mẹ cư sĩ Hồ Ni Ni, bà là người được độ trung ấm, bất khả tư nghị! Tôi có mặt ở đó khi chuyện xảy ra, tận mắt nhìn thấy. Một người đã áp vong vào bà, khiến khi bà đã qua đời, tình hình trong mỗi tuần đều cho chúng tôi biết, bà dần dần hiểu được. Ban đầu là hiếu kì, mọi người săn sóc rất chu đáo, cuối cùng mới hiểu, muốn nghe kinh, hai mươi bốn giờ không được gián đoạn. Mở Vô Lượng Thọ Kinh cho bà nghe, mở Địa Tạng Kinh, nghe kinh. Nghe hai tuần kinh, không hở ngày đêm, hai tuần, hai tuần rất yên ắng, không có chuyện gì. Sau hai tuần, người áp vong bảo muốn nghe kinh, mới biết bà chuyên chú, cùng niệm Phật.

Khi gần đi, lại đến nói với mọi người, bà được hạ phẩm trung sinh, không phải chuyện dễ! Khi sống không tiếp xúc Phật giáo, mãi đến sau khi trút hơi thở mới bổ túc những sai sót. Chỉ có bốn mươi chín ngày, bốn mươi chín ngày rồi ra đi, cho mọi người biết hạ phẩm trung sinh, khiến rất nhiều người tin tưởng, không hoài nghi pháp môn niệm Phật.

Phần tiếp theo nói: *“Lại thấy những người thai sinh ở thế giới Cực Lạc, bị kẹt trong nghi thành, càng thấy rõ lỗi nghi hoặc”.* Bởi thế kinh văn phần sau đã đưa ra câu hỏi. Chúng ta thường nói biên địa không thể nhập phẩm, hạ phẩm hạ sinh mới nhập phẩm, nhập phẩm mới được sự gia trì của oai thần bổn nguyện Phật A di Đà, đều thành Bồ Tát bất thoái chuyển, nghi thành không còn.

Thôi, bài sau chúng ta tiếp tục học.

# Tập 550

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Nguyên Tâm

Thời gian:20.08.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị Pháp sư, quí vị đồng học, mời ngồi.

Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 712. Chúng ta xem từ hàng thứ ba.

“*Tông chỉ phẩm này vẫn là chứng tín trừ nghi, Từ Thị thuật những gì thấy, càng cho thấy lời Phật là chân thật. Nói chung, cảnh y chánh trang nghiêm thế giới Cực lạc, duy chỉ tuyên thuyết từ kim khẩu của Phật. Khi hiện, Thánh chúng dự hội tự nói chính mắt họ thấy”.* Phần trước chúng ta đã học đến đây.

Tiếp theo: *Lại thấy những thai sanh ở thế giới Cực lạc, bị vây trong thành nghi, càng cho thấy lỗi nghi hoặc”.* Bồ Tát Di Lặc nói bản thân ngài thấy cảnh y chánh trang nghiêm thế giới Cực Lạc, đây là nội dung phẩm trước. Đại chúng dự hội đều thấy, nói là tận mắt nhìn thấy, vấn đề này nói rất rõ ràng, Thánh chúng dự hội tận mắt nhìn thấy, chứng tỏ những gì Phật nói trước đó, hoàn toàn chân thật.

Thời Đông Tấn Trung Quốc, đại sư Tuệ Viễn sơ tổ Tịnh tông, khi vãng sinh nói với những bạn đồng tu có mặt: Trong đời ngài đã tận mắt nhìn thấy y chánh trang nghiêm thế giới Cực lạc phương tây, ba lần như thế, nhưng chưa bao giờ cho ai biết. Từ chỗ này chúng ta có thể thấy, trí tuệ, định lực của ngài Huệ Viễn. Hôm nay khi Phật A Di Đà đến tiếp dẫn ngài, lần thứ tư chứng kiến y chánh trang nghiêm của thế giới Cực lạc. Thấy bên cạnh Phật A Di Đà, có những bạn đồng tu trong Liên xã đã vãng sinh trước đó, cùng đến tiếp dẫn Đại sư Tuệ Viễn với Phật A Di Đà.

Chúng ta tin những ghi chép đó là thật, không phải bịa đặt, trong truyện kí đại sư Tuệ Viễn, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sinh Truyện đều có ghi chép.

Phẩm này, phẩm ba mươi chín, phần sau có một đoạn. Họ thấy thế giới Cực lạc có những chúng sinh thai sanh,còn được gọi là biên địa, sanh đến biên địa của thế giới Cực lạc, chưa nhập phẩm, phẩm vị gì? Phẩm vị thấp nhất, so với hạ phẩm hạ sinh Phàm thánh đồng cư độ, họ còn thấp hơn nữa. Sinh đến thế giới Cực lạc họ không có phẩm vị, sinh vào biên địa, sinh tại thành nghi, gọi nghi thành.

Ở đây cho thấy tội lỗi sự nghi hoặc, là chướng ngại rất lớn, tại sao nghi hoặc mà vẫn vãng sanh? Họ mang tâm lí thử xem. Cũng rất siêng năng tu tập, phát nguyện niệm Phật, họ thực sự được vãng sinh, nhưng ôm lòng nghi hoặc, nửa tin nửa ngờ. Không phải không tin hoàn toàn, nếu hoàn toàn không tin họ đã không niệm. Vì vậy họ cũng tin, tin không đủ sâu, vẫn còn hoài nghi. Tốt cuộc là giả hay thật, cứ thử xem, nếu thật thì tốt quá, giả thì thôi vậy. Ôm tâm thái đó và rất siêng năng niệm Phật, cũng được vãng sinh.

Trên thực tế, được sinh đến biên địa nghi thành là đã quá tốt, tại sao? Họ không còn thoái chuyển, chẳng qua họ bỏ lở thời gian đến thế giới Cực lạc hơi dài mà thôi. Không thể vào thế giới Cực lạc để thấy Phật, để được Phật gia trì thành Bồ Tát bất thoái chuyển, phải chậm bao lâu? Dài nhất là năm trăm năm, năm trăm không phải thời gian ở thế giới Cực Lạc, của thế giới chúng ta.

Năm trăm năm sau, khi đoạn được tâm nghi hoặc, không còn nghi hoặc, mới thấy Phật A Di Đà, mới nhập phẩm, phẩm này là hạ phẩm hạ sinh, mới nhập phẩm. Thế giới Cực lạc có chuyện như thế, xin nhắc ra đây.

Chúng ta biết rằng, phần trước cũng đã nói nhiều. Trong giáo lí Đại thừa, pháp môn Tịnh tông, chư Phật Bồ tát đều nói, đây là pháp môn khó tin dễ hành, sinh khởi tín tâm đối với pháp môn này là cực kì khó! Nhất là trong thời đại chúng ta ngày nay, thời đại này là gì? Tạo nên tập khí đa nghi, đi học trong trường ngày nay, tôi ngần này tuổi, khi tôi học Tiểu học, không nghe chuyện nào về hoài nghi. Nhưng đến thời Trung học, thầy giáo dạy chúng tôi nên hoài nghi. Thì ra hoài nghi là tinh thần của khoa học, khoa học không thể thiếu hoài nghi. Hoài nghi mới phát hiện ra vấn đề, phát hiện vấn đề mới đưa vấn đề ra giải quyết, tìm câu trả lời, tìm ra sự thật.

Thế giới vật chất còn khả dĩ, trong thế giới Thần thánh thì không ổn, nếu hoài nghi với cổ Thánh tiên hiền phương Đông, bạn không có cách nào học tập. Thái độ hoài nghi đó không có đất sống trong Thánh học, nghĩa là học thuật Thánh hiền, không dùng được trong Phật pháp. Nếu chúng ta hoài nghi tổ tiên, hoài nghi Khổng tử, hoài nghi Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu, Công, chúng ta đọc những sách vở này của họ, đọc bằng tâm hoài nghi, liệu có khai trí tuệ chăng? Liệu có được như cách Thánh hiền đã phát hiện ra chân tướng nhân sinh, vũ trụ chăng? Câu trả lời là phủ định, không thể được.

Khổng tử, đời sau tôn là Thánh nhân, người ngày nay không cho rằng như thế, hô hào khẩu hiệu đánh đổ bảng hiệu của Khổng tử, không một chút tôn trọng. Thái độ của Khổng tử đối với các bậc Thánh hiền đi trước, được Luận Ngữ ghi lại rất rõ ràng, Phu tử: *“Thuật mà không trước tác, tin và tôn trọng những gì đã có”.* Nói cách khác, với những gì còn lưu truyền của Thánh hiền đi trước, không hoài nghi với tất cả những lời dạy đó, tiếp nhận tất cả, y giáo phụng hành. Rồi lại đem những lời dạy từ ngàn xưa của Thanh hiền đi, chép thành sách vở để lưu truyền hậu thế. Người đời sau tôn xưng ông là bậc Tập đại thành. Bản thân ông không sáng tác, không phát minh, hội tập tất cả trí tuệ của Thánh hiền, những lời giáo huấn, những gì ông làm là công việc đó.

Phu tử sinh vào thời loạn, chỉ sợ đạo Thánh hiền đứt mất. Bởi thế, tập hợp những đồng học cùng chí hướng, đệ tử của ông, dạy học mỗi ngày. Đem những gì cổ nhân lưu lại, giảng thật sâu sắc, giảng rõ ràng, áp dụng vào đời sống hàng ngày. Làm tấm gương sáng cho mọi người trong xã hội, đây chính là thừa truyền Thánh học. Thánh học nên áp dụng thái độ, phương pháp này để truyền thừa.

Ngày nay chúng ta cũng sinh vào thời loạn, không khác bao nhiêu thời đại Khổng tử. Cảnh tao loạn thời Chiến quốc kéo dài gần năm trăm năm, sau khi Mãn Thanh mất nước, xã hội chúng ta lại loạn, đến nay đã trăm năm. Muốn khôi phục bình thường, chắc cũng mất bốn, năm trăm năm nữa mới khôi phục được. Nhưng trong bốn, năm trăm năm đó, không có sự xuất hiện Khổng tử cũng không được.

Chúng ta thử bình tâm quan sát, ngày nay có Khổng tử xuất hiện chăng? Có lớp học trò Khổng tử xuất hiện chăng? Nếu có, chắc chúng ta đã biết, chắc đến bốn, năm trăm năm nữa, văn hoá truyền thống mới được phục hưng. Nếu không có, chác chắn những lo nghĩ chúng ta vẫn hiện hữu.

Ngày nay khoa học kĩ thuật phát triển, nhất là kĩ thuật in ấn, chúng ta có thể in ấn số lượng lớn điển tịch, để tất cả những thư viện đại học thế giới lưu trữ. Có nghĩa những điển tịch này không bị thất thoát, việc này chúng ta không phải lo nghĩ, nhưng không có người học. Cần những người như thế nào mới có thể học được? Không hoài nghi, phải có niềm tin chắc chắn, không những không hoài nghi mà còn phải cung kính.

Đại sư Ấn Quang nói rất hay, ngài thông tất cả Nho Phật Lão, nhà thông thái, ngài ở núi Phổ Đà, đấy là đạo tràng Bồ Tát Quán Thế Âm. Ngài ở trong lầu Tàng kinh đến ba mươi năm, lầu Tàng kinh trong chùa, ngài coi lầu Tàng kinh. Suốt ba mươi năm, ngài có nhân duyên đó, đọc sách mỗi ngày. Tôi nghĩ công việc hàng ngày không nhiều, đọc sách ba mươi năm, ngài nói một câu: *“Thành kính một phần được lợi ích một phần”*. Bất kể ta đọc kinh Phật Đạo hay Nho, văn hoá truyền thống xưa, thành kính một phần được một phần lợi ích, thành kính mười phần được lợi ích mười phần, trăm phần thành kính được trăm phần lợi ích.

Tôi đã từng nói, lấy thí dụ đại sư Huệ Năng đời nhà Đường, câu chuyện này nằm trước chương một của Pháp Bảo Đàn Kinh, kể lại rất chi tiết. Đại sư Huệ Năng là người mù chữ, chưa đi học bao giờ, ngài là một người con có hiếu và là người thật thà, lớn lên làm tiều phu. Tiều phu bây giờ đã không còn là một nghề, rất nhiều người không biết. Lên núi đốn củi, mang về thành phố bán. Thành phố ngày trước không có điện, không có ga, bởi thế nấu cơm phải nấu lò, dùng củi đốt, thời kháng chiến vẫn như thế. Chỉ số ít thành phố lớn mới có điện, đèn điện, rất nhiều thành phố chưa có, vẫn dùng củi, không có nước máy. Có những người gánh nước đi bán, bán củi, bán nước. Những việc đó đòi hỏi sức mạnh, sinh hoạt rất vất vả. Bán được củi mới mua một ít gạo, một ít thức ăn về cung phụng mẹ già.

Một cơ hội tình cờ, bán xong củi, lấy được tiền, khi đi ra, từ cửa sổ nghe tiếng tụng kinh. Ngài có vẻ rất hiểu, nghe rất thích thú, bèn nán lại, chờ tụng xong. Khi đọc xong đến chỗ đó xin thỉnh giáo, hỏi người kia vừa rồi tụng kinh gì mà nghe rất hay? Ngài kể cảm nhận của mình khi nghe được cho người tụng kinh. Người này vô cùng kinh ngạc, phát hiện đây không phải là người bình thường, mà là người rất thông thái, thực sự hiểu được ý nghĩa. Bởi thế khuyên ngài nên đến tham học ở Hoàng Mai, tham học chỗ hoà thượng Ngũ tổ, đến học với hoà thượng.

Nhưng nhà ngài còn thiếu thốn, nhà còn một mình mẹ già, nếu ngài đi, bà mẹ sống bằng cách nào? Người này họ Trương, ông Trương rất khảng khái, mang mười lạng bạc đưa ngài trang trải việc nhà. Lại còn một số bạn bè cùng tham học Phật pháp, mọi người cùng nhau săn sóc mẹ ngài, thế là ngài yên tâm đi đến Hoàng Mai. Yết kiến Ngũ tổ xong, Ngũ tổ bảo ngài đến nhà kho bửa củi, xay gạo, làm việc của ngài.

Đấy là công việc nặng nhọc, ngày nay gọi là làm công đức trong chùa, làm tám tháng như thế. Chùa có giảng đường nhưng chưa bao giờ được đặt chân đến, có thiền đường nhưng chưa bao giờ ngồi hết một cây hương. Suốt ngày bổ củi giã gạo, đấy là công việc của ngài.

Chùa rất đông người, cuối cùng Ngũ tổ đã truyền pháp cho ngài. Ngũ tổ có một vị đại đệ tử là đại sư Thần Tú, đây là một người rất nổi tiếng, đi theo tổ sư lâu ngày. Ai cũng nghĩ, tương lai Ngũ tổ truyền pháp, chắc chắn sẽ truyền cho Thần Tú, làm sao lại đến Huệ Năng? Không biết một thứ gì, chưa học một lớp nào, làm sao đến lượt ngài? Sau đó đúng là truyền cho ngài.

Chúng ta kể câu chuyện này ở đây, tốn khá nhiều thời gian, rất nhiều đồng tu đã biết. Tôi muốn nói sự thành kính, đại sư Thần Tú, đối với hoà thượng Hoằng Nhẫn, là Ngũ tổ, có thành kính trăm phần, ngài nhận được trăm phần lợi ích. Với Ngũ tổ, Huệ Năng có vạn phần thành kính, ngài nhận được vạn phần lợi ích, không sánh được. Việc này không liên can đến việc học lâu mau, mù chữ hay có chữ.

Đại sư Ấn Quang nói rất chí lí, toàn ở chổ thành kính, nếu ngày nay chúng ta có vạn phần thành kính đối với Kinh Vô Lượng Thọ, đối với Phật A Di Đà, đối với pháp môn Tịnh tông, chắc chắn sẽ được vãng sinh thượng thượng phẩm. Lời này của tôi có căn cứ, căn cứ ở đâu? Đại sư Thiện Đạo nói: Tịnh độ, tứ độ tam bối cửu phẩm, đều ở chỗ gặp duyên không giống nhau, đây không phải nói mỗi người đều có phần ư? Nếu gặp được duyên như Lục tổ, không phải được thượng thượng phẩm vãng sinh ư? Không phải thượng thượng phẩm bình thường, vãng sinh thượng thượng phẩm Thật báo độ, nghĩa là thành Phật.

Từ đó có thể thấy, thành tựu trong đời của chúng ta, mấu chốt quyết định là sự thành kính. Nghi là chướng ngại lớn, trong kinh giáo Đại thừa Phật dạy rất rõ ràng, nghi là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát. Bởi thế mục đích của việc nghiên cứu kinh giáo là gì? Đoạn nghi sanh tín. Nếu ta không còn nghi hoặc thì không cần nghiên cứu kinh điển, một câu A Di Đà Phật là đủ. Nghiên cứu kinh giáo, phải lãng phí bao nhiêu thời gian, lãng phí bao nhiêu tinh thần. Là bởi ta còn nghi, nghi nên mới nghiên cứu.

Không thể không nhổ sach gốc rễ nghi ngờ, chưa nhổ được, dù niệm Phật đến vãng sanh cũng chỉ sanh đến biên địa, không thể đến được tứ độ tam bối cửu phẩm, vấn đề của ta đã rất nghiêm trọng! Tại sao chúng ta có những hoài nghi đó? Chủ yếu là không biết tâm tánh không thể nghĩ bàn, không biết được. Chúng ta dùng vọng tâm, dùng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thành quen, không bao giờ biết chân tâm, không biết công đức của chân tâm.

Quay đầu nhìn lại đại sư Huệ Năng, người ta chân thật, người chân thật thật tuyệt vời, chân thật là gì? Họ không hoài nghi, không có vọng niệm, không có phân biệt, chấp trước. Họ khiêm tốn trước tất cả mọi người, cung kính mọi người, tại sao? Họ không biết gì cả, chưa đọc sách, cảm thấy mọi người hơn mình, vì thế tâm cung kính họ có mặt. Tâm thành kính, tại sao tâm thành kính ta không xuất hiện? Ta thấy mình tuyệt vời, vô số người không bằng ta, rắc rối có mặt.

Ta đi hỏi đại sư Huệ Năng, người nào kém hơn ngài? Ngài sẽ trả lời rằng, ai ai cũng là Phật Bồ Tát, chỉ tôi là phàm phu, tôi không biết gì cả, những lời của ngài là lừa người ư? Không đâu, mỗi chữ đều là lời thật thà. Những lời của ngài chính là lời Phật đã dạy chúng ta, ngài học rồi, chúng ta chưa đụng đến. Phật dạy chúng ta: *“Tất cả chúng sanh vốn là Phật”*. Ngài học rồi, tuy không biết chữ, ngài đã hiểu ý chính. Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, ngài học rồi, không dám coi thường ai cả, về điểm này chúng ta không thể bằng ngài. Bởi thế ngài rất dễ quay về tự tánh.

Ngũ tổ truyền pháp, canh ba gọi ngài đến, giảng Kinh Kim Cang trong phòng phương trượng. Chúng ta tin sẽ giảng đại ý, chắc chắn không có kinh sách gì. Kinh sách ngài Huệ Năng mù chữ, ngài không làm gì được, giảng đến đoạn *“ưng vô sở trụ, nhi sinh kì tâm”,* ngài triệt ngộ, khế nhập, nhập vào cảnh giới Phật. Xúc động nói năm câu, năm câu đó chính là luận văn, là báo cáo của ngài: *“Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”*, ngài đã thực sự kiến tánh*. “Nào ngờ tự tánh vốn không sinh diệt”,* vốn không sinh diệt, nghĩa là bản thân ngài đã đi vào cảnh giới Niết bàn. Đại thừa gọi là Đại bát niết bàn, ngài đi vào, khế nhập.

Câu thứ ba: *“Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”,* không sót một pháp nào trong Thường tịch quang. Trí tuệ vô lượng, đức năng vô lượng, tài nghệ vô lượng, tướng hảo vô lượng, không khiếm khuyết thứ gì. Nhưng sự thực ngài thấy, là trí tuệ, đức tướng ẩn tàng trong tự tánh, chua lộ ra ngoài, đấy là thấy được Thường tịch quang.

Câu thứ tư: *“Nào ngờ tự tánh vốn không dao động”,* đấy là gì? Tự tánh vốn định. Kinh Lăng Nghiêm gọi là Thủ lăng nghiêm đại định, Kinh Hoa Nghiêm nói Sư tử phấn tấn tam muội, ngài đã nhập vào cảnh giới đó.

Câu cuối cùng*: “Nào ngờ tự tánh năng sinh vạn pháp”,* hết thảy quốc độ chư Phật y chánh trang nghiêm trong cõi hư không pháp giới, toàn do tự tánh biến hiện, tự tánh năng sinh năng hiện. Nói theo ngôn ngữ ngày nay, năm câu của ngài là đỉnh cao của triết học, đỉnh cao của khoa học, làm sao ngài phát biểu được? Ngũ tổ giảng đại ý Kinh Kim Cang cho ngài, là khơi gợi, ngài hiểu được ngay, nhập vào cảnh giới, nhờ đâu? Vạn phần thành kính nên ngài được vạn phần lợi ích, Ngũ tổ truyền y bát cho ngài.

Nhìn lại Khổng tử: *“Thuật mà không trước tác”,* khẳng định mình không thể hơn Thánh hiền, đấy là gì? Con người này chính là Thánh hiền, Thánh hiền bình đẳng với Thánh hiền, Phật Phật đạo đồng, có gì hơn thua!

Những phàm phu lục đạo thì sao? Vốn phàm phu là Phật tương lai, tuy bây giờ đang mê hoặc, nhưng tự tánh, trí tuệ, đức tướng của họ được giấu trong tự tánh, chưa hề mất đi, chỉ là mê mờ nên không giác ngộ đấy thôi. Một khi khai ngộ, họ ngang bằng với Phật, làm sao không cung kính được? Không những cung kính với tất cả mọi người, mà với giun dế, sâu kiến cũng cung kính, tại sao? Nó là chúng sinh, có Phật tánh. Kinh Hoa Nghiêm nói: Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, sâu kiến có, côn trùng có, làm sao coi thường nó được? Không những động vật có, thực vật cũng có, cây cỏ hoa lá cũng có. Không những thực vật có mà khoáng vật cũng có, núi sông rừng bể cũng có.

Phần trước chúng ta đã học, một hạt bụi, một cọng lông, cọng lông là y báo, nhỏ nhất, lông măng, một hạt bụi là y báo. Nghĩa là khoáng vật, một hạt bụi nhỏ, chấm nhỏ một cọng lông, hạt bụi. Ngày nay khoa học phân tích, phân tích đến độ không phân tích được nữa. Ngày nay gọi là lượng tử, hạt cơ bản, mắt thường không nhìn thấy, phải dùng kính hiển vi cao độ mới thấy, nó thế nào? Nó có hiện tượng vật chất, đồng thời có hiện tượng tinh thần, nó có kiến văn giác tri. Chúng ta mới thể hội được, ngũ uẩn sắc thọ tưởng hành thức được nói trong kinh Đại thừa.

Trong tiểu quang tử, có đủ sắc thọ tưởng hành thức, sắc là vật chất, thọ tưởng hành thức là tinh thần, là tâm pháp, tâm pháp. Vật chất, trong Phật pháp gọi là sắc pháp, sắc pháp và tâm pháp là nhất thể, tâm pháp không tách khỏi sắc pháp. Nói cách khác, chấm nhỏ cọng lông, hạt bụi, nó biết nhìn, biết nghe, hiểu ý chúng ta. Chân tướng sự thực này, ba mươi năm gần đây nhà khoa học mới phát hiện, nhà lượng tử lực học phát hiện. Điều này trong kinh gọi là tam tế tướng a lại da, nhà lượng tử lực học đã phát hiện ra.

Nghiệp tướng a lại da, danh từ họ gọi là năng lượng; chuyển tướng của a lại da họ gọi bằng danh từ tín hiệu; cảnh giới tướng của a lại da, danh từ của họ là vật chất. Những nhà khoa học này cho rằng cả vũ trụ là ba loại: năng lượng, tín hiệu, vật chất. Y chánh trang nghiêm thập pháp giới là do a lại da biến hiện, thức biến. Tâm năng sinh năng hiện, thức năng biến. Biến pháp giới nhất chân thành thập pháp giới y chánh trang nghiêm. Căn tánh người xưa sâu sắc hơn chúng ta, chúng ta không bằng họ.

Trong kinh nói thiện căn, phước đức, nhân duyên, ba thứ này người xưa dày hơn chúng ta, sâu hơn chúng ta, bởi thế họ dễ thành công hơn. Ngày nay có thể nói thiện căn chúng ta mỏng, phước đức cũng mỏng, thiện căn mỏng là gì? Chúng ta không tin. Phước đức mỏng? Chúng ta hoài nghi. Nhân duyên chưa chắc là mỏng, chúng ta cũng gặp được, gặp Phật pháp, gặp Đại thừa, nhưng gặp thế nào? Hai thứ trước không đủ, gặp cũng như không. Gặp mà không tin, không thể lí giải, *“nguyện giải nghĩa chân thật của Như Lai”* ở đây, câu này rất quan trọng!

Làm sao để hiểu nghĩa chân thật của Như Lai? Phải thành kính, không thành kính không thể nào lí giải. Tâm thành kính không có, chưa đoạn được hoài nghi, ngay lòng tin cũng bán tín bán nghi. Rất nhiều người hỏi tôi, phải làm sao? Quí vị nghĩ phải làm sao? Phật Thích Ca Mâu Ni biết việc này, quý vị xem ngài làm gì? Bốn mươi chín năm giảng kinh dạy học, lí do? Giảng giải thật thấu đáo về chân tướng sự thực, giảng rõ ràng, ta sẽ hết hoài nghi. Bởi thế mục đích của giảng kinh dạy học là giúp mọi người đoạn nghi sanh tín.

Đại sư Huệ Năng không hoài nghi, bởi thế ngài không học kinh giáo, ngài không hoài nghi, ngài tin ngay, nên thành tựu ngay. Pháp môn viên đốn, viên đốn đến cực độ, ngài là người đại diện, viên cực độ, đốn cực độ. Đốn là nhanh chóng, vừa nghe đã hiểu.

Quý vị nghĩ câu kinh văn đó, chúng ta tụng bao nhiêu lần, có hiểu đâu, chúng ta không khai ngộ. Người ta nghe vỏn vẹn một câu *“Ưng vô sở trụ, nhi sinh kì tâm”* liền khai ngộ, chúng ta nghe vạn lần cũng không khai ngộ, nguyên nhân do đâu? Chúng ta vẫn chưa đoạn được nghi, không đủ thành kính. Nếu chúng ta không hoài nghi, có tâm thành kính vạn phần, sẽ thành tựu như đại sư Huệ Năng. Không nhất định là câu kinh văn nào, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Bởi thế vấn đề này rất quan trọng, làm sao để nuôi lớn lòng tin trong chúng ta? Tin tưởng cổ nhân, người xưa minh tâm kiến tánh. Tin tưởng cổ nhân có tâm thành kính, tin tưởng cổ nhân đối với tất cả sự vật hiện tượng, họ đều tin, chánh tín, tin ai ai cũng là người tốt. Ngày nay chúng ta nếu đưa ra câu này, mọi người sẽ lắc đầu, ai là người tốt? Ai cũng là người tốt, vậy tạo ác nhiều chuyện là ai? Là người tốt, người tốt sao lại làm ác? Mê hoặc nhất thời, tâm đó rộng rãi biết bao nhiêu! Khi giác ngộ, vốn họ là người tốt, điều này tổ đức chúng ta, trải nhiều đời kiếp đã dạy chúng ta.

Quý vị xem từ đứa trẻ bắt đầu đi học, bài đầu tiên trong Tam Tự Kinh: *“Nhân chi sơ, tánh bản thiện*”. Luận Ngữ nói: *“Nhân tính bản thiện”,* làm gì có người xấu trong đời? Trong nhà Phật lại càng không, Phật dạy: *“Tất cả chúng sinh vốn là Phật”,* không có người xấu. Đoạ vào súc sinh, họ là Phật, đoạ vào ngạ quỉ, họ vẫn là Phật, đoạ vào địa ngục, họ vẫn là Phật, Phật không đổi.

Đạo lí này rất sâu, cần thẩm thấu nó, chúng ta mới khôi phục lòng tin chính mình. Thành tín, bản thân phải đối xử mọi người bằng tâm thành kính, xử thế với tâm thành kính, chúng ta mới học được giáo huấn Thánh hiền. Thiếu hai chữ này, Phật Bồ Tát đến dạy cũng không được, bạn không tiếp thu. Không phải Phật Bồ Tát không từ bi, mà bản thân chúng ta ngăn trở chúng ta, bài xích, cự tuyệt, không đón nhận, vấn đề ở chỗ đó.

Bây giờ chúng ta xem kinh văn: *“Lúc đó Phật dạy A Nan và Bồ Tát Từ Thị: Các con thấy cung điện, lầu gác, ao hồ, cây cối ở thế giới Cực lạc đầy đủ vi diệu, thanh tịnh, trang nghiêm chăng”.* Chữ chăng ở đây đọc *“phủ”,* không đọc *“bất”,* đọc phủ. *“Các con thấy chư Thiên dục giới, trên đến trời sắc cứu cánh”.* Trời Sắc cứu cánh là đệ tứ thiền, đệ tứ thiền Sắc giới. *“Rải hương hoa xuống, khắp nước Phật chăng”*. Thế giới của ngài ở đây, từ trời Dục giới đến Tứ thiền thiên, những thiên nhân ở đây đều rải hoa lên đạo tràng, *“cúng dường đại chúng, cúng Phật, cúng Tăng”.*

“*A Nan bạch Phật: Dạ con đã thấy”,* thấy hết tất cả*. “Các con nghe Phật A Di Đà lớn tiếng tuyên bố: Tất cả chúng sinh được giáo hoá trong thế giới chăng. A Nan thưa: Dạ đã được nghe”.* Ở đây là Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp, đối diện với những ai? Đối diện với tất cả thế giới chúng sanh. Có thể thấy Phật A Di Đà thuyết pháp, thuyết pháp ở thế giới Cực Lạc, chúng ta ở đây cũng nghe được.

Tại sao chúng ta không nghe được? Tai có vấn đề. Tai chính là cái máy thu âm của chúng ta, máy thu âm bị ngăn trở, ngăn trở bởi gì? Vọng tưởng phân biệt chấp trước, nếu chúng ta không còn phân biệt chấp trước, sẽ nghe được, vọng tưởng còn hay không không liên can. Chỉ cần buông bỏ phân biệt chấp trước là có thể nghe, không những nghe được mà đứng ở đây chúng ta cũng có thể thấy. Chúng ta biết buông bỏ chấp trước là A La Hán, buông bỏ phân biệt là Bồ Tát. Bồ Tát có khả năng nghe được Phật A Di Đà thuyết pháp.

Chúng ta xem tiếp kinh văn: *“Phật dạy, con thấy nước kia, các chúng tịnh hạnh, bay trong hư không, cung điện theo người, nhưng không trở ngại, đi khắp mười phương cúng dường chư Phật chăng. Và thấy những người đó liên tục niệm Phật chăng. Lại có chim chóc, ở giữa hư không, hót các loại tiếng, đều là hoá ra, con thấy hết chăng. Từ Thị bạch rằng, như Phật đã nói, con thấy rõ hết”*.

Phần trước đã nói, hai vị đạo sư Di Đà và Thích Ca, dùng đạo lực, thần thông của họ, bày thế giới Cực lạc ra để đại chúng dự hội thấy, đều được thấy. Trong đoạn kinh văn này, Phật hỏi, hỏi A Nan, hỏi Bồ Tát Di Lặc, họ là những đại biểu của đại chúng dự hội, đều được thấy.

Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão: *“A Nan kiết tập kinh tạng”* là truyền nhân của Phật Thích Ca Mâu Ni. *“Từ Thị đương lai hạ sinh”,* là một vị Phật tương lai, hiện đang ở cõi trời Đâu Suất, cõi trời thứ tư của Dục giới, chờ duyên chín ngài sẽ hạ sanh.

*“Nên Phật đưa hai pháp môn vi diệu giao phó hai vị”.* Giao phó cho A Nan, A Nan trong tương lai sẽ kiết tập kinh tạng, phải đem tất cả pháp Thế Tôn nói trong bốn mươi chín năm truyền lại hậu thế. Giao phó cho Bồ Tát Di Lặc, Bồ Tát Di Lặc, đương lai hạ sinh đến thế giới này để thành Phật, chắc chắn tuyên thuyết pháp môn này. Phật Thích Ca Mâu Ni giao phó cho ngài, chắc chắn phải giảng bộ kinh này, phải tuyên dương pháp môn này.

“*Thủ thị*”, thị hiện đầu tiên. *“Cực lạc vi diệu trang nghiêm, cảnh tượng chư thiên trải hoa, khiến để làm chứng”.* Thị ở đây là thị hiện, treeinr hiện ra để mọi người cùng thấy. Nghĩa là lần trước lễ Phật thấy ánh sáng, khiến mỗi người tận mắt nhìn thấy, tận tai nghe thấy thế giới Cực lạc vi diệu trang nghiêm. Chư thiên rải hoa, vừa nói xong, ở đây là cúng Phật, cúng dường đại chúng, khiến tất cả mọi người trong hội làm chứng với người chưa dự hội lúc đó và những người hậu thế, khi đọc cuốn kinh này.

“*Sắc cứu cánh thiên*, *là một trong những cõi trời Tịnh Cư, là nơi thù thắng nhất trong Dục giới”.* Nghĩa là Đệ tứ thiền, Tứ thiền có chín cõi trời, bốn tầng phía dưới là phàm phu, năm tầng trên là Thánh nhân. Thánh nhân tam quả tu hành ở đó, những người lợi căn sẽ thành tựu, vượt thoát luân hồi lục đạo, chứng quả A La Hán. Những người độn căn phải trải qua trời Tứ không, có nghĩa thời gian khá dài, thoát khỏi lục đạo phàm phu, họ sẽ đến pháp giới Tứ thánh, pháp giới Thanh Văn.

Pháp giới tứ thánh là Phương tiện hữu dư độ của Phật Thích Ca Mâu Ni. Lục đạo là Phàm Thánh đồng cư độ của Phật Thích Ca Mâu Ni. Thế giới Cực lạc có, có pháp giới tứ thánh. Trong Lục phàm chỉ có hai loại: Người và Trời, không có A tu la và tam ác đạo, thế giới Cực lạc không có tam ác đạo. Đây là nói về trời Tịnh Cư ở Tứ thiền*.*

*“Là nơi những vị Thánh chứng quả bất hoàn”.* Quả bất hoàn là quả vị thứ ba A na hàm, họ tu hành ở đó. *“Tiếng Phạn quả Bất hoàn là A na hàm, đã đoạn chín phẩm tư hoặc Dục giới. Nghĩa là không còn sinh lại Dục giới, mà sinh vào Sắc giới hay Vô sắc giới, nên gọi quả bất hoàn”.* Họ không quay lại Dục giới, tuy chưa thoát khỏi lục đạo, họ không đến Dục giới. Dục giới có sáu tầng trời, dưới sáu tầng trời là loài người, súc sinh, ngạ quỉ, địa ngục, tất cả là Dục giới.

*“Tịnh cư có sáu trời, 1 là trời Vô phiền, 2 là trời Vô nhiệt”,* phiền và nhiệt đều là phiền não. Cho thấy phiền não của họ, đã đoạn được phiền não kiến tư, ở đó đã đoạn hết. Khi đoạn hết họ thành A La Hán, đến pháp giới tứ thánh, không còn ở trong lục đạo.

*“3 là trời Thiện hiện, 4 là trời Thiện kiến”,* chú trọng ở chữ thiện, phi hữu phi vô, nên gọi thiện. Còn chấp trước là không thiện, còn phân biệt là không thiện, buông bỏ cả phân biệt chấp trước được gọi là thiện.

*“5 là trời Sắc cứu cánh”*, sắc là sắc giới, đỉnh của sắc giới, bên trên là Vô sắc giới. Bởi thế sắc đến cứu cánh, đến đỉnh, đó là trời Sắc cứu cánh. Người trời Tịnh cư, nhất là chỉ giai tầng này, ở giai tầng này, họ chứng A La Hán rất nhanh.

Câu Xá Tụng nói: *“Năm tên trời Tịnh cư này”,* tức năm trời bất hoàn này, cả năm đều không quay lại Dục giới nữa, bởi thế gọi nó là năm trời bất hoàn, đều gọi trời Tịnh cư. *“Chỉ Thánh nhân ở, không loài nào khác”,* không phải người tu hành không thể đến được đó. Bởi thế đây không phải chỗ của phàm phu, nơi của quả thứ ba của Tiểu thừa A na hàm. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đại thừa lục tín của thập tín vị ở đây. Thất tín là A La Hán, Thất tín đã siêu việt rồi. Bởi thế Thập tín vị trong Kinh Hoa Nghiêm nghĩa là nói thập pháp giới.

Sơ tín đã đoạn tám mươi tám phẩm kiến hoặc trong tam giới, chứng quả Tu đà hoàn, là sơ quả Tiểu thừa và Bồ Tát sơ tín vị trong thập tín vị của Kinh Hoa Nghiêm, đều đoạn phiền não, công phu ngang nhau, bình đẳng. Sơ quả, Sơ quả nâng lên gọi là Nhị quả hướng, nhị quả hướng là Bồ Tát nhị tín vị. Nhị quả, nghĩa là Bồ Tát tam tín vị trong thập tín vị. Tứ tín vị là tam quả hướng, hướng đến tam quả. Bồ Tát ngũ tín vị là A na hàm, A na hàm lên nữa là tứ quả hướng, là Bồ Tát Lục tín vị. Tứ quả là Bồ Tát Thất tín vị, quý vị xem trong đó sẽ thấy rất rõ ràng. Bát tín là Phật Bích Chi, Cửu tín là Bồ Tát, Thập tín là Phật, Phật của thập pháp giới. Bởi thế từ Thập tín vị, ta sẽ thấy được thập pháp giới rất rõ ràng, công phu đã buông bỏ hết, không còn gì khác.

Ngày xưa, sáu mươi năm trước, đại sư Chương Gia dạy tôi, Bồ Tát Thập tín vị phân phối trong thập pháp giới. Thập tín tâm mãn, ở đây là trong kinh Hoa Nghiêm, tu hết sẽ chứng Sơ quả. Bồ Tát Sơ quả phá nhất phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, Phật thật chứ không phải Phật giả. Phật trong Thập tín vị, Thiên Thai gọi là tương tự tức Phật. Bồ Tát Sơ trú, Thiên Thai gọi họ là Phân chứng tức Phật. Từ Sơ trú đến Đẳng Giác có bốn mươi mốt giai cấp, đều gọi là phân chứng tức Phật, cứu cánh viên mãn gọi là Diệu Giác vị.

Bốn mươi mốt vị đại sĩ Pháp thân ở cõi báo, Thật báo trang nghiêm độ của thế giới Cực lạc, ở cõi báo. Diệu giác, Diệu giác không trú ở cõi báo, Diệu giác ở Thường tịch quang độ. Bởi thế Thường tịch quang độ là cao nhất trong bốn độ, Thường tịch quang là nơi cư trú của các vị Phật cứu cánh viên mãn. Mọi người nếu làm phép so sánh sẽ thấy rất rõ ràng, chúng ta nên cố gắng, phải không ngừng nâng cao mới được.

Đừng lưu luyến gì thế gian này, tại sao? Tham luyến sẽ gây ra chướng ngại, trói buộc ta trong lục đạo, không thể thoát ra được, không thể không buông bỏ những tập khí không tốt! Phải luôn nghĩ đến ân đức Phật Bồ Tát đã ban cho ta, chân tướng sự thực đã nói rõ như thế, thấu đáo như thế, chúng ta phải tin, thế nào gọi là tin tưởng?

Ngày trước thầy Lí đã nói với tôi, thực hành là tin tưởng, bạn hiểu, hiểu rõ ràng, nhưng không áp dụng, không thực hành, thầy Lí nói, người đó chưa tin. Bởi thế tiêu chuẩn tin, là phải thực hiện. Điều này đại sư Chương Gia cũng đã nói với tôi, quý vị tin, có thể không cần chăng? Đại sư Chương Gia giảng cho tôi về chữ tin, ngài lấy thí dụ, một đống vàng trên bàn, bên kia là đống đồng, nếu thật sự minh mẫn, nên chọn thứ nào? Tất nhiên là vàng, chắc chắn không chọn đồng. Bởi thế khi thực sự tin tưởng, ta sẽ chọn vàng, không tin mới chọn nhầm, coi đồng cũng như vàng, như thế là thiệt thòi quá lớn.

Bởi thế, chư Phật Bồ Tát nói với chúng ta, Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Tin là chiếc nôi của mọi công đức”,* tin, phải coi nó quan trọng như thế, đạo là gì? Vô thượng Bồ đề là chiếc nôi của đạo, có niềm tin mới thành tựu, chứng đạo. Tất cả công đức chân thật đều có gốc từ lòng tin, không có lòng tin là không có công đức.

Một số người, ngày nào trên miệng cũng bô bô công đức, liệu có tu được chăng? Khó! Ta thử bình tâm quan sát, chúng ta nên lắng lòng tự nghĩ, có công đức chăng? Chưa áp dụng Ngũ giới, Thập thiện, công đức đâu ra? Nếu nói phước đức, có phước đức, công đức không có. Tu phước, trong phước phải có chân tín, phước đó mới thành công đức. Không có lòng tin, không có thành kính, tu công đức đó trở thành phước đức.

Chúng ta nghĩ xem, trong bối cảnh Lương Võ Đế gặp Tổ sư Đạt Ma, bạn đã thấy rõ trường hợp. Lương Võ Đế là một đại hộ pháp nhà Phật chúng ta, xưa nay chưa có người thứ hai, xây dựng chùa viện cho Phật giáo. Thời gian tại vị, ông xây tổng cộng bốn trăm tám mươi ngôi, đều có qui mô khá lớn. Giúp người xuất gia, cúng dường người xuất gia, mấy mươi vạn người.

Khi Tổ sư Đạt Ma mới đến Trung Quốc, đến yết kiến, ông huênh hoang khoe với Tổ sư Đạt Ma, tôi đã làm chừng đó, công đức tôi đến đâu? Tổ sư Đạt Ma là người chân thật, nói với ông một câu chân thật: *“Không chút công đức”.* Nghe câu trả lời, Lương Võ Đế đổi ngay sắc mặt, kêu người tiễn khách, tiễn ngài về.

Lời nói không khế cơ, ngài nói là sự thực. Quý vị xem, khoe khoang, hoa hoè, ngạo mạn. Khổng phu tử đã nói: Như tài năng, cái đẹp của Chu Công khiến kiêu mạn lại bủn xỉn, ngoài ra không có gì để xem. Thái độ như thế, cũng biết được ta không có công đức.

Ngày nay chúng ta tu phước, tu thiện, bỏ ác làm lành, với tâm gì? Có phải mang âm hưởng như Lương Võ Đế? Nếu tâm thái như Lương Võ Đế, đó là phước đức, không có công đức. Nếu ta hỏi Tổ sư Đạt Ma, nhất định ngài sẽ trả lời hoàn toàn không có công đức. Công đức tương ứng với định, tương ứng với tuệ, nó có định có tuệ. Phước đức không tương ứng với định tuệ, phước báo nhân thiên.

Bởi thế quý vị xem những bậc đế vương, tướng soái các thời kì, trưởng giả giàu có, đều là đại phước báo tu tập trong đời quá khứ. Rất nhiều người cho rằng, mình tu là đại công đức, cuối cùng biến thành đại phước báo trong cõi trời người. Công đức có thể giúp ta thoát khỏi sinh tử tam giới, phước đức không thể, phước đức chỉ được hưởng thụ danh lợi.

Mấy ai hưởng phước không tạo nghiệp? Nếu quan sát từ phương diện này, ta sẽ cảm thấy lo sợ, khi hưởng hết phước, nghiệp báo kéo đến, lập tức bị đoạ lạc. Nếu một khi đoạ lạc đến địa ngục, rắc rối sẽ rất lớn, đấy là nơi dễ vào nhưng thoát ra rất khó khăn! Khi nào mới ra được? Tội nghiệp hết hoàn toàn, mới ra khỏi được. Giống như khi phạm tội, kết án, bị giam vào tù, mãn hạn, án mười năm, hết mười năm, mới ra khỏi được.

Địa ngục giống như nhà tù, nhưng phải hiểu, địa ngục là do biến hoá, không phải ai xây dựng, không ai thiết kế, cũng không phải vua Diêm La. Không liên can đến vua Diêm La, càng không liên can đến Thượng Đế, không liên can đến Phật Bồ Tát, do nghiệp lực chúng ta biến hiện ra. Khi nghiệp ác hết, mới thoát ra được, đến lúc đó mới tính xong nợ.

Tội nghiệp tạo ra từ vô thỉ kiếp đến nay, tất cả đều tiêu trong đó, tiêu hết mới ra khỏi, nhưng ra rồi như thế nào? Ra nhưng vẫn mang tập khí không tốt, nếu không gặp thiện hữu tri thức thực sự giáo hoá, rất dễ phạm lỗi, lỗi đó là gì? Là tham sân si mạn, sát đạo dâm vọng, ta sẽ phạm những lỗi đó. Khi đã phạm những lỗi đó, khi mất lại đoạ vào địa ngục. Mọi người đọc Kinh Địa Tạng thì biết, mỗi chữ mỗi câu trong kinh đều là thật, không phải viển vông.

Năm trời bất hoàn, ở thế giới này là thế giới Cực lạc, thế giới Cực lạc của thế giới Ta bà, không còn đoạ lại Dục giới. Nói cách khác, họ chỉ được lên cao, không còn đoạ lạc xuống dưới. Bởi thế, nơi cư trú của Thánh nhân gọi là Tịnh cư.

*Nay Bồ Tát Từ Thị đã thấy chư thiên rải hoa, lại chứng lời kinh”*. Trước đây đã chứng, chứng minh thêm lần nữa. *“Tất cả chư thiên đều mang trăm nghìn hoa hương, vạn thứ kĩ nhạc cúng dường Phật đó”.* Phật đó là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà ở thế giới Cực lạc.

Quý vị xem trăm nghìn hoa hương, đẹp không kể xiết. Trăm thứ, nghìn thứ, rất nhiều chủng loại, thứ nào cũng có. Vạn thứ kĩ nhạc, đây là gì? Biểu diễn ca múa. Trong những bức hoạ trên tường đời Tuỳ Đường, ngày nay trong động đá Đôn Hoàng cũng có. Phật giảng kinh, thiên nhân ca múa, khen ngợi trong không trung. Cúng Phật, cúng dường đạo tràng, cúng Pháp, cúng Tăng, nghĩa là cúng dường Tam bảo.

*“Y báo trang nghiêm được thấy, lại chứng minh nguyện thứ ba mươi chín, vạn vật trong nước, nghiêm tịnh đẹp đẽ, hình dáng thù đặc, vi diệu cùng cực, không thể nói hết”*. Đây là nguyện thứ ba mươi chín trong bốn mươi tám nguyện, đại nguyện Di Đà đã thành tựu, bởi vậy có thể nhìn thấy ở thế giới Cực lạc. Ở đây là thấy được y báo trang nghiêm.

“*Tiếp đó nghe được Di Đà thuyết pháp*”, chúng ta đặc biệt chú ý điểm này. Phật dùng phương pháp nào khiến thế giới Cực Lạc viên mãn như thế, trang nghiêm như thế, thanh tịnh như thế? Không tìm thấy một người nào có ác niệm ở thế giới Cực Lạc, ác niệm gì? Khởi tâm động niệm, không tìm thấy một ai khởi tâm động niệm, mọi người đều không khởi tâm không động niệm. Không khởi tâm không động niệm là địa vị nào? Kinh Hoa Nghiêm nói Sơ trú Viên giáo. Ngay hạ hạ phẩm vãng sinh Phàm thánh đồng cư độ, cũng không khởi tâm không động niệm. Chúng ta phải hiểu vấn đề này, đây là sự gia trì oai thần bản nguyện của Phật A Di Đà, để họ đạt được, không phải công phu của chính họ.

Công đức bốn mươi tám nguyện và năm kiếp tu hành của Phật A Di Đà gia trì họ, bởi thế họ cũng trở thành Bồ Tát bất thoái chuyển. Sơ trú trở lên là tự chứng, những người này không phải bản thân họ tự chứng, là Phật, Phật A Di Đà gia trì họ. Tuy phàm phu, nhưng thần thông, đạo lực, trí tuệ của họ, hầu như bình đẳng với Bồ Tát bất thoái chuyển, nhưng chưa đoạn hết tập khí phiền não.

Vì thế mà thế giới Cực lạc đáng được mọi người khen ngợi, chính ở điểm này, nó thù thắng không phải tại Thật báo độ. Thật báo độ không khác gì Thật báo độ của tất cả chư Phật, thù thắng ở chỗ Đồng cư độ và Phương tiện hữu dư độ. Nói cách khác, là thập pháp giới, rất thù thắng, rất kì diệu! Bởi thế chư Phật Như lai khen ngợi là: “Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Cho thấy từ bi vô tận của Phật A Di Đà, mở ra cửa phương tiện cho tất cả chúng sinh khổ nạn trong lục đạo, khiến người chưa đoạn phiền não vẫn có thể thành tựu, đấy là điều tuyệt vời!

Những pháp môn khác, tám vạn bốn nghìn pháp môn, vô lượng pháp môn, đều cần đoạn phiền não, không đoạn ta không thể nâng lên được. Không đoạn năm loại kiến hoặc, không thể chứng được Bồ Tát sơ tín vị, năm loại phiền não này, đầu tiên là thân kiến. A La Hán là người đã buông bỏ thân kiến, không cho thân này là của ta. Bốn tướng đã nói lần trước trong Kinh Kim Cang: vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng, ai chứng được? Sơ quả Tu đà hoàn chứng được, công phu đoạn chứng đó của Sơ quả Tu đà hoàn, hoàn toàn giống với Bồ Tát Sơ tín vị, là Sơ tín trong Thập tín.

Nếu phá được thân kiến, phá được biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến đều được đoạn hết, là Bồ Tát Sơ tín vị Đại thừa, Sơ quả Tiểu thừa. Vì thế tu hành chứng quả không phải gì khác, buông bỏ! Không liên can gì đến chuyện quý vị biết chữ hay không, cũng không liên can đến chuyện có trình độ thế nào, thế nào mới liên can? Buông bỏ.

Đại sư Huệ Năng, trong phòng phương trượng của Ngũ tổ, buông bỏ ngay vọng tưởng phân biệt chấp trước, ngài thành Phật ngay, buông bỏ lập tức là gì? Là địa vị Sơ trú Viên giáo trở lên, Thiền tông gọi là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Phật ở đây là phân chứng tức Phật, không phải tương tự tức Phật. Tương tự tức Phật chưa ra khỏi thập pháp giới, phân chứng tức Phật đã ra khỏi thập pháp giới, sinh vào Thật báo trang nghiêm độ.

Bởi thế chư vị đồng học phải nhớ kĩ, phẩm vị cao thấp khi đến thế giới Cực lạc phương Tây, xem ta buông bỏ bao nhiêu. Càng buông bỏ nhiều, phẩm vị của càng cao.

Đại sư Ngẫu Ích nói rất hay, đến thế giới Cực lạc được chăng, chắc chắn phải phụ thuộc có tín, nguyện hay chăng. Tín nguyện đó, đích xác là không hoài nghi, không phân biệt, không chấp trước, chân thành cung kính, đây là điều kiện cần có để vãng sinh.

Phẩm vị cao thấp, đại sư Ngẫu Ích đã nói, là do độ nông sâu của công phu niệm Phật, công phu nông sâu nói lên điều gì? Đồng nghĩa với việc ta buông bỏ bao nhiêu. Nếu thực sự có thể giống Sơ quả, giống Bồ Tát Sơ tín vị, sinh đến thế giới Cực lạc không phải sinh vào Đồng cư độ, sinh Phương tiện độ, họ không sinh Đồng cư độ. Trong Đồng cư độ là phàm phu, Phương tiện độ là tiểu Thánh.

Cũng có thể nói, về mặt Tiểu thừa, Sơ quả đến Tứ quả, gồm cả Phật Bích Chi, họ vãng sinh là Phương tiện hữu dư độ. Nếu chúng ta có thể buông bỏ được phiền não kiến tư, buông bỏ kiến hoặc là được, có thể sinh Phương tiện hữu dư độ, có nghĩa là Bồ Tát Sơ tín vị. Sơ tín đến Thập tín đều sinh đến Phương tiện hữu dư độ, chưa đạt công phu, toàn là phàm phu, còn chấp thân thể này là của ta. Cũng được, có thể vãng sinh, sinh Phàm thánh đồng cư độ.

Những vấn đề này, nhất định phải hiểu rõ, phải minh bạch, chúng ta mới cầm nắm được vận mệnh của mình. Trong đời này phải thực hiện cho được việc này, phải làm cho thành công. Thế giới Cực lạc tốt đẹp, đẹp ở điểm nào? Chính là Phật A Di Đà thuyết pháp, khiến những người như chúng ta ở đây, quay đầu nhìn lại Phật Bổn Sư Thích Ca.

Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế, ba mươi tuổi thị hiện khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, giác ngộ rồi liền giảng kinh dạy học. Đầu tiên đến vườn Lộc Dã độ năm Tỳ kheo, viên tịch ở tuổi bảy mươi chín, ngày nào cũng thuyết pháp, giảng kinh, chưa bao giờ ngưng nghỉ. Trong kinh chúng ta chưa thấy, ngày nào Phật Thích Ca Mâu Ni nghỉ phép, không thấy.

Ngày nay thấy thế giới Cực Lạc phương tây, Phật A Di Đà giảng kinh liên tục: *“pháp âm chảy mãi, độ khắp mười phương”.* Giống ngày nay chúng ta dùng internet, dùng vệ tinh, không cần chúng ta phải ở giảng đường, người không ở trong đạo tràng vẫn có thể nghe. Phật A Di Đà dùng thần thông, đạo lực của mình, tiếng nói pháp của ngài bay khắp pháp giới.

Chỉ vì chúng ta ngày nay, chiếc máy ghi âm tai có vấn đề, có ngăn che, có chướng ngại, không nghe được âm thanh thanh thuyết pháp của Phật A Di Đà. Đến lúc nào chúng ta mới nghe được? Theo cách nói trong kinh điển, Sơ quả là có tư cách nghe thấy. Sơ quả đã khôi phục được hai loại trong sáu thần thông: thiên nhãn, thiên nhĩ. Trong Đại thừa chính là Bồ Tát Sơ tín vị, Bồ Tát Sơ tín vị có thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông. Nếu họ nhất tâm muốn nghe Phật A Di Đà thuyết pháp, nhất tâm muốn thấy thế giới Cực lạc phương Tây, tôi nghĩ họ có thể thấy được, tại sao? Cảm ứng đạo giao với Phật A Di Đà, Di Đà từ bi.

Đại Thế Chí Viên Thông Chương nói rất hay: Nhớ Phật niệm Phật, đời này tương lai nhất định thấy Phật. Nếu chúng ta có điều kiện của một Bồ Tát Sơ tín vị, có thể ngay đây sẽ thấy Phật A Di Đà, không cần phải đến thế giới Cực Lạc. Ở đây vẫn có thể thấy, ngay đây vẫn có thể nghe được Di Đà thuyết pháp, phổ độ thập phương.

*“Ở đây dùng kinh văn để chứng minh”,* phần trước chúng ta đã học: “*Tiếng Phạm âm của Phật như sấm động, tám âm nói tiếng hay”*. Phật thuyết pháp, Phạm là thanh tịnh, như tiếng sấm. Tám âm, tượng trưng sự vi diệu của âm thanh Phật, hơn loài trời người, Tiểu thừa và Bồ Tát Quyền giáo, không thể sánh bằng ngài.

“*Và Bồ Đề thọ vương*”, Bồ Đề vương ở đâu? Là đạo tràng thọ của Phật A Di Đà ở thế giới Cực lạc. Vì những cây Bồ đề được trồng xung quanh đạo tràng, cao lớn, nên gọi là Thọ vương. *“Nói ra vô lượng âm thanh diệu pháp, tiếng đó bay ra, khắp cõi nước Phật”.* Tất cả cõi nước chư Phật đều nghe được, đấy chính là gì? Giống như tiếng thuyết pháp của chim chóc, do Phật A Di Đà biến hoá ra, nguồn gốc của nó là Phật A Di Đà.

Phật A Di Đà, bởi thân phận Phật quá tôn quí, mọi người thấy sự cân đối nơi Phật, đầy đủ uy nghi. Nếu cây thuyết pháp thì cảm thấy thoải mái, buông thư. Bởi vậy Phật rất tâm lí, nếu không quen bị gò bó trong lễ nghi, bạn có thể nghe chim thuyết pháp mà vẫn thoải mái, không cần đến những nghi thức quá nghiêm khắc. Cây thuyết pháp vẫn thấy thoải mái, không cần đến những thứ quá nghiêm khắc.

Vì Phật A Di Đà quá hiểu lòng người, hằng thuận chúng sinh, tuỳ hỉ công đức. Ngài đã thực hiện, và không yêu cầu quá hà khắc với chúng ta, phải tuân thủ qui cách, không cần, không phải như thế. Chúng ta tự nhiên tuân thủ qui cách, đó biểu thị sự cũng kính với Phật. Nếu thời gian còn nhiều, nếu muốn thư giản một tí, ta có thể đến bên ngoài giảng đường nghe chim chóc nói pháp, nghe cây Bồ đề nói pháp, rất thoải mái.

Phần sau có đoạn: “*Những gì thụ vương nói, chính là phạm âm của Pháp vương Di Đà vậy”*. Đều là biến hoác của Phật A Di Đà.

Thứ ba: *“Thấy Thánh chúng nước đó, du hành thập phương, cúng dường chư Phật. Là thành tựu chứng thứ mười một: Nguyện cúng khắp chư Phật”*. Đến thế giới Cực lạc tự nhiên sẽ thấy, đại chúng thế giới Cực lạc, học sinh của Phật A Di Đà, trình độ học sinh không giống nhau. Có chúng trời người, có chúng Nhị thừa, Thanh Văn và Phật Bích Chi, Phương tiện độ. Có chúng Bồ Tát, những Bồ Tát này đều là Đại sĩ Pháp thân. Sơ trú đến Đẳng giác trong Kinh Hoa Nghiêm, bốn mươi mốt vị Đại sĩ Pháp thân, đều được gọi là Thánh chúng.

Họ du hành thập phương, khả năng đó là ngang nhau. Bốn mươi mốt vị Bồ Tát Pháp thân du hành thập phương là không vấn đề gì. Nhị thừa trong Phương tiện độ, nhân thiên trong Đồng cư độ, cũng du hành thập phương như Bồ Tát Pháp thân, cúng dường chư Phật. Bởi vì trong kinh không nói, ngoại trừ nhân thiên và Nhị thừa, không có cách nói như thế. Không nói như thế, nghĩa là thế giới Cực lạc là bình đẳng.

Đây chính là pháp khó tin, ở đây có nghĩa, nhờ oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Bổn nguyện ở đây là nguyện thứ mười một: *“Nguyện cúng khắp chư Phật”.* Sinh đến thế giới Cực lạc ta sẽ có khả năng, cúng khắp tất cả chư Phật mười phương ba đời cõi hư không pháp giới, đấy là điều tuyệt vời!

Quí vị nên biết, cúng Phật là tu phước, phước báo rất lớn nếu được cúng dường Phật! Mỗi ngày đều được cúng dường tất cả Phật, không sót vị nào, phước báo tu tập của sẽ viên mãn. Cúng Phật nhất định nghe Phật thuyết pháp, tất cả chư Phật đều thuyết pháp cho ta, mỗi ngày bạn nghe được bao nhiêu Phật pháp! Người học một ngày ở thế giới Cực lạc, ở chỗ chúng ta học suốt một kiếp cũng chưa bằng họ. Họ có thể phân thân, chúng ta không làm được, không thể phân thân, không thể học một lần thật nhiều, họ có thể học rất nhiều một lần. Chia rất nhiều thân, mà lại một môn thâm nhập, huân tu thời gian dài. Mỗi thân một môn, mỗi thân một môn, việc này đúng là quá tuyệt vời!

Chúng ta chỉ có một thân, không thể phân thân, chỉ học một môn, không thể học môn thứ hai. Đến thế giới Cực lạc môn nào cũng học được, mà lại môn nào cũng thâm nhập một môn, huân tu thời gian dài, làm sao không thành tựu! Những ưu điểm của thế giới Cực lạc phải hiểu rõ, phải nghĩ đến, đấy là điểm khiến mọi người hâm mộ.

Thứ tư: *“Lại thấy Thánh chúng niệm Phật liên tục”,* niệm Phật là tu hành, phần trước quí vị đã thấy cúng dường là tu phước, tu tuệ. Cúng Phật nghe Phật giảng kinh, tu cả phước và tuệ. Niệm Phật liên tục, niệm Phật liên miên, niệm Phật được công phu gì? Nói để quí vị hiểu, tám vạn bốn nghìn pháp môn, pháp môn vô lượng, không lìa câu niệm Phật này. Trong tiếng niệm Phật, có vô lượng vô biên pháp môn. Chỉ niệm một câu Phật hiệu, đã tu được vô lượng vô biên pháp môn, bạn có biết chăng? Không cần tìm cái này, tìm thứ khác, tìm thế nào cũng phải tìm đến niệm Phật. Chỉ tìm một thứ thôi, cái này là tổng, đầu mối.

Câu Phật hiệu này, chúng ta cũng có căn cứ, không phải nói lung tung. Những đại đức đời Tuỳ Đường đã cho chúng ta biết, chuyện này có trong kinh này, trong lời tựa của cư sĩ Mai Quang Hy, nói rất rõ.

Tuỳ Đường là thời hoàng kim của Phật giáo, mười tông phái đều được xây dựng từ thời đó, những đại đức tổ sư, đã từng cùng nhau thảo luận. Thế Tôn, tất cả những kinh điển được nói trong bốn mươi chín năm, bộ kinh nào, có thể đại diện đầy đủ nhất cho Phật pháp? Hình như tất cả những đại đức tổ sư đều chọn Kinh Hoa Nghiêm, bởi thế Hoa Nghiêm được coi là pháp luân cơ bản. Nói theo cách nói ngày nay, khái luận Phật học, nội dung của nó bao trùm tất cả. Đại thừa, Tiểu thừa, tông môn giáo môn, Hiển giáo Mật giáo, Hoa Nghiêm có đủ.

Bởi thế Kinh Hoa Nghiêm được công nhận là nơi hội tụ tất cả pháp, học Hoa Nghiêm là học tất cả pháp. Tất cả các tông các phái đều là cành nhánh của Kinh Hoa Nghiêm, không thể tách rời gốc rễ, Hoa Nghiêm được coi là gốc rễ. Thành Phật cuối cùng của Hoa Nghiêm được thành thế nào? Chúng ta đọc kĩ Hoa Nghiêm, cuối cùng đồng tử Thiện Tài năm mươi ba lần tham vấn, đã cho chúng ta thấy. Lần cuối cùng, vị thiện tri thức thứ năm mươi ba, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Phổ Hiền thập đại nguyện vương đạo về Cực lạc, đến thế giới Cực lạc.

Đến đây mọi người mới thấy được, thì ra cuối cùng chốn về là quay về thế giới Cực lạc. Thiện Tài đồng tử cùng đến thế giới Cực lạc với Bồ Tát Phổ Hiền, tu hành bằng phương pháp nào? Niệm rốt ráo một câu Phật hiệu, dấu hiệu nào cho thấy điều đó? Lần thứ nhất trong năm mươi ba lần tham vấn, vị thiện hữu đầu tiên trong Bát Thập Hoa Nghiêm, Tỳ kheo Đức Vân. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm là Tỳ kheo Cát Tường Vân, là một người, họ tu pháp môn gì? Bàn châu tam muội, chuyên niệm Phật A Di Đà, Bàn châu còn được gọi *“Phật lập tam muội”.* Một kì chín mươi ngày, chín mươi ngày không ngủ, không ngồi, chỉ đứng trong chín mươi ngày, chỉ có thể đi lại. Nghĩa là niệm môt câu A Di Đà Phật, chuyên niệm A Di Đà Phật.

Ngày nay chúng ta có thể thấy, một câu A Di Đà Phật, tất cả pháp môn đều ở trong đó, là tổng kết Kinh Hoa Nghiêm, A Di Đà Phật. Kinh Hoa Nghiêm là nơi tụ hội các pháp môn, tụ hội đến cuối cùng là một câu A Di Đà Phật, công đức Phật hiệu bất khả tư nghị! Không ai biết được điều này.

Pháp sư Quán Đỉnh, sống thời Càn Long đời nhà Thanh biết được. Ngài nói, con gặp nạn lớn, tội nghiệp rất nặng, tội ngũ nghịch, thập ác, quả báo đang hiện ra. Tất cả kinh sám nhà Phật không thể cứu được, không cách nào giúp được. Ngài nói cuối cùng có một cách, có thể cứu con, biện pháp gì? Chân thành niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ, tội nặng cỡ nào cũng có thể hoá giải.

Chúng ta tin, niệm với tâm thái nào? Vạn phần thành kính, câu Phật hiệu này thành tựu vạn phần, thành tựu của ta không thua Huệ Năng, công đức danh hiệu bất khả tư nghị!

Ngày nay xã hội động loạn, tai nạn trên quả đất ngày càng nhiều, dùng cách nào để cứu? Một câu A Di Đà Phật có thể cứu được. Vùng nào càng nhiều người niệm Phật, nơi đó càng an toàn, có thể hoá giải tai nạn. Không thể hoá giải tất cả nhưng nó sẽ giảm nhẹ rất nhiều, đấy là điều chắc chắn. Chúng phải biết, nên buông bỏ vạn duyên, nhất tâm chánh niệm.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta học đến đây.